

## MỤC LỤC

TÔI .....	2
CÁI CHẾT CỦA CON VOI CHỘT .....	10
CÁI GIÁ CỦA NIỀM TIN .....	17
CÁI XOAN .....	25
CẦU VỒNG.....	31
CHIẾN TRANH.....	38
CÔ ĐƠN .....	46
CUỘC TRỞ VỀ CỦA ĐỨA CON LẦM LỖI.....	55
ĐÙA.....	61
GÁNH XIẾC ÔNG LÙN .....	67
KỶ SỰ VỀ MỘT NGỌN ĐÈN ĐÁ TẮT.....	77
LÃO HẠ.....	89
MỘT NGƯỜI VỨT ĐI .....	96
MỘT CHUYỆN GẦN GIỐNG NHƯ ĐỐT .....	102
MỘT VẤN ĐỀ NGUYÊN TẮC .....	111
NẾU CÒN SỐNG CHỊ Ở ĐÂU ? .....	119
PHẬN ĐÀN BÀ .....	127
ÔNG LÃO HÁT XẨM.....	134
NHỮNG CÔ GÁI ÁO TRẮNG .....	142
CÂU CHUYỆN ĐÊM NÔ EN .....	157
CHIẾC.....	169
ĐÊM, Ở MỘT GA YÊN .....	175
ĐÊM THÁNG .....	183
MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CON CHÓ .....	193
SÔNG TIỀN SÔNG GIANG PHẪNG .....	200
TÂM.....	214
PHẦN KẾT CỦA CÂU CHUYỆN .....	221
LỚP TRẺ BÂY GIỜ.....	233
NGƯỜI MỸ MẶC THƯỜNG .....	247

## TÔI

## 1

Ngày xưa có ông vua tên là Đế Thích, lên ngôi chưa được bao lâu thì bỗng có giặc ngoại xâm kéo đến. Thế yếu, vua phải đem cả hoàng tộc xuống biển, và từ đó lên thuyền chạy vào phía Nam. Thuyền đi suốt ba ngày ba đêm không nghỉ, đến vùng biển xứ Nghệ thì gặp bão, thuyền chìm, chỉ ba người may mắn được sóng đánh dạt vào một hòn đảo nhỏ là thoát chết. Đó là hoàng hậu và hai công chúa còn nhỏ.

Hòn đảo ấy không xa đất liền, nhưng vì nhỏ và toàn đá nên không có người ở, trừ một nhà sư trẻ đem ngày tụng kinh niệm Phật mong đắc đạo. Nhờ được nhà sư giúp đỡ, chăm sóc, ba người phụ nữ ngày một bình phục. Trong khi đó, không hiểu sao nhà sư bỗng trở nên bồn thần và hay suy nghĩ vẩn vơ. Vốn sống tách biệt lâu ngày, lần đầu tiên được gặp những người phụ nữ đẹp, lại bất lực và ở một nơi hẻo lánh như thế này, nên dần dần dù không muốn, trong đầu nhà sư cũng nảy ra những ý nghĩ mờ ám. Và rồi một hôm, khi hai công chúa đã ngủ, ông ta lẻn đến với hoàng hậu, định giở trò chim chuột. Dù rất biết ơn và kính trọng nhà sư, hoàng hậu một mực từ chối. Cuối cùng, khi thấy nhà sư rút dao dọa giết, bà toan đập đầu vào đá tự tử để giữ tròn trinh tiết. Thấy thế, nhà sư hoảng sợ, và khi cơn bột phát tình cảm lắng xuống, ông ta rất hối xấu hổ và hối hận.

- Ôi, nhục nhã thay! Ta đã phạm ba tội lớn cùng một lúc. - Nhà sư ngửa mặt lên trời kêu to đau khổ. - Là sư, ta không lo tu thân đắc đạo, mà để quỷ dữ xác thịt cám dỗ, đó là tội thứ nhất. Tội thứ hai là cưỡng ép một người đàn bà bị nạn đang được mình che chở. Và cuối cùng là có ý định giết người!... - Rồi sẵn con dao, ông tự đâm vào cổ chết.

Về phần mình, hoàng hậu cũng hối hận không kém. Bà cho rằng đáng lẽ phải trả ơn, chính bà đã giết chết ân nhân mình. Bà ôm xác nhà sư than khóc hồi lâu và cũng cầm dao tự tử theo. Sáng hôm sau, hai công chúa tỉnh dậy đoán hiểu hết mọi chuyện. Vô cùng đau xót, họ nắm tay nhau nhảy xuống biển.

Về sau, để nêu gương tuần tiết của hoàng hậu, người ta lập một ngôi đền ở làng Kinh, nay thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, trên một mỏm núi đá nhìn thẳng ra hòn đảo nhỏ nơi xảy ra tấn bi kịch. Trong đền có cả tượng nhà sư, chắc ngụ ý răn đe những người không biết kiềm chế tình cảm...

## 2

Đó là câu chuyện về sự tích đền Kinh mà ngày bé bà ngoại tôi vẫn kể cho tôi nghe. Sau này lớn lên, đọc trong "Truyện cổ dân gian Việt Nam" của Nguyễn Đồng Chi, tôi cũng thấy đúng như thế, khác chẳng chỉ ở câu chữ và cách diễn đạt. Rất có thể chính bà tôi đã kể cho nhà văn nghe khi ông đến đây thu thập tài liệu.

Bà tôi làm nghề buôn bán, nổi tiếng là người rất có bản lĩnh và táo tợn. Nghe nói có thời bà tôi đã từng là bà chủ toàn quyền của hai thuyền lớn chuyên chở cá và nước mắm của làng Kinh vào tận Hà Tĩnh bán, khi ra chở đầy cau khô và mít, bưởi... Ông ngoại tôi chết sớm, việc buôn bán lại luôn thua lỗ, làm cho tính tình bà tôi cũng thay đổi theo, dần dần trở thành người ngịch ngễ, và đặc biệt là rất mê tín.

Ngoài mẹ tôi, bà tôi còn có một người con nữa là cậu tôi. Đó là một người thật cao lớn, đẹp trai, tốt bụng và vui tính, nhưng rất

tiếc nghị lực lại yếu đuối, và là "thứ bỏ đi" như bà tôi vẫn nói. Quen được nông chiều từ nhỏ, lớn lên quả đúng cậu tôi là người như thế thật - dễ thích, dễ chán, chẳng bao giờ đủ kiên nhẫn làm xong việc gì, thêm vào đó lại sớm nhiễm thói rượu chè, cờ bạc. Chưa đầy bốn mươi tuổi, cậu tôi đã kịp thay đổi bốn đời vợ. Một hôm, sau khi đánh bạc đâu đó về khuya, chờ mãi không thấy đồ, đang say rượu, thế mà cậu tôi dám liều lĩnh bơi qua sông Hoàng Mai giữa mùa nước lớn. Và tất nhiên đã chết đuối. Hai ngày sau xác mới nổi lên, bị sóng đánh dạt ngay lên bậc đá sát chân đền Kinh.

Tuy bốn đời vợ, nhưng cậu tôi chết đi chẳng để lại cho bà một đứa cháu nào. Thế là vô tình tôi trở thành người được bà tôi yêu mến và quan tâm nhiều nhất. Tôi chẳng hiểu vì sao bà lại chọn tôi, trong khi tôi còn cả một đàn em cả trai lẫn gái, không ít đứa thông minh và khỏe mạnh hơn tôi nhiều. Có lẽ đó là một trong những biểu hiện không lý giải nổi của người già. Có điều, tôi chẳng lấy thế làm thích. Tôi phải miễn cưỡng tiếp nhận sự chiều chuộng của bà tôi - đó là những chiếc vòng bạc đủ cỡ mà tôi phải mang vào cổ, vào tay, dù tôi là con trai; những bộ quần áo kỳ cục bà tôi may, đều đặn gửi cho một năm hai lần, và đương nhiên tôi phải mặc để sau đó tha hồ cho bạn bè chế giễu.

Nhà tôi ở Diễn Châu, cách làng Kinh phải đến năm mươi cây số, thế mà hè nào tôi cũng phải ra ở với bà tôi ít nhất một tuần hoặc nửa tháng. Còn vào ngày rằm tháng giêng hàng năm thì bất luận thế nào tôi cũng phải ở bên bà. Vào ngày ấy, bà tôi đánh thức tôi dậy rất sớm, tắm rửa sạch sẽ rồi mặc cho tôi bộ quần áo đẹp nhất. Xong, hai bà cháu cùng đi ra đền Kinh. Bà tôi dẫn tôi đi khắp một lượt trong đền, vừa đi vừa kể lại câu chuyện nhà sư và hoàng hậu, tất nhiên không quên kèm theo những lời răn đe rùng rợn.

- Cháu có sợ chết không, - bà tôi hỏi khi đứng trước tượng ông sư.

- Có ạ, - tôi rụt rè đáp.

- Thế thì hãy nhớ lấy gương ông này!

Rồi bà tôi kể một thôi thật dài về những điều khủng khiếp mà con người đáng thương kia phải gánh chịu khi bị đẩy xuống địa ngục. Chẳng hiểu vì sao tôi còn nhỏ mà bà đã phải luôn răn đe những chuyện như thế. Cứ theo bà tôi thì tất cả mọi tội lỗi và tai họa trên đời này đều từ cái thú xác thịt mà ra. Bà tôi ghê tởm và tìm cách xa lánh nó như xa lánh quỷ dữ. Tất nhiên bà cũng bắt đứa cháu yêu của mình phải có thái độ tương tự. Mãi sau này tôi mới hiểu rằng bà tôi phải nghĩ ra tất cả những điều ấy để giữ mình trong suốt cuộc đời góa chồng kéo dài của bà.

Tiếp đến là phần phóng chim lấy phước. Bà tôi thắp hương, quì trước tượng hoàng hậu, hồi lâu râm cầu khẩn điều gì đó. Còn tôi thì lặng lẽ quì bên cạnh. Xong, bà tôi ra giữa sân đền, và bằng cả hai tay, trao cho tôi chiếc lồng có nhốt những con chim bồ câu - bao giờ cũng màu trắng, vì sao thì tôi không biết - mà bà đã mua ngoài chợ ngày hôm trước. Tự tay tôi phải mở lồng, bắt ra từng con một rồi tung lên trời: bao nhiêu con phụ thuộc vào số tuổi của tôi năm ấy.

Trong khi tôi thông thả thực hiện cái lễ nghi mang tính chất tôn giáo và đầy huyền bí đó, trông mặt bà tôi long trọng, nghiêm khắc và căng thẳng. Bà tôi hồi lâu nhìn theo từng con chim được thả bay lên cao cho đến lúc mất hút trong không trung, thầm hy vọng những con chim đáng lẽ phải bị giết thịt kia nhất định sẽ có ngày mang lại điều tốt lành cho ân nhân mình.

Lần thả chim sớm nhất tôi còn nhớ được có lẽ khi tôi lên ba hoặc bốn tuổi và đang còn được bế trên tay mẹ. Tiếp đến, việc này đều đặn lặp đi lặp lại hàng năm, với cùng một ngày, cùng một địa điểm và cùng những thủ tục hầu như không thay đổi. Khác chẳng, chỉ là số lượng chim thả, nghĩa là mỗi năm thêm một con cho phù hợp với tuổi.

Bà tôi là người tuy tốt, nhưng rất nghiêm ngặt, không những tôi mà mẹ tôi cũng sợ. Vì vậy dù bận bịu công việc đồng ruộng, dù xa xôi và nhiều khi chỉ đơn giản là không muốn, mẹ tôi vẫn phải

đem tôi về quê ngoại. Những năm máy bay Mỹ bắn phá ác liệt, tàu không chạy được, chúng tôi phải xin ô tô tải đi nhờ, hoặc không ít lúc phải cuốc bộ cả năm mươi cây số, nhảy từng bước một trên những thanh tà vẹt bị mặt trời đốt nóng hừng hực. Người nhỏ, chân ngắn, tôi thường chạy tập tễnh sau mẹ tôi. Một quá, chốc chốc tôi lại ngồi phệt xuống đường ray, khóc. Những lúc ấy, hoặc mẹ tôi phải ngồi xuống nghỉ, gỡ cơm nắm ra cho tôi ăn, hoặc công tôi đi tiếp, vừa đi vừa dài dòng giải thích cho tôi hiểu rằng chúng tôi phải vất vả như thế không phải không có lý do, rằng tương lai và hạnh phúc của tôi phụ thuộc vào bà tôi, vào đền Kinh và những con chim được phóng thích, vân vân.

Ngày nhỏ nhiều lần tôi nghe bà nói với mẹ tôi về tôi, như thể sau này tôi sẽ "cháu con đông đúc" và "công thành danh toại", "làm rạng rỡ cho cả dòng họ"... Cũng vì thế mà bà tôi đã không tiếc công sức, tiếc của chăm lo cho tôi sớm đạt được điều ấy. Là người cực đoan, bà tôi rất tin vào suy nghĩ của mình. Còn mẹ tôi thì rõ ràng có ý nghi ngờ. Mà nghi ngờ cũng có lý, vì nói chung tôi là đứa trẻ ốm yếu, lì xì, học không dốt nhưng lười, và trên đời này chỉ thích có mỗi việc là đọc sách.

### 3

Để đến mười năm nay, bây giờ tôi mới có dịp trở lại quê ngoại Quỳnh Lưu. Bà tôi chết cuối năm 1968, trong một trận pháo Mỹ bắn từ biển vào. Bà con thân thích chẳng còn ai, trừ một ông già năm nay đã gần tám mươi tuổi mà mẹ tôi nói tôi phải gọi là cậu.

Dĩ nhiên, một trong những việc tôi quan tâm đầu tiên là đền Kinh.

- Người ta phá đi rồi, - ông cậu tôi đáp cộc lốc.
- Nhưng vì sao ạ? - tôi vội hỏi, ngạc nhiên và lo lắng.
- Ôi dào, ai mà biết được các ông ấy! Máy ông lên xã họp hành cái phát động gì đó vài buổi, thế là về bắt dân dỡ phá ngôi

đền, nói là để xây nhà văn hoá. Mà rồi đã ba năm nay có thấy cái nhà ấy đâu.

- Thế dân không phản đối à?

Ông cậu tôi thở dài:

- Dân thì biết gì mà phản với chẳng đối. Vả lại, họ bảo phá đền đi để chống cái phong kiến, cái lạc hậu thì còn nói vào đâu được nữa!

- Cả mấy cây si cũng bị chặt à? - tôi hỏi.

- Thì anh cứ ra mà xem, khắc biết.

Ở Diên Châu, cách làng tôi chừng hai cây số về phía Nam có đền thờ An Dương Vương. Ngày bé chúng tôi thường thả trâu dưới chân núi Mộ Dạ rồi leo lên chơi trốn tìm trong đền. Về sự tích ngôi đền này, không cần nghe ai chúng tôi cũng biết rõ, vì trong các sách giáo khoa phổ thông đều nhắc tới. Nhiều lần chúng tôi đã chụm đầu cùng nhìn xuống đáy chiếc giếng giữa sân đền để cố tìm giọt máu của Mị Châu mà tương truyền còn có trong đấy; hoặc vòng ra phía sau đền để đoán tìm nơi An Dương Vương nhảy xuống biển tự tử, sau khi giết chết con gái. Biển bây giờ đã lùi xa hàng cây số xuống phía đông.

Trong suốt nhiều năm dài tuổi thơ, và cả bây giờ, tôi vẫn thầm tự hào rằng quê tôi có được một lúc cả hai ngôi đền nổi tiếng như thế, đến mức được viết thành sách và trong nước ai cũng biết đến. Thế mà nay, một trong hai ngôi đền ấy, ngôi đền làng Kinh, đã không còn nữa.

Tôi thơ thẩn bước đi giữa những vụn gạch vỡ và những túm cỏ dại mọc rải rác ở nơi xưa là sân đền, lòng băng khuâng mãi một nỗi buồn khó tả. Tôi lan man suy nghĩ về một thời xa xưa đầy huyền bí, về con người bất hạnh đã làm nên sự tích ngôi đền và những con người thực dụng thô thiển sau này đã xoá bỏ nó một cách không thương tiếc. Tất nhiên, tôi cũng nghĩ cả về cả bà tôi, một người mà trong ý nghĩ của tôi bao giờ cũng là cái gì đấy không thể tách rời khỏi tuổi thơ và mảnh đất tôi sinh trưởng.



Cũng như quê tôi, con người ấy bắt rễ sâu vào quá khứ, khắc khổ, vất vả nhưng hiền lành, và điều quan trọng nhất là suốt đời chỉ cầu mong điều tốt lành cho tôi. Với tôi, bà tôi luôn là một người ít nói và khó hiểu. Mãi gần đây, nhân có đợt phát động mua công trái, vô tình tôi mới được biết rằng thời kháng chiến chống Pháp, có lần bà tôi nổi tiếng là người mua công trái nhiều nhất huyện, nổi tiếng về cả việc chính bà tôi tự nguyện cho bộ đội cả hai con thuyền của bà để làm phương tiện vận tải.

Giá bây giờ sống lại, bà tôi sẽ nghĩ gì?

Lần cuối cùng tôi gặp bà khi tôi đã mười bảy tuổi, vừa tốt nghiệp phổ thông và sắp đi học xa. Lần ấy, dù không là rằm tháng giêng, bà tôi cũng dẫn tôi ra đền Kinh, và tôi lại thả mười bảy con chim lên trời, với đúng cái thủ tục bắt di bắt dịch của những năm trước đó. Kể ra, từ khi lên học cấp ba, do đã lớn và hay xấu hổ, bà tôi có chằm chước cho tôi ít nhiều về phần nghi lễ, thí dụ như tôi có thể không phải quì lạy, hoặc tránh không ra đền vào lúc đông người. Về phần mình, gặp lúc đói kém, bà tôi đã chịu thay những con chim bồ câu đất tiền bằng những con chim sẻ hoặc chim gáy rẻ tiền hơn, nhưng nói chung những trường hợp như thế rất hạn hữu.

Một lần, bà tôi giao việc ra chợ mua chim cho cậu tôi. Đang cần tiền uống rượu, cậu tôi đến một nhà trong xóm mượn tạm mấy con bồ câu mang về. Sáng hôm sau, từ đền Kinh chúng lại trở về với chủ cũ. Không hiểu thế nào chuyện lộ, bà tôi đã thẳng tay đuổi cậu tôi ra khỏi nhà, còn tôi thì suýt bị gọi ra Quỳnh Lưu để làm lại cái thủ tục buồn chán ấy một lần nữa.

Về cái mong ước "cháu con đông đúc", chắc hẳn bà tôi sẽ thất vọng một cách ghê gớm, vì cho mãi tới nay tôi vẫn chưa có vợ, dù đã ở cái tuổi mà ngày xưa bà tôi đã có cháu đầu lòng là tôi. Có thể bà tôi sẽ hối hận rằng bà đã quá răn đe tôi bằng tấm gương của ông sư kia chẳng? Còn về việc "công thành danh toại" hay thậm chí "làm rạng rỡ cả dòng họ" - có lẽ tôi cũng chẳng làm bà vui hơn bao nhiêu, tuy đã in được một vài cuốn sách, thỉnh



thoảng xuất hiện trên báo này, báo nọ. Nhiều khi, nghĩ về những hy sinh mà bà phải gánh chịu và những hy vọng bà đã đặt vào tôi, tôi cứ áy náy như người mắc nợ lâu chưa trả, hay thậm chí thiếu thành thật và không sòng phẳng.

#### 4

Sáng hôm rời làng Kinh, tôi ra chợ Mụ mua một đôi bồ câu - tiếc là không có màu trắng - nhét vào chiếc cặp da to mà tôi vẫn xách đi công tác thay va-li, rồi lặng lẽ đi về phía mỏm núi đá nơi trước đó từng có ngôi đền nổi tiếng.

Buổi sáng, trời thật đẹp. Biển lặng, gió nhẹ nhưng sóng vẫn vỗ mạnh vào những tảng đá lớn nằm ngay dưới chân tôi. Tôi đứng lặng một phút, thầm cầu mong cho vong linh bà tôi được yên nghỉ nơi chín suối. Như cậu bé rụt rè ngày nào, tôi mở cặp, nhẹ nhàng giữ hai con chim trong lòng tay, giơ lên cao và từ từ nới mở các ngón. Được tự do, đôi chim còn ngơ ngác mở to mắt nhìn quanh mấy giây mới đập cánh bay đi...

Một cái gì đấy tê tê, êm dịu bỗng chạy qua tim tôi. Tôi chợt hiểu: cùng đôi chim ấy, tuổi thơ vừa tuột khỏi tay tôi bay đi. Bay đi vĩnh viễn.

Trên không, đôi chim đã biến mất từ lúc nào. Và chỉ còn lại là những chiếc lông tơ nhẹ màu trắng chúng để lại đang nghiêng ngả lượn thành vòng trong gió.

*Quảng Bá, 11.5.1985.*

## CÁI CHẾT CỦA CON VOI CHỘT

### 1

Biết tôi viết văn, một anh bạn hiện là kỹ sư lâm nghiệp ở lâm trường X.V miền Tây Nghệ An, có viết cho tôi một bức thư. Trong thư anh kể tôi nghe về con voi kéo gỗ duy nhất của lâm trường, với dụng ý không giấu diếm là để tôi dựa vào đó viết một truyện ngắn mà theo anh (nguyên văn) "chắc chắn sẽ thu hút được sự chú ý và suy nghĩ của người đọc".

Bức thư nằm trên bàn làm việc của tôi đã hai tháng nay. Tôi đọc đi đọc lại nó mấy lần và quyết định cho in toàn bộ dưới đây, trừ những đoạn riêng tư không cần thiết. Bản thân nó, theo tôi, đã là một câu chuyện hoàn chỉnh, tuy sơ lược và với giọng kể trực tiếp gồm những sự kiện trần trụi, lộn xộn. Người viết không nhất thiết bao giờ cũng phải thêm thắt cái này cái nọ vào một câu chuyện có thật, cho dù làm thế có thể tăng thêm một vài hiệu quả nhất định.

*"Anh T thân mến,*

Đúng vào ngày thành lập, tức là cách đây ba mươi năm, một đơn vị bộ đội tặng lâm trường chúng tôi một con voi trước đây từng làm nhiệm vụ tải đạn và kéo pháo phục vụ quân ta trong nhiều trận đánh lớn ở Hạ Lào. Vì thành tích chiến đấu đó, nó được thưởng một huy chương và nhiều bằng khen, giấy khen, hiện đang

được trưng bày ở Phòng Truyền thống của lâm trường. Về nó, người ta cũng lập hồ sơ với đủ các mục cần thiết - trước là hồ sơ kháng chiến, nay là hồ sơ lao động, - và tất nhiên được giữ ở Phòng tổ chức cán bộ. Hàng năm người có trách nhiệm sẽ ghi thêm vào đó những lời nhận xét về thái độ công tác, sức khỏe và "đạo đức" của nó.

Đó là một con voi đực, rất to và hiền lành. Suốt ba mươi năm nay, nó cần mẫn làm việc phục vụ con người. Nó là niềm tự hào và là vốn quý nhất của cả lâm trường. Để anh dễ hình dung, tôi xin dẫn một thí dụ so sánh. Lâm trường có hai đội khai thác, nằm sâu trong rừng hai mươi cây số. Một đội có ba máy kéo và hai mươi con trâu đực. Đội kia chỉ có một con voi và một chiếc máy kéo, lại hay hỏng hóc, số công nhân ít hơn, thế mà vẫn thường đạt sản lượng gỗ gấp rưỡi đội bạn, dù khai thác ở địa bàn khó khăn hơn. Khâu khó nhất trong khai thác là vận chuyển gỗ ra bãi tập kết, từ đó ô tô mới có thể chở đi. Không có đường, cây lại thường mọc trên vách núi, rừng nhiều tầng, nên nhiều khi con voi là không thể thiếu được.

Chính vì giữ vai trò quan trọng như vậy mà Lâm trường đặt riêng cho nó một chế độ nghiêm ngặt về làm việc, ăn uống và bảo vệ sức khỏe. Cụ thể là một ngày nghỉ, một ngày làm; tiêu chuẩn ăn mỗi ngày mười ki lô gạo nấu thành cơm, từ năm đến bảy quả bí đỏ, mỗi tháng mười ki lô đường, hoặc thường xuyên phải trồng một héc ta mía cho voi ăn dần. Về y tế, người ta lập hẳn một tủ thuốc riêng có đủ từ thuốc cảm (voi cũng cảm cúm và viêm họng, sổ mũi như người) đến các loại kháng sinh liều cao.

Ngày làm việc của voi bắt đầu từ bốn giờ sáng, khi người quản tượng ra tìm nó trong rừng, nơi nó được thả cho ăn tự do suốt từ chập chiều hôm trước. Sau đó nó được dẫn tới khu vực khai thác. Quãng đường không xa, nhưng nó đi rất chậm, nên thường phải đến một vài tiếng sau mới bắt đầu làm việc thực sự.

Những cây gỗ to, có khi đường kính đến một mét, được dẫn và chặt hết cành. Nó có nhiệm vụ phải đưa chúng xuống chân

núi, rồi từ đó kéo ra bãi. Trước hết là mở đường. Nó cúi đầu, dùng cả thân hình đồ sộ rướn lên phía trước, đâm bẹp, phá tung tầng dưới của rừng nhiệt đới, tạo thành một luồng nhỏ hình ống, theo đó gỗ sẽ được đưa xuống. Vì đường không phẳng, nên voi phải liên tiếp dùng chiếc ngà cạy duy nhất hoặc dùng chân, dùng đầu đẩy gỗ đi. Cây nào nhỏ thì nó uốn vòi nhấc bổng quẳng xuống. Nói chung đây là loại công việc nặng nhọc, rất nặng nhọc. Thế mà, anh có tượng tượng được không, con voi to lớn, nặng nề ấy đã có những động tác thông minh và khéo léo nhường nào.

Do nhiều năm kinh nghiệm, thường tự nó biết được lúc nào cần làm gì, tuy người quản tượng đứng bên cạnh luôn miệng quát những từ ngắn gọn bằng tiếng Lào, là thứ tiếng quê hương nó mà ngày xưa, trước cả khi phục vụ kháng chiến, người ta đã dạy nó hiểu. Dân gian có câu "Làm hùng hục như voi" theo tôi, nói thế không thật đúng lắm. Con voi này của Lâm trường XV làm khoẻ, nhưng không "hùng hục", mà ngược lại, rất từ tốn, thông thả. Nó lặng lẽ làm việc không nghỉ, đều đặn, đôi tai to luôn phe phẩy. Vào những ngày hè nóng nực, chốc chốc nó lấy nước dự trữ trong dạ dày, tự phun lên người cho mát. Chiều, bốn giờ, nó lững thững về nhà, ăn khẩu phần quy định, xuống suối tắm rồi vào rừng, ăn thêm chuối cây và cỏ lá cho đầy cái dạ dày khổng lồ của nó.

Suốt ba mươi năm qua, cuộc sống lao động của nó cứ đều đều trôi qua như thế. Nó là con voi cần cù và hiền lành, như tôi đã nói. Nó gắn bó, tận tụy phục vụ con người, và cùng với con người, nó từng chia sẻ không ít những cái buồn, cái vui của hoàn cảnh. Những năm chiến tranh, nó cũng bị cắt bớt khẩu phần, những ngày cuối năm cũng thường phải làm thêm giờ để hoàn thành kế hoạch, và tất nhiên, khi công nhân lĩnh thưởng, nó được ăn nhiều hơn, ngon hơn. Nghĩa là con người thương yêu, chăm sóc nó, và nó, hình như cũng chẳng có điều gì phải than trách về cuộc sống của mình. Bề ngoài, tất cả có vẻ như tốt đẹp, nhưng...

Vấn đề chính là ở cái "nhưng" ấy.

Nhưng thật không may, suốt ba mươi năm qua và có thể cả trước đó nữa, con voi hiền lành, chịu khó ấy luôn mắc một "chứng bệnh" mãn tính mà cả sự chăm sóc nhiệt tình của lâm trường, cả cái tử thuốc dành riêng cho nó, cũng đành bất lực. Số là đều đặn

mỗi năm mấy lần, đến kì động dục, nó phải trải qua những cơn vật vã khổ sở. Anh thử hình dung xem: một con vật khổng lồ nặng hàng mấy tấn như thế phải mang anh ách đầu đày trong người một khối lớn năng lượng thừa, cần được giải phóng mà không được giải phóng. Người ta phải dùng xích sắt xích nó lại. Cái vẻ lơ đãng chậm chạp hàng ngày biến đâu mất. Nó cong vòi, há cái miệng đỏ đầy dãi dớt như muốn kêu lên điều gì đấy mà không thành tiếng. Nó bỏ ăn, vật lộn với cái xích, xéo nát cả một vùng xung quanh. Đôi lúc, có thể vì quá mệt, cũng có thể do cái nóng trong người tạm lắng, nó ủ rũ đứng im, vòi buông thõng, hai tai sụp xuống không còn buồn phe phẩy. Ở phía dưới tai ri những dòng nước nhờn nhờn, vàng vàng. Những lúc ấy con người chẳng biết làm gì để giúp nó, đành bất lực chờ một thời gian sau, cũng theo đúng chu kỳ, "cơn bệnh" tự qua đi, và nó sẽ bình phục trở lại.

"Căn bệnh" chỉ có thế, và như tôi đã nói, nguy kịch và rất cần được cứu chữa. Ấy thế mà con voi tội nghiệp đã phải chịu đựng nó bao năm nay. Lúc đầu người ta quả có lo lắng. Có người đề nghị tiêm thuốc khử dục hoặc thiến - nhưng mà ai thiến được voi! - có người cho là nên thả nó vào rừng tìm voi cái, vân vân. Nhưng rồi không ý kiến nào trong số những ý kiến hay ho kia được thực hiện.

Cách đây mấy năm, một anh cán bộ thú ý trẻ đã đến tất cả những nơi cần đến, hăng hái chứng minh sự trái tự nhiên, thậm chí sự "dã man" như anh ta nói, của việc giữ một con voi đực biệt lập lâu như vậy. Anh ta đề nghị nhường nó cho một lâm trường khác trong tỉnh, là nơi cũng nhiều năm nay chỉ có một con voi cái, hay chí ít cũng phải cho nó đến đây "làm khách" ít bữa mỗi lần phát dục. Nhường thì tất nhiên không thể được, nhưng dẫn nó đi hàng trăm cây số đường rừng rồi dẫn về cũng không là việc đơn giản, nên cuối cùng, cái ý kiến rất hay và đã được lắng nghe một cách nghiêm túc ấy vẫn không mang lại kết quả gì. Lâm trường lắm việc, người ta quên, cho nên đến khi nhớ được thì con voi đã bình phục trở lại. Thế là dần dần người ta quen với điều xảy ra, quen với sự đau khổ của con vật họ yêu quý, vì một lẽ cũng khá đơn giản là sau mỗi lần ồm dẫy, nó vẫn tiếp tục làm việc, ngoan ngoãn và cần mẫn như trước. Nhưng... - một lần nữa, xin lỗi, lại "nhưng", - nhưng cái gì cũng có giới hạn của nó.

Một lần, trong một cơn bệnh dữ dội hơn bao giờ hết, nó đã phá tuột xích, chạy vào rừng với đồng loại, và bị cả một đàn bảy con voi đực khác đánh bị thương gần chết, không cho lại gần con voi cái duy nhất của chúng. Phải vất vả lắm nó mới lần về được với những người chủ của nó, với một mắt bị chọc thủng (cái tên Chột bắt nguồn từ đó) và những vết húc sâu gần một gang tay đâm đìa máu hai bên hông.

Cả lâm trường cuống lên vì lo sợ. Được tin, lập tức chính đồng chí thủ trưởng ngành đã đi xe con từ Hà Nội vào. Nghe nói khi nhận được điện "Voi bị đánh gần chết", tưởng do người đánh, đồng chí mang theo sẵn quyết định cách chức giám đốc và phó giám đốc lâm trường X.V. Dù được hết lòng cứu chữa, phải gần nửa năm sau, con Chột mới trở lại làm việc được. Nhưng nó đã đổi khác. Nó không còn khoẻ như trước, điều đó dễ hiểu. Thông thường tuổi thọ của voi là bảy, tám mươi tuổi. Theo hồ sơ của phòng tổ chức cán bộ, thì con Chột lúc này chưa đến tuổi năm mươi, nghĩa là còn ở độ sung sức, thế mà trông nó đến thảm hại, da bạc thếp, nhăn nheo và hầu như không còn một sợi lông nào; cái lưng gù càng gù thêm. Những lúc rỗi không làm việc, nó thường đứng im một mình, rầu rĩ, con mắt còn lại lim dim như đang thiêu ngủ, hoặc như đang suy nghĩ xa xôi về một điều mông lung nào đấy. Con Chột đã quá yếu - mọi người luyến tiếc nghĩ thế, và thậm hy vọng từ nay căn bệnh nguy hiểm kia sẽ không còn tái phát nữa.

Ấy thế mà trở trêu thay, chẳng bao lâu sau, đúng chu kỳ, nó lại phát dục. Mà lần này có vẻ còn nguy kịch hơn. Vẫn những triệu chứng và biện pháp xử lý cũ. Theo thường lệ, đến ngày phải bình phục trở lại, người ta thả nó ra. Nhưng lạ thay, sáng hôm sau, khi người quản tượng tới dẫn nó đến khu khai thác, lần đầu tiên trong đời, nó không chịu nghe, không cho đến gần, thậm chí còn suýt quật chết ông ta. Nó lồng lên bỏ chạy khắp nơi - không phải vào rừng sâu vì bài học vừa rồi còn chưa quên. Nó giận dữ xéo nát, quật gãy tất cả những gì nó gặp trên đường đi. Nó đã đề



chết một con trâu, xô đổ một chiếc máy kéo đứng chênh vênh trên vách núi.

Rõ ràng là sau vụ đánh nhau suýt chết với voi rừng, thân kinh con Chột đã quá yếu, không còn chịu nổi những chấn động dữ dội của cơn bệnh thường kì. Nó đã bị điên và đang gây không ít tai hoạ cho lâm trường. Cần phải có những biện pháp giải quyết gấp.

Đảng uỷ và ban giám đốc Lâm trường họp bàn suốt một ngày, ngày hôm sau đem ra lấy ý kiến công nhân, và kết quả cuối cùng thế nào anh biết không? Người ta quyết định xử tử con Chột. Có văn bản hẩn hoi và đủ chữ ký của những người, những cấp cần thiết. Phải nói rằng đây là một quyết định đau lòng, nhiều người phản đối, nhưng không còn cách nào khác. Và bản án cần những thi hành càng sớm càng tốt. Nhưng ai sẽ giết nó, và giết như thế nào? Vấn đề này hoá ra không đơn giản như thoát tưởng. Vì thương và vì quá quen thân với con Chột, không một tay súng nào trong đội tự vệ lâm trường chịu bắn vào nó. Buộc phải sang cầu cứu trung đoàn bộ đội kết nghĩa bên cạnh.

Ngày hôm sau con Chột bị bắn chết, xác được xe xích kéo đi chôn ở một chiếc hố sâu và rộng đào sẵn từ trước. Nhiều người đến chào tiễn biệt nó. Và khóc. Còn ông quản tượng người Mường thì nghe nói trước đây mấy ngày đã viết đơn xin nghỉ hưu, và mặc dù chưa được đồng ý, đã tự động bỏ về bản..."

## 2

Đây, bức thư anh bạn kỹ sư ở lâm trường X.V Nghệ An gửi cho tôi là thế. Tôi còn biết viết gì thêm, thậm chí với ý định "làm" một truyện ngắn như anh gợi ý? Gần đây, tôi có dịp tới tận lâm trường, và với tư cách phóng viên một tờ báo trung ương, tôi xin được trực tiếp gặp giám đốc và bí thư Đảng uỷ. Những điều bạn tôi



kể là hoàn toàn có thật. Tôi còn được cho biết sắp tới lâm trường sẽ sử người vào Đắc Lắc mua voi về thay thế con Chột đã chết.

- Máy con? - tôi vội hỏi.

- Một.

- Sao lại một? Chẳng phải vì sống một mình mà con Chột...

- Vâng, chúng tôi biết, nhưng lâm trường không đủ vốn. - Ông giám đốc nhìn tôi với vẻ gần như bình tĩnh, và điều đó làm tôi vừa ngạc nhiên, vừa buồn. - Anh có biết một con voi giá bao nhiêu không?

Trước khi rời lâm trường, tôi có tới thăm mộ con Chột. Đó là một gò đất nhỏ, cây và cỏ dại đã kịp mọc um tùm. "Một con voi giá bao nhiêu nhỉ?" Bất giác nhớ tới lời ông giám đốc. Chắc phải đến bạc triệu, tôi không biết chính xác, nhưng tôi biết rõ một điều rằng hiện trước mặt tôi, dưới gò đất cỏ mọc um tùm kia là cả một nửa năng suất khai thác của lâm trường XV, là một con voi hiền lành, cần cù nhưng đã bị đẩy đến chỗ điên và cuối cùng bị giết chết. Chung quy chỉ vì một lí do hết sức đơn giản là con người đã không tạo cho nó những điều kiện sống sơ đẳng nhất, cần thiết nhất để nó được làm việc phục vụ con người tốt và nhiều hơn nữa.

Không hiểu rồi con voi người ta sắp mua từ Đắc Lắc về liệu có được một số phận may mắn hơn không?

*Diễn Châu, tháng 2 - 1984.*

## CÁI GIÁ CỦA NIỀM TIN

Mùa đông năm ngoái, tôi có việc lên công tác ở Cao Bằng. Khi ô tô đến thị xã thì trời đã tối hẳn, và không còn xe đi Bảo Lạc là huyện tôi phải đến. Đành phải thức chờ đến sáng. Bến xe lúc này vắng người. Tôi chọn một góc vắng, trải tấm ni-lông xuống đất và thăm lo không biết phải làm gì cho hết cái đêm lạnh lẽo, dài và buồn chán này.

Bên cạnh, ngồi quay lưng về phía tôi là một đồng chí bộ đội mặc quần áo sĩ quan, chiếc mũ kéo trùm hụp xuống tận mắt. Tôi tìm cách bắt chuyện, và chẳng bao lâu, vì cũng chẳng có việc gì để làm, chúng tôi đã thoải mái trò chuyện với nhau. Hoá ra anh đi cùng xe với tôi từ Hà Nội lên, và như tôi, cũng phải ngồi chờ sáng để đi tiếp, có điều không phải về phía Bảo Lạc, mà về Hạ Lang, quê anh. Tuy không nhìn rõ mặt, không phân biệt được quân hàm, quân hiệu, nhưng qua giọng nói tôi đoán anh là người từng trải và có lẽ không dưới bốn mươi lăm tuổi. Tôi yêu cầu anh có chuyện gì hay kể cho nghe, và anh đã kể. Trái với điều tôi mong đợi, chuyện anh kể không phải về những kỉ niệm chiến đấu ở chiến trường năm nào, mà về những con chim hải âu hiền lành sống trên những hòn đảo nhỏ xa tít ngoài đại dương mênh mông mà trong đợt tổng tấn công mùa xuân năm 1975, anh và đồng đội được lệnh ra giải phóng.

Anh kể:

"Mấy ngày sau khi ta chiếm Dinh Độc Lập, chúng tôi được lệnh hoả tốc ra đảo X. Trên danh nghĩa, chúng tôi là một tiểu

đoàn, nhưng quân số thực tế chỉ hơn một trăm người, lại toàn là lính mới chưa dày dạn sóng nước, nên khi ra tới nơi, phần lớn đã phải nằm bất động vì say sóng. Cũng may mà chẳng phải đánh đấm gì mấy, vì bọn địch chốt trên đảo nghe tin đất liền thất thủ, tinh thần đã sa sút đến tột độ. Việc tiếp quản và ổn định cuộc sống trên đảo được tiến hành nhanh chóng và thuận lợi..

Thật khó nói hết sự ngỡ ngàng của chúng tôi những ngày đầu đặt chân lên đảo. Anh thử tưởng tượng xem - những doi cát nhỏ nhoi giữa biển cả mênh mông, sóng dữ, suốt đêm ngày gió thổi to như bão. Chúng tôi đã hốt hoảng thực sự khi đêm đầu tiên, ngủ dậy - như trong câu chuyện thần thoại - chợt thấy trước mặt mình nhú dần lên những hòn đảo mới thoát nhìn cứ tưởng tàu địch. Thì ra ở đây có những hòn đảo quá thấp, đến mức thủy triều lên bị ngập hẳn dưới nước, và chỉ khi nước rút mới xuất hiện trở lại. Nhưng điều làm chúng tôi ngạc nhiên và thú vị hơn cả là chim hải âu. Xưa nay hầu hết chúng ta chỉ thấy hải âu trong phim, trong các bài hát trữ tình, thế mà bây giờ, kia, chúng kia, hàng nghìn, có thể là hàng chục nghìn con đang bay nhao nhác trước mặt anh. Chúng kêu những tiếng đơn điệu, nghe có cái gì buồn buồn trong đó. Tôi cứ có cảm giác như đây là điểm hội tụ của tất cả loài hải âu trên biển. Từ đây, chúng bay toả đi kiếm ăn khắp nơi, chao lượn không mỏi trên những ngọn sóng, và khi trở lại, chúng đậu kín cả bề mặt hòn đảo chúng tôi đang ở và cả những hòn đảo nhỏ lân cận. Vì đảo trần trụi, không cây cối, không hang đá, nên chúng ngủ, làm tổ và đẻ trứng ngay trên mặt cát, lẫn với những vón phân khô, những mẩu cá chúng ăn sót lại, tạo thành một mùi tanh nồng.

Như anh biết, ở đất liền bao đời nay quan hệ giữa con người và con chim là thù địch. Thấy chim, con người luôn tìm cách bắt, bẫy hoặc xua đuổi, và về phần mình, như một phản xạ tự vệ được hình thành trong hàng nghìn năm, thấy người là chim liền xa lánh. Còn ở đây, trong tiềm thức những con chim hải âu này, cái phản xạ tự vệ ấy không có, vì lí do đơn giản là không cần thiết, hay nói cụ thể hơn là chúng chưa bao giờ cảm thấy bất kỳ mối đe

doạ nào từ phía những con người mà chúng đã gặp. Vâng, đúng là thế. Chúng đậu ngay trước mặt chúng tôi, xung quanh chúng tôi, thậm chí cả trên vai và đầu chúng tôi. Mà chúng tôi là ai thì anh đã biết. Sau những phút ngỡ ngàng đầy thi vị ban đầu trước sự cả tin thơ ngây của bầy chim kì lạ, chúng tôi đã nhanh chóng trở lại với thói quen bản năng đầy tính thực dụng được mang theo từ đất liền.

Việc đầu tiên là chúng tôi nhặt trứng luộc ăn. Không ngon lắm, nhưng cũng tạm tạm, ít nhất là đối với những người luôn phải sống trong cảnh kham khổ. Tiếp đến là ăn thịt chim. Rất đơn giản: một người đứng thẳng chìa tay về phía trước. Sẽ có một con đến đậu với đôi mắt mở to háo hức nhìn xung quanh. Nó sẽ được bàn tay còn lại của anh ta vỗ vỗ vào lưng, rồi vặn cổ, vứt sang cạnh cho vài người khác vặt lông, đưa lên lửa nướng. Tiếp theo nó là một con khác, rồi một con khác, một con khác nữa, cũng với những đôi mắt mở to ươn ướt như thế. Tất nhiên cũng như thế, chúng sẽ được vỗ vỗ vào lưng, sẽ bị vặn cổ vứt sang bên cạnh. Và chứng kiến cái cảnh độc đáo ấy là chúng tôi, những chàng trai vô tư ngồi quanh đồng lửa, vừa nhồm nhoàm nhai thịt chim, vừa nói cười vui vẻ, quá ư vui vẻ.

Tuy nhiên, chẳng bao lâu sau đó, cái trò ấy cũng chán, phần vì thịt chim hải âu tanh, khác hẳn mùi vị thịt các loài chim ở đất liền. Nhân rồi, chúng tôi lang thang trên đảo, dẫm nát dưới gót giày những quả trứng màu xanh xanh xinh đẹp, hay tiện chân đá bay những con chim khờ khạo nằm ngáng giữa đường đi. Một cậu nổi tiếng tinh nghịch còn lấy gậy đánh vào chúng. Ôi, những con chim ngu ngốc tội nghiệp. Anh biết không, cứ con này bị đánh chết là con khác lại sa vào, hoàn toàn không ý thức về mối nguy hiểm đang đe dọa. Cũng rất vô tư, chúng tôi đã thi nhau trở tại thiện xạ. Và than ôi, mục tiêu vẫn lại là những con chim hải âu đang đậu phía trước, xa hay gần tùy khả năng từng người. Tiếng súng quả có làm đàn chim hoảng sợ, nhưng là cái sợ mơ hồ không cắt nghĩa nổi. Chúng giật mình bay lên cao, nghiêng ngó nhìn quanh rồi lại ngỡ ngàng đậu xuống. Chúng chưa hiểu chuyện gì

đang xảy ra, nhưng có thể lúc ấy trong chúng đã hình thành mầm mống đầu tiên của sự ngờ vực đối với con người như cách đây hàng vạn, hàng triệu năm tổ tiên loài chim trên đất liền xa xôi đã ngờ vực con người khi con người bắt đầu đối xử thô bạo với chúng.

Hai ngày tiếp theo, vẫn những cảnh ấy xảy ra.

Nhưng sang ngày thứ tư thì một điều kỳ lạ đã đến. Anh có thể tin hoặc không tin, nhưng mờ sáng hôm ấy, ngủ dậy, chúng tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy trên hòn đảo chúng tôi đóng quân không hề có một con chim nào. Xin nhắc lại: không một con nào! Dấu vết duy nhất còn lại của chúng chỉ là những vỏ trứng vỡ ngổn ngang và những túm lông chim gió thổi bay vờ trên cát. Đang lơ đãng không hiểu chuyện gì xảy ra thì bỗng có lệnh báo động. Sau đó là lệnh tập hợp toàn đơn vị. Chúng tôi nhanh chóng đứng thành ba hàng, thấp thỏm chờ đợi.

Đại úy tiểu đoàn trưởng Lâm của chúng tôi là một người nhỏ bé, khắc khổ, đã trên năm mươi tuổi. Ông ít nói, hiền từ (lúc vui chúng tôi vẫn quen gọi là "Bố Lâm"), nhưng dễ nổi nóng. Bản chất nông dân, hàng ngày ông thích mặc xuềnh xoàng, dễ dãi, nên hôm nay, thấy ông bước ra trước hàng quân trong bộ đồ sĩ quan mới, đủ giày mũ và quân hàm, chúng tôi biết chắc sẽ có chuyện. Sau khi hô "ng nghiêm" toàn đơn vị, ông bắt đầu nói, giọng trang nghiêm, run run vì xúc động và giận dữ:

- Các đồng chí... các đồng chí đã làm một việc cực kì nghiêm trọng... một việc xấu xa. Các đồng chí đã làm cả đàn chim hoảng sợ bỏ đảo bay đi... Bao năm nay chúng tin và yên ổn sống được với con người, với giặc, những tên lính nguy, kẻ thù của chúng ta, thế mà nay, các đồng chí, những chiến sĩ cách mạng... chỉ trong ba ngày, các đồng chí đã... đã... thật tôi không còn biết nói thế nào nữa. Tự các đồng chí phải hiểu lấy...Thật xấu hổ! Xấu hổ!  
- Đôi mắt ông chớp chớp. Rồi im lặng một lúc, ông nhìn thẳng vào chúng tôi, nói tiếp với vẻ cương quyết hiếm thấy: - Từ bây giờ, tôi

ra lệnh các đồng chí phải bằng mọi cách làm cho đàn chim trở lại đảo như cũ. Thời hạn một tuần! Giải tán!

Đấy, anh xem, câu chuyện hoá ra thế đấy. Thú thật, mãi đến lúc ấy chúng tôi mới ý thức hết việc mình làm. Mọi người lặng lẽ ai về vị trí người ấy, xấu hổ không còn dám nhìn vào mắt nhau. Liên sau đấy, chi bộ họp. Tôi là đảng viên, tôi có dự. Tiểu đoàn trưởng hồi lâu nhắc lại những điều đã nói trước toàn đơn vị, và theo đề nghị của ông, chi bộ đã thông qua những điểm sau (nguyên văn):

1 - Bằng mọi cách đưa đàn chim trở lại đảo trong thời gian ngắn nhất.

2 - Các trung đội họp tự kiểm điểm một cách nghiêm túc.

3 - Từ nay cấm không được ăn thịt chim, trứng chim, cấm không được làm phương hại đến chim và trứng chim dưới bất kì hình thức nào.

4 - Cấm không được nổ súng, trừ trường hợp chiến đấu.

5 - Báo cáo về đất liền.

Tiếp đến là những ngày nặng nề, căng thẳng của chúng tôi. Có thể nói hầu như toàn bộ sự chú ý của đơn vị chỉ nhằm vào một việc là làm cho đàn chim trở lại đảo. Nhưng bằng cách nào? Chúng tôi đã thử tất cả mọi cách có thể nghĩ ra được. Trước hết là thu dọn sạch lông chim và vỏ trứng vỡ. Tuyệt đối không gây một tiếng động nào có thể làm chim sợ, và hạn chế đến mức tối thiểu sự xuất hiện của người trên mặt đảo. Anh thử tưởng tượng xem, hơn một trăm con người lặng lẽ, rón rén đi lại trên đảo như những thằng ăn trộm. Một trăm con người ấy, một trăm chiến sĩ từng vào sống ra chết trên những chiến trường ác liệt nhất, một trăm chàng trai khoẻ mạnh, đáng yêu và vô tư - thậm chí quá vô tư đến mức đã có một hành động lầm lỡ và nay đang thực tình hối hận muốn chuộc lỗi. Nếu cùng là người với nhau thì có thể đơn giản hơn nhiều! Tôi cư xử không tốt với anh ư? Thế thì xin lỗi, và



chúng ta sẽ lại chung sống với nhau như những người bạn. Còn nếu anh vì một lí do nào đấy không thể tha thứ, thì ít ra cũng cho tôi được nói rằng tôi làm việc ấy hoàn toàn không vì do xấu bụng, mà chỉ do lầm lỡ! Đấy, với con người thì có thể nói như thế. Nhưng với con chim thì không được. Chim chỉ hiểu chúng ta qua ngôn ngữ của hành động, mà hành động thì bao giờ cũng chỉ bộc lộ ở bề nổi của nó, còn phần quan trọng hơn, phần nguyên nhân thì không dễ gì nhận thấy được, nếu thiếu bộ óc suy diễn lôgích. Chúng tôi đã làm một hành động xấu, con chim hiểu điều đó và đã xa lánh chúng tôi, nhưng nay chúng tôi đang có một hành động khác ngược lại, là hối hận, là sự xấu hổ. Điều đó nằm sâu trong suy nghĩ của con người. Làm sao con chim thấy được?

Một ngày, hai ngày, rồi một tuần trôi qua mà vẫn không một con nào trở lại. Chúng chen chúc nhau chập chội trên những hòn đảo bé nhỏ khác, hoặc cam chịu cảnh ướt át bất tiện trên những doi cát khi ẩn khi hiện theo con nước. Kể ra câu chuyện sẽ không trở nên quan trọng đến thế, nếu tiểu đoàn trưởng không cho báo động cả đơn vị như vậy. Chính điều ấy đã làm thay đổi hẳn tính chất của vấn đề. Và lúc này, trong việc lấy lại niềm tin của bầy chim đối với chúng tôi, ai cũng hiểu còn có một cái gì đấy trừu tượng nhưng to lớn hơn, quan trọng hơn.

Vẫn không thấy bóng con chim nào xuất hiện. Hầu như mọi phương pháp, mọi mưu kế đều được đem ra thử. Tôi, với tư cách người dân tộc có kinh nghiệm săn bầy muông thú cũng được hỏi ý kiến. Một anh chàng theo đạo Cơ Đốc được yêu cầu cầu Chúa cho loài chim trở lại, và anh ta đã làm theo, nhưng tạm thời lời cầu còn chưa màu nhiệm. Một cậu còn đem cả bát cơm đang ăn tung lên để thử, mà quên rằng hải âu chỉ ăn cá... Bầy chim vẫn lạnh lùng bay cao trên đầu chúng tôi, nghiêng ngó nhìn một cách cảnh giác rồi xuống đậu các đảo lân cận, dù đảo chúng tôi là nơi khô ráo, thuận tiện nhất đối với chúng, dù trên đó đang chờ đợi chúng là những con người đã hối cải, những người bạn thật sự.

Thêm một tuần, rồi một tuần nữa trôi qua...



Bỗng một sáng, một cậu vừa bước ra khỏi hầm đã kêu to sung sướng:

- Kia, chúng trở lại kia rồi!

Cả bọn chúng tôi ủa ra xem. Trên một mô đất cao cách chúng tôi ba trăm mét, quả có mấy con đang đứng với nhiều tư thế khác nhau. Nhưng nhìn mãi vẫn thấy chúng đứng yên, mọi người sinh nghi, rón rén đến xem, hoá ra đó chỉ là những con chim nhồi! Mọi người nhìn nhau thở dài thất vọng. Nhưng ai đã làm những con chim nhồi đó? Vì sao? Cả đơn vị căn vặn nhau mãi vẫn không tìm ra thủ phạm. Vâng, thủ phạm, vì dù với mục đích gì chăng nữa, làm thế cũng là vi phạm lệnh giết chim đã được công bố.

Thế nhưng cũng cần phải nói rằng chính nhờ những con chim nhồi ấy, chúng tôi mới thoát khỏi cái thế bất lực khổ sở của mình. Bay trên cao, thấy có bạn đậu yên ổn trên đảo, có lẽ đàn chim hải âu đã bắt đầu thay đổi thái độ. Một vài con rụt rè bay xuống nhập bọn. Núp trong hầm, chúng tôi cùng nín thở theo dõi. Hôm sau số chim xuống đậu đã nhiều hơn. Hôm tiếp theo nhiều hơn nữa. Chúng tôi đã có thể đi lại trên đảo, có điều phải rất cẩn thận và nhất là phải thật tự nhiên, như không hề quan tâm tới chúng. Cuối cùng, sau hai tháng, tất cả trở lại như cũ, nghĩa là đàn chim lại có thể đậu lên vai, lên tay chúng tôi mà không hề lo sợ. Chúng tôi thở phào nhẹ nhõm, và anh biết không, chúng tôi còn có cái cảm giác ấm áp của tình bạn, vì suy cho cùng, sống chơ vơ một mình giữa biển trời, có được con chim làm bạn mà nó bỏ đi, kể cũng buồn lắm chứ!...

Toàn bộ câu chuyện chỉ có thế. Nghĩ cũng thật chua xót - chỉ trong vài ngày, mấy anh lính trẻ vô tư đã dễ dàng đánh mất niềm tin của những con chim bé nhỏ vào con người, và để lấy lại niềm tin ấy, cả một tiểu đoàn phải vất vả, khổ sở trong suốt hai háng liền. Nhưng biết làm thế nào được... cái cần trả giá phải được trả giá, không còn cách nào khác!"

Anh bộ đội ngừng kể. Chúng tôi cùng ngồi im hút thuốc. Cuối cùng tôi lên tiếng:

- Tôi hỏi thật nhé, có phải anh là người đã nghĩ ra mấy con chim nhồi kia không?

- Không. - anh đáp sau một phút trầm ngâm. - Đó là sáng kiến của bố Lâm. "Bố" quê ở một vùng chiêm trũng Thanh Hoá. Ở đấy người ta hay bẫy cò, nên "bố" mới biết cái kinh nghiệm ấy. Vả lại, hôm "bố" lên lút chèo thuyền sang đảo khác bắt hải âu là hôm tôi trực gác, nên tôi nhìn thấy hết. "Bố" đã bắt tôi thề không nói lộ với ai. Tôi không nghĩ "bố" sợ bị xem là vi phạm lệnh cấm, mà chỉ sợ mang tiếng lừa dối những con chim ngây thơ. Thế mà sau này, do tính bép xép, tôi đã nói hết với mọi người. Tuy nhiên, vì sợ "bố" buồn, toàn tiểu đoàn ai cũng vờ như chẳng hay gì. Có lẽ đến bây giờ "bố" vẫn nghĩ chỉ mình "bố" và tôi biết điều đó. Tôi nghiệp ông già.

*Cao Bằng, 1980*

## CÁI XOAN

Cái Xoan là tên một cô bé cụt chân ở làng tôi. Nó bị cụt một chân từ ngày mới một tuổi và còn đang được ẵm trên tay mẹ.

Hôm ấy, theo kể lại, đang buổi ăn trưa thì bỗng có máy bay Mỹ ập đến. Mẹ nó bế nó chạy ra hầm, nhưng chưa ra tới nơi thì có tiếng bom nổ. Một mảnh bom cắm đúng vào tim mẹ nó. Một mảnh khác cắt đứt một cẳng chân bé xíu, mồm mồm và hồng hồng của nó. Nó được một chú bộ đội đóng quân trong làng bế ngay đi bệnh viện. Ai cũng tưởng bé thế, nó sẽ chết, thế mà các bác sĩ vẫn chữa lành cho nó. Về việc này, báo tỉnh đạo ấy có đăng một bài dài.

Ra viện, nó được đưa về nhà bà nội, một bà già độc thân, sống nhờ gạo và tiền trợ cấp của nhà nước theo tiêu chuẩn mẹ liệt sĩ.

Mấy tháng sau, bố nó, một sĩ quan không quân cấp tá đóng quân tận đâu đó rất xa, được tin đã về nhà, mang theo một đôi nạng bé tí bằng nhựa có màu xanh đỏ rất đẹp. Và thế là trong suốt gần một tháng nghỉ phép, bà và bố chỉ làm mỗi việc là dạy cho nó biết đi, đi bằng ba chân, một chân thật và hai chân nhựa - cả ba cùng bé tí, yếu ớt và dễ gãy.

Nó là đứa trẻ thật dễ thương. Vừa tập đi nó vừa vừa reo lên âm ỉ như đang thích thú chơi một trò chơi hấp dẫn. Lúc ngã nó không khóc mà còn toét miệng cười, mắt mở to long lanh, đôi má đỏ hồng vì mệt.

Những lúc ấy bố nó thường ngoảnh đi nơi khác, kín đáo lau nước mắt. Còn bà nó thì nói:

- Úi chà, bé Xoan của bà ngoan nhỉ, lớn lên thế nào bà cũng cho theo bố bay tí trên trời kia kia.

Bé Xoan dần dần lớn lên thành cái Xoan. Trẻ con thật chóng lớn. Mỗi năm bố nó gửi về một đôi nạng mới. Đến tuổi đi học nó đã có sáu đôi nạng bằng nhựa có màu khác nhau. Bà nó dựng trong góc nhà, cái sau lớn hơn cái trước, như một bộ sưu tập nho nhỏ. Bộ sưu tập những đôi nạng bằng nhựa.

Cũng may mà trường chỉ cách làng một cánh đồng. Nhưng hàng ngày nó phải dậy chống nạng đi từ rất sớm, để độ khoảng một giờ sau lũ trẻ cùng làng, cùng lớp ồn ã chạy vượt qua như một cơn lốc. Cũng có hôm ai đó tiện đường, bế nó đi, bế cả người lẫn nạng.

Đôi lần về quê, tôi cũng từng bế nó như vậy. Dọc đường tôi hỏi chuyện này chuyện nọ, nhưng thường nó im lặng, hoặc trả lời không hào hứng lắm, dù tôi biết nó thích tôi vì thỉnh thoảng tôi vẫn mang từ Hà Nội về cho nó những cuốn sách đầy hình vẽ tuyệt đẹp.

Trong tâm hồn thơ ngây của nó đã xuất hiện những gợn mây buồn mặc cảm.

Sự thay đổi đó bắt đầu từ ngày đầu tiên tới trường. Vốn quen ngồi một chỗ với bà suốt ngày, hôm ấy nó hết sức ngạc nhiên khi thấy ở trường chúng bạn cười nói, chạy nhảy nhiều đến thế. Và cùng với sự phát hiện ấy, nó càng ý thức sâu sắc hơn về khuyết tật của mình. Một cảm giác lo sợ mơ hồ bỗng xâm chiếm người nó. Nó thấy như cả trường ai cũng đang nhìn nó, với đôi mắt vừa thương hại vừa giễu cợt. Cũng trong ngày đầu tiên ấy, một thằng bé ngỗ nghịch đã chủ ý ngáng chân làm nó ngã. Không đau lắm, nhưng nó khóc mãi, cả đến khi cô giáo bắt cậu kia đến đứng khoanh tay xin lỗi, nó vẫn chưa nín. Từ đấy, nó tìm cách xa lánh mọi người. Giờ ra chơi nó thường trốn vào góc vắng ngồi im và quan sát. Nó trở nên lìm lỉ ít nói: có khi suốt hàng giờ liền nó chống nạng thần thờ đứng nhìn các bạn nhảy dây hoặc chơi lò cò.

Để chừng đã mười năm nay tôi không gặp lại cái Xoan. Trước kia nhà nó cạnh nhà tôi, nhưng từ ngày bà nội chết, nó được gửi đến ở nhà một ông bác không có con tận cuối làng. Những lần về phép ngắn ngủi tôi chẳng gặp nó lần nào. Chắc nó ít khi ra đường. Tôi chỉ được nghe kể lại rằng lớn lên, nó là một cô bé xinh đẹp, đặc biệt là khuôn mặt. "Cứ như tranh vẽ ấy!" người ta kháo nhau về nó như thế. Ở quê tôi, đó là câu khen cao nhất mà bất kỳ cô gái nào cũng mong có được. Đẹp như tranh vẽ!

- Nhưng mà nó cũng khác thường thế nào ấy, - một người nhận xét.

- Khác nghĩa là thế nào? - tôi hỏi.

- Nghĩa là tính khí nó thất thường lắm. Thoát buồn thoát vui; có ngày không mở miệng nói câu nào. Người đâu mà bao giờ cũng cứ như vừa từ trên trời rơi xuống...

Ở quê, tôi có một tủ sách khá lớn mà ngay từ nhỏ tôi đã có ý thức xây dựng, bằng đủ mọi cách và mọi giá. Ngày rời làng đi xa, tôi cho vào tủ khoá lại cẩn thận và dặn mẹ tôi không được cho ai mượn. Mấy năm qua, là người ham hiểu biết, chắc cái Xoan tìm đến nài nỉ mẹ tôi, và do thương người, chắc bà cụ không nỡ từ chối.

Sống ở một vùng hẻo lánh như quê tôi, không bè bạn, không bao giờ đi đâu, cộng với sự mặc cảm bệnh tật và một trí tưởng tượng quá phát triển, dễ hiểu một người như Cái Xoan đã bị những cuốn sách ấy tác động mạnh như thế nào. Có lẽ chúng là người bạn, là niềm an ủi duy nhất của nó từ xưa đến nay. Khác những đứa trẻ bình thường khác, nó tiếp nhận cái thế giới sách vở thơ mộng, diệu kì theo cách riêng của mình, và sống với nó nhiều hơn với cuộc đời có thực xung quanh. Có lẽ chính sự khác biệt giữa hai thế giới ấy đã làm nó thành người "từ trên trời rơi xuống" và "trái tính trái nết" như người ta nói.

Kì nghỉ phép năm nay, tôi vừa về tới nhà buổi chiều thì chợt tối ông bác Cái Xoan đã vội đến tìm gặp.

- Tôi phải nhờ ông giáo một việc, ông giáo ạ, - ông ta vào ngay câu chuyện. Nhiều người trong làng vẫn tiếp tục gọi tôi là ông giáo, dù tôi chuyển sang nghề khác đã hơn mười năm nay.

Rồi bằng cái giọng oang oang, đứt quãng vì hồi hộp, ông ta kể tôi nghe sơ lược câu chuyện về Cái Xoan. Ông kể rằng mấy ngày gần đây Cái Xoan có những biểu hiện rất khác thường. Mặt nó lúc đỏ bừng, lúc tái nhợt, và vốn ít nói, nay lại càng ít nói hơn, nhiều lúc ngồi thừ người cả tiếng đồng hồ. Cứ chiều chiều nó ra đứng quanh quần trước ngõ, mắt luôn nhìn về phía đường quốc lộ như đang ngóng chờ ai đó. Còn tối đến thì nó nằm trằn trọc mãi không ngủ, và tuy cố giữ, nhưng tiếng thút thít khóc vẫn bật ra.

- Tôi biết là có chuyện gì đó nghiêm trọng, cố gạn hỏi nhưng nó nhất định không chịu nói, - ông bác Cái Xoan kể tiếp: - Cả ngày hôm qua nó bỏ ăn, chỉ buông màn nằm úp mặt trên giường. Bà nhà tôi sờ trán bảo nóng, thế là tôi chạy đi mời bác sĩ. Bác sĩ trạm y tế xã ta dạo này là cô Luyến, con ông Hữu xóm dưới, ông biết rồi chứ? Vâng, cô Luyến đến khám và hỏi nó điều gì đấy một hồi thật lâu, rồi đến nói riêng với tôi... Ông biết cô ta nói gì không? Trời ơi! Cái Xoan đang có thai! Ba tháng! Trời ơi!...

Rồi một tay vung lên cao, một tay tự túm lấy ngực mình, ông nói tiếp:

- Mà nó mới chỉ mười sáu tuổi! Một đứa con nít! Lại cụt một chân, anh hiểu không? Nó còn chưa biết tí gì, còn ngờ nghệch hơn cả đứa trẻ lên mười. Thế mà không ngờ có kẻ độc ác đến thế, lại nở quynh rũ nó... Liệu tôi biết ăn nói với bố nó thế nào bây giờ? Ông giáo, ông bảo tôi phải làm gì bây giờ?

- Cô ấy không chịu nói với bác tên người đó à? - tôi hỏi.

- Vâng, vâng! Tôi tìm đủ cách để hỏi nhưng chẳng ăn thua gì. Nó chỉ khóc... - Ông ta thở dài đánh thượt một cái rồi hạ giọng nói tiếp, vẻ cương quyết. - Nhưng tôi thì tôi nghi cho một thằng, ông giáo ạ. Cách đây mấy tháng có đoàn cán bộ từ trên tỉnh về xã ta. Làm gì tôi chả rõ, nhưng về một tuần, họ ở ngay trong nhà ông

Xuân chủ nhiệm hợp tác xã. Trong đó có một anh còn trẻ, khá đẹp trai và lịch sự, hình như làm nghề báo chí, đài điện gì đó. Anh ta có sang nhà tôi chơi mấy lần, cho Cái Xoan mượn sách và kể chuyện gì đó nghe có vẻ say sưa lắm... Nhưng không lẽ chính hắn có thể làm cái điều ghê tởm ấy? Mà vào lúc nào, ở đâu? Có bao giờ cái Xoan làm gì mà chúng tôi không biết đâu?

- Thế tôi có thể làm gì giúp bác được?

- Tôi cũng chẳng biết nữa. Nhưng ông giáo là người có học, nhiều lý lẽ, có thể ông sang nói chuyện với nó chẳng? Ông lựa lời thuyết phục, an ủi rồi mách chúng tôi cách giải quyết thế nào cho ổn. Hay ông lên tỉnh tìm hộ tôi cái thằng ấy xem có đúng thế không? Con bé đang chờ gặp hắn, vì lúc nào nó cũng nhìn về phía đường quốc lộ! Chắc hai đứa có hẹn hò với nhau... Vâng, phải làm một cái gì đấy, làm gấp, không thì nó sẽ tìm cách tự tử. Gì chứ tính nó thì tôi biết. Ông cứu nó với!

Sau khi nghe tôi hứa nhất định thế nào cũng đến nhà ông và sẵn sàng làm những gì có thể, ông ta ra về, vẻ yên tâm hơn đôi chút.

Đêm hôm ấy, đi đường mệt, tôi lên giường ngủ sớm, định bụng sáng hôm sau sẽ đến gặp Cái Xoan. Đang nằm suy nghĩ mông lung thì khoảng mười một giờ bỗng có tiếng đập cửa mạnh. Mẹ tôi ra mở. Ông bác Cái Xoan hốt hải nói không ra tiếng:

- Ông giáo, ông giáo ơi. Cái Xoan chết rồi!

Tôi vội vã mặc quần áo rồi đi theo ông. Dọc đường tôi biết thêm rằng Cái Xoan chưa chết, mà đã được đưa đi cấp cứu bệnh viện huyện; rằng đêm ấy nó đã uống thuốc sâu tự tử, là thứ dạo này trong nhà ông bao giờ cũng có sẵn, vì đang vì dịp phun trừ sâu cho lúa. Chắc nó uống nhiều, vì khi được cáng đi viện, nó trong tình trạng rất nguy kịch, hoàn toàn mê man bất tỉnh.

Sáng hôm sau có tin báo bệnh viện về rằng cái Xoan đã chết. Ngày tiếp là lễ chôn cất.

Sững sờ vì mọi việc xảy ra quá nhanh chóng và bi thảm, tôi lạng lẽ bước đi giữa đám người đang chậm chạp đi theo quan tài



bé nhỏ, giữa tiếng khóc náo nê và tiếng kèn trống đơn điệu. Trong đầu tôi lần lượt hiện lên hình ảnh một đứa bé bị bom chặt đứt chân từ khi còn được bế trên tay mẹ, rồi đứa bé ấy bắt đầu tập đi bằng một chân còn lại của mình với sự giúp đỡ của đôi nạng nhựa bé tí. Cùng với nó, những đôi nạng xinh đẹp, có màu sắc sỡ ấy cũng lớn dần lên, để cuối cùng được xếp thành một dãy theo thứ tự như một bộ sưu tập độc đáo.

Rồi tôi nghĩ tới kẻ đã giết nó. Có thể đó là tay thanh niên từ tỉnh về mà ông bác Cái Xoan đã nói. Cũng có thể là người khác, một người nào đấy trong số những người vẫn gặp và chào hỏi nhau hàng ngày ở cái làng nhỏ bé này. Nhưng ai? Ai đã nỡ làm hại một đứa bé tội nghiệp như nó? Bất chợt tôi bỗng cảm thấy đau nhói trong tim, đau vì nghĩ rằng cái ác không bị trừng phạt đang ở đâu đó kề ngay bên ta, dưới trăm ngàn mặt nạ khác nhau. Cái ác ấy sẵn sàng tấn công bất cứ lúc nào mà ta phải đành bất lực.

*Hà Nội, 1987*

## CẦU VỒNG

Lúc ấy đã xế chiều. Một cơn giông ngắn vừa ập qua, mặt đất và không khí còn ẩm mùi mát lạnh. Đang trên đường từ làng Xuân Tình về nhà, đến giếng nước ăn ở cách đồng Chùa., lão Nhất Lợn bỗng cảm thấy mình được chiếu sáng đột ngột. Lão đứng lại, ngơ ngác nhìn quanh. Trong thứ ánh sáng kì lạ đó, lão nhìn thấy những giọt nước li ti đang nhảy múa, và kì lạ hơn nữa, chúng có màu, đủ cả xanh, đỏ, vàng và tím. Để kiểm tra lại cảm giác của mình, lão xòe hai tay trước mặt. Cả hai bàn tay nhăn nheo, xạm đen vì cẩu bẩn của lão cũng có màu như vậy. Vô cùng ngạc nhiên, lão ngược nhìn lên cao và chợt thấy một hình cung khổng lồ nửa xanh nửa đỏ. Một đầu của hình cung đó cắm xuống đúng mỏm núi có ngôi đền thờ An Dương Vương. Nó vươn lên cao, vượt qua hai xã Diên Trung và Diên An, vượt qua cả cái làng Xuân Nho của lão, rồi cuối cùng cắm đầu còn lại xuống...

Ôi, bây giờ thì lão hiểu - Cầu Vồng! Cầu Vồng rơi đúng vào người lão, một lão già khốn khổ! Lão Nhất Lợn!

Lão năm nay đã ngoài bảy mươi, bị bệnh hen xuyên nặng. Khuôn mặt lão bé choắt và đầy những vết nhăn chằng chịt. Lão sống một mình, không vợ con, không cả người thân thích. Suốt đời, hay ít ra cũng hai, ba mươi năm nay, lão sống bằng một nghề duy nhất và cũng khá độc đáo, là nuôi lợn đực cho thuê giống. Cái tên Lợn được gán cho lão cũng vì thế. Lão là người tính khí lạ lùng, đặc biệt rất mê tín, có thể nói là mê đạo, tuy lão không hề theo một thứ tôn giáo nào. Trong nhà lão, - nếu có thể gọi túp lều lão ở là nhà - không có cả một góc nhỏ để làm các công việc thờ

cúng. ấy thế mà bữa ăn nào, trước khi cầm đũa lão cũng chấp tay vái ba cái rồi lăm bắm đọc vài câu gì đó không ai hiểu. Lão ăn mặc lôi thôi lếch thếch, sống hết sức kham khổ. Được cái lão vô lo, hiền lành. Ai cười chê lão nghèo khổ hay định bày bảo điều gì, lão thường nói cái câu lão yêu thích: "Không sao, đời người ăn nhau ở cái hậu. Cái hậu của tôi khá lắm, rồi mọi người sẽ biết".

Nghề nuôi lợn được cho thuê giống thoát nhìn tưởng nhàn rồi, dễ sinh lợi, nhưng thực ra vất vả và phức tạp lắm. Hình như ở đây có một loại bí quyết nào đó chỉ mình lão biết, nên bao năm nay có thể nói lão là người chiếm độc quyền nghề này không những trong xã mình, mà còn cả một vài xã lân cận, dù không ít người từng quyết tâm sống chết cạnh tranh với lão.

Tuy nhiên, độc quyền một nghề như thế cũng chẳng lấy gì làm vinh quang, nhất là với lão, một người không vợ. Vì nó mà lão thường bị đem làm trò chế giễu. Vốn dĩ hiền lành, lão chỉ cười và bỏ ngoài tai tất cả những lời đùa, châm chọc của người khác. Lão chẳng cáu giận ai bao giờ, hoạ chẳng chỉ với chính con lợn được của lão. Lão chăm bắm nó, lo cho nó ăn, tắm rửa sạch sẽ, và điều quan trọng hơn là sống dựa vào nó. ấy thế mà thật lạ, lão vẫn cảm thấy có cái gì đấy vừa căm ghét, vừa khinh bỉ đối với nó, nhất là những ngày lão dẫn nó hăm hở đi làm cái việc mà lão vẫn gọi là "đê tiện" kia. Lão luôn gọi nó là "thằng đểu".

Vào những ngày ấy, từ sáng sớm "thằng đểu" được ăn theo chế độ đặc biệt. Rồi lão và "thằng đểu" ra đi. "Thằng đểu" đi trước. Nó là một con lợn cao và dài, hông hóp, lông đen và cứng. Nó bước đi chậm chạp, đôi mắt hùm hụp nhìn xuống đất như tìm kiếm cái gì. Hòn dái to, thông, luôn đập bên này bên kia theo nhịp bước chân. Lão Nhất đi theo sau, tay cầm chiếc gậy dài màu đen nhẵn bóng. Chốc chốc lão lại vô cớ mắng con lợn và thẳng tay nện xuống lưng nó những cú khá đau. Nhưng vốn quen với sự bất công của chủ, nó nhẫn nhục chịu đựng, chỉ khe khẽ kêu vài tiếng ụt ịt, rồi lại đứng đĩnh đi tiếp...

Tuy mới ba năm tuổi, nhưng với dáng dấp nặng nề, với những nếp nhăn sâu trên mặt và đôi má xệ theo kiểu lợn, trông nó cũng già nua chẳng kém gì chủ nó.

Những trưa hè nắng gắt hay những chiều đông âm u, thật khó mà không nghĩ tới một cái gì đấy buồn bã, chua xót khi nhìn lão Nhất và con lợn của lão đi bên nhau trên những con đường gồ ghề, heo hút nối liền làng này với làng kia.

Xưa nay chẳng biết ốm đau là gì", không hiểu sao mùa đông này lão Nhất thấy sức khoẻ mình yếu sút hẳn, đặc biệt là hai tuần qua. Toàn thân lão đau âm ỉ. Lão có cảm giác như các khớp xương bị tháo rời ra, mỗi lần trở lưng lại kêu lên răng rắc. Lão nằm đắp chăn trùm hum trên giường, một ngày chỉ dậy hai lần để nấu ăn cho lợn và nhân thể cho cả lão. Đêm lão nằm trằn trọc mãi, và lúc thiếp đi thường mơ những giấc mơ rất kì dị. Lúc thì lão thấy được một ông tiên nào đó đưa lên trời bằng chiếc xe do ba con rồng phun lửa kéo. Chiếc xe lướt nhanh qua những đám mây xốp nhẹ đủ các màu sắc sỡ. Quần áo lão cũng được dệt bằng những sợi vàng bạc lấp lánh và đính đầy ngọc. Lão ngồi trên xe, hồng hào và đẹp đẽ chẳng kém gì ông tiên bên cạnh. Đang ngây ngất vì sung sướng thì bỗng có cái gì cọ cọ vào chân. Lão cúi xuống nhìn và thất vọng khi nhận thấy đó là con lợn xấu xí của lão. Con lợn há cái mõm bẩn thỉu của nó cắn vào ống quần lão kéo lùi trở lại. Còn lão thì cố níu giữ một cách bất lực, cho đến khi cuối cùng bị kéo tuột khỏi xe và rơi tít từ trên cao xuống đất.

Có lúc lão mơ thấy lão có vợ, nhưng rồi nhìn kĩ hoá ra vợ lão lại vẫn là con lợn khốn kiếp ấy. Sau những giấc mơ như thế, lão rất buồn. Hơn bất cứ lúc nào, bây giờ lão mới nhận rõ hết sự cô đơn, bất lực của mình. ý nghĩ về một cái chết lạnh lẽo, không người vượt mắt, không tiếng khóc ngậm ngùi, ngày càng ám ảnh lão. Suốt đời mình, lão sống lương thiện, chịu bao nhiêu đau đớn, vất vả, không lẽ khi chết còn phải chịu thêm một sự nhục nhã như thế? Và không lẽ tất cả mọi hi vọng về cái hậu tốt đẹp của cuộc đời mà lão luôn tự an ủi mình và khoe với người khác, cuối cùng chỉ là những hi vọng hão không bao giờ đạt được?...

Mấy ngày nay trời đã bắt đầu ấm lại. Ngoài sân nắng vàng rực rỡ. Tuy còn yếu và mệt, sáng nay lão Nhất vẫn rời khỏi giường ra thêm ngồi sưởi nắng suốt cả buổi sáng. Buổi chiều lão

quyết định "đi làm", tức là dẫn lợn lên làng Xuân Tình, theo yêu cầu của bà Ba, một người bạn cũ và cũng là khách hàng thường xuyên của lão.

Đến nơi, như thường lệ, lão cho "thằng đểu" vào chuồng làm cái việc "đê tiện" của nó, còn lão thì đứng đỉnh bước vào nhà, nơi bà Ba đang ngồi đợi lão trên chiếc chõng tre với hai bát nước chè xanh mới nấu và một cối trầu.

- Đạo này ông ồm đấy à? - bà Ba hỏi, thay cho lời chào.

- Ủ, cũng sơ sơ thôi, - lão đáp, vẫn theo kiểu nhát gừng như mọi khi, rồi đỡ lấy bát nước bà Ba đưa cho, uống một hơi hết sạch.

Tiếp đến hai người cùng im lặng.

Chủ nhà là một bà già nhỏ nhắn, tóc đã bạc gần hết, quần áo sạch sẽ, chiếc miệng móm bao giờ cũng nhai trầu. Trước bà làm nghề buôn vật, hàng ngày gánh đôi thúng xuống chợ Hôm bán dăm ba thứ đồ hàng xén. Độ mười năm gần đây do sức yếu, bà chuyển sang nuôi lợn nái và bỏ công chăm chút cái vườn. Cũng như lão Nhất, bà sống độc thân, không con cái, không họ hàng thân thích, và cũng là dân ngụ cư, có điều bà từ Quỳnh Lưu vào, còn lão thì từ Yên Thành xuống. Nghe nói ngày xưa có thời hai người đã từng mê ghê gớm, không hiểu sao chuyện không thành. Từ đó đến nay hai người vẫn có cảm tình đặc biệt với nhau, tuy không ai để lộ ra, nhất là lão Nhất. Tại sao trong suốt chừng ấy năm họ không nghĩ đến chuyện quay lại với nhau, thành vợ thành chồng như những người khác, ít ra để nương tựa nhau những lúc già yếu thế này? Đây là một điều bí ẩn không ai hiểu, ngoài họ.

- Vừa rồi bà đẻ được mấy con? - Lão hỏi.

Bà Ba ngừng nhai trầu, lấy bộ nghiêm khắc đáp:

- Không phải tôi, mà là con nái nhà tôi. Mười con. Ông lại định chọc tôi đấy à?

Lão cười:

- Thì tôi hỏi là hỏi về con lợn đấy chứ? Bà xem giống của tôi có tốt không?

Chủ nhà lại nhíu mày nhìn ông, nhưng không nói gì. Một lúc sau bà mới lên tiếng:

- Già như ông mà làm cái nghề này, ông không thấy xấu hổ à?

- Tại sao tôi phải xấu hổ? - lão Nhất cao giọng. - Tôi xấu hổ thì ai đưa đực đến đây cho bà? (chủ nhà lại nhìn khách cảnh cáo). Nó cũng là một cái nghề bình thường như bao nghề khác. Có điều phải quanh năm vất vả với nó mà tôi vẫn chẳng kiếm được đồng nào thừa. Nhưng không sao, đời người ta ăn nhau ở cái hậu, mà cái hậu của tôi thì bà biết đấy...

Hai người nói chuyện thêm một lúc nữa, rồi xem chừng "thằng đực" đã làm xong cái việc của nó, lão Nhất cầm lấy chiếc nón rách, định đứng dậy ra về.

- Khoan đã. Sắp có giông đấy, - bà Ba nói.

Lão Nhất bước ra sân, ngửa mặt lên xem. Quả thế thật: bầu trời mới quang đãng lúc nào bây giờ đã bị mây đen che phủ. Đâu đó vang lên những tiếng sấm gần và ròn. Một vài giọt nước to và thưa bắt đầu rơi, để lại trên nền đất ẩm những chấm đen như những đồng xu.

- Năm nay giông sớm thật, - lão Nhất nói khi quay lại, miễn cưỡng ngồi xuống giường. Bà Ba lại đưa cho lão một bát nước. Cả lần này lão cũng uống một hơi hết sạch.

Chưa đầy hai mươi phút sau, lão Nhất và con lợn của lão lại đi trên đường làng. Cơn giông đã tạnh hẳn, tuy trên trời vẫn còn sót lại vài mảnh mây toí tả đang bay nhanh về phía cầu Bùng. Treo lủng lẳng trên những ngọn đồi thấp của xã Diễn Lợi, mặt trời le lói chiếu những tia sáng vàng, lạnh lẽo. Con lợn vẫn đứng đĩnh đi trước. Nó bị đánh đau và nhiều hơn cái mức đáng phải chịu, nhưng vốn biết bao giờ "xong việc", nó cũng bị chủ đối xử một cách bất công và vô lí như thế, nên nó vẫn nhẫn nhục chịu đựng.



\*

Đang trên đường từ làng Xuân Tình về nhà, đến giếng nước ăn ở cách đồng Chùa, lão Nhất bỗng cảm thấy mình được chiếu sáng đột ngột. Lão đứng lại, ngơ ngác nhìn quanh. Trong thứ ánh sáng kì lạ đó, lão nhìn thấy những giọt nước li ti đang nhảy múa. Kì lạ hơn, chúng có màu, rất nhiều màu. Để kiểm tra lại cảm giác của mình, lão xòe hai tay trước mặt, và cả hai bàn tay nhẵn nhéo, xạm đen và cáu bần của lão cũng có màu như vậy. Vô cùng ngạc nhiên, lão ngược nhìn lên cao và chợt thấy một hình cung khổng lồ nửa xanh nửa đỏ. Một đầu của hình cung đó cắm xuống đúng mỏm núi có ngôi đền thờ An Dương Vương. Nó vươn lên cao, vượt qua cả hai xã Diễn An và Diễn Trung, vượt qua cả cái làng Xuân Nho của lão rồi cuối cùng cắm đầu còn lại xuống...

Ôi! Bây giờ thì lão hiểu: Cầu Vòng! Cầu Vòng rơi đúng vào người lão, lão Nhất Lợn, một thằng già khốn khổ!

Có lẽ phải đến mấy phút lão đứng dậy ngậy ra không biết làm gì. Bất chợt, một ý nghĩ kì lạ bỗng đến với lão. Lão nhanh chóng vứt bỏ hết quần áo, và rồi, hoàn toàn trần truồng, như một người điên thực sự, lão bắt đầu nhảy múa, tằm táp trong thứ ánh sáng kì diệu ấy. Người lão được chiếu sáng rực rỡ, luôn đổi từ màu này sang màu khác. Những giọt nước li ti xanh, đỏ, tím, vàng bám quanh lão, tạo thành một đường viền kì ảo. Lão vò đầu, xoa tay, xoa chân, kì cọ khắp người. Lão nằm cả xuống mặt đường lổm chổm đá nhon và cát nhèo sau cơn giông. Có lúc lão ôm mặt khóc hu hu, có lúc lão lại cười lên điên dại, miệng không ngớt xuýt xoa những câu gì đó về Cầu Vòng, về Trời Phật và về cái hậu của đời lão.

Đêm hôm ấy lão Nhất bị cảm nặng, và hôm sau, gần trưa, khi bà Ba đến tìm lão để trả tiền công hôm trước quên chưa lấy, bà thấy lão đã nằm chết trên giường. Bà cúi xuống nhẹ nhàng vuốt lên hai mắt lão, dù hai mắt lão đã nhắm như người đang



ngủ say. Bà lặng lẽ tìm bộ quần áo còn sạch, đun nước tắm rửa rồi thay cho lão. Làm xong tất cả những việc ấy, bà ngồi xuống chiếc chõng tre và khóc.

Lão Nhất nằm bên cạnh, sạch sẽ và thanh thản. Mặt lão hồng hào, hồng hào một cách khác thường. Nhưng bà Ba đã không nhận thấy điều ấy. Có thể vì bà đang quá xúc động, cũng có thể bà nghĩ đó chỉ là ánh sáng mặt trời lọt qua chỗ đột trên mái nhà phản chiếu lại.

*Diễn Châu - Đà Lạt*

*1985 - 1987*

## CHIẾN TRANH

Các bạn thử hình dung một chuyện như sau:

Có một đôi trai gái yêu nhau, rất yêu nhau. Cưới xong được ít hôm thì chàng trai lên đường ra mặt trận, để lại người vợ trẻ ở nhà, một mình vừa làm lụng vất vả, vừa mỗi mòn chờ đợi. Mà nào chờ đợi một hai năm! Không, đúng mười năm. Và trong suốt mười năm dài ấy, cô gái không hề nhận được tin tức nào về chồng. Vì sao thì khó mà ai biết được. Thế rồi chiến tranh kết thúc, chàng trai trở về, sung sướng cảm động khi thấy vợ vẫn chung thủy. Nhưng đến khi hai người đã lên giường nằm, đặt một tay lên bụng vợ, chàng trai bỗng ngồi bật dậy:

- Em có chữa?

- Vâng.

Im lặng kéo dài.

- Với ai?

- Với anh, tất nhiên, - cô gái bình thản đáp. - Còn có chữa với ai được nữa, ngoài anh?

Chàng trai không nói gì, lẳng lặng chui ra khỏi màn, mặc quần áo, rồi đến ngồi hút thuốc bên bàn - một giờ, hai giờ, cũng có thể lâu hơn. Sau đó, vì cả nhà chỉ có một giường, anh lục ba lô lấy tấm vải nhựa trải xuống sàn và nằm xuống.

Mọi chuyện bắt đầu từ đêm ấy, cái đêm chấm dứt mười năm chờ đợi, thương nhớ của một cuộc chiến tranh vô cùng ác liệt, và

cũng là đêm mở đầu những thử thách mới, nơi con người lại lần nữa phải mặt đối mặt với chiến tranh, loại chiến tranh không súng đạn sau cuộc chiến tranh súng đạn mà họ vừa trải qua một cách thắng lợi.

Liệu lần này, họ lại đứng vững, hay sẽ bị đánh gục? Trả lời câu hỏi này thật khó, vì những thử thách mới trước mặt đòi hỏi không phải sức chịu đựng ghê gớm về gian khổ và thiếu thốn, mà là một cái gì đấy còn to lớn hơn, phức tạp và tế nhị hơn: đó là sự tinh táo, tình thương và lòng vị tha.

Bạn đọc thân mến, bức tranh tôi miêu tả trên không phải trích từ cuốn sách nào đó, cũng không phải do tôi nghĩ ra, mà là chuyện có thật ở làng tôi. Nhân đây, tôi xin phép dừng lại để nói đôi lời nó, cái làng bé nhỏ ấy, để bạn đọc hiểu thêm những gì tôi sắp kể.

Như phần lớn các làng khác của miền Trung gian khổ, làng tôi nghèo, và bao đời nay liên tiếp bị chà xát, vùi dập bởi bom đạn kẻ thù, bởi hạn hán, lũ lụt, gió Lào và giông bão. Có lẽ cũng chính vì thế mà theo quy luật tự vệ bản năng, tâm hồn và khuôn mặt nhân hậu của làng tôi được giấu rất sâu dưới lớp vỏ ngoài cằn khô, xơ xác, cái vẫn làm e ngại không ít các cư dân tỉnh khác, thậm chí cả một số người vốn sinh ra và lớn lên ngay trong lòng nó.

Trong thời gian chiến tranh, làng tôi được gọi là làng túi bom, nghĩa là, vì nằm chính giữa điểm nối các trục giao thông thuỷ, bộ và đường sắt, nên ngoài những trận đánh phá thường xuyên, nó còn phải hứng chịu số bom đạn thừa của máy bay Mỹ vừa đánh phá đâu đó về không dùng hết. Thử nhắm mắt vài giây để hình dung một phần sự khủng khiếp của chiến tranh, xét về số người chết, số nhà cửa bị san bằng, số trai làng ra đi không trở lại, chúng ta sẽ không thể không bàng hoàng ngạc nhiên, và một cảm giác hối hận pha lẫn xấu hổ sẽ xâm chiếm lòng ta, những người con rời làng đi xa từ lâu, cảm giác rằng trong suốt nhiều năm chúng ta đã quá vô tư để bỏ qua không biết, hay biết một cách hời hợt, một một nỗi đau như thế.

Ở làng tôi chiến tranh kết thúc đã mười năm nay, nhưng chiến tranh, hay đúng hơn - hậu quả của nó - vẫn còn tiếp tục. Một bà lão nghe tin con hy sinh đã phát điên, và suốt từ năm 1969 tới nay hàng ngày bà ra ngõ ngồi chờ con trai, gặp ai cũng níu lại hỏi thăm tin tức. Chắc bà lão còn tiếp tục ra ngõ ngồi chờ con lâu rất lâu nữa, nếu tháng trước không vì cảm lạnh mà chết. Khoảng một phần ba số nhà trong làng trên bàn thờ tổ tiên là những khuôn mặt bộ đội trẻ măng, những người chết đi để lại cũng chừng ấy cô gái muộn chồng và có thể không lấy được chồng. Một đứa bé sinh ra đúng lúc giặc Mỹ ném bom. Nó bị chấn thương sọ não và lớn lên hoàn toàn ngớ ngẩn. Cho đến nay dù đã hai mươi bảy tuổi, nó vẫn chưa biết nói. Vân vân và vân vân.

Trở lại câu chuyện trên. Như đã nói, nó xảy ra ở làng tôi, hoàn toàn có thật, và đúng như tôi đã kể ở phần đầu.

Đôi trai gái ấy là Nam và Xuyến. Suốt đêm đó không ai nói thêm một lời nào, dù cả hai không hề chớp mắt. Sáng hôm sau, Nam đi vòng quanh làng để thăm hỏi mọi người, nhưng thực chất cốt dò biết tin tức về vợ những năm anh đi vắng. Anh ngạc nhiên và bối rối khi nghe mọi người nhận xét rất tốt về Xuyến, rằng cô cần cù, nét na và đặc biệt nghiêm túc trong quan hệ.

"Chắc cô ta khéo giấu nên mọi người không biết - Nam nghĩ thế. Về nhà, không tìm được nữa, anh lại hỏi vợ, vẫn câu hỏi cũ:

- Cô chữa với ai?

- Với anh. - Vẫn cái giọng nhỏ nhẹ, bình tĩnh ấy.

- Với tôi ? Sao lại có thể với tôi được? Cô khinh tôi quá! - Nam giận dữ quát to. - Cô thử giải thích tôi nghe nào?

Xuyến ngược lên nhìn chồng, hai mắt rơm rớm như muốn khóc, khuôn mặt cô ửng đỏ vì ngượng ngùng.

- Nào, cô nói đi, nói đi!

- Anh Nam, - Xuyến nói. - Anh đừng mắng em như thế. Em van anh... Em yêu anh, bao giờ cũng yêu anh, bao giờ cũng chung thủy với anh! Giá anh biết, dù chỉ một phần thôi, rằng em phải

vất vả, đau khổ và lo sợ thế nào trong suốt mười năm chờ anh vừa qua. Còn về việc vì sao em có chữa thì đơn giản thôi. Vì trong suốt chừng ấy năm, tối nào đi ngủ em cũng kê sẵn một chiếc gối cho anh cạnh gối em. Nhiều hôm sáng dậy, em thậm chí xấu hổ khi nhớ lại chuyện anh và em tối trước. Cách đây không lâu, anh cũng về với em như thế. Và lần này hình như em cảm thấy anh gần hơn, cụ thể hơn. Khi tỉnh dậy, em vẫn thấy em một mình như bao lần khác, nhưng em biết chắc là anh vừa ở bên em, thậm chí hơi ấm của anh còn bám vào da thịt em, thậm chí chân còn nhàu nát...

- Cô phịa ra chuyện ấy để bắt tôi tin, và rồi dần dần chính cô cũng tin vào cái điều nhảm nhí ấy chứ gì?

- Ô không, anh Nam, anh đừng nói thế, oan em. Em không hề...

Nhưng Nam đã bỏ ra ngoài.

Những lời Xuyến vừa nói, thực ra, không phải không làm anh cảm động và suy nghĩ. Anh rất hiểu và thông cảm với Xuyến, vì bản thân anh trước đây cũng nhiều đêm nằm mơ có vợ bên cạnh. Nhưng không lẽ vì thế mà vợ anh có chữa? "Không! Không thể như thế được!" - anh nghĩ, tuy rất muốn tin vào điều vợ nói. Anh tìm mọi cách bào chữa cho cô, thậm chí viện cả cái thuyết đồng giao cách cảm mà gần đây người ta hay nhắc tới, nhưng cuối cùng anh vẫn phải đau khổ mà thừa nhận rằng Xuyến đã không chung thủy với anh, đã ăn nằm với một người đàn ông khác. Mà điều ấy thì quá sức anh chịu đựng, một trở ngại quá lớn anh không thể vượt qua nổi, thậm chí cả khi anh rất yêu thương vợ, trước kia cũng như bây giờ. Biết làm thế nào được, con người anh là thế, anh không thể ôm một người đàn bà, khi người ấy đã từng ở trong vòng tay một người đàn ông khác.

Họ, hai vợ chồng và thằng bé mới sinh, vẫn ở chung với nhau, trong cùng một căn nhà chật hẹp. Không ai nghe họ to tiếng với nhau lần nào. Chồng - anh Nam - là một người đàn ông khoẻ mạnh và chí thú. Anh làm khoẻ, không những đủ ăn mà còn

có thừa bán cho Nhà nước. Trong một thời gian ngắn, anh sắm đủ thứ cần thiết cho gia đình. Tính anh hiền và ít nói. Cả với vợ, anh cũng chỉ nói khi nào thật cần thiết. Ban ngày anh làm luôn tay, làm hùng hục mọi việc. Hết việc, anh ngồi im, thường nhìn trần trần một điểm nào đó trước mặt. Và rất buồn. Tối đến, anh vẫn ngủ riêng, tất nhiên không phải giữa sàn nhà, mà trên một chiếc giường nhỏ mới mua, đặt sát cửa sổ. Chị vợ thì sau khi sinh đẻ, vốn nhỏ bé, lại càng trở nên nhỏ bé hơn, bao giờ cũng lặng lẽ như cái bóng. Với ý thức của một người có lỗi, chị rất muốn chiều chuộng chồng, muốn san sẻ bớt những ý nghĩa nặng nề anh đang chịu đựng, nhưng rất tiếc, mọi cố gắng của chị đều vô ích trước vẻ lãnh đạm tàn nhẫn của anh, nên chị cố tránh gặp mặt và thường ngồi im ở một góc nào đấy.

Còn thằng bé thì thật lạ, càng lớn lên càng giống Nam. Một sự ngẫu nhiên? Hay lần nữa buộc phải suy nghĩ về lời giải thích vô lý của Xuyên? Điều này quả có làm Nam băn khoăn không ít. Đứa bé thật kháu. Nam hoàn toàn không có ác cảm nào với nó, dù chính nó là trở ngại ngăn cách hai vợ chồng, là nguyên nhân của mọi bất hạnh trong gia đình. Ngược lại, anh thương nó, như thương Xuyên, vợ anh, và anh cảm thấy thực sự khổ sở khi phải giấu không bộc lộ tình cảm đó. Nhiều lúc cao hứng, hoặc vì vợ bận, anh còn bế và giặt cả tã cho con. Tuy nhiên, sau những lần đấu tranh, dần vật như vẫn thường xảy ra, cuối cùng cái con người định kiến, cố chấp trong anh vẫn thắng, và anh vẫn cương quyết không chịu cho thằng bé mang họ anh, vẫn bắt chữa lại thành "bác" mỗi khi nó quen miệng gọi anh bằng "bố". Nhiều đêm nghe vợ ôm con khóc ở giường bên, anh những muốn lại gần vợ vuốt ve, an ủi cô, muốn làm điều gì đó thật tốt đẹp cho cô, ấy thế mà anh vẫn nằm yên, trần trần nhìn lên trần nhà, hoặc bỏ ra ngoài san hút thuốc cho tới tận sáng. Những lúc ấy anh rất cáu giận. Anh giận Xuyên, giận đứa bé, giận bản thân anh - nhất là bản thân anh. Con người anh, cái tính anh là thế, biết làm thế nào được?

Một hôm, Nam sang nhà tôi chơi.



- Được mấy ngày về thăm quê mà cứ ngồi lì ở nhà mãi thế à?  
- Vào tối ngỗ, anh nói to thay cho lời chào. - Lại viết truyện?

- Không, - tôi đáp. - Mời anh ngồi chơi.

Lúc này đứa bé đã lớn, biết chạy lon ton khắp làng, nhưng gia đình anh thì vẫn như cũ. Nghe nói bà con và chính quyền đã nhiều lần khuyên anh làm lành với vợ, nhưng anh không nghe. Thế đấy, người dân làng tôi, tôi biết - rất chân thành và cả tin, nhưng một khi có ý nghĩ nào đó chui vào đầu thì không dễ mà giữ ra nổi.

- Thế nào, anh Nam, vẫn "chiến tranh" à? - tôi ướm hỏi.

Nam không đáp, nhưng nét mặt buồn hẫ xuống. Mãi một lúc sau anh mới nói:

- Anh xem, tôi còn biết làm thế nào khác được?

- Sao lại làm thế nào? - tôi cao giọng. - Thì "hoà bình" đi! Anh không thấy rằng anh đang làm khổ chị ấy à?

- Thế anh tưởng tôi sung sướng lắm chắc? - Nam vặn lại.

- Chính vì vậy mà cần phải bỏ qua cho nhau, và càng sớm càng tốt.

Nam ngồi im, rồi bất chợt nghiêm mặt hỏi tôi:

- Có điều này, tôi hỏi thật anh nhé?

- Vâng, anh cứ hỏi.

- Anh có tin cô Xuyên không? Về chuyện cô ấy có chữa ấy mà?

- Tin, tôi tin, - tôi đáp.

- Vì sao?

- Vì sao thì không biết, nhưng tôi tin.

- Còn tôi thì không! - Anh bật đứng dậy nói to một cách giận dữ! - Không! Không bao giờ!

- Nhưng suy cho cùng điều ấy không quan trọng. - Tôi cũng nổi nóng. - Quan trọng là cô ấy đã chờ anh chừng ấy năm! Quan trọng là cô ấy vẫn yêu anh! Quan trọng là anh không thể và không có quyền đối xử với cô ấy như thế!

- Anh nói dễ lắm, anh nhà văn ạ. - Nam nhếch mép cười với vẻ mỉa mai không che giấu. - Với các anh, mọi chuyện thật đơn giản.

Rồi không nói thêm một lời nào, anh bỏ đi.

Đây, các bạn xem: một con người đã mười năm lăn lộn khói lửa chiến trường, có thể đã lập nhiều chiến công phi thường, đã vượt qua trăm nghìn thử thách ghê gớm, ấy thế mà bây giờ con người từng trải được tôi luyện ấy không vượt qua nổi cái trở ngại tưởng như rất bé kia, để chấm dứt đau khổ cho chính bản thân và cho người mình yêu quý nhất. Thật bất công, và cũng thật chua xót! Nhưng cả tôi, cả các bạn cứ thử thuyết phục anh ta đi!

Tháng hai năm 1979, khi xảy ra chiến tranh ở biên giới phía Bắc, Nam tình nguyện gia nhập lại quân đội. Vợ anh không giữ, chỉ nói:

- Anh đi, em sẽ chờ. Bao lâu em cũng chờ...

- Và cô sẽ tiếp tục đêm đêm mơ tôi về thăm, và có thể cô sẽ lại có chữa? - anh châm chọc.

- Vâng. - Vợ anh đáp như không hề nhận thấy sự châm chọc ấy. - Nhưng anh hãy tin bao giờ em cũng yêu anh, và nếu có chữa thì cũng chỉ với anh, một mình anh...

Từ ấy đã hơn nhiều năm trôi qua. Cô Xuyến nay đã là bà Xuyến. Bà già và yếu hẳn đi một cách nhanh chóng. Bà vẫn mòn mỏi chờ chồng như năm nào, và vẫn như năm nào, bà không hề nhận được một bức thư nào của chồng, xưa là anh, bây giờ là ông Nam.

Đây là chuyện riêng của hai người, lúc đầu tôi không có ý định viết lên giấy, nhưng rồi cân nhắc kỹ nhiều mặt, cuối cùng, bắt chước nhà văn Pháp Angđrê Môroa trong truyện "Cuộc trở về của người tù", tôi viết và cho đăng báo chuyện này, với hy vọng mỏng manh, rằng biết đâu đọc nó, ông Nam sẽ nghĩ lại. Tôi, ông Nam và bà Xuyến dẫu sao cũng là người cùng làng với nhau, mà

đã là người cùng làng thì, tôi nghĩ, không ai có quyền thờ ơ với số phận của người khác.

*Diễn Châu - Nha Trang, 1987*

## CÔ ĐƠN

Ông ngồi trên ghế đá, chìa một tay để ngửa về phía trước.

- Cúc, cù cu! - ông khề gọi. - Nào, lại đây ta cho ăn! Lại gần nữa, đừng sợ! Nào! Thật rõ ngốc!

Trước mặt ông là mấy con bồ câu, một con màu trắng, số còn lại đều màu xám và cổ lốm đốm các vết đen. Chúng mở những cặp mắt to tròn nhìn ông, đầu luôn nghiêng ngó bên này bên kia, chốc chốc lại kêu lên "gù gù", nghe như được phát ra từ sâu trong lồng ngực. Chúng đứng từ xa, chờ ông ném những vụn bánh mì khô mà ông đang giữ trên tay. Nhưng ông thì lại muốn chúng đến gần, gần hơn nữa. Ông muốn chúng đến đậu và ăn từ lòng tay ông... Lúc này chúng ở cách ông một mét.

Một tuần trước đây, khoảng cách là ba bốn mét hay hơn thế. Những mét đầu tiên được rút ngắn một cách dễ dàng, nhưng đến cái mét cuối cùng này thì khác hẳn. Bầy chim đã quen ông, đến mức mỗi sáng, khi ông xuất hiện, không hiểu từ đâu chúng đã bay đến đậu trước mặt. Ông ném thức ăn cho chúng, hôm những vụn bánh, có hôm cơm thừa phơi khô hay thóc gạo. Chúng mổ ăn một cách ngon lành, có lúc mổ nhăm cả vào những viên sỏi nhỏ. Chao, ông thèm được vuốt ve những con vật bé nhỏ đáng yêu này biết bao, thèm được chúng tự nguyện đặt những đôi chân mảnh mai lên tay ông, để ông khoan khoái tận hưởng cái cảm giác nhuần nhuột dễ chịu khi chúng mổ mổ vào lòng tay. Rồi vừa lắm

bầm mắng yêu chúng về tội tham ăn và khó bảo, ông vừa chìa tay về phía trước, nhưng những con chim bướng bỉnh vẫn không chịu rút ngắn cái khoảng cách một mét tai hại kia. Ngay cả con trắng bạo dạn nhất cũng vậy. Ông tiến lên bao nhiêu, chúng lùi xa bấy nhiêu, kiên nhẫn chờ đợi. Để chúng khỏi thất vọng bay đi, chốc chốc ông phải tung cho chúng một ít thức ăn. Ông biết chúng sợ ông, không tin vào lòng tốt của ông.

- Thật rõ ngốc! Có ai làm gì chúng mày đâu mà sợ! - ông mắng bầy chim, rồi lại dỗ: - Nào, lại đây! Lại đây ta cho ăn nào!...

Cứ thế, hết giờ này đến giờ khác, ông già ngồi trên ghế đá với bàn tay để ngửa chìa ra phía trước như một người xin bố thí, trong khi thực ra ông đang cho, cho mà không được nhận.

Vào giờ này, công viên vắng người. Mặt trời đã vượt lên trên khu nhà năm tầng phố bên. Đang tiết thu, nắng vàng dễ chịu. Một đôi trai gái dắt tay nhau đi ngang. Họ vừa đi vừa cười khá to, làm đàn chim hoảng sợ bay lên. Nhưng liền sau đó một số bay trở lại, còn số khác thì bay đi hẳn! Chắc vì ăn đã no, hay vì chán cái trò chơi ú tim kia.

Bỗng một hồi trống vang to, báo hiệu hết giờ của trường tiểu học gần đó. Ông tung nốt những vụn bánh còn lại cho bầy chim rồi thông thả đứng dậy, đội chiếc mũ phớt cũ lên mái đầu bạc, sửa sửa chiếc cà vạt trên cổ và chống gậy đi ra phía cổng. Ở đó, ông sẽ gặp một cô bé lớp một kháu khỉnh mà đã một tuần nay hàng ngày ông có nhiệm vụ dẫn đến trường và chờ học xong lại đưa về nhà.

- Ông vẫn chờ cháu suốt từ sáng tới giờ ở Công viên đấy à? - Cô bé hỏi khi hai người bước sang đường phố đối diện.

- Ừ, - ông lơ đãng đáp, tai lắng nghe những tiếng động đều đều quen thuộc của phố phường. Buổi sáng hôm nay trời đẹp thật. Không khí trong lành và thoang thoang mùi hoa sữa. Xuyên qua những tán lá cây rậm, mặt trời để lại trên hè phố những đốm tròn màu vàng chồng chéo lên nhau. Ông thông thả bước đi, thích

thú gõ mạnh đầu gậy xuống đường và cố tình dẫm lên những chiếc lá khô để được nghe tiếng kêu lạo xạo dưới đế giày.

- Ông làm gì ở công viên? - Cô bé hỏi.

- Ông chơi.

- Ông chơi? Chơi một mình à?

- Ừ, ông ngồi chơi một mình. Có gì đâu mà cháu phải ngạc nhiên.

Cô bé im lặng một lúc như suy nghĩ điều gì, rồi nói:

- Cháu không thích chơi một mình, cháu cũng không thích ông chơi một mình.

Một chiếc xe rửa đường đi tới. Khách từ giữa lòng phố vội né lên hè. Nhiều người lâu bầu bực mình hoặc mỉm cười vui thích vì bị nước té. Chiếc xe đi qua, để lại mặt đường ướt sẫm với làn không khí run run đầy những chấm li ti xanh đỏ, và mùi hăng hăng dễ chịu như mùi của một loại hoa nào đấy ta quên mất tên.

- Ông ơi, - cô bé lại lên tiếng, - ông biết điều này chưa?

- Biết gì cơ?

- Biết bà cháu nhận được điện báo tối nay bố mẹ cháu sẽ về.

- Thật thế à? - ông hỏi lại. Đến lúc này ông mới thực sự chú ý tới lời cô bé, và vượt ra khỏi cái cảm giác lâng lâng mà ông đang có trước một buổi sáng đầu thu đẹp trời, với những cảnh vật vừa quen thuộc vừa mới lạ. Ông định hỏi thêm điều gì nhưng nghĩ thế nào lại thôi, và lặng lẽ đi tiếp.

Nghĩa là từ mai mình sẽ chẳng còn được đưa nó tới trường nữa, ông thầm nghĩ, bỗng cảm thấy buồn buồn. Rồi vô cớ ông gõ mạnh chiếc gậy xuống đất.

Đứa bé này không phải cháu ông, mà là con một đôi vợ chồng diễn viên điện ảnh trẻ đang phải quay phim ở vịnh Hạ Long một tuần. Trong khoảng thời gian đó đứa bé được gửi đến ở với bà nội, và vì bà nội nói đi lại khó khăn nên ông, với tư cách bạn cũ của gia đình, được yêu cầu hàng ngày đưa nó đi học.



Nhà ông cách đây hai phố. Ông sống một mình. Ông sống một mình từ xưa đến nay, chưa từng lấy vợ lần nào, và tất nhiên cũng chưa bao giờ có con cháu. Ông đã bảy mươi tuổi. Về hưu đến cuối năm nay là tròn mười năm. Ông là nghệ sĩ violông nổi tiếng mà trong giới âm nhạc không ai không biết đến. Tốt nghiệp xuất sắc nhạc viện Pari, ông vừa về nước thì Cách mạng bùng nổ. Rồi ông lên Việt Bắc tham gia kháng chiến, tất nhiên bằng chiếc đàn của mình, chiếc đàn ông vẫn khoe với bạn bè một cách tự hào là do chính tay Stradivarius làm nên. Hoà bình, ông làm việc ở Đoàn ca múa Trung ương rồi sau đó là Dàn nhạc giao hưởng Quốc gia, từ ngày thành lập cho đến lúc về hưu. Ông có tài, lại được đào tạo cơ bản nên bao giờ cũng được giao chơi bè violông một. Trong suốt chừng ấy năm ở Dàn nhạc, ông luôn dẫn đầu bè, luôn ngồi cạnh nhạc trưởng và mỗi lần biểu diễn xong, nhạc trưởng lại bước xuống khỏi bục chỉ huy đến bắt tay ông, có khi còn tặng cả hoa, nếu khán giả tặng nhiều hoa cho nhạc trưởng. Những lúc ông cúi chào khán giả với một tay là chiếc đàn violông bóng loáng, tay kia là bó hoa, mặc áo đuôi tôm màu đen bó sát người, có chiếc nơ con bướm trên cổ, ông thấy mình thật hạnh phúc, thật đẹp, đẹp và cao thượng như thế giới âm thanh kỳ diệu mà ông vừa tạo ra. Người ông dong dong, khuôn mặt thanh tú với chiếc mũi dọc dừa và bộ ria mép à la Fuhrer trứ danh. Thời trẻ ông nổi tiếng là người đẹp trai, lịch sự và hiểu biết rộng, lại xuất thân từ gia đình giàu có, nên không nói cũng dễ đoán biết rằng ông được rất nhiều phụ nữ hâm mộ. Vì trong dàn nhạc ông chơi bè violông một (Premiere Violon) nên người ta thường gọi ông là Maestro Premiere, nghĩa là ông Nhất, nhất trong mọi lĩnh vực, cả âm nhạc lẫn ngoài đời...

Tóm lại, có thời ông đã là một người hạnh phúc, với cuộc sống thành đạt, đầy đủ và vô tư. Chính lúc này, hay chính xác hơn, suốt thời gian gần đây, ông đang nghĩ về cái thời đẹp đẽ ấy. Ông buồn rầu nghĩ rằng đáng ra ông không phải cô đơn như bây giờ, rằng ông có thể có được những đứa cháu xinh đẹp như cô bé đang bước bên cạnh. Ông có đủ mọi điều kiện cần thiết để được

hưởng cuộc sống gia đình hạnh phúc như người khác. ấy thế mà tiếc thay, lúc ấy, vì mãi chạy theo sự nghiệp, vì ngại vất vả và nói chung vì ích kỷ, ông đã lần lữa, trốn tránh không muốn bước vào cuộc sống ấy. Nhiều cô gái xinh đẹp đã đến với ông, yêu ông và ông cũng yêu họ, yêu một cách chân thành, nhưng ông không bao giờ cho phép những mối tình ấy phát triển đến mức hôn nhân, là điều ông rất sợ, đặc biệt sợ có con. Ông nhớ hồi còn là sinh viên ở Pari, ông yêu một cô gái Pháp nhỏ nhắn tóc vàng thật dễ thương cùng học một lớp. Đó là một mối tình đẹp và trong trắng. Cô gái kia cũng rất yêu ông, và nếu được gia đình cho phép, có lẽ ông đã ở lại nước Pháp để cưới cô ta làm vợ. Rồi một hôm cái cô gái người Pháp ấy sung sướng báo ông một tin quan trọng là cô ta đang có thai, nhưng ông lại lo quẩn lên, tìm đủ mọi cách thuyết phục và dọa dẫm bắt phải phá thai cho bằng được. Cuối cùng rồi cô ta cũng làm theo ý ông, nhưng từ đó tỏ ra khinh bỉ và không còn yêu ông nữa.

Tốt, thông minh, nhưng ông là người thiếu nghị lực và trách nhiệm, ít ra là trong cuộc sống sinh hoạt. Ông sống dễ dãi và hơi buông thả. Ông đến với phụ nữ nhanh chóng nhưng rồi ông xa họ - hay họ xa ông - cũng nhanh chóng như thế. Vẫn lại những lời van xin dọa dẫm ấy, vẫn nỗi sợ cuống quýt và những lo lắng chạy chọt ấy, khác chẳng chỉ ở mức độ. Ở Việt Nam mọi việc tế nhị và phức tạp hơn nhiều. Không ít khi ông phải dờ sống dờ chết, suýt để chuyện vỡ lở. May mà rồi tất cả đều trôi qua êm thấm. Ông đã ép được các cô bạn của ông ngăn không cho những đứa con tương lai của ông ra đời. Có thể đó là những đứa bé rất đẹp, rất thông minh. Có thể lớn lên chúng sẽ là những đứa con hiếu thảo nuôi dưỡng ông những lúc già yếu thế này, hoặc biết đâu có thể chúng sẽ trở thành các bậc thiên tài mang về vang lại cho ông và cho đất nước... Thế mà ông, ông đã không cho chúng xuất hiện trên đời. Ông đã giết chúng! Vâng, giết từ khi còn trong bụng mẹ... Chúng, những đứa con, một phần máu mủ của chính bản thân ông!...

Thật là những ý nghĩ khủng khiếp. Trước kia, ông cũng mặc cảm và ít nhiều bị lương tâm cắn rứt, nhưng nói chung ông xem

việc ông làm là bình thường. Thậm chí trên khía cạnh nào đó còn "mang tính nhân đạo". Bây giờ, cùng với tuổi tác và sự cô đơn, dần dần ông nhìn nhận mọi việc dưới một góc độ khác hẳn, và càng ngày ông càng hay nghĩ đến chúng, cũng như hay nghĩ tới Trời, Phật,...

- Thế là mai cháu không đi học với ông nữa à?... - ông hỏi.

- Không ạ, mai mẹ cháu dẫn cháu đi. Mai thứ ba, thứ lẻ, còn các thứ chẵn bố cháu dẫn, - cô bé đáp.

- Cháu thích ông hay bố mẹ dẫn đi học?

Đứa bé không trả lời ngay. Nó ngược lên nhìn, dò xem ông hỏi thế có hàm ý gì, rồi với cái cách láu lỉnh của trẻ con, nó đáp:

- Cháu thích cả ông, cả bố mẹ cháu.

Nhưng ông thừa biết nó nói thế để khỏi làm mất lòng ông, chứ trong thâm tâm nó thích đi học với bố mẹ nó hơn. Bất giác ông thở dài, chống gậy đi tiếp. Và như để xua đi những ý nghĩa nặng nề, ông thầm hát giai điệu quen thuộc trong một bản giao hưởng của Môza mà ông đã nhiều lần biểu diễn.

Đường từ trường về nhà chỉ cách bốn năm dãy phố, nhưng để kéo dài buổi đưa tiễn cuối cùng này, ông cố tình dẫn đứa bé đi vòng vèo hồi lâu hết phố này đến phố khác. Để bù lại việc phải đi xa như thế, ông mua cho nó một lúc hai que kem sôcôla và một chiếc bóng bay hình con voi, có đủ cả vòi và bốn chân, duy chiếc đuôi thì phải dán bằng giấy nhựa màu đỏ.

Cuối cùng hai ông cháu cũng về tới nhà. Từ cổng, nhìn cô bé chạy lon ton lên bậc thang với chiếc cặp da màu vàng trên lưng, đôi nơ xanh to trên mái tóc và chiếc áo bludông rất diện màu đỏ, sắc sỡ và nhí nhảnh như con bướm, ông đứng thừ người hồi lâu. Ông có cảm giác như vừa để tuột khỏi tay một cái gì đó đẹp đẽ, ấm áp, một hạnh phúc bé nhỏ mà suốt cả tuần qua ngẫu nhiên ông được giao giữ tạm, nay đến hạn phải trả lại.

Một tuần, hai tuần rồi cả tháng tiếp theo sau đó, hàng ngày ông vẫn đều đặn ra ngồi ở ghế đá công viên - để sưởi nắng, suy

ngiht và để cho chim bồ câu ăn, Căn phòng hiện ông đang sống quá rộng, thiếu ánh sáng, và vào mùa này thường rất lạnh. Ông không muốn ở nhà còn vì một lẽ là ngồi trong phòng không hiểu sao ông thấy như khó thở vì thiếu không khí, và một nỗi sợ hãi vô hình nào đó cứ bám lấy ông, khiến ông nhiều khi phải co rúm người lại, hoặc vội nằm xuống giường trùm chăn kín đầu. Những lúc ấy ông mình thật cô đơn, thật bất hạnh. Cả chiếc đàn violông, người bạn trung thành và là nguồn an ủi của ông trong mấy chục năm liền, bây giờ cũng chẳng giúp được gì ông. Lâu nay nó vẫn lặng lẽ treo trên tường. Lặng lẽ như chủ nó.

Thời gian gần đây sức khoẻ ông suy sụp một cách nhanh chóng. Ngoài các thứ bệnh của tuổi già, ông còn mắc thêm chứng nhồi máu cơ tim. Có ông bạn bác sĩ một hôm khám xong, vỗ vai ông, đùa nói: "Cái cơ này thì nên viết sẵn di chúc trước, chứ không biết nó đến lúc nào đâu, ông ạ". Nó tức là cái chết đột ngột mà ông bác sĩ muốn ám chỉ.

Ra ngoài trời, ông thấy dễ chịu hơn nhiều, vì dù sao cũng được tiếp xúc với mọi người, tuy chỉ là những người xa lạ. Có không ít bạn bè quen thân, nhưng ông chỉ tìm gặp họ vào những lúc thật cần thiết, vì với mặc cảm của tuổi già, ông sợ sự có mặt của ông sẽ làm phiền họ, hay sợ phải nghe những lời thông cảm hoặc khích lệ vì thương hại. Thành ra mỗi buổi sáng, cứ tám giờ là ông đã ra ngồi ở Công viên, nơi ông nghĩ phù hợp với ông nhất. Ở đấy có nắng, có cây xanh, có hoa, đông người mà không ai biết ông, và ông có thể ở lâu bao lâu tùy thích.

Thường mười một giờ rưỡi, khi từ trường học bên cạnh vọng lại tiếng keng báo hết giờ, ông đứng dậy đi ra khỏi công viên, đến quán cơm bình dân quen thuộc ăn trưa. Ông tiếc không còn được đưa cô bé về nhà như trước. Bây giờ bố mẹ nó thay phiên nhau làm việc ấy. Nhiều hôm ông chờ sẵn họ đâu đấy rồi như vô tình gặp nhau, ông cùng đi với họ một quãng. Đứa bé, vẫn đồm dáng và sặc sỡ như con búp bê, một bên nắm tay ông, bên kia là mẹ hoặc bố nó. Những lúc ấy, ông thấy lòng mình tự nhiên ấm lại, và

ông lại có cái cảm giác được mượn tạm hạnh phúc ai đó trong chốc lát. Ông cố tình bước chậm, uốn thẳng chiếc lưng từ lâu đã muốn cong gập xuống đất, và không phải không tự hào đưa mắt nhìn khắp phố. Ông muốn mọi người thấy ông đúng lúc này, với hai con người trẻ đẹp đang âu yếm đi bên ông. Ông muốn mọi người nghĩ họ là con ông, và đứa bé kháu khỉnh kia là cháu ông. Nội hay ngoại không quan trọng.

Tuy nhiên, những cuộc gặp "tình cờ" như thế không thể kéo dài vô tận, nên thường sau bữa trưa, nếu ngủ được, ông chợp mắt một chốc, còn không thì ông cứ lang thang hết phố này đến phố nọ. Để giết thời gian, ông thường đứng hàng giờ liền trước bảng báo công cộng, đọc không sót mục nào các tờ báo lớn Trung ương và Hà Nội. Nhiều hôm không hiểu sao ông đóng bộ nghiêm chỉnh, thay cà vạt, đánh bóng đôi giày da mũi nhọn rồi xách đàn ra đi, trình trọng và hồ hởi như sắp biểu diễn một chương trình quan trọng. Ai hỏi đi đâu, ông ngượng ngịu nói ông đến nhà một người bạn để cùng ghép bè pianô. Nhưng thực ra không phải thế. Ông đi qua trước mặt Nhà hát lớn, nơi ông ngày xưa thường đến với tư cách Maestro Premiere, đi qua hai lần. Lần sau, dừng lại trước bảng quảng cáo chương trình, thấy tên một vở cải lương rẻ tiền, ông vội nhíu mày bỏ đi. Rồi ông lại xách đàn tới cơ quan cũ. Cạnh đấy cũng là phòng tập của dàn nhạc. Ông muốn vào nghe nhưng ngần ngại không dám, chỉ dám đi ngang qua cổng, bước chậm lại để nghe những âm thanh kỳ diệu và quen thuộc đang vang lên khe khẽ phía bên kia bức tường. Sau đó ông rảo bước đi tiếp như sợ bị người quen bắt gặp...

\*

- Cúc, cù cu! - ông khê gọi. - Nào, lại đây ta cho ăn! Lại gần nữa, đừng sợ! Nào, nào! Thật rõ ngốc!

Đàn chim vẫn không chịu đến gần ông thêm nữa. Ông vung cho chúng một nhúm gạo. Tranh nhau ăn xong, chúng lại đứng

nghiêng ngó nhìn ông, và lại kiên nhẫn chờ đợi ở cái khoảng cách mà chúng nghĩ là an toàn. Nhưng ông cứ muốn chúng đến ăn trên lòng tay mình! Ông cũng kiên nhẫn không kém chúng, cái kiên nhẫn của người già khi quyết tâm làm bằng được điều gì đó. Cứ thế, hết giờ này đến giờ khác, như một người hành khất, ông ngồi yên với bàn tay để ngửa, trên đó có những hạt gạo nhỏ màu trắng xinh đẹp. Và trong khi chờ đàn chim đến nhận món quà từ lòng tay ông, ông ngả người xuống thành ghế, từ từ nhắm mắt. Nắng ấm và dễ chịu, nhưng trong lòng, ông thấy thật cô đơn và lạnh lẽo. Một lần nữa trước mắt ông lại hiện lên tất cả cuộc đời dài ông đã sống, với tuổi trẻ sôi nổi, bông bột, với những thành công nghề nghiệp và những năm tháng tuổi già bất hạnh. Nhưng dù cố tránh không nghĩ tới, xuyên qua tất cả vẫn là hình ảnh những đứa con oan trái của ông mà ông, là bố, ông đã tìm mọi cách ngăn không cho chúng ra đời. Ông đã nhẫn tâm giết chúng khi còn trong bụng mẹ...

Một buổi sáng nọ, như thường lệ, ông lại ngồi ở ghế đá quen thuộc trong Công viên. Vẫn những ý nghĩ ấy, vẫn bàn tay để ngửa với nhúm gạo trắng, và vẫn những con chim bồ câu ấy... Có điều lần này ông ngồi lâu, rất lâu, lưng ngả vào thành ghế, còn đầu thì tựa vào gốc cây mọc sát bên cạnh. Tiếng keng báo hết giờ ở trường học vang lên từ lâu, rồi còi thành phố báo mười hai giờ, rồi mặt trời ngả sang phía tây, ông vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Độ bốn giờ chiều, khi một ông họa sĩ đang vẽ cách đây không xa sinh nghi, đi lại xem sao thì thấy ông đã chết, tay phải vẫn giữ chiếc mũ phớt sồn cũ, tay trái buông thõng xuống mép ghế, những hạt gạo trắng rơi vãi bên chân ông. Cả lúc ấy mấy con chim bồ câu cũng không dám đến gần nhặt ăn, mà chỉ đứng từ xa nghiêng ngó nhìn ông một cách nghi kỵ.

Thật là một lũ chim ác nghiệt!

*Hà Nội, 1987*



## CUỘC TRỞ VỀ CỦA ĐỨA CON LẦM LỐI

### 1

Hàng năm, cứ vào ngày mồng bảy tháng Giêng âm lịch là cả làng D.T nhộn nhịp hẳn lên. Cái nhộn nhịp ấy còn lan sang những làng xã lân cận. Vào ngày ấy, từ sáng sớm, người ta í ới gọi nhau đi chợ, đến trưa nhà nào trên bàn thờ tổ tiên cũng có sẵn một mâm cỗ với những que hương trầm nghi ngút khói. Và trong khi lũ trẻ hoặc đám thanh niên mới lớn vô tư cười nói bên cạnh, những người già đứng chấp tay trước bàn thờ, cúi đầu lầm rầm cầu khẩn những điều gì đó mà chỉ mình họ biết. Cuối cùng mâm cỗ được hạ xuống, một lần nữa, trong khi cánh trẻ ăn uống vui vẻ, những người già - thường ngồi riêng với nhau ở mâm trên, - vừa nhấm nháp uống rượu, vừa khe khẽ nhắc lại những gì đã xảy ra vào cái ngày khủng khiếp ấy...

Cái khủng khiếp ấy là ngày mồng bảy tháng Giêng âm lịch năm 1954, nghĩa là lâu, đã lâu lắm rồi, đến mức bây giờ nhớ lại, người ta không khỏi không mâu thuẫn với nhau về các chi tiết, thậm chí cả những chi tiết quan trọng. Mỗi người kể một cách, và tất nhiên, ai cũng cho mình đúng. Chung quy lại thì sự việc xảy ra đại khái thế này.

Vào độ năm giờ sáng cái ngày khủng khiếp ấy, một chiếc máy bay khu trục Pháp bất ngờ từ phía biển bay vào, ném một loạt

năm quả bom xuống D.T. lúc ấy hãg còn là một cái làng nhỏ nhà cửa đứng sát sít bên nhau. Chiếc máy bay ấy còn lượn thêm hai vòng nữa, và sau mỗi vòng lượn nó lại chúc xuống ném những loạt bom dài và chính xác như trước. Rồi nó vút lên, bay mất về phía biển.

Sau đấy là một nỗi kinh hoàng thật sự. Làng D.T nằm dài thành một vệt, bị ba lần ném bom trúng ngay vào ba phần đầu, giữa và cuối, thành ra cả làng, hầu như không còn ngôi nhà nào nguyên vẹn. Số người chết thì lại càng khủng khiếp hơn. Vì lúc ấy còn sớm, hoặc người ta ngủ chưa dậy, hoặc dậy rồi nhưng chưa đi đâu ra khỏi làng. Có người bảo chết hai trăm, có người bảo ba, cũng có người nói nhiều hơn. Còn việc vì sao làng D.T. bị ném bom chứ không phải một làng nào khác, mà lại một cách dã man, mang tính huỷ diệt như thế, trong khi suốt một thời gian dài trước đấy cũng như sau này cả cái huyện Diên Châu rộng lớn chưa hề bị ném bom lần nào, thì không ai hiểu nổi, mặc dù người ta đã đưa ra nhiều giả thiết khác nhau.

Từ đấy hàng năm cứ đúng vào ngày mồng bảy tháng Giêng âm lịch là cả làng D.T. nhà nào cũng có giỗ. Và kèm theo giỗ là những câu chuyện rôm rả, những hồi tưởng đau buồn, những tiếng khóc...

## 2

Năm nay về D.T dự "giỗ làng" còn có thêm một người. Người ấy đã lập tức thu hút sự chú ý của dân làng. Đó là một ông già khoảng 65 tuổi, tóc bạc trắng, da dẻ trông hồng hào nhưng hình như không được khoẻ lắm, vì ông đã phải dùng gậy để đi lại. Ông về làng trước ngày có giỗ hai hôm, tức là vào ngày mồng năm tháng Giêng. Không ai nhận ra ông, và có lẽ ông cũng chẳng nhận ra ai quen trong làng, ít ra vào những phút đầu. Ông nói tên những người ông muốn gặp, nhưng người ta lắc đầu không biết. Ông phải tìm hỏi người cùng tuổi, tự giới thiệu mình là ai, từ đâu tới, vân vân, lúc ấy người ta mới đồng thanh "ồ", "à" cả lên.

Thì ra ông già chính là dân làng này, có điều ông đã xa nó hơn bốn mươi năm, và nay, sau bốn mươi năm dài ấy, ông mới trở lại thăm làng lần đầu. Không phải do ông không muốn, ông nói, mà vì ông ở xa, rất xa, tận bên nước Thụy Sĩ hay gì gì ấy ở châu Âu. Còn những người ông hỏi gặp thì thuộc gia đình một địa chủ lớn ngày xưa ở vùng này. Có điều bây giờ cái gia đình ấy chẳng còn ai, trừ bà Sen, một bà già đơn độc sống tận cuối làng.

- Chết hết rồi, - người ta thở dài bảo ông. - Chết vào cái ngày khủng khiếp ấy. Bom, máy bay ném bom... ông biết chứ? - Rồi như để an ủi, người ta ái ngại nhìn ông, nói thêm; - Không riêng gì gia đình nhà bác, mà cả làng, nhiều lắm...

- Biết, tôi có nghe nói, - ông già lặng lẽ lấy khăn mùi xoa lau lau đôi mắt hoe đỏ vì xúc động. - Cũng vì thế mà tôi về đây xem thực hư thế nào. Kinh khủng quá, trời, kinh khủng quá...

Ông già lại lấy khăn chấm chấm vào mặt. Giọng ông run run. Đôi tay khô và nhăn nheo của ông cũng run run. Một chốc sau lũ trẻ dẫn ông chống gậy chậm chạp đi về phía nhà bà Sen.

Đêm hôm ấy, dĩ nhiên ông và bà Sen thức, trò chuyện với nhau rất lâu.

- Trời, bác ánh, không lẽ bác còn sống đấy à? - Bà Sen kêu lên khi nhận ra khách là ai. Bà và ông là con chú con bác với nhau, và tuy ít hơn ông mấy tuổi, bà có vẻ già và yếu hơn nhiều. - Chừng ấy năm bác ở đâu? Sống thế nào?

Không chờ trả lời, bà đã vội bỏ đi lấy ghế, múc nước. Còn ông già thì vẫn cố tỏ ra bình tĩnh. Ông thông thả đưa cả hai tay bê bát nước chè với ngụi lên tận miệng, rồi cũng thông thả như thế, ông uống từng ngụm nhỏ cho đến hết bát nước, trong khi bà Sen ngồi đối diện, vừa tò mò quan sát, vừa kiên nhẫn chờ nghe ông nói.

- Bà biết rồi đấy. Năm bốn mươi, tôi ra Hà Nội học. Rồi sang Pháp. Rồi lại về nước, làm cái thằng lính. Đến năm năm tư thì tôi theo người Pháp rời Việt Nam, sang sống với bố mẹ tôi ở nước ngoài. Ở, mà hai cụ chết đã lâu rồi, hai mươi năm rồi. Còn tôi vẫn

sống một mình không vợ con, những tưởng chẳng thể bao giờ thăm lại quê cũ, ấy thế mà tôi vẫn lần được về. Tôi muốn biết...

- Vâng, - đoán hiểu ý ông, bà Sen vội tiếp lời, - ngày kia là giỗ làng rồi. Cả làng, cậu ạ, - những hai ba trăm người chết chứ đâu ít...

- Nhiều thế cơ à? - Ông Ánh khẽ hỏi.

- Vâng, thật khủng khiếp! Tờ mờ sáng, bác ạ. Một chiếc máy bay... ôi! - Bà Sen thở dài nói, rồi ngồi im, rơm rớm nước mắt.

- Hai cụ nhà cô cũng chết lần ấy?

- Vâng, cả chồng và con trai tôi nữa. Một quả bom rơi trúng nhà. May mà tôi lúc ấy ra vườn hái rau chuẩn bị làm cơm sáng nên mới thoát.

- Còn gia đình bác Vị ? (Bác Vị là anh trai cả của bố mẹ ông Ánh, bà Sen).

- Cũng thế. Có điều bác gái bị thương, phải nửa năm sau mới chết được.

- Còn chú Xuân?

- Chú Xuân lúc ấy không ở nhà. Chú ấy trốn đi bộ đội từ hai năm trước, sau này hy sinh ở Điện Biên.

- Còn làng xóm?

- Làng xóm thì bác thấy đấy, nhà nào cũng bị, không người này thì người nọ. Ngày kia giỗ, rồi bác xem.

Ông Ánh không hỏi thêm gì nữa. Ông cúi đầu ngồi im, hai tay ôm mái tóc bạc. Ngoài sân, trời đã tối từ lâu, và trong ánh sáng đỏ nhờ của chiếc đèn dầu madút, bà Sen nhìn thấy ở khoé mắt ông có hai giọt nước lấp lánh đang mỗi lúc một to dần. Bà cũng ngồi im thần thờ, cho đến lúc bất chợt vụt đứng dậy vì sức nhớ phải làm cơm đãi khách.

Đêm ấy hai người còn ngồi nói với nhau nhiều chuyện, nhưng như đã hẹn trước, ai cũng cố không nhắc tới đề tài lúc này.

Rồi cáo mệt, ông Ánh lên giường ngủ. Từ buồng trong, bà Sen nghe rõ tiếng ông nằm trăn trở mãi, cho đến khi bà thiếp đi lúc nào không biết.

Hôm sau, tức là ngày mồng sáu, ông Ánh nhờ bà Sen dẫn ra thăm mộ những người bị bom chết trong cái ngày xa xưa ấy. Đến nơi, ông bảo bà đi về để ông ở lại một mình. Tuy không hiểu ý ông muốn làm gì, bà Sen chẳng hỏi, lẳng lặng ra về.

Nghĩa địa Gia Quán nằm trên một mé đồi thoai thoải được bao quanh bởi những bụi gai còi cọc thấp tè. Mộ được xếp thành từng hàng dài, mỗi họ một khu, chiếc này dính liền với chiếc kia như một luống khoai lớn, phía trên nổi lên những mô đất nhỏ để đánh dấu từng chiếc. Phần bị mưa xói, phần do trâu bò xéo, nhiều chiếc bị sụt lở, méo mó. Đất cằn, cỏ không mọc nổi, không bóng cây, không lăng bia, mộ chí. Nói chung quang cảnh khá tiêu điều và ảm đạm.

Ông Ánh thận trọng chống gậy đi đến trước hàng mộ người thân của ông mà bà Sen vừa chỉ. Tay cầm hộp diêm, run run, ông bật lửa châm mấy bó hương mang theo, cắm xuống đấy năm que. Số còn lại ông chia đều cho tất cả những hàng mộ bên cạnh. Sau đó, ông chọn một hòn đá phẳng, ngồi xuống, thờ thần nhìn một điểm nào đấy trước mặt.

Tối đến, ông chống gậy đi hết nhà này sang nhà khác. Đến đâu ông cũng gọi để chủ nhà nói về cái sự kiện khủng khiếp kia đã xảy ra cách đây mấy mươi năm. Còn ông, ông chỉ im lặng ngồi nghe, thỉnh thoảng mới thêm đôi lời để giữ cho câu chuyện khỏi bị ngắt quãng.

Ai cũng ái ngại cho ông già sau chừng ấy năm xa cách nay trở lại quê hương, phải nghe những chuyện buồn như vậy.

### 3

Rạng sáng ngày mồng bảy, khi mặt trời chưa lên và sương mù còn dày đặc, có một bà gánh rau cải xuống chợ bán sớm. Đến cây đa cụt cuối làng, vì mãi nhìn xuống đường để tránh những

vũng nước bắn đọng lại sau cơn mưa, bà bỗng thấy đầu mình va phải cái gì đấy khô cứng.

Bà ngược nhìn lên, kêu to một tiếng vì ngạc nhiên và sợ hãi, rồi vút gánh, ù té chạy trở lại. Chưa đầy mười, mười lăm phút sau, có lẽ phải một phần ba dân làng D.T. đã có mặt. Mọi người đứng quanh cây đa cụt, sững sờ nhìn cảnh tượng trước mắt.

Trên một cành cây choãi ra phía mặt đường, có một người treo cổ chết, xác lủng lẳng, mồm há hốc, đầu ngoẹo sang một bên, mớ tóc bạc loà xoà dính bết vào vầng trán - có thể vì mồ hôi, mà cũng có thể vì sương ướt.

Người đó là ông Ánh. Chiếc gậy của ông để tựa gốc cây. Trên gậy là chiếc mũ da với một tờ giấy được gấp tư cẩn thận, to bằng lòng bàn tay. Theo yêu cầu của mọi người, một thanh niên rón rén lại gần gốc đa, cầm tờ giấy lên, đọc to:

"Thưa bà con dân làng,

Chính tôi là người lái máy bay ném bom làng ta ba mươi năm về trước. Tôi đã xin cấp trên để được làm điều đó, vì nghe tin gia đình tôi bị Cộng Sản cướp hết ruộng đất và nhà cửa, chia cho dân nghèo. Lúc ấy tôi còn trẻ và nông nổi. Tôi thèm khát trả thù, lại sẵn bom đạn trong tay, và thế là tôi đã gây nên tội ác khủng khiếp kia, cái mà từ ngày ấy cho đến nay không để lương tâm tôi thanh thản một phút nào. Tôi đã phạm một sai lầm không cứu vãn nổi, là tách rời khái niệm "Cộng Sản" khỏi khái niệm quê hương làng nước...

Bây giờ đã bốn giờ hai mươi phút, nghĩa là tôi còn phải chờ thêm mười phút nữa để tự kết liễu đời mình. Thực ra, tôi xem tôi đã chết vào đúng cái giờ phút ấy cách đây ba mươi năm, khi tôi bấm nút ném quả bom đầu tiên xuống khu làng đã sinh và nuôi tôi lớn.

Tôi chẳng dám xin được bà con tha thứ cho tôi, một đứa con tội lỗi sau bao nhiêu năm lưu lạc, nay trở về quê cũ để tự đền tội. Trong túi tôi hiện còn ít tiền, nếu được, nhờ bà con cho thuê người chôn tôi ở nghĩa địa Gia Quán, cạnh những người tôi đã giết.

*Nguyễn Văn Ánh"*

*T.B.T*

*Diễn Châu - Hà Nội, 1984*



## ĐÙA

Như trong những trường hợp tương tự, câu chuyện phiếm của mấy người bạn bia cứ nhanh chóng nhảy từ đề tài nọ sang đề tài kia. Lúc này họ đang kể cho nhau nghe về các chuyện đùa, của mình và của người khác.

- Mình có một chuyện thế này, để mình kể các cậu nghe nhé,  
- một người trạc bốn mươi, suốt buổi hầu như chỉ ngồi nghe, bây giờ mới lên tiếng. Rồi ông ta cầm cốc bia, tu một hơi thật dài, khoan khoái đưa bàn tay chùi mép, và bắt đầu kể...

Chuyện xảy ra đã lâu, khi mình mới tốt nghiệp đại học và được phân về dạy ở một trường phổ thông tại thị trấn N. Hồi ấy trường mình có cô giáo dạy văn xinh lắm, tên là Kiều Hoa. Kiều Hoa học tổng hợp, ra trường sau mình một năm, từng nổi tiếng hoa khôi của trường và làm không ít các chàng trai phải si mê đau khổ. Còn ở cái trường tỉnh lẻ kia của bọn mình thì khỏi nói. Mới xuất hiện, Kiều Hoa lập tức trở nên nổi bật hẳn, thành trung tâm chú ý của cả trường. Điều đó dễ hiểu vì cô xinh, rất xinh, lại vốn dân Hà Nội gốc nên biết ăn diện đúng một mà thanh lịch. Thêm vào đó, Kiều Hoa không vì thế mà đỏng đảnh, kiêu kì như nhiều cô gái xinh đẹp khác. Cô còn thông minh, dạy giỏi và chịu khó học tập, lại khiêm tốn, dịu dàng nữa chứ... Thành ra, không nói các cậu cũng biết cánh giáo viên trẻ bọn mình đã chạy theo Kiều Hoa thế nào.

Đúng, tất cả ! Hay ít ra cũng gần như thế. Mình nói hầu như vì có ý trừ mấy ông đã có vợ con (nhưng chắc không dừng dừng

nếu điều kiện cho phép), và trừ mình. Lúc ấy mình còn quá vô tư, thích đùa nghịch hơn yêu đương thật sự.

Ấy thế mà thật lạ, không hiểu sao Kiều Hoa chẳng thêm để ý tới ai. Trong trường có nhiều cậu cũng khá, nhưng không cậu nào lọt được vào mắt nàng. Hay nàng có người yêu ở đâu xa chẳng? Bọn mình nghĩ và lén lút theo dõi tất cả thư từ và những người lạ đến thăm Kiều Hoa. Không phát hiện thấy điều gì khác thường. Cứ thế kéo dài suốt một năm. Các cậu nên nhớ rằng đối với các cô gái, nhất là những cô gái xinh đẹp, một năm là quãng thời gian quá dài để kén chọn một chàng trai nào đấy. Mà Kiều Hoa thì cứ như không, dường như chẳng quan tâm điều ấy. Thói đời, các cậu biết đấy, nhất lại ở tỉnh lẻ, anh càng khác đời, người ta càng tò mò muốn biết, thậm chí ghen ghét, càng dễ trở thành đối tượng của những việc làm ngu ngốc và tai hại mà chuyện mình đang kể là một thí dụ.

Một hôm, sau buổi họp hội đồng giáo viên thường lệ, bà hiệu trưởng nói bằng giọng tự nhiên và rất dễ nghe hàng ngày bà vẫn nói:

- Cô Kiều Hoa hình như đánh rơi cái này! Lúc này vào đây sớm, tôi nhặt được.

Rồi bà chìa ra một tờ giấy gì đó. Vì Kiều Hoa ngồi cuối phòng nên trước khi tờ giấy đến tay cô, một vài người chuyển nhau đã kịp đọc nó, và đọc xong, ai cũng lộ vẻ ngạc nhiên. Còn Kiều Hoa thì vừa liếc qua những gì ghi trên đó, mặt cô bỗng đỏ bừng, rồi từ đỏ thành tái nhợt. Cô ngồi im ngơ ngác một phút rồi vụt đứng dậy, vội vã chạy về phòng mình, chắc phải cố gắng lắm mới giữ được để không oà lên khóc.

Mọi người bàn tán sôi nổi. Thì ra đó là tờ giấy chứng nhận của bệnh viện, ghi rõ rằng cô Kiều Hoa đã đến khám ở bệnh viện X, rằng cô mắc bệnh vô sinh do tắc cái gì đấy, có thể ảnh hưởng đến tính mạng nếu không chú ý giữ gìn. Cuối cùng là câu kết luận, yêu cầu được miễn cho cô Kiều Hoa, vì lí do trên, không phải tham gia các công việc lao động nặng nhọc. Rồi bác sĩ kí tên và đóng dấu.

Vâng, nội dung của tờ giấy kia đúng là như thế. Các cậu thấy nó ngớ ngẩn và vô lí chứ gì? Hửn vậy. Chính bọn mình lúc ấy cũng không thể nào nghĩ khác. Không bác sĩ, bệnh viện nào có thể chứng nhận một điều tương tự. Đây chắc do một anh chàng tinh nghịch nào đó đùa vui một cách quá trớn mà thôi. Thật láo lếu và ngu xuẩn! Thế mà các cậu biết không, cái điều láo lếu và ngu xuẩn ấy được truyền đi khắp nơi một cách nhanh chóng.

Ở tỉnh lẻ, bất kì một tin đồn nhảm nhí nào cũng được lan truyền với tốc độ chóng mặt. Hơn nữa đây lại liên quan đến cô Kiều Hoa nổi tiếng, và về một việc quan trọng có tính giật gân như vậy. Thành ra chỉ mấy ngày sau, không chỉ giáo viên và học sinh trong trường mà cả người ngoài thị trấn đều biết hết mọi chuyện, biết một cách tường tận, và tất nhiên không thể không kèm theo những chi tiết mới được sáng tác thêm, mỗi người theo cách riêng của mình. Người ta bắt đầu gắn vào cái tên đẹp đẽ của cô một vài từ kém văn hoá nhưng phải thừa nhận là rất ấn tượng, như Kiều Hoa Điếc, Kiều Hoa Tịt! Các cô gái cùng dãy luôn ghé tai nhau thầm thì điều gì đó và nhìn cô bạn "tội nghiệp" của mình bằng đôi mắt ái ngại không giấu giếm. Họ thường an ủi Kiều Hoa bằng những câu đại loại thế này: "Chà, cái thằng nào đùa đùa thật", hoặc: "Ừ, đau thật, nhưng cứ cho là đúng thế thì cũng chẳng quái gì phải buồn! Càng đỡ lo chồng con thêm khổ!" Có người còn nói: "Dù sao, đợt lao động sắp tới, nếu cần, Kiều Hoa cứ yêu cầu nhà trường...", vân vân và vân vân.

Còn thái độ của Kiều Hoa thì thế nào? Điều này mới thực sự làm bọn mình ngạc nhiên. Sau những phút choáng váng ban đầu, cô nhanh chóng bình tĩnh trở lại và có vẻ như hoàn toàn thờ ơ với những gì đang xảy ra xung quanh. Cô không thanh minh, cũng chẳng cần vắn ai đã tung ra tờ giấy ấy. Rõ ràng cô cho những gì xảy ra với cô là một trò ti tiện đáng khinh. Cô tự xem cô cao hơn bọn mình, những người cô nghi đã làm nên cái trò ti tiện đáng khinh đó. Có điều cô trở nên ít hồn nhiên hơn, ít giao thiệp với người khác và sau một thời gian thì tự tách mình khỏi cái tập thể

giáo viên trẻ, vui nhộn đến mức ngu ngốc và nhân tâm của trường. Sau này, mình mới hiểu Kiều Hoa đã đau khổ và khinh bỉ bọn mình chừng nào!

Tất cả chỉ vì một trò đùa ngu ngốc, các cậu ạ. Tuy nhiên, đến đây câu chuyện chưa chấm dứt, có thể nói mới bắt đầu thì đúng hơn. Những lời đồn không hề giảm bớt chút nào, phần vì người ta muốn thế, phần vì do Kiều Hoa im lặng nên càng có cơ để tin là thật. Và cuối cùng, như người ta vẫn nói, một điều giả dối được nhắc đi nhắc lại hàng trăm, hàng nghìn lần có ngày sẽ biến thành điều có thật, cả đối với người nghe lẫn người nói. Và thế là dần dần - các cậu tin hay không thì tùy - cái chuyện vô lí ấy về Kiều Hoa, rằng cô không có khả năng sinh đẻ, rằng cô hỏng tắc cái gì đó và cần phải tránh các công việc nặng nhọc để bảo vệ sức khỏe, vân vân, đã không còn làm ai nghi ngờ gì nữa. Thậm chí mình nghĩ hình như cả Kiều Hoa cũng tin điều đó, vì sau này, lần nào có lao động, trường cho nghỉ, cô cũng chấp nhận.

Lại một chuyện vô lí nữa chứ gì? Có thể, nhưng quả đúng như vậy. Cuộc đời vốn vẫn thế, nếu cái gì cũng xảy ra đúng lô gích, cái lô gích do chúng ta phía ra, thì cuộc đời chẳng còn là cuộc đời nữa, dù nó ngu ngốc và độc ác. Các cậu thử tưởng tượng xem, một người như Kiều Hoa, mới ngày nào còn được chú ý, ngưỡng mộ nhường ấy, vậy mà bây giờ đã bị người khác nhìn dưới con mắt khác hẳn. Không một chàng trai nào tìm đến cô với ý định nghiêm túc, mà chỉ để chơi bời thì Kiều Hoa không phải hạ người như thế. Ở tỉnh lẻ, các cậu biết đấy, thường không có nhiều chàng rể để chọn, còn ở thị trấn N này thì có thể nói cánh nam giáo viên trường mình là tinh hoa nhất, nhưng bọn mình lại bị Kiều Hoa khinh bỉ ra mặt. Người từ xa đến không có, mà nếu có thì chẳng bao lâu cũng sẽ bỏ đi khi được thông báo một cách tỉ mỉ về mọi chuyện. Suy cho cùng, ai muốn lấy một người khi biết trước người ấy "điếc", "tịt", nghĩa là không có khả năng tạo ra những cô bé, cậu bé mũm mĩm để kế tục dòng dõi cao quý của mình, đúng không? Cứ vậy, một năm, hai năm rồi năm năm trôi qua mà Kiều Hoa vẫn không lấy được chồng. Thật trớ trêu, Kiều

Hoa, cô gái xinh đẹp, thông minh, hoa khôi của cả một trường đại học lớn ở thủ đô, cuối cùng suốt đời phải ở vậy một mình, không được hưởng cái hạnh phúc gia đình mà cô có quyền được hưởng...

- Sao, suốt đời? - Một người ngồi cạnh ngừng uống bia, hỏi.

- Vâng, suốt đời, - người kể chuyện đáp, rồi sau một phút trầm ngâm, nói thêm: - Vì cuộc đời của Kiều Hoa không dài - cô chết khi vừa tròn ba mươi tuổi.

- Chết?

- Vâng, chết. Chết vì băng huyết sau khi sinh... Mình biết các cậu đang ngạc nhiên. Cũng đúng thôi. Số là Kiều Hoa có chữa. Không chồng mà chữa mới ngoan... Chà, nếu các cậu biết điều ấy tác động đến trường mình và thị trấn N mạnh như thế nào! Cô ấy chẳng hề giấu giếm, có vẻ như muốn phô trương khiêu khích nữa là khác, nhưng cô cũng không chịu nói ai là bố của đứa bé. Mãi sau này, khi Kiều Hoa chết mình mới hiểu cô ấy chủ tâm làm thế để trả thù đời, trả thù bọn mình. Các cậu biết đấy, phụ nữ thật khó hiểu, Kiều Hoa lại càng khó hiểu hơn. Không ai biết cô ấy nghĩ gì trong đầu. Một người thông minh, cứng rắn đến thế mà cuối cùng vẫn không chịu nổi và đã làm một hành động cực đoan, vô nghĩa như vậy!

- Thế rốt cục người ta vẫn không biết kẻ tung tờ giấy kia à, cái thằng khốn kiếp ấy? - một người hỏi.

- Không, nhưng mình biết. - Người kể chuyện ngừng nói, im lặng hồi lâu. - Thằng khốn kiếp ấy chính là mình.

Mọi người cùng im lặng. Mãi lúc sau người kể chuyện mới nói tiếp:

- Xin thề với các cậu rằng mình không phải là người độc ác. Mình chỉ đùa. Đùa một tí cho vui thôi mà. Mình có một người bà con làm bác sĩ ở bệnh viện X, nơi mình thường đến lấy những tập giấy sẵn có chữ kí và con dấu để ngộ nhỡ muốn nghỉ ngày nào thì điền vào đấy. Một hôm, không hiểu nghĩ thế nào, tiện tay mình viết cái tờ giấy tai hại kia và lén để nó trong phòng giáo viên trước giờ họp. Tất nhiên sau đó mình rất hối hận. Lúc đầu mình

không đủ can đảm tự thú, còn sau, khi sự việc đã đi quá xa thì có nói ra cũng chẳng giải quyết được gì. Thế là mình im, im suốt chừng ấy năm, cho đến hôm nay là lần đầu mình thổ lộ với các cậu. Phải nói thêm rằng mình rất yêu Kiều Hoa. Yêu ngay từ lúc mới gặp, sau này càng yêu hơn, nhưng mình không dám nói ra, trước hết vì xấu hổ với lương tâm, như thể mình bày ra cái trò ấy để chiếm đoạt cô ta. Sau nữa vì mình biết chắc chắn Kiều Hoa sẽ khinh bỉ từ chối như đã từ chối bất kì anh nào trong bọn mình. Vì sao thì các cậu đã rõ...

- Thế còn đứa bé? - một người nữa hỏi.

- Rất may đứa bé còn sống. Sau khi Kiều Hoa chết, mình đến báo với tổ chức rằng mình là bố của đứa bé và xin nhận nó về nuôi. Và người ta tin dễ dàng như khi tin Kiều Hoa vô sinh! Từ ấy đến nay nó sống với mình. Bao giờ cũng chỉ hai bố con với nhau như các cậu thấy.

- Và suốt đời nó sẽ không được biết về điều bí mật này của bố mẹ nó?

- Không, nếu các cậu không bẻm mép mách lại với nó, tất nhiên. Mà thôi, cho mình thêm cốc nữa!

*Quảng Bá, 1985*



## GÁNH XIẾC ÔNG LÙN

Câu chuyện tôi sắp kể ở đây xảy ra đã lâu, chính xác hơn là khoảng giữa những năm bốn mươi. Chuyện có thật nhưng bị cắt vụn thành từng mẩu rời rạc, lại phân tán nhiều nơi, nên tôi phải mất khá nhiều công đi khắp một số huyện của tỉnh Nghệ An cũ để thu lượm và chắp vá các mẩu rời rạc ấy thành một câu chuyện. Chuyện về gánh xiếc ông Lùn.

Tên là Lùn, nhưng thật ra ông không lùn, chỉ thấp, to ngang, cộng thêm dáng điệu chậm chạp và nghề nghiệp độc đáo nên người ta mới gọi như thế.

Ông Lùn và gánh xiếc mang tên ông đã từng một thời rất nổi tiếng ở hai tỉnh Thanh - Nghệ. Ngày ấy ở nông thôn chất phác và lạc hậu, cái gì cũng có thể làm người ta ngạc nhiên... Nên dễ hiểu vì sao các tiết mục xiếc, dù là của một gánh xiếc rong, ngay lập tức được mọi người chú ý. Lời đồn về ông Lùn và gánh xiếc của ông có nhiều và truyền đi khắp nơi một cách hết sức nhanh chóng: rằng ông có tài ném dao găm phi thường, và bằng cái biệt tài ấy, ông đã giết chết ba bà vợ (có người nói năm), rằng ông có ô tô riêng đi biểu diễn, có hàng tá người giúp việc, có con chó biết nói, có cái hộp sắt biết hát, và đặc biệt là kiếm được rất nhiều tiền, giàu có đến bạc triệu, vân vân. Những lời đồn ấy - như phần lớn các lời đồn khác - trên thực tế đều không có thật, trừ việc ông có tài ném dao găm trăm phát trăm trúng, có con chó khá thông minh và chiếc máy hát quay tay ọc ạch với một chiếc đĩa duy nhất.



Ông Lùn xuất thân là một nông dân, chắc gặp chuyện gì đây phần uất hoặc không kiếm nổi miếng ăn, nên bỏ làng lên thành phố. Cứ theo hoàn cảnh mà xét thì có lẽ ông đã phải nếm khá nhiều năm tháng gian khổ, thử qua đủ thứ nghề trước khi học được cái nghề xiếc rong đặc dụng. Nói chung người ta hầu như không biết rằng khi vào Nghệ và "định cư" hẳn ở đó, ông đã là chủ của "Gánh xiếc ông Lùn" gồm ông và hai con trai ông, một lớn, một bé, chiếc xe kéo có khung bịt vải chở mấy thứ đồ nghề, xoong chảo và các thức ăn uống. Con chó và chiếc máy hát một thời gian sau mới xuất hiện. Chiếc xe được trang trí loè loẹt, bốn góc cắm bốn chùm hoa bằng lông gà nhuộm màu xanh đỏ. Đầu xe treo một chiếc chuông nhỏ, vừa đi vừa kêu leng keng. Cùng chiếc xe ấy, ông đi lang thang hết nơi này sang nơi khác, trời mưa thì ngủ trên xe, nắng trải chiếu nằm xuống đất và sáng hôm sau dậy lại đi tiếp. Thường thì ông Lùn đi trước kéo xe, thằng con lớn mười hai tuổi đi sau đẩy, còn thằng nhỏ bảy tuổi được ngồi trên xe, nhưng phải vừa luôn tay đánh trống, vừa chốc chốc lại kêu to. "Xiếc! Xiếc đây! Xiếc ông Lùn đây!" Khi con chó được nhập hội thì nó lẻo đẻo chạy theo sau.

Họ hay biểu diễn ở các bãi chợ và sân làng, nếu được các nhà chức trách cho phép và sau khi đã gộp cho làng một số tiền, bây giờ gọi là tiền thuê địa điểm.

Ông Lùn lôi từ xe ra một tấm vải dày hình tròn, rộng bằng mấy chiếc nong, được chắp nối từ các mảnh vải có màu khác nhau. Nếu không gọi chiếc trống luôn phải hoạt động thường xuyên là tiết mục, thì tiết mục đầu tiên là chiếc máy hát. Nhiệm vụ của nó là thu hút khách xem trước khi biểu diễn chính thức, và nếu cần, lấp thời gian trống giữa các tiết mục. Thằng lớn bê nó ra một cách long trọng, nhẹ nhàng và từ từ nhấc tấm vải phủ màu đỏ trước con mắt tò mò chờ đợi của mọi người. Rồi nó quay tay lên dây cót. Một chốc sau, cùng với tiếng khùng khục lạo xạo là tiếng một bài hát vui nhộn bằng tiếng Pháp bay ra. Bao giờ cũng đúng những thủ tục ấy, cũng bài hát ấy.

Tiếp đến là phần của con chó. Con chó này chân và mõm đều ngắn, lông dài màu xám, người lại nhỏ nên trông như được nhồi

bằng bông. Cổ nó đeo ruy-băng xanh, mỗi chân đeo một chiếc lục lạc bé tí. Ngoài những trò thông thường như đi bằng hai chân, nhào lộn và nhảy vòng, nó còn biết làm các phép tính đơn giản. Đến cái trò trí tuệ này thì thằng lớn ra điều khiển chó thay em, vì đơn giản là em nó chưa biết tính nhẩm. Nó yêu cầu ai đó trong người xem ra đề bài, thí dụ: hai cộng hai, năm trừ ba hay thậm chí mười sáu chia cho bốn chẳng hạn. Nhẩm tính trong đầu xong, nó ra hiệu cho con chó lúc nào thì sửa, lúc nào thì dừng lại. Tất nhiên cũng có lúc sai, và người xem tưởng lỗi do con chó, nhưng rồi họ cũng rộng lượng bỏ qua, vì trong họ không phải ai cũng biết làm các phép tính ấy.

Đến lượt thằng lớn trở tài. Một lúc nó vừa là diễn viên có tính chất tổng hợp, lại vừa là nhà ảo thuật. Trên cái vòng tròn bằng vải sặc sỡ không lớn lắm ấy, nó có thể biểu diễn rất nhiều trò, từ uốn dẻo tung hứng đến thăng bằng nhào lộn. Nhưng đặc sắc nhất vẫn là các trò ảo thuật. Trước con mắt ngạc nhiên của mọi người, nó ung dung hút thuốc rồi nhả khói qua hai lỗ tai, uống xăng phun ra lửa mà không hề bị bỏng, hoặc nó để thằng em trói nó, trói thật chặt khắp người, ấy thế mà nó chỉ rung mình một cái là các dây đều sổ tung rơi xuống đất. Vân vân và vân vân.

Cuối cùng đến tiết mục đặc sắc nhất và cũng thường để kết thúc buổi diễn - tiết mục ném dao găm của ông Lùn.

Ông cho bê ra một chiếc bàn, và dựng một chiếc bảng cao trên đó. Thằng nhỏ mang đến một chiếc hộp đựng đầy dao găm, những chiếc dao nhỏ và ngắn chỉ độ nửa gang, mũi nhọn và rất sắc. Ông Lùn, cũng như hai con trai ông, mặc quần áo nhà nghề, nghĩa là những bộ quần áo sặc sỡ ông tự may, cho là phù hợp với công việc và túi tiền của mình.

Đầu tiên, thằng lớn gắn lên bảng một quả quýt. Ông Lùn đỡ lấy con dao mà thằng nhỏ đứng bên cạnh đưa cho, và ở khoảng cách độ mười mét, hầu như không ngắm, ông ném một nhát trúng quả quýt, cắt nó ra làm đôi. Người xem còn chưa hết ngạc nhiên thì thằng lớn đã lấy phấn gạch một đường chéo trên bảng. Ông lại ném lần khác. Cứ thế năm lần liên tiếp. Và khi thằng lớn

nhỏ con dao thứ năm lên thì mọi người chỉ thấy trên bảng một lỗ cắm duy nhất. Tiếp đến ông mời người xem vẽ lên bảng một hình gì đấy. Cũng không ngắm, ông liền tiếp cắm hết con dao này đến con dao khác theo hình ấy. Không chệch một phát nào. Xong, ông ra hiệu thẳng lớn cho chiếc máy hát hoạt động trở lại. Một lúc sau mọi người tản đi trong tiếng trống bì bùm và tiếng bài hát Pháp vui vẻ.

Ông Lùn và gánh xiếc của ông sống nghèo lắm. Thời ấy moi được vài đồng xu của anh nông dân không phải dễ, phần vì họ keo, phần vì họ chẳng có gì để moi. Bán vé thu tiền là điều không thể, vì nếu thế sẽ chẳng có ai đến xem, thành ra đành trông chờ vào lòng tốt tự giác của người đời, nghĩa là cũng phải để chiếc mâm ra xin tiền như anh xẩm mù để mũ, dù ông Lùn có cả một gánh xiếc hẳn hoi với những tiết mục hấp dẫn và độc đáo như vậy. Thường thì ngày nào họ chỉ kiếm đủ ăn ngày đó. Mà được thế cũng đã là may lắm. Không ít khi trời mưa hoặc họ bị xua đuổi như những người hành khất thực thụ, ấy là chưa kể những lúc ốm đau hay gặp sự cố gì đặc biệt.

Ở Đô Lương có một người kể rằng chính ông ta một hôm nhìn thấy thằng bé lén vào vườn moi trộm khoai lang, ông tóm được. Khi nhận ra đó là thằng nhỏ gánh xiếc ông Lùn, ông tha cho đi và không giữ lại những củ khoai nó vừa moi được.

Thế thì tại sao lại có lời đồn nhiều và dai dẳng rằng ông kiếm tiền dễ dàng và "giàu có đến bạc triệu?" Tôi đã cố tìm hiểu kỹ điều đó, cả việc vì sao gánh xiếc vắng mặt phụ nữ, ít ra là vợ, hoặc mẹ những đứa bé kia. Cho đến bây giờ, khi viết những dòng này, tôi vẫn chưa biết được đâu là sự thật.

Có người quả quyết với tôi rằng trước đây ông Lùn có vợ đi theo. Bà này thay cho các hình vẽ trên bảng, đứng giang tay để chồng ném dao găm vẽ hình theo người bà. Đó là tiết mục hết sức mạo hiểm và giật gân, nhưng cũng nhờ thế mà thu hút được nhiều khách hơn, và cùng với khách là tiền. Tiếc là bà này một lần vô ý lắc đầu xua một con ruồi đậu trên môi, mũi dao đã xuyên qua óc chết. Từ đó gánh xiếc bắt đầu sa sút. Có người lại nói rằng người

bị ông ném chết không phải là vợ, mà là thằng con cả, anh của hai đứa hiện giờ. Còn vợ ông, khi thấy con chết, đã ôm đứa bé nhất, đứa thứ tư bỏ ra Bắc. Nhưng cũng có người cho rằng ông Lùn không bao giờ ném người, không phải do ông sợ ném chệch, mà vì ông sợ người làm mẫu không chịu nổi sẽ xê dịch khỏi cái thế đã định. Vả lại, một phần vì ông là người tốt bụng, không muốn mạo hiểm nếu không vì hoàn cảnh quá thúc bách. Tóm lại, ý kiến có nhiều và khác nhau không ít, nhưng tất cả đều thống nhất ở một điểm, rằng ông Lùn và gánh xiếc của ông trước đây đã làm ăn phát đạt hơn nhiều. Còn về việc ai bị ông giết, nếu quả thật ông có giết, thì căn cứ vào nhiều mặt mà xét, có lẽ đó là vợ ông.

Lúc này gánh xiếc ông Lùn đang gặp buổi khó khăn. Các tiết mục có lạ mắt, hấp dẫn thật đấy, nhưng dù sao vẫn chưa đủ độc đáo để bắt được người nông dân bỏ công việc kéo đến xem đông đúc, và điều này mới là quan trọng nhất - chịu móc túi lấy tiền, tất nhiên là nếu trong túi có tiền, để trả công cho cái mình vừa được thưởng thức. Cứ thế mấy cha con ông Lùn kéo xe đi lang thang khắp nơi, hết huyện này đến huyện khác. Chương trình biểu diễn của họ trở nên phong phú hơn. Hai thằng bé lớn lên học thêm được một số trò mới. Bản thân ông Lùn, người có biệt tài ném dao găm kiem luôn nhiều mục khác, như nằm ngửa để hòn đá to lên bụng cho người khác cầm búa đập, hoặc bắn cung, tung tạ, vân vân. Chiếc máy hát thì ọc ạch hơn trước, tuy vẫn phát ra được bài hát Pháp vui nhộn nọ. Chỉ có hai cái hầu như không thay đổi, đó là con chó thông minh và món tiền ít ỏi thu được sau mỗi buổi diễn.

Vào một năm mất mùa đói kém và gánh xiếc đang trong tình trạng tồi tệ nhất, một đêm nọ ở sân ga Vinh, khi bố con ông Lùn đang ngồi ăn phần cơm ít ỏi của mình sau buổi diễn, thì một người phụ nữ bước đến chìa tay xin ăn. Người phụ nữ có lẽ chưa đến ba mươi, ăn mặc khá thơm tất, mặt dễ coi nhưng xanh gầy, tiêu tụy bởi đói ăn và lo lắng. Cô ta đội chiếc nón trùm hụp, chiếc tay nải bên hông, chìa bàn tay một cách rụt rè ngượng ngập, miệng lí nhí nói câu gì không rõ. Tuy thế, ở người cô vẫn toát lên

cái gì đấy dễ thương, trong sạch, chứng tỏ trước đây không lâu cô còn là một cô gái con nhà tử tế. Về sau cô kể cho ông Lùn nghe về cuộc đời đau buồn của mình, rằng không may cô lấy phải người chồng giàu nhưng độc ác. Hắn chỉ muốn một đứa con trai thừa tự, thế mà không hiểu sao cô chỉ sinh toàn con gái. Sau khi sinh đứa con gái thứ ba, hắn thẳng tay đuổi cả bốn mẹ con cô ra khỏi nhà. Không nơi nương tựa, bốn mẹ con phải bồng bế nhau đi ăn xin đến nay đã được ba tháng. Vì không muốn con chết đói, cô đã lần lượt tìm nơi tin cậy, cho hết đứa này đến đứa khác. Đứa cuối cùng chưa đầy một tuổi, cô đem cho một bà hàng bún ở Bến Thủy cách đấy vài ngày.

Về người phụ nữ bất hạnh và có tấm lòng nhân ái vĩ đại này (vâng, tôi có thể nói về cô như thế sau khi biết những việc cô làm trước và sau khi gặp ông Lùn), tôi đã thu thập được một số tư liệu khá cảm động, nhưng có lẽ sẽ dành nói riêng trong một truyện khác.

Ngay từ phút đầu, ông Lùn đã có cảm tình với người phụ nữ này. Vốn tốt bụng, ông mời cô ta ngồi xuống cùng ăn. Ngày ấy, chia cái ăn cho người khác là một việc dũng cảm. Một lúc sau ông quyết định một việc khác còn dũng cảm gấp bội mà chính ông cũng không ngờ tới, là mời cô cùng đi theo gánh xiếc.

Tên cô là Lí. Từ ngày có cô Lí, tất nhiên bố con ông Lùn đỡ vất vả hơn nhiều. Cô đảm nhiệm hết các phần việc sinh hoạt hàng ngày như nấu nướng, giặt giũ. Có cô, cuộc đời ông Lùn chắc ấm áp thêm, vì dù sao cô cũng là người đàn bà mà cuộc sống nay đây mai đó của ông rất cần. Tuy nhiên, ta cũng dễ hình dung rằng từ nay, có thêm một miệng ăn, gánh xiếc của ông vốn túng thiếu, càng trở nên túng thiếu hơn. Thu nhập ngày một giảm sút; người xem bắt đầu chán những tiết mục diễn đi diễn lại quá nhàm chán. Họ muốn một cái gì đấy mới, hấp dẫn và độc đáo hơn. Nhưng cái gì? Ông Lùn ngày càng lìm lì ít nói. Hai thằng con vì thấy ít người xem, mất hứng, sao nhãng dần việc luyện tập. Còn cô Lí thì suốt đời quen nhẵn nhụi hi sinh vì người khác, nay bỗng



thấy mình là gánh nặng cho ai đó, nên rất buồn. Cô tự cho cô là người duy nhất có lỗi. Cô rụt rè, sợ sệt và cố làm vừa lòng mọi người một cách vụng về. Nhiều khi cô còn lên học một vài trò xiếc nhưng không được. Cũng may mà không ai nói gì cô. Ngược lại, cô được yêu mến, đặc biệt là ông Lùn, có lẽ cũng do bởi cái vẻ ngoài nhần nhục bên lên của cô.

Thời gian vẫn lặng lẽ trôi qua, chiếc xe của gánh xiếc ông Lùn vẫn lóc cọc lăn trên những con đường quanh co của xứ Nghệ, chở theo nó vẫn những khó khăn và lo âu ấy.

Một hôm rất tình cờ, cô Lí nghe ai đó nói rằng nếu có người chịu đứng làm mẫu cho ông Lùn ném dao găm, gánh xiếc của ông mới trở nên hấp dẫn, và người ta sẽ kéo tới đông gấp bội. Suốt ngày cô Lí suy nghĩ rất lung. Phải chăng đây là khả năng duy nhất cô có thể giúp ân nhân mình trong công việc? Cô chỉ việc nhắm mắt đứng yên - chỉ cần đứng yên giang hai tay, còn tài ném dao của ông Lùn thì, như người khác, cô hoàn toàn không mấy may nghi ngờ. Có điều xưa nay cô vốn nhút nhát, chỉ nhìn thấy mũi dao đã bủn rủn chân tay, liệu cô có đứng vững được không? Và rồi cô nhắm mắt hình dung những mũi dao sáng loáng đang thi nhau bay vun vút từ xa tới, cắm phập sát theo người cô. Cô cảm thấy ớn lạnh, trống ngực đập thình thịch.

Tối ấy, cô Lí đã đem ý định của mình nói với ông Lùn, và ông Lùn như ta dễ đoán hiểu, đã cương quyết từ chối. Ông cũng không thay đổi ý kiến trong những lần sau, cả khi cô nói rằng nếu để cô làm mẫu, gánh xiếc của ông sẽ kiếm được nhiều tiền hơn, không những đủ sinh sống, mà có thể còn giúp cô chuộc lại những đứa con đã bán gửi cho người khác.

Ấy thế mà chưa đầy nửa tháng sau, ở chợ Vinh, thằng nhỏ đã lớn tiếng quảng cáo cho "tiết mục ném dao găm theo hình người thật, một tiết mục mạo hiểm rùng rợn nhưng vô cùng hấp dẫn mấy năm chỉ diễn một lần của "Gánh xiếc ông Lùn"... Nghĩa là cuối cùng cái đói đã vượt lên trên tất cả, đẩy lùi cả nỗi sợ chết người và bắt ông Lùn, một người tốt bụng, hiền lành phải mạo hiểm lần nữa với tính mạng của người ông yêu quý.

Hôm ấy, mọi việc diễn ra giống mọi ngày - vẫn cái trình tự các tiết mục ấy, vẫn con chó và cái máy hát ọc ạch ấy. Điều mới lạ duy nhất là người xem, do được quảng cáo và kháo nhau từ trước, lần này kéo đến xem rất đông, háo hức chờ đợi điều kì lạ sắp đến.

Trước con mắt tò mò và hồi hộp của mọi người, cô Lí đi ra, khẽ mỉm cười yếu ớt rồi bước lên bục, đứng dán người vào chiếc bảng lớn kê thẳng đứng phía sau. Cô mặc bộ quần áo đen bó sát người, hai tay để thẳng ngang vai, chân choãi ra thành hình chữ V lật ngược. Mặt cô trắng nhợt, đôi mắt mở to, hầu như không nhấp nháy. Ông Lùn đứng trước cô, cách mười mét, bề ngoài vẫn bình tĩnh và có vẻ hờ hững như mọi ngày. Thằng nhỏ đứng cạnh, hai tay bê hộp dao găm. Ông với tay cầm một con dao, hất đầu ra hiệu với cô Lí, và rồi nhanh như chớp mũi dao loé lên, cắm phập sát đỉnh đầu cô. Cô khẽ rùng mình, cảm thấy như có dòng điện vừa chạy khắp cơ thể. Chưa kịp định thần trở lại, một mũi dao khác đã chạm nhẹ bên tai trái. Một giây sau, mũi dao xuyên xuống cổ, bờ vai rồi chạy theo cánh tay đến đầu ngón, xuống nách, hông... Cô nhắm mắt. Nỗi sợ hãi đã làm tê liệt các dây thần kinh cảm giác. Thậm chí cô không còn nghe cả tiếng những mũi dao liên tiếp cắm vào bảng gỗ sắc gọn, và chỉ chợt tỉnh lại khi ông Lùn ném xong mũi dao cuối cùng bên tai phải của cô. Người xem, sau những phút giây nín lặng chờ đợi, bỗng bùng lên vỗ tay tán thưởng. Như chiếc máy, cô thần thờ bước xuống khỏi bục, để lại phía sau một hình người được cắm bằng những mũi dao tua tủa.

Sau đó, như một số người kể lại, cô Lí đã ngất đi trong cánh tay ông Lùn lúc ấy vừa kịp đến đỡ. Cũng có người nói cô ốm liệt giường mấy ngày liền. Nói chung người ta còn nhớ và kể lại nhiều chi tiết giật gân về buổi biểu diễn hiếm có ấy. Tất nhiên, chính xác đến mức nào thì lại là chuyện khác.

Tôi có một bà cô già sống cùng làng, cô tôi kể lại rằng hôm ấy, khi mọi người đã bỏ về, có hai cô gái nông dân bèn lên tìm đến gặp ông Lùn. Sau một hồi đùn đẩy nhau, hai cô yêu cầu ông từ nay đừng ném dao theo hình người thật nữa, vì ném thế sợ lắm, và rằng có thể nhỡ sẽ chết người. Ông Lùn nhìn hai cô, mỉm cười



hiền lành, thậm chí còn đặt tay lên vai một cô và hứa sẽ nghe lời các cô. Hai cô kia không nói gì thêm, vội giúi vào tay ông mấy tờ giấy bạc cầm sẵn rồi xấu hổ bỏ chạy. Chuyện này thì tôi tin chắc là có thật, vì một trong hai cô gái ấy chính là bà cô tôi. Cô tôi nói:

- Ấy thế mà chỉ mấy hôm sau ông ta đã ném chết cô Lí. Con người trông bề ngoài hiền lành, thật thà là vậy. Hoá ra...

Bà cô tôi nói đúng: Năm ngày sau, ở Phủ Diễn nay là thị trấn Diễn Châu, cũng vì bị cái đói bắt buộc, ông Lùn và cô Lí đã phải mạo hiểm lần nữa. Nhưng không may lần này, cô Lí ngất đúng khi ông Lùn ném mũi dao vào nách phải của cô. Cô ngã người và mũi dao đã đâm trúng trái tim cô lúc ấy đang đập mạnh vì sợ hãi...

\*

Tôi rất yêu xiếc, nghệ thuật của cái đẹp và sự dũng cảm. Có lẽ một phần vì thế mà tôi đã bỏ công lần theo truyền thuyết về ông Lùn và gánh xiếc của ông ở quê tôi những năm trước khi chế độ mới được hoàn toàn thiết lập. Để làm gì ư? Để ít ra cũng biết được con người của cái nghệ thuật mà tôi yêu quý ấy trước kia đã sống và phải trả giá cho nghề nghiệp của mình như thế nào. Tiếc là sau cái chết của cô Lí, tôi không biết gì thêm về ông Lùn, ngoài một điều chắc chắn rằng từ đấy không ai còn thấy cỗ xe kéo tay của ông lăn trên những nẻo đường quen thuộc nữa. Có người nói ông đã đem con trở về Bắc, từ bỏ hẳn nghề xiếc. Cũng có tin đồn ông bỏ đi vào một tỉnh nào đấy ở phía trong, tiếp tục biểu diễn và còn làm chết thêm mấy bà vợ nữa, rằng ông tự tử chết theo cô Lí; rằng ông đã bị bắt vì tội giết người, vân vân...

Mới đây, một ông giáo ở Quỳnh Lưu có nói với tôi rằng sau khi miền Bắc được giải phóng, gánh xiếc ông Lùn đã nhập vào đoàn xiếc Trung ương và hiện giờ chắc hai con ông đang làm việc ở đó. Đây là một giả thiết có vẻ tin được. Khi trở lại Hà Nội, tôi đến dò hỏi ở các đoàn và cả trường xiếc ở Mai Dịch. Tiếc thay cả

lần này tôi cũng không biết được gì thêm. Nhưng giờ đây mỗi lần vào rạp, thưởng thức các tiết mục hấp dẫn của các diễn viên trẻ, đẹp và hạnh phúc, tôi không thể không bùi ngùi nghĩ về ông Lùn và gánh xiếc của ông, về cỗ xe kéo tay lọc cọc lăn trên những nẻo đường nông thôn lạc hậu ngày xưa.

*Nha Trang, 1985*

## KÝ SỰ VỀ MỘT NGỌN ĐÈN ĐÃ TẮT

### 1

Ở công ty S.B, khi được hỏi ai là điển hình tốt của công nhân đèn biển những năm gần đây, mọi người đều nhất trí nêu tên Nguyễn Thiếu Sơn, đảo trưởng đảo đèn Hòn mực. Sau đây là một số ý kiến nhận xét về anh ta.

Giám đốc công ty:

Ồ, đó là anh chàng tuyệt diệu. "Người hùng" của chúng tôi đấy. Năm năm liền là chiến sĩ thi đua. Tuy không phải nhiệm vụ của mình, nhưng đã tình nguyện ra đảo và ở liền một mạch cho đến tận bây giờ. Cũng trong chừng ấy năm, cậu ta chưa để xảy ra một sự cố nào, đặc biệt là không bao giờ kêu ca khó khăn, không bao giờ xin về đất liền! Một anh chàng ít lời, khiêm tốn, thông minh, có ý thức kỉ luật tốt. Ấy thế mà trước khi ra đảo từng thuộc vào loại "có vấn đề" cơ đấy. Thế nào anh cũng phải ra Hòn Mực thăm cậu ấy, và nếu có thể, thì viết hộ cho một bài kha khá vào. Chúng tôi muốn mọi người hiểu hơn nữa về cái nghề gian khổ thâm lặng này. Vả lại, cũng cần nêu một cái gương cho lớp trẻ noi theo, chứ nói thật, bọn chúng quen sung sướng ở đất liền, ra đảo chưa ấm chỗ là đã đòi về hết trụi.

Thư kí công đoàn:

Hiếm có trường hợp nào như cậu Sơn - năm năm liền không đi phép lần nào. Hình như cậu ấy không hề muốn rời đảo đi đâu,

dù chỉ ít ngày. Cũng chẳng có nhu cầu tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Người ta kể với tôi rằng cậu ta thường cho cậu bạn làm việc cùng nhà đèn về đất liền có khi đến hàng tháng trời. Còn lại một mình, cậu ta đảm nhiệm hết mọi việc. Tất nhiên như thế là vi phạm nguyên tắc, là mạo hiểm, nhưng dù sao theo tôi, phải là một người thực sự yêu nghề và thông cảm với bè bạn mới xử sự như vậy. À, mà sáu tháng đầu năm này Công đoàn Tổng cục Đường biển lại có giấy khen cho Nhà đèn Hòn Mực, khi nào đi, các anh nhớ nhắc tôi gửi ra cho cậu ấy.

Một công nhân, bạn cũ của Sơn:

Em thì em nghĩ mọi chuyện không đơn giản như thế. Sống với nhau nhiều, em biết. Đúng là nó "an tâm công tác" như người ta nói, suốt năm năm không nghỉ phép lần nào, không kêu ca, không đòi về đất liền. Nhưng thử hỏi vì sao lại thế? Nhất là trước kia nó từng là người hiếu động, ham hiểu biết và đặc biệt rất chân thành và thẳng thắn. Cũng chính vì sự thẳng thắn đó mà bao lần nó phải mang vạ vào thân, để rồi không hiểu sao cuối cùng nó lại tình nguyện ra đảo, và ở rịt đấy đến tận bây giờ. Nếu có dịp, anh thử tìm hiểu xem.

Một thủy thủ trên tàu VS.735, chuyên tiếp tế cho các đảo đèn khu vực phía Bắc:

Sơn Hòn Mực ấy à? Đó là một thằng hâm tử độ.

## 2

Những tìm hiểu thêm khi đi trên tàu VS.735.

Nguyễn Thiếu Sơn quê ở Thái Bình, năm nay vừa tròn 32 tuổi, mồ côi cả cha lẫn mẹ và hiện không còn ai thân thích. Học xong phổ thông, Sơn được chọn sang Rostok, Cộng hòa Dân chủ Đức, học trung cấp kỹ thuật, ngành sửa chữa máy tàu biển trong ba năm. Sau đó ở lại làm việc tại nước bạn bốn năm nữa là bảy năm. Về nước, được phân công tác ở công ty S.B này, tất nhiên là theo chuyên môn đã học - sửa chữa máy thủy.

Về công ty chưa bao lâu, Sơn đã nổi tiếng là một anh chàng lập dị. Thực ra ở anh - kể cả cách ăn mặc lẫn cư xử - mọi cái đều bình thường, thế nhưng người ta vẫn cảm thấy có cái gì đấy khó nói, vừa chường chường vừa buồn cười, trước hết là sự thật thà quá đáng, nhiều khi đến mức không tế nhị. Có lẽ anh quá đơn giản mọi chuyện, nghĩ ai cũng như mình nên sống cởi mở, hết sức thoải mái mà không mấy may để ý đến những mối quan hệ tinh vi, phức tạp của cuộc sống xung quanh chẳng?

Anh là người thông minh, nhanh nhẹn và có trình độ chuyên môn giỏi. Anh làm việc một cách hăng hái - quá ư hăng hái - và thường hoàn thành các việc được giao nhanh và tốt đến mức ai cũng phải ngạc nhiên. Không khó hình dung anh trở nên là người thế nào khi bất thần xuất hiện giữa một tập thể xưa nay vốn làm ăn trì trệ như phân xưởng nơi anh đến công tác.

Lúc đầu mọi người chỉ lặng lẽ quan sát, không khen cũng chẳng chê, và nghĩ chắc như tất cả những anh "lính mới" khác, tay này rồi cũng chẳng mấy mà "xịt" và sẽ hoà vào cái không khí chung vốn đã thành truyền thống.

Thế nhưng thực tế lại ngược lại. Sơn tỏ ra là người có bản lĩnh. Anh vẫn giữ được phong cách làm việc của những ngày mới đến. Hơn thế, anh còn bắt đầu công khai phê phán tình trạng kỉ luật lỏng lẻo và những điều bất hợp lí trong quá trình sản xuất của phân xưởng. Những ý kiến anh nêu lên đều đúng, tuy nhiên, phần vì do cách phê bình của anh quá căng thẳng, phần vì người bị phê bình tự ái, không chịu tiếp thu, nên dần dần anh bị dồn vào thế cô lập, một mình đối chọi với cả tập thể. Anh không nao núng, thậm chí còn lấy làm thích thú trong sự cô đơn kiêu hãnh của mình. Còn người khác thì tuy khó chịu nhưng cũng chẳng làm gì được, vì điều chủ yếu là anh làm việc tốt và không cho một cơ lớn để bắt bẻ, cho đến một hôm...

Đây là lần va chạm lớn đầu tiên. Sơ kết sáu tháng đầu năm, Sơn kiên quyết không chịu nhận là Lao động Tiên tiến, nói rằng mình chỉ làm việc bình thường, chưa đạt các tiêu chuẩn mà danh hiệu này quy định. Anh cũng từ chối cả món tiền thưởng phân

xưởng "Hoàn thành vượt mức kế hoạch", vì theo anh, thực ra phân xưởng không những không vượt, mà còn chưa đạt kế hoạch được giao.

Lần này, vì uy tín và quyền lợi của cả phân xưởng bị đe dọa, ai cũng nhao lên phản đối Sơn một cách quyết liệt. Họ kết anh đủ các thứ tội, tìm đủ mọi cách, cả cứng lẫn mềm, cố thuyết phục, nhưng anh vẫn không nhân nhượng. Lần đầu tiên, sự làm ăn dối trá đã bị công khai vạch trần, bằng những chứng cứ và số liệu chính xác.

Sơn không phải là người thích chơi trội, không bị một động cơ cá nhân nào chi phối, mà với nhiệt tình và tính ngay thẳng, trong sáng của tuổi trẻ, anh đấu tranh vì lợi ích của tập thể và sự công bằng nói chung. Anh viết đơn báo cáo tất cả lên công ty, và một thời gian sau anh vô cùng thất vọng khi thấy phân xưởng vẫn được công nhận vượt mức kế hoạch, và tất cả mọi người, trừ anh, đều là Lao động Tiên tiến và lĩnh thưởng.

Sau vụ này, tình hình trong phân xưởng vẫn không thay đổi một chút gì. Sơn càng bị cô lập hơn, và bây giờ, thay cho thái độ không khen, không chê trước kia, người ta bắt đầu chú ý tới các điều nhỏ nhặt nhất ở anh để bới móc. Dễ nhất là đầu tóc và cách ăn mặc. Tóc Sơn không bao giờ để quá dài, thế mà trong một cuộc họp vẫn bị phê bình. Anh chỉ nhún vai ngồi nghe, và sau đó, không những không cắt ngắn, anh còn cố ý để dài hơn, với sự thách thức không giấu giếm. Kết quả là tóc anh trở nên dài thật, dài lút gáy, đến nỗi một lần bị công an khu phố bắt vào đồn cắt trắng hăn nửa đầu. Hôm sau và suốt cả tháng tiếp theo, anh đến phân xưởng với cái đầu bị cắt trọc một nửa ấy, ai khuyên can thế nào anh cũng chẳng chịu chữa lại, ngay cả sau khi Giám đốc Công ty có ý kiến. "Để tóc thế nào là quyền của tôi, - anh nói. - Tôi đã bị xúc phạm một cách thô bạo, tôi phải để mọi người thấy rõ điều ấy".

Lại một đợt sơ kết sáu tháng nữa. Như lần trước, phân xưởng lại vượt kế hoạch, lại chia thưởng. Lần nữa, Sơn lại từ chối không nhận, sau khi chứng minh xác đáng rằng cái vượt kế

hoạch ấy chẳng qua chỉ là trò ảo thuật trong tính toán của ông quản đốc. Nghĩa là mọi việc vẫn xảy ra như cũ, khác chẳng lần này anh làm căng hơn. Anh chạy lên tận Ban Giám đốc Công ty, Đảng uỷ cơ quan, rồi làm âm lên ở những nơi đó. Người ta lắng nghe anh, tuy không thật chăm chú lắm, rồi hứa sẽ cho điều tra lại. Trước khi chia tay, họ đã dành hơn nửa tiếng đồng hồ nhắc anh về tác phong sinh hoạt, về sự khiêm tốn, đoàn kết nội bộ, vân vân. Sơn ra về với tâm trạng chán nản và mệt mỏi.

Mấy ngày sau, nghe tin phân xưởng vẫn được công nhận vượt kế hoạch, Sơn bỏ không đi làm suốt cả một tuần. Trở lại phân xưởng, anh hồ hững nhận quyết định cảnh cáo toàn Công ty vì tội nghỉ việc vô lí do. Đang sẵn buồn bực vì có chuyện gì đấy trắc trở với người yêu, ngay ngày hôm ấy, anh viết đơn xin ra đảo làm công nhân gác đèn biển, một việc luôn thiếu người và xưa nay chưa có ai tình nguyện...

### 3

Hòn Mực là một đảo đá nhỏ nhưng khá cao ở xa ngoài biển, nằm trên luồng tàu chạy vào cảng Cửa Ông. Khi tàu VS.735 chở chúng tôi từ đảo Long Châu đến, trời đã ngả về chiều. Gió thổi mạnh, sóng lớn, có lẽ phải đến cấp năm, cấp sáu - ở đây mùa này bao giờ sóng cũng lớn.

Khác với các nhà đèn khác thường đoán ngày giờ tàu từ đất liền ra để nóng lòng đứng chờ sẵn từ trước, nhà đèn Hòn Mực này tỏ ra thờ ơ với điều đó. Tàu chúng tôi phải kéo còi dài mấy lần mới thấy một bóng người chui ra khỏi ngôi nhà chuồng chim treo chênh vênh trên vách đá. Người ấy thông thả tuột xuống theo một chiếc thang sắt thẳng đứng, và một lúc sau tiến về phía chúng tôi trên chiếc thuyền nan nhỏ và rất nông.

- Mày lại cho thằng Ba vào đất liền rồi hả Sơn ?

Ông trưởng trạm hỏi, khi chiếc thuyền nan vừa áp vào thành tàu. Ông là một ông già nhỏ bé, da đen xạm, nghe nói đã từng coi



đèn ở đảo hơn ba mươi năm. Lần này ông đi kiểm tra khắp một lượt các nhà đèn dưới quyền ông phụ trách. Cùng đi với ông còn có một người nữa, thợ sửa chữa máy nổ, và nếu cần, chữa luôn cả máy vô tuyến điện.

- Hẳn bảo ở nhà có việc gì đấy quan trọng lắm... - Sơn đáp.

- Lâu chưa?

- Tuần trước.

- Thế sau hẳn ra bằng cách nào?

- Chắc đi nhờ tàu Hải quân.

Ông trưởng trạm thở dài rồi buông một câu mà có lẽ ông đã nói nhiều lần nhưng không tin lắm vào hiệu quả của nó:

- Cậu phải liều liệu đấy, chứ làm thế là không ổn đâu. Ở đây một mình, nhờ cậu ốm chết, ai chịu trách nhiệm? Thôi, - ông hạ giọng. - Cậu cho tớ và anh nhà báo này vào trước, rồi ra đón ông máy nổ và mấy thứ đồ tiếp tế.

Một giờ sau, khi kiểm tra hết mọi việc không thấy có vấn đề gì, ông trưởng trạm giao lương thực và các thứ cho Sơn và Ba (vắng mặt), thông báo sơ qua tình hình công ty. Rồi bất chợt đặt mạnh cốc nước xuống bàn, ông nói:

- Thôi, Hòn Mực thế là được. Bây giờ tranh thủ còn sớm ta đi luôn ra Cô Tô. Anh nhà báo thấy thế nào? - Ông quay sang tôi, và không chờ trả lời, nói luôn: - Ngoài ấy sóng lớn đấy. Nhà đèn Cô Tô lại không có thuyền con ra đón như ở đây. Phải bơi vào bờ, hai trăm mét, không ngại chứ? Hay anh ở đây một hôm, mai chúng tôi quay lại đón đi Móng Cái luôn thể.

Tôi không sợ sóng lớn, cũng không ngại bơi hai trăm mét vào bờ, nhưng đã đồng ý ở lại Hòn Mực. Tôi muốn tìm hiểu kĩ hơn về Sơn.

Phải nói rằng ngay từ đầu tôi đã thấy mất cảm tình với Sơn, dù trong thâm tâm rất muốn ngược lại. Ở anh có cái gì đấy vừa lạnh lùng, vừa khinh khỉnh khiêu khích. Người anh dong dỏng cao, ăn mặc cẩn thận (điều ít thấy ở dân coi đèn biển); khuôn mặt có thể nói là ưa nhìn, nếu không kể đôi mắt mệt mỏi nhiều khi bóng ánh lên đầy vẻ hằn học.

- Tôi không thích những người làm văn, làm báo như anh. - Đó là câu đầu tiên anh nói với tôi khi chỉ còn lại hai người, và tiếng chiếc VS.735 đang đi xa bị hoà lẫn trong tiếng sóng.

- Vì sao? - tôi hỏi.

- Vì các anh nói dối mà không biết ngược.

- Anh có thể nói cụ thể hơn được không?

Sơn đưa mắt lặng lẽ nhìn tôi suốt một lượt từ đầu đến chân, rồi nhếch mép cười khinh khỉnh:

- Riêng việc anh vờ không biết đủ chứng tỏ anh đang nói dối.

- Hình như cảm thấy mình quá nặng lời, anh hạ giọng nói tiếp, chân đá vào gói sách báo ông trưởng trạm vừa mang ra còn để ngổn ngang giữa nền nhà cùng với mấy quả bí đỏ: - Ra đây yên tĩnh, anh đọc lại cái mớ này sẽ rõ.

Tôi tự ái, muốn đập lại vài câu gì đấy thật đau, nhưng rồi nghĩ thế nào lại thôi, và bỏ đi rửa ráy. Sơn cũng lẳng lẳng xách bộ đồ nghề leo lên đỉnh núi, nơi có ngôi nhà đèn cùng chiếc máy phát điện chạy bằng sức gió.

Ngôi nhà lợp ngói hiện Sơn đang ở được xây trên một chỗ tương đối bằng phẳng ở lưng chừng núi, diện tích khoảng ba mươi mét vuông, bao gồm cả nhà ở, sân, bếp và độ hai mét vuông được phủ đất chở từ đất liền ra để trồng rau sam. Ra ngoài giới hạn ba mươi mét ấy, hoặc là sẽ lập tức rơi xuống biển, hoặc va đầu vào vách đá dựng đứng.

Tôi đưa mắt nhìn một lượt khắp nhà. Có hai chiếc giường một. Một chiếc không chiếu, không màn, chông chơ mấy chiếc xoong đen nhem. Giữa nhà là chiếc bàn vuông gỗ một với hai

chiếc ghế, trên bàn là chiếc đèn dầu, chiếu điều cây, bàn cờ tướng đang đánh dở và một bộ tú lơ-khơ đã quá nhàu nát. Trong một góc tường có treo hai khẩu súng trường, chiếc bản đồ đã ngả vàng và chiếc đài bán dẫn chắc hết pin từ lâu. Ngay phía dưới, trên chiếc hòm gỗ không khoá là chồng sách để lộn xộn, có cả mấy cuốn bìa cứng khá dày, tôi đoán là sách kĩ thuật bằng tiếng Đức.

Ở đất liền, người ta kể với tôi rằng năm 1955, mả rút chạy khỏi nước ta, bọn Pháp quên không tiếp tế cho đảo Hòn Mực này và đã để ông già coi đèn chết đói. Khi ta ra tiếp quản thì xác ông đã thối rửa nằm trên sàn xi măng. Nghe nói đến tận bây giờ, gặp hôm trời ẩm, nền nhà lại nổi lên hình người ông già, đủ cả đầu và tay chân. Lúc này, nhớ lại chuyện ấy, bất giác tôi cúi xuống nhìn xem có thấy gì không, nhưng thật may là không thấy gì.

Không còn chỗ nào khác, tôi đặt chiếc túi du lịch khá mới mua xuống chiếc giường không màn, không chiếu, cùng một hàng với mấy chiếc xoong bần. Bốn giờ chiều, chúng tôi ăn tối, không ai nói với ai câu nào.

Đây là bữa cơm đầu tiên tôi được ăn với công nhân đèn biển trên đảo. Sự kham khổ đó làm tôi ngạc nhiên đến sửng sốt, dù tôi chẳng phải là người được quá nuông chiều về khoản ăn uống, và cũng từng nếm mùi các bếp ăn sinh viên những ngày gian khổ nhất. Đặt trên tờ báo cũ nhàu nát là một bát nước muối màu vàng nhạt (do muối bần), một đĩa rau sam luộc hái từ miếng đất hai mét vuông nói trên, một xoong canh lỏng bồng mấy miếng bí đỏ vừa chở từ đất liền ra, và một nồi cơm gạo hầm bốc mùi sặc sụa. Hay Sơn cố tình dọn thế này để thử thách hoặc tỏ thái độ với tôi chẳng? Không, sau này đi các đảo khác, tôi hỏi và biết đời sống của những người coi đèn bao giờ cũng kham khổ như vậy. Một tháng mới có một lần tàu từ đất liền ra, chủ yếu mang sách báo, tiền lương, gạo và một ít rau xanh, thỉnh thoảng có thêm một đôi cân cá khô. Gạo và nước ngọt thuộc "hàng chiến lược", phải dự trữ ít nhất đủ dùng cho mấy tháng, nên quanh năm anh em phải ăn gạo hầm.

Ăn xong, tôi thông thả mở túi lấy ra tờ giấy khen người ta nhờ mang hộ cho Sơn. Sơn cầm lấy, ngắm nghía nhìn nó với nụ cười giễu cợt rồi vứt xuống đất. Anh đứng dậy, ra bếp mang vào chiếc siêu nước sôi méo mó, đen xít đang phả hơi phì phì, rồi thản nhiên đặt lên tờ giấy khen sắc sỡ với những dòng chữ viết nắn nót.

- Anh thật quá đáng! -Không chịu thêm được nữa, tôi lên tiếng.

Sơn im lặng hồi lâu với vẻ khiêu khích. Cuối cùng anh ta nhìn thẳng vào mặt tôi, đáp dần từng tiếng:

- Cũng như mọi người cả thôi! Các lần trước tôi dành chúng vào những việc còn tệ hơn nhiều.

- Nhưng vì sao? Đây là phần thưởng, là sự đánh giá của tập thể, là...

- Là một sự giả dối đều cáng và trắng trợn! - Sơn vội ngắt lời tôi. Tôi không tin vào những tờ giấy loại này. Tôi không tin những lời các anh nói. Không tin bất kì ai.

- Nhưng chẳng phải mọi người vẫn tốt với anh đấy sao? Họ đánh giá cao việc anh làm, họ thưởng tiền và giấy khen cho anh! - Tôi cũng cao giọng.

- Chính vì thế mà tôi càng kính trọng họ. Đó là một việc làm đạo đức giả. Trước kia, một thời tôi từng ngu ngốc tin vào những điều nhảm nhí như thế. Nhưng nay thì đừng hòng! Đừng hòng!

Sơn ném hai chữ cuối cùng ấy vào mặt tôi, cùng với tất cả sự giận dữ lâu nay bị đè nén trong lòng. Và như để ra hiệu chấm dứt câu chuyện, anh ta cầm chiếc bát và đôi đũa của mình, đứng dậy:

- Ở đây có lệ ăn xong, bát người nào, người ấy rửa.

- Thế đĩa và xoong nồi thì sao? - Tôi châm chọc.

Anh ta không thèm đáp, chỉ lảng lạng bỏ đi ra bể nước.

Sau đó, suốt mấy giờ liền tôi và Sơn không ai nói thêm một câu nào. Sơn ngồi đánh cờ một mình trong nhà, còn tôi thì mang sách ra hiên đọc.

Tôi đến, tôi quyết định đi ngủ sớm. Thấy tôi loay hoay định sửa soạn giường chiếu, vẫn không thềm ngoái đầu lại, Sơn nói:

- Nếu lười dọn xoong nồi trên giường thì có thể trải chiếu xuống đất mà ngủ. Ngay trên chỗ ông già ngày xưa nằm chết càng tốt!

Rồi anh ta đập mạnh quân cờ xuống bàn, nói tiếp, lần này thì quay sang nhìn tôi, nhếch mép cười khinh khỉnh:

- Chẳng có gì đáng sợ. Không phải hôm nào hình ông ta cũng hiện lên đâu. Mà có hiện cũng chẳng sao, đúng thế không, ông nhà văn?

Lại một sự chiêm chọc mới! Tôi nghiêm mặt nhìn thẳng vào mắt anh ta, cố kìm giận để không buột ra một lời nào đáng tiếc. Sơn vẫn lì lợm không chịu né tránh của nhìn của tôi. Khuôn mặt trẻ, có thể nói là đẹp trai của anh ta vênh lên một cách khó chịu. Trong đôi mắt sâu, lạnh lùng và hằn học của anh ta, không còn lại dấu vết của một con người khác hẳn như tôi được biết. Anh ta đã trở thành một người đầy hằn học, cực đoan và luôn sẵn sàng bùng nổ.

Tuy nhiên, ẩn sâu phía trong cái vẻ ngoài khó chịu, giả tạo và ít nhiều bị đẩy lên quá mức kia, tôi vẫn nhận thấy ở Sơn một cái gì đó khác hẳn, một nỗi đau nhức nhối thâm kín, một sự thèm khát được trở lại cuộc sống bình thường giữa mọi người, được tin vào những điều tốt đẹp như một thời trước kia từng tin.

Bỗng nhiên, tôi thấy thương Sơn hơn là giận. Và cũng để anh ta không nghĩ mình là kẻ hèn nhát, tôi lặng lẽ quét nền nhà, trải chiếu, tìm cách mắc chiếc màn cá nhân mà bao giờ tôi cũng mang theo người, rồi chui vào nằm đúng chỗ Sơn gợi ý nơi ông già gác đèn biển ngày xưa đã chết.

Sơn quay lại đánh cờ một mình. Dù rất mệt, tôi nằm trần trọc mãi vẫn không sao ngủ được. Những ý nghĩ rời rạc, hải hùng cứ bám chặt lấy tôi. Đâu có phía dưới, tiếng sóng vỗ vào vách núi dựng đứng nghe đều đều, dữ dội, nhiều khi to như một tràng pháo ngân dài. Cuối cùng tôi cũng thiếp đi, nhưng nửa đêm lại

chợt thức giấc. Chiếc đèn dầu vẫn leo lét cháy trên bàn cờ đặt trên giường Sơn, tuy nhiên tôi không thấy Sơn với dáng ngồi quen thuộc bên cạnh. Tôi đưa mắt nhìn quanh. Anh ta đang đứng trong góc phòng, tay mân mê khẩu súng trường vừa mới được lau sạch bóng. "Hắn định làm gì thế nhỉ?"- tôi lo lắng tự hỏi, sống lưng bỗng thấy lạnh lạnh. Tôi những muốn kêu to hay vùng dậy bỏ chạy, nhưng sức nhớ ra mình đang ở đâu, tôi đành tiếp tục nằm im giả vờ đang ngủ say. Thật may, một lúc sau, ngấm nghĩa chán khẩu súng, Sơn lại treo nó lên tường, rồi leo lên giường với ván cờ bỏ dở.

Anh ta ngồi bất động, đầu ngoẹo sang một bên, một tay chống cằm, tay kia luôn giữ một quân cờ bên đen hoặc bên trắng, tùy lúc. Cứ thế, mình chống lại chính mình, anh ta ngồi im lặng hết giờ này đến giờ khác, ngày này đến ngày khác, năm này đến năm khác.

Tôi bỗng cảm thấy ngọt ngọt khó thở và quyết định dậy, leo lên chòi đèn ngồi một chốc cho mát. Thật lạ lùng, như đoán được ý tôi, khi thấy tôi vừa chui ra khỏi màn, vẫn không quay lại, Sơn nói:

- Đi ủng vào, đường lên trên kia nhiều rắn lắm đấy!

Tôi lạng lẽ tìm ủng xỏ vào rồi đi ra ngoài. Năm phút sau, men theo vách núi, tôi đã leo lên chòi đèn, khoan khoái đứng tựa vào chiếc lan can bằng sắt sơn trắng bao quanh, chiếu ra bốn phía những luồng ánh sáng dài, khi tắt, khi đỏ do được che bởi những miếng kim loại cách nhau đều đặn.

Ban đêm, biển thật đẹp. Trời đầy sao. Trăng mới mọc nhưng còn bị che khuất sau một trong vô số các ngọn núi nhỏ mờ đang đứng như ngái ngủ giữa vịnh. Mặt biển tối đen, lốm đốm những ngọn đèn xanh của các con thuyền đánh cá. Chắc từ đó, hàng trăm con mắt đang hướng về Hòn Mực quen thuộc. Ngọn hải đăng vẫn sáng, nghĩa là tất cả vẫn bình thường, những người đi biển nhìn vào nó để định hướng, có thể yên tâm cho tàu thuyền đi lại mà không sợ bị va đá ngầm hay mắc cạn.

Từ xa, một chiếc tàu lớn như một toà nhà nhiều tầng rực sáng đang từ từ tiến vào cảng Cửa Ông để ăn than. Được Hòn Mực chỉ đường, nó vững tin lao lên phía trước.

Bất chợt, tôi bỗng muốn đánh tín hiệu cấp cứu, muốn kêu to, kêu lên thật to với người thuyền trưởng thuyền tàu kia, với những chiếc thuyền đánh cá, với công ty S.B, trong đất liền, với tất cả mọi người, rằng ở đây ngọn đèn hải đăng vẫn sáng, nhưng một ngọn đèn khác còn quan trọng hơn nhiều, ngọn đèn chiếu sáng cho nó, ngọn đèn trong trái tim người coi đèn đã tắt và đang cần được nhanh chóng thắp lại! S.O.S!

*Quảng Ninh - Đà Lạt, 22.4.1987*



## LÃO HẠ

Theo chỗ tôi biết, ở xã tôi ai cũng ghét lão. Và hơi sờ sợ. Phần nhiều, người ta sợ lão như sợ một vật nhơ bẩn, một cái thầy ma, hoặc một sự gàn quái. Nhưng cũng có nhiều người sợ vì những nguyên nhân khác.

Xuống tàu ở ga Mỹ Lý, tôi xách cặp đi bộ về nhà. Tới cây đa cắt đầu làng, tôi gặp một người bạn học cũ và đứng lại trò chuyện mấy phút. Chưa nói được vài câu, anh kia bỗng nhìn quanh, bảo tôi:

- Kìa, lão Hạ đang đến đấy! Tối nay lại nhà mình chơi nhé. Mà cậu cũng đi đi, kéo dây vào lão ấy khó chịu lắm.

Rồi anh bạn tôi vội vã đi khuất sau bờ tre non trước mặt.

Tính tò mò cố hữu đã giữ chân tôi, không cho đi tiếp theo lời khuyên của anh bạn tốt bụng.

Trên con đường rải xỉ sắt khúc khuỷu và phủ đầy những cọng rơm dính phân súc vật khô dẹt, lão Hạ đang chậm chạp, khó nhọc đi về phía tôi. Đó là một ông già đã hơn bảy mươi tuổi, bé nhỏ và đặc biệt rất gầy. Tay lão chống chiếc gậy bằng gỗ mun, tay cầm cong cong, chạm trở những hình thù gì đó không rõ. Đầu gậy chống xuống đất lâu ngày bị mòn, trở thành quá ngắn, đến mức dùng nó, lão phải cúi thấp cái lưng vốn đã còng. Lão đội chiếc khăn xếp đen được gấp thành nhiều nếp cẩn thận. Trên người lão, chiếc áo dài, cũng màu đen, có ba chiếc cúc tròn bên nách

phải, tuy đã sơn cũ, rách đôi chỗ nhỏ, nhưng nhìn chung vẫn còn khá tươi tắn. Chiếc quần gụ mặc bên trong cũng vậy. Nhìn lão, tôi không thể không ngạc nhiên, thậm chí chắc phải vất vả lắm lão mới giữ được vẻ bề ngoài như thế - nghĩa là đúng như cách đây hơn ba mươi năm, khi lão còn là chánh tổng, làm mưa làm gió ở xã tôi và các xã lân cận.

Lão Hạ bước lại gần, lặng lẽ nhìn tôi một lượt từ đầu đến chân, từ đôi giày da, bộ com lê mới đến cặp kính trắng, rồi lão dí chiếc gậy ngắn cụt vào sát bụng tôi, oai vệ hỏi:

- Anh con nhà ai?

Lễ phép, tôi nói tên bố mẹ tôi. Sợ lão không nhận ra, tôi còn nói cả tên ông bà nội tôi nữa.

- À, ra thế, ra thế... Anh có biết là ngày xưa ông anh, rồi sau là bố anh, suốt đời phải đi ở và hầu hạ ta không? - lão hỏi tôi với vẻ khiêu khích, với vẻ thích thú độc ác. Đôi mắt lão long lên, sáng và nhanh một cách không tương xứng với khuôn mặt già cỗi, nhăn nhoe và cáu bẳn.

Chờ mãi không thấy tôi trả lời, lão nói tiếp, nhưng lần này ra chiều an ủi:

- Ừ mà ngày ấy không riêng gì ông và bố anh, mà cả cái vùng Nho Lâm rộng lớn này ai cũng phải hầu hạ ta... - Ngừng một lát, lão lại nhìn tôi lần nữa suốt từ đầu đến chân. - Thế mà bây giờ con cháu những thằng khố rách áo ôm ấy lại trở về làng thế này đây... Hừ, được lắm! Được lắm! Rồi có ngày chúng mày sẽ còn biết tay thằng Hạ này! Năm năm mươi tư, chúng mày không giết tao, nhưng nay mai, tao mà giành được quyền trở lại thì tao không tha chúng mày đâu. Bắn tuốt! Bắn tuốt! Thôi cút đi! Cút!...

Lão đứng thẳng người, một tay tì lên chiếc gậy, tay kia chỉ về phía làng. Môi lão mím chặt, từ khe miệng ứa ra một dòng nước bọt vàng vàng, nhầy nhầy, từ đó chảy xuống chiếc cằm không râu của lão. Trông lão giống một con chó dại bị bắt nhốt vào cũi sắt, biết không ai có thể đánh nên càng to tiếng sủa.

Trước tôi có nghe nói lão độc ác, càn rỡ, gặp ai chửi người ấy, nhưng tôi thật không ngờ lão có thể trâng tráo và lão xược đến mức ấy. Lão điên ư? Cũng có người nói thế. Nhưng những lời đầy hằn học, giận dữ và không phải không có lô-gích kia không lẽ là của một người điên? Tôi biết làm gì với lão bây giờ? Khó có thể dùng lời lẽ để nói chuyện hoặc căn vặn lão. Mà mắng chửi trả thì lại càng không thể, vì hoàn cảnh của tôi không cho phép, vả lại lão là người già, ốm yếu.

Tôi đành phải nuốt giận, lặng lẽ bỏ đi, với cảm giác nặng nề của một người bị xúc phạm mà không được chống đỡ tự vệ.

Sau lưng tôi, lão Hạ đáng ghét vẫn chống gậy đứng nhìn theo, với vẻ thích thú và thách thức không giấu diếm.

- À, mà trông anh cũng khá đấy! - Lão vừa cười vừa nói to. - Quan lớn Hà Nội! Thế mà anh phải cuốc bộ suốt từ ga Mỹ Lý về làng, còn ta ấy à, ngày xưa ta bắt phải làm riêng cho ta một ga xếp ở Chò Diệc! Chỉ một mình ta duy nhất được sử dụng! Ha, ha!...

Tiếng cười nhạo báng ấy còn theo tôi mãi về tận nhà. Đôi lúc tôi tự hỏi không hiểu ngày trước. - như lão nói, - vì sao người ta đã tha chết cho lão, để bây giờ lão cậy lão già yếu, tự do ăn nói lão xược như vậy.

Buổi tối, khi cả nhà quây quần bên mâm cơm, tôi đem chuyện xảy ra kể cho mọi người nghe. Mẹ tôi lên tiếng đầu tiên:

- Gặp lão, anh nên tránh xa thì hơn!

Đúng như lời anh bạn đã khuyên tôi lúc chiều!

- Lão thật quá đáng. - Bố tôi thông thả nói. - Mà chính quyền thì quá nhu nhược. Tại sao không gô cổ lão cho vào nhà giam? Cứ nghĩ già là được phép chửi làng xóm, chửi chế độ à? Đối đời được ba mươi năm nay mà lão vẫn không tỉnh ngộ tí nào. Năm năm tư, người ta tha lão vì con lão. Bây giờ người ta không động đến lão vì tuổi già. Nhưng cái gì cũng có giới hạn của nó. Tôi thì cứ đà này tiếp tục là tôi bắn, giờ cũng chưa muộn...

- Ấy, ông làm gì mà hăng thế? Bán người đâu phải chuyện dễ. - Mẹ tôi xen vào.

- Bà thì hiểu thế nào được. Bà không phải đi ở cho nó, bà không biết.

Cứ thế, câu chuyện tiếp tục xoay quanh lão Hạ, cái lão Hạ đáng ghét vô tình tôi đã để xen vào các ý nghĩ của tôi, và giờ đây không đâu đưa hẳn vào ngôi nhà ấm cúng của bố mẹ. Tuy nhiên, qua câu chuyện, tôi cũng biết thêm được đôi điều về lão.

Trước năm 1953, tức là năm cải cách ruộng đất ở quê tôi, suốt hai mươi năm liền lão Hạ làm chánh tổng của tổng Nho Lâm rộng lớn. Lão nổi tiếng hách dịch và tàn ác. Trong tổng, từ già đến trẻ, gặp lão, ai cũng phải chào "Cụ Lớn", mặc dù lúc ấy lão chưa bao nhiêu tuổi. Nói chuyện với người khác, lão thường quen quát tháo, và bao giờ cũng xưng "ta" (như chiều nay lão xưng với tôi). Lão có những năm vợ và rất giàu - điều ấy khỏi phải nói. Uy và lực lão càng được tăng lên gấp bội khi bố lão trở thành quan tứ trụ của triều đình Huế. Lão bắt dân trong tổng đắp một con đường ô tô chạy thẳng từ đường Quốc lộ Một đến tận sân nhà lão. Và việc lão khoe đã bắt lập riêng cho lão một ga xép ở Chò Diệc cũng là điều có thật. Tuy việc này mình lão không làm nổi, mà phải nhờ cả bố lão can thiệp.

Sau cách mạng Tháng Tám, quê tôi là vùng tự do, tất nhiên quyền lực và thái độ hống hách của lão có giảm, nhưng của cải, ruộng đất và cái chức chánh tổng vẫn được giữ nguyên. Chỉ đến năm 1954 lão mới bị mất những thứ đó, và suýt nữa thì mất cả tính mạng. Số là lúc ấy lão đã bị kết án tử hình, nhưng đúng hôm lão bị đem xử bắn công khai thì trời đổ mưa to, phải hoãn lại. Sáng sớm hôm sau thì lệnh ân xá từ trên đưa xuống, với lý do lão có một người con trai trốn nhà, tham gia kháng chiến và ở chiến dịch Điện Biên Phủ đã lập công lớn.

Từ ngày ấy, lão tỏ ra biết điều hơn. Như con cáo trốn trong hang, suốt ngày lão chỉ ngồi lì ở nhà với một bà vợ duy nhất còn ở lại với lão và nuôi lão. Tuy nhiên mấy năm gần đây không hiểu

sao lão hay ra khỏi nhà. Lúc đầu chỉ đi dạo, quanh quẩn, sau rồi chống gậy đi hết thôn này đến thôn nọ, hoàn toàn không mục đích, hay với mục đích nào đó mà người khác không biết. Một điều lạ lùng nữa là bao giờ ra đường, lão cũng mặc những bộ quần áo lão mặc từ thời còn làm chánh tổng. Từ lâu, người ta hầu như đã quên sự tồn tại của lão, thế mà dùng một cái, lão lại xuất hiện với bộ quần áo lạc lõng kia, khiến mọi người ngạc nhiên, vừa cảm thấy ngô ngố. Người ta nghĩ có lẽ tuổi già đã làm lão quần trí. Trẻ con, và cả người lớn bắt đầu giễu cợt lão, nhưng lão phớt lờ tất cả. Không những thế, thấy chẳng ai làm gì mình, càng ngày lão càng tỏ ra càn rỡ hơn.

Một hôm, đi ngang một đám thợ cày đang làm việc, lão dừng lại, gờ gậy chỉ xuống ruộng, nói:

- Ê, chúng mày phải cày sâu vào! Cứ gãi đất kiểu ấy sẽ làm hỏng ruộng ta mất.

Mấy người kia ngơ ngác không hiểu lão nói gì.

- Ruộng của ta! Ngày xưa ruộng này là của ta, bị các người cướp, nhưng sắp tới ta sẽ lấy lại hết!

- Sắp tới là bao giờ? - Một người hỏi to, có ý châm chọc.

- Cứ đợi đấy, không lâu nữa đâu. Nhưng không vì thế mà chúng mày được phép cày nông, làm ruộng ta bạc màu...

Lão chưa nói hết câu thì - ộp! Một nắm bùn từ ruộng bay lên, rơi ngay trước mặt lão. Lão giận dữ gờ gậy chửi rủa mấy câu rồi bỏ đi.

Lần khác, lão chặn một bà đang đi chợ và nói:

- Hồi cải cách, người ta lấy của tôi hai chiếc chum cho bà, bà chưa làm vỡ chứ? Sắp tới đổi đời, tôi sẽ đòi lại, bà nhớ lấy!

Vốn yếu bóng vía và ưa an phận, bà kia lúng búng vài câu gì đó rồi tìm cách lánh xa lão.

Lại một lần khác, lão lão xược chỉ gậy vào một bác nông dân, tuyên bố ngày xưa, ông cha bác ta từng cày ruộng rẫy và đã tìm cách ăn bớt thóc của lão.

Lần ấy lão đã suýt bị đánh một trận như tử, nếu không vì bác nông dân kia sợ mang tiếng đánh người già, và sợ ông bà đang mồ mả đẹp bỗng dưng bị dựng dậy làm trò cười cho thiên hạ...

Tóm lại, lão Hạ đã nhanh chóng trở thành một nhân vật tai tiếng trong làng xã, và không phải không có người đến gặp chính quyền đề nghị bắt giam lão. Nhưng lão vẫn tiếp tục khăn xếp, áo the, chống gậy đi khắp nơi, tiếp tục nhắc mọi người nhớ lại thời kì vàng son xưa kia, khi lão làm chánh tổng, và rằng sắp tới đổi đời, lão sẽ trở lại với cái chức vụ đó.

Hai năm sau, trở về thăm quê, tôi lại gặp lão Hạ.

Lão nằm còng queo bên vệ đường, trên nền cát bả loang lổ nước - chắc lão vừa đái dầm ra đấy. Lão rên ư ử, hai tay ôm đầu làm gối. Chiếc khăn xếp bất li thân đã không còn trên đầu lão. Những sợi tóc thưa thớt, đen lẫn trắng, dính vào nhau, hoặc cụp xuống, hoặc chống lên như những chiếc gai nhọn. Chiếc áo dài đã bị rách một miếng to phía trước bụng. Mắt lão nhắm, nhưng khó nói lão ngủ hay đang thức. Nước dãi chảy ra từ khoé miệng, gập bụi bả, đóng lại thành một dòng đen đen, luôn có vài con ruồi bám hoặc bay lượn bên cạnh.

Một người cùng làng cho biết vợ lão, - nguồn sống, người thân duy nhất còn lại của lão, - bị bệnh chết cách đây nửa năm. Thế là lão dầm ra bơ vơ, không nơi nương tựa, phải đến xin ăn ở những nhà trước đây lão vẫn thường quen chửi mắng. Như tôi đã nói, mọi người ai cũng ghét lão, ấy thế mà đến xin nhà nào - dù thái độ kẻ cả lão xược - người ta cũng phải cho lão, với lí do dễ hiểu là để tổng khứ lão đi càng sớm càng tốt. Còn chính quyền xã thì vì không thể để có người chết đói trên địa phận mình, đành trích công quỹ trợ cấp cho lão, nhưng lần nào lão cũng đem già nửa đổi lấy rượu uống say bí tỉ.

Vẫn nằm yên trên cát bả, lão Hạ ngẩng đầu, từ từ mở đôi mắt đỏ ngầu nhìn tôi. Lão nhìn rất lâu, chốc chốc lại nhú mày như cố nhớ tôi là ai. Cuối cùng lão nhớ ra:

- Ê, ê, chào anh quan Hà Nội... Chắc lại phải đi bộ từ ga Mỹ Lý về hả? Ngày xưa... ề, ề... ngày xưa ta bắt phải lập riêng cho ta một ga xếp cạnh nhà... ề, ề... Anh biết điều ấy chứ?



Rồi quá yếu, lão lại gục xuống trong tư thế cũ.

Cách đây không lâu, nhận được thư nhà, tôi rất ngạc nhiên khi được tin lão Hạ vẫn chưa chết. Thì ra lão sống lâu hơn tôi tưởng.

*Diễn Châu, 13-1-1984*

## MỘT NGƯỜI VỨT ĐI

Ở Huế, ngoài những chiếc xe lam chạy dầu ma dút nhả khói mù mịt và kêu tành tạch từng tràng dài như súng máy, phương tiện đi lại chủ yếu trong thành phố là xích lô và xe đạp thồ. Xe đạp thồ mới xuất hiện mấy năm gần đây, thoát trông dễ làm người ta mất cảm tình, nhưng rồi nhìn mãi cũng quen. Vả lại, cái chính là sử dụng nó thuận lợi và rẻ. Chỉ cần bước ra phố, giơ tay là lập tức có ngay mấy chiếc xe đòi việc cùng đạp đến một lúc. Anh chọn một chiếc trong số đó, thoả thuận giá cả - một, ba hoặc năm đồng tùy đi xa hay gần - ngồi lên poóc-ba-ga phía sau (thường được lót bằng một miếng mút bọc vải nhựa để khách ngồi cho êm, và để phân biệt với những chiếc xe đạp bình thường, nghĩa là không chở người lấy tiền), thế là người kia sẽ chở anh đi. Nếu anh là khách từ xa đến, anh ta sẽ kiêm luôn cả vai người hướng dẫn tham quan thành phố. Anh hỏi bất kì điều gì, kể cả việc riêng tư, anh ta cũng sẵn sàng trả lời, tất nhiên trong thâm tâm hi vọng rằng anh sẽ trả thêm ít tiền cho cái loại dịch vụ đó.

Lần ấy, hai ngày sau khi đến Huế, làm xong những việc cần làm, tôi quyết định đi thăm các lăng mộ nổi tiếng của Cố Đô, trước hết là Lăng Khải Định. Và tôi đã chọn cái phương tiện giao thông tuy thô sơ nhưng thuận tiện và rẻ tiền này.

Thông thường, những người nghỉ ở khách sạn "Sông Hương" như tôi, đi tham quan bằng xe con, ô tô buýt, hay hét ra cũng bằng xích lô. Cho nên, thấy tôi từ khách sạn bước ra, lại ăn mặc nghiêm chỉnh, đeo máy ảnh, người đạp xe thồ bị tôi ra hiệu dừng

lại có vẻ ngạc nhiên khi nghe yêu cầu chở tôi ra làng Khải Định, cách đây hàng chục cây số, và chờ xem xong chở lại khách sạn. Tuy nhiên, hai phút sau, chúng tôi đã lên đường. Anh ta ngồi đạp phía trước, tôi ngồi sau, hai chân buông thõng hai bên - đúng như những tay ăn chơi "bản địa".

Anh bạn đường của tôi là người ít nói, với vẻ mặt âm trầm như đang suy nghĩ điều gì đấy khó chịu. Sau vài câu mở đầu mang tính nghề nghiệp mà anh ta phải miễn cưỡng trao đổi với tôi, hầu như anh ta không nói gì thêm. Trả lời các câu hỏi của tôi, anh ta hoặc chỉ ậm ừ tiếng một, hoặc lờ như không nghe thấy. Điều này đã làm tôi - một người tò mò - hoàn toàn thất vọng. Và tôi đã bắt đầu hối hận về cái quyết định lãng mạn của mình.

Hôm ấy trời đẹp, cảnh vật khá nên thơ, chỉ tiếc đường lắm dốc và nhiều lúc tôi phải nhảy xuống ủng xe từng đoạn khá dài. Anh kia - còn trẻ nhưng gầy yếu, da đen, ngực lép như người bị ho lao - nhìn tôi với vẻ biết ơn, nhưng vẫn im lặng một cách bướng bỉnh. Cứ thế, chúng tôi đi tiếp.

- Anh có lên xem không? - Tôi hỏi khi hai chúng tôi đến nơi, dựng xe, ngồi vào một quán giải khát.

- Không.

- Thế tôi phải để anh chờ ở đây à?

- Không sao, - anh kia đáp. - Ông cứ xem bao lâu tùy thích. Tôi đợi.

Mặc dù tôi còn trẻ, có khi còn ít tuổi hơn, nhưng anh ta vẫn gọi tôi bằng ông. Có lẽ bằng cách ấy, anh ta muốn bộc lộ thái độ không thiện cảm của mình đối với tôi chăng?

So với các làng khác, làng Khải Định được nhiều người nói đến và hay tới tham quan hơn cả. Kể cũng có lí do của nó. Toàn bộ khu làng được xây trên một ngọn đồi từ chân lên đỉnh phải hơn một trăm bậc đá lớn. Đây cũng là làng duy nhất có xác định chỗ chôn người chết - tức là ngay dưới ngai vàng mà trong đó bức tượng toàn thân bằng đồng mạ vàng của Khải Định đang ngồi. Phòng mộ được trang trí thật lộng lẫy, với những nét chạm trổ và

những hình ghép sứ hết sức tỉ mỉ. Nghe nói phải nhiều người, nhiều năm mới làm nên cái tác phẩm nghệ thuật độc đáo này. Và cũng nghe nói không ít người phải chết vì nó.

Vào phòng mộ, khách phải bỏ giày dép ở ngoài, đi nhẹ, nói khẽ và nhất thiết phải nghe một bà già người bé nhỏ ngồi cạnh cửa nhắc nhở những điều cần thiết về nội qui tham quan, hoặc mời anh mua bưu ảnh, thuốc lá, nước ngọt - những thứ bà ta đã để sẵn trên một chiếc bàn con bên cạnh. Nếu anh đi một mình và cần người hướng dẫn, bà ta sẽ làm điều đó và trả lời một cách đầy đủ, tỉ mỉ tất cả các câu hỏi của anh. Tất nhiên, sau đó anh sẽ phải trả tiền công cho bà ta.

Khi tôi xem xong quay xuống, anh đạp xe thô của tôi vẫn ngồi ở chỗ cũ, tay chống cằm tì lên góc bàn, hai mắt lim dim - chắc đang ngủ gật. Thấy tôi, anh ta cũng chẳng tỏ ra mừng, tuy tôi bắt anh ta chờ đã khá lâu.

Mặt trời đã ngả sang phía Tây, nhưng vẫn còn khá nóng và ngột ngạt. Anh ta đứng dậy, búng búng vào đôi lốp xe.

- Ngồi nghỉ đã, - tôi nói. - Chốc nữa mát hăng về. Anh không vội chứ?

Anh ta lắc đầu, lại miễn cưỡng ngồi xuống. Tôi gọi hai đĩa bánh và hai cốc nước ngọt.

- Anh là dân ở đây, chắc xem lăng này nhiều lần lắm rồi nhỉ?  
- Tôi hỏi, hi vọng anh ta sẽ bắt chuyện.

- Mới hai lần. Lúc còn bé và năm kia.

- Sao ít thế?

- Tôi không thích.

Hai chúng tôi lại ngồi im. Một lúc sau, anh ta chợt hỏi tôi:

- Hôm nay, cái bà bán bưu ảnh có hướng dẫn ông xem không?

- Không.

- Cũng không kể ông nghe ai xây và bao nhiêu người đã chết trong khi xây cái lăng này?

- Không, - tôi ngạc nhiên nhìn anh ta. - Sao anh lại hỏi thế?

- Chẳng sao cả. - Anh ta đáp, bất ngờ trở nên cởi mở, không lầm lì như trước. Nhưng mắt anh ta để lộ một vẻ giận dữ độc ác. Tôi đoán anh ta đang có điều gì đó muốn nói ra cho nhẹ người. Và tôi kiên nhẫn chờ đợi.

- Tiếc là ông không được nghe bà ta kể, kể một cách say sưa và thích thú, về cái chết thê thảm của ông nội bà ta như thế nào...

- Im lặng một lúc, anh ta thở dài nói tiếp: - Và cũng là ông nội của tôi nữa.

- Ra bà ta là người bà con với anh? - Tôi hỏi.

- Là chị gái tôi.

- Và ông nội của anh là một trong những người xây lăng này...

- Vâng.

- Và xây xong đã bị chính Khải Định giết chết?

- Vâng.

Tôi không hỏi gì thêm, chỉ im lặng ngồi uống nước, chờ anh bạn xe thô tục kể tiếp. Tôi đã tiếp xúc với nhiều loại người, trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, nên biết gần như chắc chắn rằng trong những trường hợp thế này, người nói chuyện sẽ chẳng bao giờ chịu rời anh, nếu chưa kể hết cho anh nghe những gì anh ta vừa nhắc đến.

Quả đúng thế, một lúc sau, người bạn đường của tôi lên tiếng, vẻ trầm ngâm như tự nói với mình nhiều hơn là nói với tôi:

- Cũng vì cái lăng này mà tôi và chị tôi giận nhau đấy, thậm chí còn từ nhau nữa. Chị tôi là một người tốt, rất tốt, chứ không phải loại vứt đi như tôi. Không chồng, không con, suốt đời chị ở vậy nuôi em, rồi em lớn - giúp đỡ các cháu. Thế mà, ông biết không, chị tôi lại làm cái công việc... - anh ta dừng lại để tìm từ, - cái công việc khốn nạn ấy. Tức là tự nguyện đêm ngày hầu hạ cái thằng đã giết ông nội mình. Quét nhà cho nó, lau chân, phủi bụi cho nó! Và mĩa mai thay, lại còn say sưa kể cho người khác nghe

việc nó đã giết ông mình thế nào! Tôi khuyên ngăn, tôi cấm, nhưng chị tôi có lí lẽ riêng của mình, và cho mãi tới nay vẫn cứ tiếp tục làm cái việc như ông thấy. Thật xấu hổ! Thật nhục nhã!...

Tôi vẫn ngồi im, tò mò lắng nghe.

- Ông xem, thế thì hỏi còn chịu sao nổi. Cứ nghĩ đến cảnh chị tôi xun xoe trước nói, họ không dám ho, nói không dám nói, mà tôi thấy lộn cả ruột. Nhiều lúc tôi những muốn leo lên, giá có súng, lia cho nó, tức là cho cái tượng bằng vàng hay mạ vàng gì đó của nó, vài băng vào mặt. Tôi là người dốt nát, không hiểu gì, nhưng cũng biết rằng lúc làm vua, hấn là một thằng bán nước và đã gây không ít tội ác cho nhân dân. Thế mà tại sao bây giờ người ta vẫn đưa nhau đến đây để chiêm ngưỡng hấn? Mà vẫn phải leo đúng một trăm bậc mới được nhìn hấn! Phải nhìn lên, phải nín thở! Phải để dép ngoài cửa! Phải có giờ, có ngày! Có đúng là bất công không? Đúng, bất công! Một sự bất công được đặt lên ngai vàng! Tôi thật không sao hiểu nổi. Trước kia, thằng Mỹ, thằng nguy là một nhẽ, nhưng bây giờ các ông - Việt cộng, Cách mạng, - sao các ông còn chịu thế? Lại nghe nói thế giới định bỏ vào đây hàng chục triệu bạc để tô vẽ thêm cho nó nữa. Đấy, ông nói tôi nghe đi, vì sao, vì sao lại thế? Tôi thật không sao hiểu nổi!

- Vì ông nhầm lẫn giữa vua Khải Định và tượng vua Khải Định. - Tôi bình tĩnh đáp. - Cái người ta đến đây xem không phải là con người cụ thể nào đó cùng những việc làm xấu tốt của ông ta, mà là một tác phẩm nghệ thuật do nhân dân tạo ra...

- Ha, ha, ha! Tác phẩm nghệ thuật! - Anh ta cười to ngắt lời tôi. - Vâng, nhưng lẽ nào ông không hiểu rằng chính nhờ cái tác phẩm nghệ thuật ấy của ông mà nó sống được qua các chế độ, sống cho tới ngày nay và sẽ còn sống nữa? Thế mới là vua! Thế mới là Khải Định! Hấn đã biết đánh vào chỗ yếu của người khác. Hấn là con mọt, biết bám vào bàn thờ tổ tiên người khác mà sống. Mấy ai dễ vứt bỏ tổ tiên mình vì một con mọt? Nên con mọt ấy cứ đằng hoàng mà sống. Mà sống ở đâu, sống thế nào cơ chứ? Ha, ha!... - anh ta cười to như một người điên, rồi ngừng một giây, anh ta lại nói tiếp: - Ông không để ý thấy cái mặt thằng Khải



Định đang vênh lên à? Vì nó biết không những nó được an toàn, cung phụng chu đáo, mà nó còn là ân nhân, hay đúng hơn là nguồn sống của nhiều người khác. Như chị tôi, chẳng hạn...

- Và cả những người đạp xe thô chở khách tham quan nữa, - tôi châm chọc, khó chịu vì cách nói và lối lập luận kì lạ của anh ta.

- Vâng, cả tôi nữa, - anh ta cụt hứng, cúi đầu thở dài. - Nhưng tôi thì nói làm gì. Tôi là một người vút đi. Tôi là con số không, con số không cả với năm cái miệng ăn trong nhà. Tôi ghét chị tôi như thế, nhưng tôi đã làm ngơ để vợ tôi thỉnh thoảng nhận tiền giúp đỡ của người tôi ghét... Vâng, tôi là thằng vút đi. Tôi không bao giờ đặt tôi ngang hàng với chị tôi, với các ông. Các ông phải khác, phải khác cơ... Ông nói cho tôi hiểu đi, nói đi!...

Anh ta nhìn chằm chằm vào mắt tôi, mặt mếu máo như muốn khóc. Tôi lấy làm tiếc đã đánh vào chỗ yếu của anh ta. Tôi trả tiền rồi đứng dậy, không muốn kéo dài thêm câu chuyện.

Chúng tôi lại lên xe. Không ai nói thêm với ai một câu nào nữa. Đường trở lại thành phố khó đi hơn, nắng gắt, nhiều dốc ngược. Và lần này, hầu như chúng tôi đổi chỗ hẳn cho nhau. Tôi ngồi trước còng lưng đạp xe, còn anh ta, con người vút đi ấy, ngồi phía sau, thỉnh thoảng lại nhảy xuống ủng xe cho tôi.

*Huế - Hà Nội, 1982*

## MỘT CHUYỆN GẦN GIỐNG NHƯ ĐỐT

### 1

Ngoài cửa sổ mưa vẫn rơi rả rích.

Đã thành lệ, mấy hôm nay đêm nào họ cũng nằm đọc truyện cho nhau nghe thật khuya trước khi ngủ. Họ là hai giáo viên phổ thông cơ sở ở hai tỉnh khác nhau về Hà Nội dự lớp bồi dưỡng giáo viên dạy giỏi do Bộ tổ chức. Họ được xếp ở cùng phòng. Một người cao to, da ngăm đen, ít nói, trông giống một anh nông dân nhiều hơn là một ông giáo. Còn người kia thì trắng mập, có bộ ria tía rất công phu, tính tình cởi mở nhưng dễ làm người ta khó chịu, vì nói chuyện với ai, chốc chốc ông ta lại vỗ vào vai, thậm chí vuốt cả tóc người ấy. Họ cùng ở độ tuổi bốn mươi lăm, cùng dạy văn, nên thường câu chuyện của họ dù có bắt đầu bằng đề tài nào, cuối cùng cũng quay về cái đề tài họ thích là văn học. Đêm đầu tiên ở với nhau, họ thức đến tận sáng để tranh luận một vấn đề gì đó. Đêm thứ hai vẫn vấn đề ấy, có điều đến mười hai giờ thì bên đám tường yêu cầu im lặng. Đêm thứ ba, ông thấp trắng mượn được đâu về cuốn Gã Khờ của Đôxtôiépki. Thế là cả hai ngừng tranh luận, luân phiên đọc cho nhau nghe.

Đêm nay, sau khi đọc hết đoạn Natalia Philipôpna mời khách đến nhà để thông báo quyết định sẽ lấy ai, và ở đó mỗi người buộc phải kể một chuyện xấu xa nhất xảy ra trong đời mình, ông thấp trắng úp cuốn sách đang đọc giở lên bụng, hồi lâu tư lự nhìn lên trần nhà rồi nói:

- Đôxtôiépki đúng là thánh thật. Bày ra cái trò chơi độc đáo ấy, ông ta đã dồn ép, bắt nhân vật phải tự bộc lộ hết tính cách của mình. Không trốn vào đâu được. Thánh thật!

- Theo tôi thì nhà văn nghĩ ra cảnh ấy chính là để người đọc suy ngẫm về bản thân mình, - ông bạn cùng phòng vừa đáp vừa ngo nguậy trong chiếc chăn dày ở giường bên, - để tự người đọc nhớ lại... ông ta gọi là gì nhỉ?... một chuyện xấu xa nhất mình đã làm trước đây. Mà chỉ một mình với quyển sách, với lương tâm, nên không cần và không thể phịa chuyện ra để tự quảng cáo như ông tướng Yepanchin nọ.

- Một việc xấu xa nhất... Thế anh có nghĩ rằng chúng ta ai cũng đã từng làm một việc xấu xa nhất như thế để suốt đời phải ăn năn hối lỗi không?

- Có. Tất nhiên là mỗi người một mức độ khác nhau. Vả lại, vấn đề còn phụ thuộc vào thái độ của từng người đối với việc mình làm.

- Nghĩa là anh cũng có một chuyện kiểu ấy?

- Vâng.

- Thế thì anh kể đi.

Ông kia không đáp, hồi lâu nằm im lắng nghe những giọt mưa đang rơi đều trên mái. Cuối cùng ông lên tiếng:

- Chuyện đã lâu. Cũng chẳng có gì đặc biệt. Mà thôi hôm nay khuya rồi. Ngủ đi.

Rồi ông với tay tắt đèn. Cả hai cùng duỗi người, kéo chăn lên tận mũi và từ đó chẳng ai nói thêm với ai một câu nào nữa.

Nhưng chưa đầy ba mươi phút sau, không hiểu sao ông ta lại gọi bạn dậy và kể một mạch không nghỉ cái việc mà ông cho là xấu xa, tồi tệ nhất ông ta đã làm trong đời mình.

## 2

Chắc anh đã gặp không ít những gia đình bất hạnh phải nuôi một ông già bại liệt toàn thân, những tưởng ngày một hay hai sẽ

chết, ấy thế mà nằm thối cả thịt, người bệnh luôn miệng cầu trời cho được chết mà chẳng chết cho, còn con cháu thì bỏ bê công việc làm ăn, thay nhau thuốc thang chăm sóc bên cái xác đang bốc mùi ấy hết tháng này đến tháng khác; hoặc phải giữ một người điên trong nhà; hoặc trong hàng chục năm trời phải nuôi một quái thai gớm ghiếc mà riêng sự tồn tại của nó đã là một sự sỉ nhục đối với cả nó lẫn những người xung quanh. Ngày xưa gia đình tôi gặp phải cảnh như thế.

Nhà chúng tôi đông người - hai bố mẹ, sáu con. Tôi thứ ba, trên tôi là hai ông anh, tiếp đến hai em gái, và cuối cùng là đứa con út, con trai. Chính nó, cái thằng út ấy, đã mang lại cho gia đình tôi bao nỗi sầu muộn. Lột lòng, nó đã là một đứa bé dị dạng. Chân tay nó bé tí, nhưng để bù lại, đầu và bụng lại rất to, trông người nó như được làm bằng hai quả dưa hấu màu vàng ghép lại. Đã thế, lên bốn tuổi, sau một cơn cảm lạnh đột ngột, nó bị liệt hoàn toàn. Ăn ngủ, ỉa đái và mọi sinh hoạt khác đều một chỗ. Không nói anh cũng hình dung được nó đã tác động đến cuộc sống của mỗi chúng tôi như thế nào.

Suốt ngày mẹ tôi ngồi châu chực bên nó, lúc quạt cho nó ngủ, lúc đưa cốc nước, viên thuốc hoặc đồ ăn, thay áo. Bố tôi luôn cúi có đi ra đi vào. Còn tôi hễ có cơ là trốn nhà để khỏi phải sai làm những việc chẳng thích thú gì. Gia đình tôi đã tìm đủ mọi cách chạy chữa, thử đủ các loại thuốc, nhưng đều vô ích. Cũng may mà trong làng có ông bác sĩ về hưu. Có chuyện gì cần là có thể mời ông ta lại nhà, khỏi phải đưa đi bệnh viện huyện cách những mười mấy cây số.

Ông này là một người tốt bụng, giỏi chuyên môn, tuy chưa đến tuổi, nhưng được nghỉ việc vì mắt kém. Chính tôi đã nhiều lần nhìn thấy ông ta nhăm lẩn dao kéo, cho kim vào ống tiêm thuốc thì đâm vào tay, và tôi ngạc nhiên tự hỏi sao ông ta có thể làm được nghề chữa bệnh trong chừng ấy năm mà không để xảy ra tai nạn nào. Thường thì theo lời yêu cầu khẩn thiết của mẹ tôi, ông ta đến nhưng không có cái vẻ lo lắng, vội vã như đối với những trường hợp khác. Ông ta đứng đĩnh hút thuốc, uống nước cho đến khi mẹ tôi phải mấy lần đưa mắt cầu khẩn mới bắt tay

vào việc. Ông ta xem xét một cách miễn cưỡng các thứ bệnh do mẹ tôi kê ra. Cũng miễn cưỡng như thế, ông ta sờ trán, nghe tim hoặc tiêm thuốc, tùy từng lúc, rồi lại đứng đĩnh hút thuốc, uống nước và ra về, sau khi an ủi cả nhà tôi rằng không có gì phải lo lắng, rằng thằng bé sẽ sống. Mà còn sống lâu.

Thế đấy... Sao, anh vẫn nghe tôi đấy chứ? - Người kể chuyện bỗng dừng lại hỏi, và không chờ trả lời, đã lại kể tiếp, giọng đều đều như cũ.

Là người mê tín, mẹ tôi bỏ nhiều công của đi lễ nhà chùa, có lần còn đi xem bói. Hôm ấy về nhà, mẹ tôi thăm thì nói với cha tôi rằng đó là cái hoạ mà số phận bắt gia đình tôi phải chịu, rằng thằng em tôi đang gánh thay cho cả năm anh em còn lại mọi sự thua thiệt, mọi bệnh tật, và rằng vì thế, cần phải chăm sóc, thương yêu nó hơn. Nếu nó chết, lập tức tai hoạ sẽ thi nhau đổ xuống đầu chúng tôi. Anh thử tưởng tượng xem, thằng em khốn khổ của tôi đã nghe lỏm được điều đó. Thật không ngờ, mới chín tuổi và ốm yếu như thế, nó không những hiểu được những lời nhảm nhí ấy, mà còn biết lợi dụng chúng để làm khổ chúng tôi thêm nữa.

Nó biết đánh vào điểm yếu của mẹ tôi để lợi dụng. Nó bắt đầu làm mình làm mẩy, cáu gắt, bắt mọi người phải thực hiện các yêu cầu của nó, cả những yêu cầu vô lý nhất. Trước kia, khi cần gì, nó còn hỏi xin tư tế và kiên nhẫn chờ người mang tới. Còn bây giờ nó ra lệnh, mà bắt phải làm ngay không chậm trễ. Đối với chúng tôi, anh chị nó, nó cũng thay đổi hẳn thái độ. Nó tin vào lời bói toán, và nghĩ rằng chính vì chúng tôi mà nó phải khổ như thế, vì vậy nó tự cho mình quyền được đền bù xứng đáng. Không ít lúc nó còn dám nói hỗn, nhưng vì thương mẹ, chúng tôi đành phải im lặng chiều nó, chứ nó đâu biết rằng trong suốt bao năm nay chính nó đã đầu độc bầu không khí ấm cúng vốn có trước đây trong gia đình. Cũng chính vì nó mà hai ông anh tôi không lấy được vợ, vì các cô gái sợ sau này, bố mẹ tôi chết, phải nuôi nó.

Anh em chúng tôi đã phải sống như thế trong một ngôi nhà luôn sặc sụa mùi bông băng và cắt đứt, không tiếng cười, không khách khứa, nhìn mặt ai cũng như đang có điều gì hậm hực, bất tiện nhưng không nói ra được. Mà đâu chỉ một vài năm hay năm

năm! Trong trường hợp ấy, liệu anh, anh sẽ cảm thấy thế nào? Chúng tôi khó chịu, ngột ngạt, hằn thế. Tuy không nói ra ngoài, nhưng trong lòng chúng tôi thù ghét nó. Nó là tên bạo chúa tí hon nhưng thật khủng khiếp đối với cả nhà.

Tất nhiên, chúng tôi biết không phải nó là người có lỗi. Nó còn chịu khổ sở và đau đớn hơn chúng tôi hàng ngàn lần. Có lẽ sẽ không đúng, nếu nói chúng tôi không thương nó. Dù sao nó cũng là em ruột. Nhiều khi nhìn nó nằm thoi thóp trên giường - một hình thù quái dị, nhợt nhạt, chốc chốc lại co rúm vì đau đớn - ngoài cái cảm giác kinh sợ bản năng, tôi còn thấy nao nao chua xót, và tự hỏi, phải chăng thế này gọi là sống? Và vì cớ gì nó sinh ra để phải chịu những đau khổ như thế, và rồi chính nó lại gây đau khổ thêm cho người khác, nhất là mẹ tôi, một người phụ nữ tuyệt vời đã bị mù quáng bởi tình mẫu tử thiêng liêng, bất chấp tất cả, vẫn yêu nó một cách chân thành, vô hạn? Phải nói rằng, cũng chính những lúc như thế, bất chợt tôi đã bắt gặp mình đang có ý nghĩ rằng tốt hơn đừng nên chạy chữa, cứ để nói chết đi, hoặc thậm chí làm cách gì đó để nó chết đi còn hơn. Chết đi để vĩnh viễn chấm dứt sự tồn tại vô nghĩa của nó, chấm dứt những đau đớn triền miên đang dày vò nó, và cũng để trút bỏ gánh nặng cho người khác. Đó là những ý nghĩ tội lỗi, tôi biết thế, và tôi đã thâm xấu hổ, tự trách mình không ít. Nhưng biết làm thế nào được, khi đó là những ý nghĩ có thật và đã bắt đầu dai dẳng ám ảnh tôi?

Anh biết đấy, đây là một vấn đề tế nhị. Xét bề ngoài, ai có thể chấp nhận được ý nghĩ mong người khác chết, nhất lại là người thân mình? Nhưng mặt khác: có nên chẳng vất vả nuôi sống một người chỉ cốt để người ấy kéo dài thêm đau khổ và gây đau khổ cho người khác? Anh đọc Tội ác và Trừng phạt rồi chứ? Cũng của Đôxtôiépki đấy. Trong đó, trước khi giết mẹ già cầm đầu đáng ghét, anh chàng Raxcônhi-cốp bị lương tâm cắn rứt không ít, cũng chính bởi cái mâu thuẫn trên. Lúc ấy, dù chưa hề biết Raxcônhi-cốp là ai, không là người có đầu óc triết lý, mà chỉ là cậu học sinh lớp mười, nhưng tôi cũng có những suy nghĩ tương tự. Có điều, xin thề với anh rằng tôi không bao giờ có ý định giết nó. Tự tay tôi thì không, anh cứ tin như vậy. Nhưng nếu nó bị



bệnh nặng hay gặp tai nạn mà chết thì có lẽ tôi sẽ không buồn lắm. Còn anh, anh nghĩ thế nào? Ngủ rồi à? Hãy ráng nghe tý nữa, câu chuyện sắp kết thúc rồi.

Một hôm, có đoàn văn công tỉnh về biểu diễn ở làng tôi. Thời ấy đó là một hiện tượng hiếm có ở nông thôn. Mặc dù trời lầy rầy mưa phùn, ngay từ trưa đã nghe trống nổi bập bùng. Trẻ con từ các làng bên kéo đến ngồi chật cả bãi. Chúng tôi cũng cơm nước sớm để chuẩn bị đi xem. Bất ngờ, sau bữa ăn tối, nghe mọi người bàn tán, thằng em tôi đòi được đi, làm ai cũng ngạc nhiên, vì từ trước tới nay chưa bao giờ nó ra khỏi nhà. Hồi lâu mẹ tôi lựa lời thuyết phục rằng nó không thể đi được, rằng trời mưa lạnh, rằng văn công không hay, vân vân. Nhưng nó nhất định không nghe. Đến khi ông anh cả tôi bực mình quát nó, nó ré lên khóc và bắt đầu tuôn ra một tràng dài những lời láo xược, thậm chí còn dọa đổ tai hoạ xuống đầu chúng tôi như lời thầy bói đã nói. Ông anh tôi giận, càng quát, nó càng khóc to, càng tru tréo những lời cay độc.

Tưởng có chuyện gì xảy ra, hàng xóm kéo sang rất đông, trong đấy có ông bác sĩ nọ. Lúc ra về ai cũng lắc đầu im lặng. Cuối cùng, biết không thể làm gì hơn, mẹ chúng tôi van lạy mọi người nhượng bộ. Anh có biết chúng tôi đưa nó đi bằng cách nào không? Bằng cáng, tôi và một người nữa lấy vông làm cáng, cáng nó ra bãi, mẹ tôi cầm nón leo đèo đi bên cạnh. Không nói anh cũng biết tôi phải khó chịu và xấu hổ nhường nào khi hàng trăm con mắt vừa kinh hãi vừa tò mò hết nhìn thân hình quái dị nằm trên vông, lại nhìn tôi, anh trai của cái thân hình quái dị ấy? Đã mấy lần tôi những muốn hất cáng xuống đất rồi bỏ chạy, muốn ra sao thì ra. Cũng may là một chốc sau, đúng như tôi dự đoán, chưa xem được gì - mà làm sao nó có thể xem được gì trong tình trạng ấy - nó đã đòi quay về. Ngay đêm ấy, như mẹ tôi báo trước, nó lên cơn sốt nặng.

Ông bác sĩ lại được mời sang. Như mọi lần, ông ta đứng đĩnh hút thuốc, uống nước, và vẫn không chịu thăm bệnh cho người ốm chừng nào mẹ tôi chưa năm lần bảy lượt đưa mắt cầu khẩn.

Lần này ông ta khám rất lâu, suốt buổi không nói câu nào. Cuối cùng, ông ta đứng dậy, bảo phải về nhà lấy thuốc, và trong khi chờ, chúng tôi phải đun nước sôi để chuẩn bị tiêm.

Một chốc sau, ông ta quay lại, cùng mẹ tôi ngồi bên thangka bé với chiếc khay tráng men trên có đặt các lọ thuốc và bộ ống tiêm đã luộc. Mẹ tôi gọi tôi ra ngoài, nhờ làm việc gì đấy. Khi tôi bước vào, ông bác sĩ đã hút xong thuốc vào ống tiêm và đang giờ giờ nó trước đèn để xem gì đó. Trên khay, lọ không nằm chổng chơ. Tôi cúi xuống cầm nó lên tay, định cất dùng làm lọ đựng mực, nhưng vô tình đọc dòng chữ ghi trên lọ thuốc, tôi sững sờ ngạc nhiên và thốt lên:

- Bác Tư!

Năm ấy tôi đang học lớp mười, tuy chưa nhiều nhưng tôi cũng biết được đôi điều về ngành y và dược, ít ra đủ để hiểu rằng thứ thuốc ông ta sắp tiêm không những không chữa khỏi bệnh cho em tôi, mà ngược lại sẽ làm nó chết. Để kiểm tra, tôi cúi xem chiếc lọ chưa bóc bên cạnh. Đó là thứ thuốc cần tiêm mà trước đó ông ta đã nói với mẹ tôi. Thì ra ông bác sĩ già kém mắt đã nhầm thuốc!

- Có chuyện gì thế, cậu? - vẫn không quay lại, ông bình thản hỏi tôi.

Đúng lúc ấy, một ý nghĩ bỗng loé lên trong đầu tôi.

- Dạ không, cháu chỉ buột miệng gọi thế, - tôi đáp rồi lặng lẽ bỏ ra ngoài.

Ba ngày sau, đứa em khốn khổ của chúng tôi chết. Theo lời ông bác sĩ thì do bị sưng phổi quá nặng.

### 3

Người kể chuyện im lặng khá lâu, cho đến khi từ giường bên, ông bạn cùng phòng phải lên tiếng hỏi, chắc sốt ruột muốn nghe tiếp.

- Rồi sau thì sao?

- Chẳng sao cả. Gia đình chúng tôi bắt đầu một cuộc sống mới, bình thường như bao gia đình khác. Cũng chẳng tai họa nào giáng xuống đầu chúng tôi như mẹ tôi vẫn thấp thỏm chờ đợi. Mọi việc đều trôi chảy tốt đẹp, cứ như chẳng ai còn nhớ tới thằng em út bất hạnh và những năm tháng nặng nề trước đó. Sau này tôi nghiệm rằng chúng ta, con người, mỗi lần gặp điều gì khó chịu trong cuộc sống, chúng ta thường mong nó chóng trôi qua để quên đi. Quên mãi mãi. Nhưng có quên được hay không thì lại là chuyện khác. Cứ lấy tôi làm thí dụ. Từ ấy đến nay đã bao nhiêu năm trôi qua, thế mà tôi vẫn luôn dằn vặt, suy nghĩ về việc mình làm. Có lúc tôi tự cho mình vô tội. Lúc tôi lại nghĩ tôi là một kẻ giết người, vì dù sao tôi cũng đã lờ đi để ông bác sĩ tiêm nhầm thuốc làm chết em tôi, nếu quả thật ông ta nhầm thuốc. Còn nếu ông ta không nhầm mà chủ ý làm thế để chấm dứt bi kịch cho gia đình tôi chẳng hạn, thì tội của tôi lại càng lớn hơn, vì tôi đã nhúng tay vào tội ác, dù gián tiếp.

Thế đấy, tôi là người tháo bỏ được gánh nặng cho người khác, nhưng vô tình lại chất lên vai mình một gánh nặng khác, một gánh nặng về tinh thần mà có lẽ suốt đời tôi phải gánh chịu... Lúc nào tôi cũng có cái cảm giác của Raxcônhicốp sau khi giết mục cầm đồ ghê tởm. Tôi những tưởng sẽ không bao giờ nói lộ với ai điều này, thế mà hôm nay... Nay, theo anh, tôi làm thế có phải là một tội lỗi không nhỉ?

Ông kia vừa trở người vừa đáp:

- Tôi không biết. Nhưng chuyện của anh nghe ghê ghê thế nào ấy. Có cái gì đó phảng phất Đôxtôiépki. Đọc ông ta hấp dẫn thật đấy, nhưng không hiểu sao tôi vẫn không thích lắm. Ở ông ta, mọi sự kiện, mọi nhân vật đều được đẩy lên thái quá, đến mức hầu như phi lý, bệnh hoạn. Chuyện của anh cũng thế. Nghe anh, đôi lúc tôi cứ tưởng như đang nghe một câu chuyện của Đốt hoặc gần giống như Đốt, với những nhân vật đầy bí hiểm. Như cái ông bác sĩ mù kia của anh chẳng hạn. Phải chăng chính ông ta đã giết đứa bé? Đó là một câu hỏi. Nhưng vì sao phải giết, khi ông ta

không liên quan gì tới gia đình các anh? Đó cũng là một câu hỏi. Tất cả những điều ấy rất hợp với tinh thần nhân vật của Đốt...

- Nhưng đây là chuyện thật của tôi, - người kể chuyện cắt ngang, có vẻ hơi phật ý. - Đốt chẳng dính gì tới nó. Còn quan điểm của anh về văn học và về Đốt thì cần phải bàn nữa. Đốt vô cùng vĩ đại. Nếu anh không hiểu hay không thích cái gì đấy thì không phải lo lỗi của ông ta. Theo tôi, văn học cần phải thế, phải như Đốt, nghĩa là làm người đọc xúc động đến tận đáy tâm hồn, dù có phải bằng cả những yếu tố ma quái, bệnh hoạn như anh nói. Còn hơn cái thứ văn chương trơn tru, nhạt nhẽo đang tràn ngập sách báo hiện nay. Tiếc là không biết viết văn, chứ nếu biết, tôi sẽ đi theo đường của Đốt, và truyện đầu tiên - dựa trên câu chuyện hôm nay tôi kể chẳng hạn - tôi sẽ gọi bằng cái tên đầy ý nghĩa: Một truyện gần giống như Đốt! Nghe cũng được đấy nhỉ? Sao, đã ngủ rồi à?

Không có tiếng trả lời. Bên ngoài mưa vẫn rơi rả rích.

*Nha Trang, 1984*

## MỘT VẤN ĐỀ NGUYÊN TẮC

Đến Quảng Ninh lần này, thật là may, tôi liền được bố trí đi X với một đoàn cán bộ chỉ đạo sản xuất của một xí nghiệp hải sản.

X. là một đảo lớn nằm xa ngoài biển, cách thị xã Hồng Gai hơn một trăm kilômét. Ở biển thế là xa, vắng lại, khu vực này thường có sóng dữ, nên nói chung ra được đấy không phải dễ, nhất là với những người không có một mục đích thật sự cần thiết như tôi.

Chúng tôi xuất phát từ rất sớm. Thời tiết thật tuyệt. Con tàu chín mươi mã lực, tuy nhỏ nhưng khá chắc, nhẹ nhàng lướt trên mặt nước trong xanh, gần như tĩnh lặng. Buổi sáng, vịnh Hạ Long có vẻ đẹp kì lạ, vừa thơ mộng, huyền bí, vừa như có cái gì đấy nhí nhảnh, trong sáng. Lần đầu tiên trong đời tôi được tận mắt nhìn thấy mặt trời mọc trên biển. Lúc đầu là một vệt sáng, nhưng chỉ mấy phút sau đã nhú lên hình một chiếc bánh mì dài, màu đỏ rực. Tàu vòng qua một ngọn núi đá, khi qua tới đầu bên kia thì chiếc bánh mì đó đã là một chiếc mâm khổng lồ được nung đỏ, và vì bị che bởi một màng mỏng sương mù chưa tan, nên có thể nhìn rất lâu mà không bị thấy chói mắt.

Cùng đi với tôi từ Hà Nội xuống có một anh nhà báo trẻ. Lần đầu đi biển, lại được chứng kiến một cảnh đẹp như thế, anh ta không ngớt thốt lên những câu thán phục, chốc chốc lại quay sang hỏi người lái tàu điều gì đó. Người lái tàu, một ông gì vui tính, sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của anh ta. Thực ra về biển, tôi cũng chẳng biết gì hơn, nhưng vì không muốn tỏ ra quá ngờ nghệch, tôi chỉ lặng lẽ quan sát và lắng nghe.

Qua Quan Lạn, anh bạn nhà báo chỉ những chiếc cọc đóng thành vòng tròn rộng trên một chỗ nước nông và hỏi đó là gì. Người lái tàu giải thích đó là cách dân chài bắt sam. Sam biển ở vùng này rất nhiều, thường bằng chiếc đĩa to, nếu biết chế biến, sẽ là món ăn vừa rẻ lại vừa ngon. Một đặc điểm khá kì lạ của giống này là bao giờ chúng cũng đi có đôi, một con đực, một con cái, và thường dính chặt vào nhau. Người ta bắt chúng từng đôi, bán chúng cũng từng đôi, và thậm chí làm thịt chúng để ăn cũng từng đôi, thịt con này trộn lẫn thịt con kia. ít khi gặp riêng từng con, mà có gặp cũng không ai bắt, vì cho đây là điềm gở.

- Tuyệt! Tuyệt diệu! - anh nhà báo kêu to một cách hồn nhiên. - Nếu tôi là nhà thơ, tôi sẽ viết ngay một bản trường ca lâm li về những con sam kì diệu này. Thế nào cũng phải mua một đôi mang về Hà Nội.

- Để treo lên tường làm biểu tượng tình yêu, hay cho cả đôi uyên ương ấy vào xoong để luộc nhấm rượu? - Tôi hỏi đùa lại, làm anh ta phân nào hơi cụt hứng.

Tàu chúng tôi cứ thế đi, đi mãi - chậm chậm, đều đều, vượt hết đảo này đến đảo khác. Tôi có cảm giác như vịnh Hạ Long là vô cùng vô tận, và chúng tôi sẽ không bao giờ thoát ra khỏi cái bát đồ trận rối rắm nhưng đẹp mê hồn này. Thỉnh thoảng lại xuất hiện những chiếc thuyền con đang nép vào chân núi đá hoặc đứng chơi vơi giữa vịnh. Tôi ngạc nhiên khi thấy trên thuyền có cả trẻ con, rất nhiều trẻ con.

- Mỗi thuyền là một gia đình đấy, - ông già lái tàu bảo tôi. - Trẻ con sinh ra và lớn lên ngay trên mặt nước, có khi hàng tháng liền không đặt chân lên bờ.

- Thế ở đất liền họ không có nhà à? - tôi hỏi.

- Phần lớn là không.

- Họ sinh sống bằng cách nào?

- Bằng cách dân chài vẫn sinh sống. Đánh cá đổi gạo. Không đổi được gạo thì ăn cá trừ bữa. Không có cá thì nhịn.



- Và trẻ con không được đi học?

Ông già không nói gì, chắc cho câu hỏi của tôi là thừa và ngốc nghếch.

- Sao họ không làm nhà ở đất liền, hàng ngày ra biển đánh cá rồi quay về, trong một hợp tác xã nào đấy chẳng hạn, và ăn gạo Nhà nước?

- Cái ấy thì anh phải hỏi họ mới biết được. Đó là một điều khó hiểu, cũng như người ta không hiểu tại sao có dân tộc miền núi thích nay đây mai đó, mỗi năm làm nhà mới mấy lần.

- Dù sao, sống thế cũng rất lãng mạn, - anh nhà báo lên tiếng.

- Vâng, nhưng không đến mức anh tưởng đâu. - Ông già trầm ngâm đáp. - Tháng trước có hai vợ chồng cãi nhau, rồi đánh nhau, và cũng ngã xuống nước. Chính mắt tôi nhìn thấy. Còn năm ngoái thì một đứa bé năm tuổi đêm dậy đi đái, rơi xuống biển, thuyền cứ trôi mà bố mẹ ngủ quên không hay.

Chúng tôi không ai nói gì thêm. Một lúc lâu sau anh nhà báo hỏi:

- Đi X. có thường gặp tai nạn không bác?

Đó là câu hỏi không tế nhị mà khi đi biển người ta tránh nhắc tới. Tuy nhiên ông già lái tàu vẫn vui vẻ đáp:

- Ít thôi, nhưng cũng có. Gần đây nhất là lần đắm tàu năm kia. Cũng của công ty chúng tôi. Cả tàu sáu người, chỉ một người sống sót. Anh ta đang ngủ kia, - ông hất hàm chỉ một người đang nằm ngủ trên chiếc giường nhỏ ở buồng lái, ngoảnh mặt vào tường - Một mình giữa biển ba ngày ba đêm liền. May trời ấm, gió thuận nên mới dạt vào bờ...

- Ba ngày ba đêm? - anh nhà báo thốt lên. - Kinh khủng thật... Nhưng vì sao tàu lại đắm ạ?

- Vì gần tới X. thì thời tiết bất ngờ thay đổi, biển nổi sóng tới cấp bảy, cấp tám, mà tàu thì quá cũ. Cũng một chiếc chín mươi mã lực như tàu này. Anh ta bơi giỏi, lại khoẻ nên mới sống sót.

Trưởng trạm chế biến thủy sản ở X., vừa rồi về họp ở đất liền, nay trở lại đảo. Biển ấy mà, anh bạn trẻ ạ, không bao giờ cũng đẹp và êm ả như thế này đâu. Rồi chốc nữa anh sẽ thấy... Tôi sợ hôm nay trời trở chứng. Có thể chúng ta phải nằm lại chờ đâu đó một vài ngày không chừng.

Quả đúng như ông nói, vừa ra tới cửa vịnh, tàu chúng tôi gặp sóng lớn không dám mạo hiểm đi tiếp, đành quay lại trú cạnh đảo Ngọc Vòng.

Đêm hôm ấy, mọi người lên đảo ngủ - ở Ngọc Vòng cũng có một trạm chế biến thủy sản. Ở lại tàu chỉ có ông già lái tàu, trưởng trạm X., - con người đã sống sót sau ba ngày ba đêm một mình giữa biển - và tôi. Tôi xin ở lại tàu không phải không có mục đích.

\*

Trưởng trạm X. đã ngoài bốn mươi, bé và gầy, có khuôn mặt đen, đánh lại vì sóng và gió biển. Anh ít nói, đôi mắt bé, lại ít khi mở to, nên dễ gây cho người ngoài cái cảm giác khó gần, ngại ngại.

Ăn xong, ông già lái tàu chui xuống khoang ngủ ngay, có lẽ vì mệt. Còn tôi và anh trưởng trạm thì ra ngồi trên cột neo trước mũi tàu.

Đêm tháng tư, trời nhiều sao. Ngoài biển, hình như sao to và sáng hơn ở đất liền.

Chúng tôi nói chuyện với nhau về thời tiết, về vụ cá năm nay, về Hà Nội, về tình hình biên giới. Nói chung, câu chuyện rời rạc, phần lớn gồm những câu hỏi và những câu trả lời ngắn gọn.

- Anh có thể kể qua, bằng cách nào anh thoát chết lần đắm tàu năm kia được không? - Cuối cùng, tôi hỏi điều tôi quan tâm.

- Gặp may thôi, - anh đáp. - Đúng giữa lúc sóng dữ nhất thì máy hỏng, con tàu không còn làm chủ được mình nữa, nước ập

vào và rồi chìm. Phần lớn mọi người nằm dưới khoang, còn tôi vì ở buồng lái nên chui ra kịp. Đi biển bao giờ tôi cũng ngồi hoặc nằm ở buồng lái. Sau một hồi vật lộn với sóng, bị trôi dạt khá xa, tình cờ tôi vớ được chiếc phao xăm ô tô. Thế là tôi thoát. Có điều, phải lênh đênh trên biển ba ngày ba đêm như anh biết.

- Chắc anh đói và mệt lắm nhỉ?

- Vâng, lại sợ nữa. Tôi sợ gió đổi chiều sẽ đưa tôi ra xa bờ hơn. Cũng may lần ấy tôi nhặt được một con cá rất to, không hiểu vì sao bị chết, trôi giữa biển. Tôi đoán có thể còn lâu mới tới bờ, nên đã chia đều ăn dần. Tôi ăn hết, không thừa một tí gì, kể cả phần ruột đắng và mặn. Đỡ đói đã đành, nhưng điều quan trọng nhất là đỡ khát. Khát mới thực sự đáng sợ.

- Thế là lần ấy chỉ mình anh sống sót? - tôi hỏi mặc dù ban ngày ông già lái tàu đã cho tôi biết điều đó.

- Vâng, lúc đầu tôi tưởng có thể người khác cũng vớ được phao hay mảnh ván như tôi, nhưng sau hoá ra chỉ mình tôi sống sót.

- Khi tàu chìm, anh không nhìn thấy ai xung quanh?

- Không. Sóng to quá... - anh đáp rồi im lặng như đắn đo điều gì, một lúc sau mới nói tiếp: - Lúc tàu chìm thì không, nhưng khi vớ được phao, tôi nhìn thấy một người đang vật lộn với sóng cách tôi khoảng một trăm mét. Đó là ông trưởng phòng tổ chức cơ quan tôi. Tôi chẳng hiểu lần ấy ông ta ra đảo làm gì để phải gặp tai nạn như thế. Ông ta cũng là người bơi giỏi, nhưng không có cái may gặp phao như tôi. Lúc đầu tôi tưởng ai đó trong đám thủy thủ, liền vội bơi đến cứu, nhưng khi nhận ra ông ta thì tôi dừng lại. Suy nghĩ một lát, tôi quyết định coi như không nhìn thấy...

Tôi sững sờ nhìn con người đang ngồi bên tôi và nói cái câu kia một cách đơn giản và thẳng thừng tới mức tàn nhẫn.

- Anh ngạc nhiên muốn biết vì sao chứ gì? - anh trạm trưởng nói tiếp. - Tôi sẽ nói. Từ trước tới nay tôi không nói điều này với ai, không phải vì sợ, mà đơn giản vì không muốn. Nhưng hôm nay, không hiểu sao tôi lại muốn nói với anh. Đừng nghĩ tôi thích

hoặc tin anh. Không, xin lỗi, nói chung tôi không có cảm tình lắm với dân làng văn, làng báo các anh. Vì sao thì các anh tự biết. Dân gian đã nói điều đó. Nhưng thôi, việc các anh, các anh làm, việc tôi, tôi làm.

Quay lại chuyện ông trưởng phòng kia. Đúng, tôi đã không cứu ông ta, vì ông ra không đáng để tôi phải trả giá như thế. Cái phao to và chắc thật, có thể cứu sống cả hai người, nhưng cũng có thể vì thêm ông ta, tôi sẽ chết. Xin anh đừng quên điều đó. Tạm thời lúc này đừng ngắt lời tôi. Tôi sẽ giải thích tất cả. Ông ta, cái con người vô tình cũng rơi vào một hoàn cảnh hiểm nghèo như tôi ấy, là một người xấu, rất xấu, không những không giúp ích gì cho xã hội mà còn ngược lại. Cái ghế trưởng phòng kia không phải bằng tài năng và lao động chân chính ông ta đạt được, mà bằng thủ đoạn, bằng nịnh hót và lừa đảo. Làm việc với nhau hai mươi năm nay, tôi lạ gì.

Anh biết đây, cuộc sống ở đảo rất vất vả, buồn chán, và tất nhiên không ai thích ra đảo, nếu không bị bắt buộc. Một số người, để được ở đất liền, đã tìm cách đút tiền cho hấn. Và hấn nhận, nhưng khôn khéo và tinh vi lắm. Ai làm gì được hấn ? Phần vì hấn phụ trách tổ chức, phần vì không có bằng chứng. Để thế chỗ những người hấn đã nhận hối lộ, hoặc hấn cử những người khác không ăn cánh ra đảo, hoặc hấn bắt các cô gái (phần lớn ở đảo là các cô gái) từ lâu đến hạn được về đất liền và rất cần về đất liền để lấy chồng, phải ở lại thêm một thời gian nữa. Bao lâu thì có trời mới biết được - một năm, hai năm, năm năm, hay có thể suốt đời không chừng. Bao giờ hấn cũng tìm được lí lẽ để bào chữa cho việc làm sai trái của hấn. Các cô ấy đòi về à? Hấn sẽ đem lí tưởng và nghĩa vụ của người đoàn viên ra nói. Anh suy bì người này người nọ? Hấn sẽ giở đến tinh thần trách nhiệm, đến yêu cầu cấp bách của công tác, và nhất định thế nào hấn cũng nói rằng anh là người không thể thay thế được, vân vân. Về mặt xảo quyệt thì có lẽ ít ai bằng hấn.

Vâng, hấn là người thế đấy. Ai cũng biết, nhưng ai cũng sợ và không muốn gây sự với hấn. Còn tôi thì không. Tôi đã thẳng

thần đấu tranh với hắn trong một cuộc họp chi bộ. Rồi anh biết thế nào không? Trước tổ chức Đảng, hắn đã "chân thành" nhận là "có một vài khuyết điểm trong công tác" và hứa sẽ sửa chữa. Có điều mấy tháng sau tôi có quyết định ra đảo phụ trách cái trạm chế biến thuỷ sản mà ta sắp tới, mặc dù lúc ấy tôi đang theo học hàm thụ năm cuối trường Kinh tế. Cả lần này hắn cũng tìm được những lí do, mới nghe có vẻ như hợp lí... Vậy thì, tôi hỏi anh, vì có gì tôi phải liều mạng sống của mình để cứu một con người như thế, một người mà tôi biết sự tồn tại chỉ mang lại tai hoạ cho người khác, dưới dạng này hoặc dạng nọ?

Anh đội trưởng im lặng, nhưng có lẽ không phải để chờ tôi trả lời.

- Thế anh không bao giờ cảm thấy bị lương tâm cắn rứt à?

- Hoàn toàn không. Ngược lại, nếu cứu hắn sống, lương tâm tôi mới cắn rứt.

Một hồi lâu, chúng tôi không ai nói gì thêm. Cuối cùng, tôi lên tiếng:

- Có thể những điều anh nói là đúng, nhưng dù sao, về mặt nhân đạo, giữa con người với con người, dù sao thì...

- Vâng, tôi hiểu ý anh muốn nói gì, - anh đội trưởng vội ngắt lời tôi. - Nhưng xin anh chớ quên rằng tôi chỉ không cứu hắn sống, chứ không phải giết hắn chết. Hai cái ấy hoàn toàn khác nhau. Vả lại, tôi không cứu không phải vì tôi muốn trả thù hoặc quá lo cho tính mạng của tôi lúc đó. Đây là một vấn đề lớn hơn nhiều. Một vấn đề có tính nguyên tắc.

Nói rồi, anh đứng dậy, ngược lên nhìn bầu trời chi chít sao, ngáp một cái thật dài, Sau đó cả hai chúng tôi cùng lên giường đi ngủ. Nằm trong chăn, chúng tôi nói chuyện thêm một lúc nữa. Nhờ đó tôi biết được rằng trưởng phòng tổ chức công ty bây giờ là một người khác, công việc tốt hơn xưa rất nhiều. Một số cô gái đã được chuyển vào làm việc ở đất liền, tuy nhiên phần lớn vẫn còn ở ngoài ấy, vì một lúc không thể tìm được chừng ấy người thay thế. Còn anh đội trưởng đang nằm bên tôi thì năm ngoái được tổ chức

cho về đất liền để học nốt chương trình đại học hàm thụ, và lại cũng đã hết thời hạn biệt phái công tác, nhưng anh tình nguyện ở lại đảo thêm một thời gian nữa.

- Lúc này mà bỏ các cô ấy một mình ngoài kia để chuồn về thị xã thì còn mặt mũi nào nữa! - anh vừa lẩm bẩm nói, vừa trở lưng quay mặt vào tường, và ngủ thiếp.

Còn tôi thì cứ nằm thao thức mãi. Lơ đãng nhìn lên mảnh trời con hình vuông, bàng bạc trên boong tàu, tôi miên man suy nghĩ, như muốn tìm trên đó cái lô gích, cái "vấn đề nguyên tắc" mà anh đội trưởng vừa nói, trong việc anh ta có thể nhẫn tâm bỏ mặc một đồng nghiệp chết đuối giữa biển, nhưng đồng thời lại không nỡ bỏ các cô gái khoẻ mạnh ở lại trên đảo để trở về đất liền.

Sáng hôm sau biển lặng hơn. Chúng tôi lại tiếp tục lên đường.

Vừa ra tới cửa vịnh, anh nhà báo đã say sóng phải nằm yên một chỗ. Anh đội trưởng vẫn ngủ như hôm trước, hai bàn tay ôm đầu, trên chiếc giường nhỏ ở buồng lái. Ông già lái tàu suốt buổi im lặng đứng bên tay lái để điều khiển con tàu né tránh những đợt sóng lớn đang chồm lên trước mũi tàu một cách giận dữ.

Còn tôi thì không hiểu sao một ý nghĩ lạ lùng và rất buồn cười cứ ám ảnh mãi trong đầu, ý nghĩ rằng nếu không may lần này gặp tai nạn, không biết con người nhỏ bé có nước da ngăm đen đang ngủ kia có cứu tôi không, tôi một đại diện của giới văn nghệ mà anh ta "không thích lắm". Hay tôi cũng có thể bị bỏ rơi như ông trưởng phòng xấu số nọ ?

*Quảng Ninh, 1984*



## NẾU CÒN SỐNG CHỊ Ở ĐÂU ?

"Tên tôi là Nguyễn Văn Biên, lái xe, thuộc công ty X. Bộ Lâm nghiệp. Cách đây hai mươi ba năm, vào một đêm trời mưa to cuối tháng chín năm 1967, trên đường từ Châu Yên tới Sơn La, có một cô gái vẫy tay xin đi nhờ xe. Lúc ấy trời đã khuya, rừng núi vắng vẻ. Cô gái trạc hai mươi tuổi, đầu đội nón, tay xách chiếc túi nhỏ, quần áo ướt sũng, nói là đi nhờ đường gặp mưa bị cản. Tôi cho cô lên xe. Trên xe chỉ có mình tôi. Đi được một quãng, tôi dừng xe lại và giở trò cường đoạt cô gái. Cô cương quyết chống đỡ. Tôi dọa nếu không chịu, tôi sẽ đuổi xuống. Cô gái khóc, van xin đừng làm thế, vì cô đang ốm, có thể chết. Thấy tôi vẫn một mực không thay đổi ý kiến, cô vùng ra được và nhảy xuống đường. Tôi ngồi trên xe, đoán chắc cô không dám ở lại một mình, vì chỗ có người gần nhất cách đây cũng hơn hai mươi kilômét. Nhưng cô gái vẫn ôm mặt khóc dưới trời mưa tầm tã, người run lên vì lạnh... Cuối cùng tôi cho xe chạy tiếp. Đêm ấy tới trạm, bình tĩnh trở lại, tôi rất ân hận về việc làm của mình, nhất là việc vì tôi cô có thể chết. Vì vậy tôi quay xe lại tìm, nhưng không thấy cô đâu. Sau này nhiều lần tôi còn đến các nông trường và bản lân cận để tìm cô, nhưng mọi cố gắng của tôi đều vô ích

Nay cô ở đâu, nếu còn sống, xin báo cho tôi ở số nhà... phố Long Châu, Hà Nội, để tôi tìm đến cô xin tha thứ cho việc làm tội lỗi kia của tôi. Nguyễn Văn Biên".

Bà Bảo Châu đặt tờ giấy xuống bàn, ngả lưng vào chiếc ghế da, rồi không hiểu sao, ngồi thờ thần hồi lâu. Đang giờ nghỉ trưa,



mỗi người một nơi. Trong phòng chỉ còn lại Bích Phương, cô thư ký xinh đẹp, ăn xong, đang ngồi soi gương sau chiếc máy chữ.

Bà Bảo Châu liếc qua những tờ tiếp của tập giấy được xếp ngay ngắn trước mặt, rồi hỏi:

- Ý kiến mọi người thế nào về cái tin của ông lái xe này?

Bích Phương còn bậm môi, dướn mắt thêm lần nữa trong gương, mới ngẩng đầu đáp:

- Dạ thưa cô, anh em nói đây là trường hợp khác thường, nên phải chờ ý kiến cô xem có nên phát không, rồi mới trình lên Ban duyệt. Các tin khác không có gì đặc biệt nên chú Đại đã ký thay cô.

Mấy ngày vừa rồi bà Bảo Châu đi công tác xa nên đương nhiên ông Đại, phó phòng, thay bà quản lý cái phòng này, phòng Thông tin kinh tế xã hội của Đài phát thanh. Im lặng một chốc, bỗng Bích Phương quay sang bà, nói:

- Cái ông lái xe Biên này kể cũng lạ, cô nhỉ? Giận mà cũng thương ông ta...

- Bề ngoài trông ông ra thế nào? - Bà Bảo Châu hỏi. - Khi đến đưa tin, cô có gặp ông ta không?

- Dạ không, tin này được đăng ký từ sáng hôm kia, lúc ấy cháu có việc đi vắng... Thế cô có đồng ý cho phát không ạ?

- Để cô xem đã. - bà Bảo Châu lơ đãng đáp.

Rồi bà đứng dậy, thông thả đi xuống căng-tin ăn trưa.

Bà Bảo Châu năm nay đã ngoài năm mươi, không thể gọi là xinh nhưng có vẻ ngoài đầy đặn, phúc hậu. Tóc bà còn đen và rất dài, những hôm nóng nực, bà buộc thành một túm to sau gáy. Bà về làm việc ở Đài ngay sau khi tốt nghiệp khoa văn trường Tổng hợp. Suốt nhiều năm liền bà làm phóng viên, đi đây, đi đó rất xông xáo. Gần đây, phần vì có tuổi, phần vì không còn ai thích hợp hơn, bà được điều sang phụ trách phòng này. Tuy mới được thành lập, nhưng công việc ở đây bận rộn và thú vị. Ngày nào

đến cơ quan, bà cũng thấy có nhiều người đến xin đăng ký quảng cáo hàng hoá cho cơ sở, xí nghiệp mình, hoặc quảng cáo các lớp ngoại ngữ, khiêu vũ, âm nhạc... Nhưng một phần không nhỏ trong số họ đến nhờ bà giúp tìm trẻ lạc, tìm người tâm thần bỏ nhà lang thang, và đặc biệt là tìm lại những người thân bị lưu lạc nhiều năm về trước. Chính những người này làm bà yêu thích công việc.

Hàng ngày, đọc các tờ đăng ký, bà cảm thấy như được đưa trở lại quá khứ đau buồn, đau buồn nhiều khi đến mức bà không tưởng tượng nổi. Trước mắt bà hiện lên những đoàn người rách rưới, gầy còm, dắt díu nhau đi xin ăn rồi ngã gục nằm chết bên vệ đường, những cảnh cho con, vứt con, những cảnh ra đi vì uất hận, vì miếng ăn và vì nhiều lý do khác. Tai hoạ như một cơn bão khủng khiếp ập xuống đầu những số phận đáng thương, dập vùi họ, đánh bật họ đi mỗi người một nơi. Và rồi, hàng chục năm tiếp theo, họ sống trong lo lắng, dằn vặt và thương nhớ... Họ vất vả tìm đến nhau, muốn biết còn, ai mất, muốn được bộc lộ lòng mình... mà không biết phải làm gì, nhờ ai. Nay bỗng xuất hiện cái phòng của bà, thế là người ta bám lấy bà như người chết đuối bám cọng rơm nhỏ, dù chẳng mấy hy vọng nhưng vẫn còn hơn không có gì để bám. Còn bà, không hiểu sao bà thấy như mình cũng phần nào có lỗi trong tất cả những bi kịch ấy của quá khứ. Bà tự cho mình có trách nhiệm phải giúp họ, phải góp phần hàn gắn những mảnh vỡ của cuộc đời họ. Một bé gái mười tuổi cầm đồng bạc duy nhất đi chợ đóng gạo cho mười miệng ăn trong gia đình, không may để mất tiền, sợ về nhà mẹ mắng, bố đánh, nên em đã bỏ đi biệt tăm. Nếu còn sống, nay em bé gần sáu mươi. Em ở đâu? Các anh chị và bà mẹ của em đang nhờ bà Bảo Châu tìm hộ.

Có hai ông già từ tỉnh xa đến gặp bà, kể rằng vào năm 1945 không nỡ nhìn con chết đói, họ phải đem cho đứa bé kháu nhất trong số bốn người con của họ. Nó là một cậu bé bốn tuổi, khô ngô (vì khô ngô mới đem cho, nếu xấu sẽ chẳng ai nhận). Hôm ấy nó được tắm rửa sạch sẽ, được cả nhà nhường cho ăn một bữa thật no. Rồi ông bà đem nó ra chợ huyện, đặt nó ngồi ngay trước

cổng chợ, bên cạnh cấm tắm biển với dòng chữ "xin các ông, các bà mà phúc nuôi hộ". Còn họ thì ngồi nấp trong bụi cây cách đó không xa, kiên nhẫn chờ cho đến lúc có người mang nó đi mới ra về. Hai ông bà đứng nhìn theo con, nước mắt giàn giụa... Bây giờ họ đến Đài tìm bà Bảo Châu kể lại những điều trên và nhờ bà tìm con hộ. Bà đã làm tất cả những gì có thể làm được để giúp họ. Bà cho phát qua Đài bảy lần, mỗi lần cách nhau ba ngày. Thật không ngờ, chưa đầy một tháng sau có một trung tá không quân đến gặp bà, nói rằng ông chính là đứa bé nọ. Thay mặt bố mẹ đẻ và bố mẹ nuôi của mình, ông trình trọng tặng bà một bó hoa thật to và hai gói kẹo, hai bao thuốc lá, một lạng chè tặng anh em trong phòng. Hôm ấy là một ngày thật đáng ghi nhớ. Nhìn người sĩ quan cao to, đẹp đẽ và tràn đầy hạnh phúc, có lẽ trong nhiều năm, đây là lần đầu bà cảm thấy bà làm được điều gì đấy đích thực tốt đẹp và có ích cho đời.

Thỉnh thoảng bà cũng nhận được thư từ các tỉnh xa, báo tin rằng nhờ Đài, họ đã tìm lại được người thân của mình. Tuy nhiên, những trường hợp may mắn như thế không nhiều lắm, nhưng đây là công việc đáng làm và bà làm một cách say sưa...

Nhưng câu chuyện của ông lái xe Nguyễn Văn Biên này là thế nào?

Suốt cả buổi chiều hôm ấy và hôm sau, bà Bảo Châu luôn bị ông ta ám ảnh. Đây là trường hợp đặc biệt, từ trước tới nay chưa xảy ra bao giờ, vì vậy bà muốn để lại suy nghĩ thêm trước khi cho phát. Trước mắt bà lúc nào cũng hiện lên hình ảnh một cô gái mảnh mai nào đó, người sốt hầm hập, đứng một mình tầm tã trong rừng khuya vắng. Cô sắp ngất đi, cô sợ chết, sợ ma, nhưng có một điều cô còn sợ hơn tất cả những điều ấy, là sự nhục nhã. Cô không thể chấp nhận điều kiện của tên lái xe vô lại, nhưng chiếc ca-bin khô ráo, ấm áp kia lại thuộc về hắn. Hắn đã đặt bẫy đưa cô tới đấy, đẩy cô vào tình cảnh bi đát này, và tất nhiên hắn là người duy nhất có thể cứu cô, nhưng hắn lại đòi trả công... bằng cách đều cáng ấy! Không! Không! Thà chết chứ không thể như thế được! Và cô gái tiếp tục đứng im dưới trời mưa, hai tay

ôm mặt khóc. Sau đó... Sau đó cô đi bộ một mình hàng chục cây số? Cô được một chiếc xe khác mà người lái xe chưa mất hẳn tình người, cho đi nhờ đến thị xã? Hay sau đó do dầm mưa, cơn sốt nặng thêm và cô đã chết, xác nằm còng queo bên đường?

Còn lái xe, cái gã Nguyễn Văn Biên khốn nạn ấy thì sao? ừ, mà anh ta là người thế nào nhỉ? Một người đang tâm làm một việc tội lỗi như thế lại biết hối hận ư? Đến mức suốt nhiều năm sau đó đã bỏ công tìm kiếm cô gái kia như anh ta nói? Liệu anh ta có phịa ra thế để tự bào chữa cho mình không? Mà rồi nếu quả bị lương tâm cắn rứt, không lẽ sau ba mươi năm anh ta không cảm thấy ngui ngoai chút nào, để bỗng dưng bây giờ, không ai bắt, tự mình nói toạc ra sự đố kỵ của mình? Không phải nói với một, hai người, mà với tất cả! Qua Đài! Một việc làm nên gọi đúng cảm hay điên rồ?...

Bỗng nhiên bà Bảo Châu rất muốn được gặp con người này. Để làm gì thì chính bà cũng không rõ.

Theo địa chỉ, bà tìm đến một ngôi nhà xinh xắn có hàng rào gạch bao quanh. Ra mở cửa là một người đàn bà gầy quắt có đôi mắt buồn và mái tóc điểm bạc.

- Thưa chị, đây có phải là nhà anh Biên, anh Nguyễn Văn Biên lái xe không ạ?

- Vâng, - người đàn bà kia đáp, nhìn khách với vẻ ngạc nhiên.

Thấy thế, bà Bảo Châu vội nói luôn:

- Tôi có chút việc muốn nói chuyện với anh ấy...

Bà kia càng lộ vẻ ngạc nhiên, nhưng do dự một chốc rồi đáp:

- Mời chị vào.

Căn phòng rộng và trống trải, chắc chỉ dùng để tiếp khách vì không thấy có giường. Sát tường là chiếc bàn trà thấp và bốn chiếc ghế sa-lông gỗ dán cáu bần. Bà Bảo Châu ngồi xuống một trong những chiếc ghế ấy, yên lặng chờ chủ nhà sang phòng bên chuẩn bị nước mời khách. Không hiểu sao bà cứ hình dung lái xe Biên bà sắp gặp là một người to béo, có ria mép, da ngăm đen, và

nhất thiết phải mặc áo phong sọc to. Bà định sẽ vào đề luôn, rằng bà từ Đài đến, muốn hỏi thêm đôi điều trước khi cho phát cái tin ông ta yêu cầu...

Bà chủ nhà quay ra, đặt khay nước lên bàn rồi ngồi xuống, ngược lên nhìn khách vẻ chờ đợi.

- Dạ, anh Biên đâu ạ? - bà Bảo Châu ngạc nhiên hỏi vì mãi không thấy chủ nhà xuất hiện. - Tôi đến đây nhân cái tin anh ấy xin phát qua đài...

Bà kia khẽ thốt lên:

- Thế ra cô là "cô ấy"? - Rồi bà ta mở to mắt chăm chăm nhìn bà Bảo Châu, nét mặt gần như hốt hoảng.

Bà Bảo Châu cũng lặng lẽ nhìn bà hồi lâu.

- Không, tôi là người làm ở Đài phát thanh. Tôi đến đây muốn biết thêm đôi điều trước khi cho phát cái tin anh ấy yêu cầu. Hôm nay anh ấy không có nhà ạ?

Bà kia cúi đầu không nói gì, mãi một lúc sau mới thở dài đáp:

- Nhà tôi không còn nữa. Anh ấy chết đã được năm năm...

Bây giờ đến lượt bà Bảo Châu không kìm nổi ngạc nhiên:

- Còn cái tin kia? Hoá ra không phải anh ấy đem nó đến Đài?

- Vâng. - Bà chủ nhà nói. - Tôi đã đến chỗ chị... Số là trước khi chết, anh ấy nhờ tôi sau này, nếu có thể, tìm gặp cô gái kia để thay mặt anh ấy xin lỗi hộ. Tôi đã hứa với anh ấy trong giờ hấp hối, tuy không biết sẽ làm điều đó bằng cách nào. Gần đây có mục nhắn tin qua đài, tôi mới nhờ chị. Nội dung cái tin ấy do tôi viết, nhưng đúng sự thật và như chồng tôi mong muốn... Không sao chứ ạ? - Bà ta nhìn khách lo lắng hỏi thêm: - Không lẽ vì thế mà các chị không cho phát qua Đài?

- Không, không vấn đề không phải chỗ ấy, - bà Bảo Châu vội đáp. - Có điều từ trước tới nay quả chúng tôi chưa gặp trường hợp nào như của anh chị.

- Tôi hiểu, chắc chị thấy khác thường nên muốn xem cụ thể hư thực thế nào chứ gì? Chị yên tâm. Tất cả những điều tôi viết trong tin đều đúng sự thật. Chồng tôi đã kể tôi nghe nhiều lần ngay sau khi chuyện ấy xảy ra...

Bà khẽ thở dài, ngồi im một chốc rồi nói tiếp:

- Nhà tôi là một người thật lạ lùng. Anh ấy vốn ngang tàng, sống bừa bãi và nói thật với chị, chuyện rượu chè, trai gái đều có cả. Thế mà thật không ngờ, sau chuyện đó, anh ấy trở thành người khác hẳn. Đến tôi là vợ mà cũng không hiểu nổi, nhưng quả đúng thế. Anh ấy bị một cú sốc mạnh, trở nên ngờ ngác như người vừa ốm dậy. Anh ấy ít nói hẳn, chú ý nhiều hơn tới vợ con, đặc biệt không bao giờ uống rượu nữa. Tôi biết anh ấy đang đau khổ, hối hận và luôn nghĩ tới cô gái đáng thương nọ. Anh ấy sợ cô ta đã chết, chết vì anh ấy. Tôi tìm cách an ủi, thậm chí có lần còn theo lên các nông trường vùng Mộc Châu, Yên Châu tìm cô gái kia...

Bà chủ nhà đột ngột ngừng lời, đưa một chén nước mời khách. Bà cũng cầm một chén, đưa lên miệng nhấp nhấp từng ngụm nhỏ.

- Chị nghĩ truyền qua Đài thế này, có hy vọng cô ấy sẽ lên tiếng không, tất nhiên là nếu còn sống - Bà hỏi.

- Vừa qua chúng tôi có nhận được một số tin báo lại rằng nhờ Đài, họ đã tìm được người cần tìm. - Bà Bảo Châu đáp một cách chung chung.

- Tôi thì tôi không tin cô ấy sẽ lên tiếng và tự tìm đến đâu, nhưng dù sao vẫn nhờ chị phát hộ cho. Chả là nhà tôi muốn thế, tôi đã hứa... Trước lúc chết, nhà tôi có để lại một bức thư, dặn tôi nếu gặp thì đưa cho cô ấy.

Bà lại bỏ vào buồng trong, lấy ra một phong thư không dán.

- Nếu muốn, chị cứ mở ra đọc.

Rồi bà bước ra khỏi phòng, chắc để bà khách được tự nhiên. Bức thư không dài, được viết bằng nét chữ nắn nót kiểu học trò:

"Suốt nhiều năm nay tôi tìm chị khắp nơi nhưng không thấy. Tôi đang bệnh nặng và chắc chỉ ít ngày nữa sẽ chết. Trước khi



chết tôi viết mấy dòng này để nếu lúc nào đó, nhờ phép lạ, người thân của tôi gặp được, sẽ đưa cho chị. Tôi biết tôi không đáng được tha thứ, nhưng lúc này, đang hấp hối, tôi xin chị hãy tha thứ cho tôi! Nếu chị đã chết, xin linh hồn chị hãy tha thứ cho tôi. Tôi đã chịu quá nhiều đau khổ, đã bị trừng phạt quá đủ cho hành động đố kỵ kia của mình. Có lẽ trong đời ai cũng có một giây phút đen tối, một giây phút vô thức dẫn tới một việc làm tội lỗi để sau này phải luôn day dứt, ân hận vì nó.

Một lần nữa xin chị hãy tha thứ cho tôi!"

Ba ngày sau, bà Bảo Châu cho phát qua Đài tin lái xe Nguyễn Văn Biên, công ty X. cách đây 35 năm, vào một đêm trời mưa to...

Buổi tối, đến phần thông tin xã hội, bà lại gần chiếc đài, khoanh tay chăm chú ngồi nghe. Vô tình, bà với tay vặn to đài. Bà chợt nảy cái ý muốn lạ lùng là tất cả đàn ông trong nước, trên toàn thế giới, phải nghe tin này. Tất cả không trừ một ai, tất nhiên trong đó có chồng bà, một người có vẻ ngoài lịch sự, nhân hậu nhưng thực chất là một kẻ ích kỷ, thô lỗ mà bà phải chịu đựng bao năm nay.

Nhưng đang đọc báo ở chiếc ghế bên cạnh, ông chồng bà chỉ lặng đứng dậy vặn bé chiếc đài, nhìn bà với vẻ khó hiểu, rồi lại ngồi xuống đọc báo như cũ.

*Hà Nội, 1989*



## PHẬN ĐÀN BÀ

### 1

Quê tôi dạo này bỗng rộ lên phong trào sửa sang, xây cất lại mồ mả tổ tiên. Hình như đây còn là chủ trương của chính quyền xã. Xã cấp cho mỗi dòng họ trong làng một lô đất riêng trên ngọn đồi cao ráo ở Rú Thần. Sau đó mỗi họ, tùy khả năng tài chính và óc thẩm mỹ, quy tập mồ mả của cả họ lại trong đấy, theo thứ tự thời gian và địa vị người đã chết. Tất nhiên là có xây tường bao quanh, có bàn thờ chung, có bia đá ghi rõ lai lịch dòng họ. Có họ giàu còn thuê đắp các con vật như voi, ngựa, nghê, rồng, hay thậm chí còn xây cả một miếu thờ nho nhỏ. Và quan trọng hơn cả là chính giữa mỗi lô đất như vậy, ở vị trí nổi bật nhất, họ nào cũng xây một ngôi mộ lớn của cụ tổ sáng lập ra dòng họ, hay ít nhất cũng chi họ của mình. Hiển nhiên, cụ tổ này phải là người danh giá và từng có chức vị cao trong xã hội để tôn phần vẻ vang cho đám con cháu nghèo khổ và quá ư tầm thường đang sống.

Họ Mạc nhà tôi, một dòng họ đông đúc và có vai vế trong làng, không thể thua kém các họ khác, hẳn vậy. Khốn một nỗi, cái dòng họ đầy thế lực ấy của tôi, mà trước đây có người từng làm tới chức chủ tịch xã, đến thời điểm này vẫn chưa xác định rõ nguồn gốc ông tổ của mình. Người ta chỉ biết đại khái là ngày xưa ngày xưa có một người họ Mạc từ Kỳ Anh tới cùng đất này sinh

sống và lập ra chi họ này ở làng tôi. Gia phả họ chỉ ghi chép ngược chiều lịch sử được khoảng một trăm năm. Mà trong khoảng thời gian đó lại không có một nhân vật nào kiệt xuất, xứng đáng được suy tôn làm "ngôi sao" của cả họ. Vậy thì ai đó phải thân chinh vào tận Kỳ Anh cách xa cả trăm cây số để tìm hiểu thêm về lai lịch tổ tiên mình. Đây cũng là nơi được xem là nguồn gốc của dòng họ Mạc khắp hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh.

Về phép lần này, hoá ra tôi lại là người được giao gánh vác trách nhiệm nặng nề ấy, vì dấu sao tôi cũng được xem thuộc loại có học nhất trong họ, và quan trọng hơn cả là có điều kiện làm việc này. Chẳng sao, bản thân tôi cũng tò mò muốn biết đích thực tổ tiên tôi là ai.

Tích cực giúp tôi trong việc này là nhà sử học già Thái Bá Cân, trước làm việc ở Viện Hán Nôm Hà Nội, do bất mãn gì đấy đã xin về hưu non và hiện đang sống ở Vinh. Không hợp với nghề nghiệp và dáng người có vẻ nho nhã, ông Cân nói năng bỗ bã, hơi phàm ăn tục uống, nhưng được cái ông trực tính và đã hứa giúp ai là giúp đến nơi đến chốn. Mấy năm qua ông Cân đã đọc hàng đống tài liệu lịch sử để tìm kiếm gốc gác họ Thái của ông, và nhân tiện giúp đỡ các họ khác. Lần này là họ Mạc chúng tôi. Đích thân ông cùng tôi vào Kỳ Anh, là nơi quả có một đền thờ rất lớn của họ Mạc. Trong đền có tấm bia đá với những dòng chữ Nho đã mờ hầu như không đọc nổi, rất nhiều các bức hoành phi, tung phi, và đặc biệt là một tập gia phả dày cộm cùng mấy cuốn sách cổ liên quan đến lịch sử dòng họ.

Vốn thuộc lớp người "Tây học", tôi hoàn toàn bất lực trước những tư liệu quý báu này, và chỉ biết trông nhờ tất cả vào ông Cân. Tôi chăm lo chu đáo thuốc nước và ngày ba bữa cơm rượu cho ông, thỉnh thoảng không quên món thịt chó luộc chấm mắm tôm mà ông ưa thích. Sau mười ngày, ông nói ông phải trở về Vinh để tra cứu thêm các tài liệu cần thiết, còn tôi thì ở lại Kỳ Anh tìm hiểu nốt những điều tôi quan tâm.

Mãi hơn một tháng sau, khi tôi đã trở về Hà Nội, ông Thái Bá Cân mới gửi cho tôi một tập tài liệu dày có kèm theo bản dịch

tiếng Việt của ông, để như ông nói, tôi "có thể tin chắc vào tính xác thực" của những gì ông khẳng định.

## 2

Năm Mậu Ngọ, niên hiệu Chính trị thứ nhất dưới triều vua Lê Trang Tông (1558), con của Thái Sư Chiêu huân Tĩnh Vương Nguyễn Kim là hữu tướng Đoan quận công Nguyễn Hoàng lập nhiều công lớn khi đánh nhà Mạc, được quần thần và dân chúng yêu mến, ngưỡng mộ. Thấy vậy, con rể Nguyễn Kim là Trịnh Kiểm đem lòng ghen ghét vì lo sau này Hoàng sẽ lấn át mình. Khi Nguyễn Kim mất, Kiểm được cất nhắc làm Thái sư Minh Khang vương, uy thế to lớn. Bây giờ thì Kiểm quyết tâm tìm cách hại Hoàng. Hoàng phải giả vờ điên, nhờ chị mình là Ngọc Bảo, vợ Kiểm, xin cho vào trấn giữ Quảng Nam và Thuận Hoá. Hai xứ này là nơi rừng thiêng nước độc, lại được các tướng giỏi nhà Mạc lâu nay cai quản nên nghe vậy Kiểm ưng thuận ngay, có ý mượn tay nhà Mạc giết Hoàng hộ mình. Kiểm còn xin vua phong cho Hoàng làm thái úy Đoan quốc công, giữ chức trấn thủ tổng quân binh hai xứ Thuận, Quảng, và hàng năm theo lệ, thu thuế dâng nộp triều đình.

Ngay hôm sau Đoan quốc công Nguyễn Hoàng cùng các công tử Thái Bảo Hoà quận công, Thuy quận công và các tướng Văn Nham, Thạch Xuyên, Tiền Trung và Tường Lộc đem một nghìn quân thuỷ ra cửa biển rồi nhằm phía Nam mà tiến.

Đến cửa Yên Việt (tức là cửa Việt ngày nay), Hoàng bị tướng nhà Mạc ở Thuận - Quảng là đô đốc Lập quận công đem ba mươi chiến thuyền và một nghìn quân bộ đánh cho thua liểng xiểng.

Đêm ấy Nguyễn Hoàng nằm mơ thấy có người đàn bà mặc áo xanh, quần xanh, tay cầm quạt the. Người này bảo Hoàng muốn diệt được Quận Lập thì phải dùng kế mỹ nhân, dụ hấn lại gần mà giết đi. Hoàng tỉnh dậy, ngạc nhiên vì còn nghe thoang thoảng mùi nước thơm của người đàn bà ấy, bèn tin là thật. Bấy

giờ Hoàng có một người vợ lẽ tên là Ngô Thị Lâm. Thị Lâm trẻ trung, thùy mị, nết na và xinh đẹp hiếm thấy, lại thông minh, ứng đối trôi chảy. Hoàng liền cho gọi nàng tới, sai đem vàng bạc châu báu đến trại Quận Lập giả vờ mở đường hoà hiếu, chịu để cho hấn ăn nằm với mình rồi dụ hấn đến trại của Hoàng để kết nghĩa huynh đệ.

Ngô Thị nghe xong dập đầu xuống đất khóc, mà rằng:

- Tiệp thiếp từ khi theo hầu chúa thượng dốc lòng theo nữ đạo, giữ trọn trinh tiết vợ chồng. Nay chúa bảo nhảy vào chỗ nước sôi lửa bỏng, muôn chết thiếp cũng không dám từ. Nhưng chúa bắt phải tư thông với người khác thì thiếp xin tội chết chứ không dám tuân theo lệnh ấy.

Hoàng quát mắng, quát:

- Đây là việc quốc gia đại sự, không thể không làm. Vả lại, ngươi là vợ, sao dám không nghe theo lời chồng.

Ngô Thị đành phải khóc vừa đem lễ vật cùng một số gia nhân lên đường đi gặp Quận Lập.

Được tin Nguyễn Hoàng cho chính vợ mình là người đẹp Ngô Thị đến cầu hoà, Quận Lập đoán đây có thể là kế độc, bèn cho sai đặt vạc dầu đun sôi chờ sẵn cùng binh lính cầm giáo sáng loáng đứng hai bên, rồi truyền dẫn Ngô Thị vào.

Ngô Thị không thêm để ý xung quanh, bình thản đến trước Quận Lập, cúi thưa:

- Doan quốc công chồng thiếp biết mình công oai trời lừng lẫy, trọng nghĩa, nhân từ, bèn sai thiếp đem lễ vật đến giảng hoà cầu thân và xin được minh công cùng kết nghĩa huynh đệ. Bản quan của thiếp tài hèn sức mọn xin được làm em, dưới quyền sai khiến của minh công. Mong minh công cứu xét, đừng tránh khỏi hoạ đánh giết lẫn nhau, gây tổn hại cho trăm họ.

Dẫu còn nghi ngờ, nhưng Quận Lập không thể không xiêu lòng trước một người xinh đẹp như Ngô Thị. Hấn ra lệnh bê cất vạc dầu, đuổi hết mọi người ra ngoài rồi một mình ngồi trò chuyện với nàng.

Với nhan sắc và tài ăn nói của mình, Ngô Thị chẳng bao lâu đã chiếm được lòng tin và tình yêu của Quận Lập. Nàng hết lòng chiều chuộng hắn, ăn ở với hắn như vợ chồng, và cũng được hắn rất đổi thương yêu. Độ một tháng sau, mụ muội vì tình, Quận Lập theo Ngô Thị đến quân trại của Nguyễn Hoàng, chỉ đem theo mấy tên hầu thân cận, hết như Quan Vân Trường ngày xưa một mình vượt sông sang ăn tiệc của nhà Đông Ngô. Tuy nhiên Quan Vũ thì trở về an toàn, còn Quận Lập đã bị Nguyễn Hoàng lừa giết chết.

Sau việc này, thấy Ngô thị đã ăn nằm với người khác, không thể là vợ mình được nữa, Hoàng bèn cho gọi nàng tới và nói:

- Trừ diệt được phe đảng của Quận Lập là công lao của nàng, nay để thưởng công, ta sẽ đích thân chọn người danh giá gả chồng cho nàng, kèm theo nhiều đất đai, vàng bạc, để suốt đời nàng được sống trong an nhàn hạnh phúc.

Ngô Thị nghe xong liền đập đầu xuống đất khóc, mà rằng:

- Ý nguyện bình sinh của thiếp là muốn được suốt đời theo hầu Chúa thượng, giữ vẹn tiết trinh, nay vì việc nước mà phải ô uế tấm thân, không thể nào rửa được. Thiếp chỉ dám xin từ nay được làm người chăm lo cơm nước, quét dọn nhà cửa của chúa thượng để bảo toàn phẩm giá nữ nhi, một khi con người ô uế này không xứng là vợ của Chúa thượng nữa. Còn như Chúa thượng muốn cải giá cho thiếp thì đến chết thiếp cũng không dám tuân mệnh. Cúi xin Chúa thượng cứu xét.

Nguyễn Hoàng cười đáp:

- Ta khen cho nàng là người biết trọng danh dự, nhưng phận đàn bà, nàng không thể thoái thác. Ta không chỉ là Chúa mà còn là chồng của nàng nữa. Ta làm thế cốt chỉ mong điều tốt cho nàng thôi.

Và thế là, cam phận đàn bà, lần nữa Ngô Thị phải nghe theo.

Người được Đoan quốc công Nguyễn Hoàng chọn gả cho Ngô Thị là Văn Hùng bá Vũ Doãn Trung, tự là Nghi Côn, lúc ấy làm chức phó đoàn sự ở Vệ Thiên Vũ tại phủ Chúa. Vũ Doãn Trung

tướng mạo khôi ngô, văn võ song toàn, rất được Hoàng yêu mến. Hơn thế lúc ấy Vũ lại chưa có vợ. Đích thân Hoàng đứng ra làm lễ cưới cho hai người. Sau lễ cưới, theo sự sắp xếp của Hoàng, Vũ đem vợ về quê mình là huyện Kỳ Anh (nay cũng gọi là Kỳ Anh) ở Hà Tĩnh, làm một chức quan sở, và hai người sống với nhau ở đây cho đến hết đời...

### 3

Cùng những tài liệu sưu tầm được, ông Thái Bá Tân còn gửi kèm cho tôi một bức thư như sau:

"Văn Hùng bá Vũ Doãn Trung và Ngô Thị Lâm là hai cụ tổ chi họ Mạc nhà ông ở Diễn Châu. Thân thế và sự nghiệp hai cụ thế nào thì ông đã biết qua câu chuyện trên. Điều này có thể dễ dàng khẳng định lại qua tài liệu sử của các thời Lê - Nguyễn. Chắc ông sẽ ngạc nhiên hỏi: "Vậy tại sao họ nhà tôi không phải Vũ mà là Mạc?" Vấn đề chính ở chỗ ấy, và đây cũng là câu hỏi mà tôi phải bỏ ra gần hai tháng nay để tìm câu trả lời hộ ông.

Từ đồng gia phả đồ sộ tích suốt năm trăm năm nay của dòng họ Mạc ở Kỳ Anh mà may mắn người ta còn giữ được, tôi đã đọc kĩ và có thể báo ông biết những thông tin bổ sung sau đây:

Sau khi bị chồng bắt hy sinh phẩm giá mình để đạt mục đích cho ông ta, rồi sau đó lại bị chính ông ta ép lấy người khác, bà Ngô Thị đã theo chồng mới về Kỳ Anh. Ở đây, cuộc sống của bà không trôi qua trong cảnh "an nhàn, sung sướng" như Nguyễn Hoàng nói, mà ngược lại. Bà bị Vũ Doãn Trung lạnh nhạt. Dầu sao thì đối với ông ta, bà vẫn là người đàn bà đã bị ô uế. Sợ uy chúa, ông ta không dám làm gì, nhưng tuyệt nhiên không một lần chung chăn gối với bà. Chẳng bao lâu sau ông ra lấy vợ lẽ, sinh ra rất nhiều con, làm đông đúc thêm dòng họ Vũ mà đèn thờ hiện nay kê sát đèn thờ họ Mạc nhà ông. Bà Ngô Thị chỉ còn biết một mình âm thầm chịu đựng. Ngấm lại, bà thấy trong đời mình chỉ một người đàn ông duy nhất thương yêu bà, dù trong một thời



gian ngắn, đó là Quận Lập. Hấn yêu một cách cuồng nhiệt, chân thành, pha cả chút ngưỡng mộ mù quáng. Hấn cũng là người đàn ông duy nhất tôn trọng nhân cách và tình cảm của bà, trong khi Hoàng chỉ coi bà như thứ trò tiêu khiển không hơn không kém. Mà thực ra ông ta chẳng mấy khi cần đến bà. Tình cảm của bà đối với Quận Lập cũng đầy mâu thuẫn. Bà có nhiệm vụ giết hấn, nhưng bà đã mềm lòng trước tình yêu của hấn. Bà không thể nói bà yêu hấn, nhưng bà muốn được yêu thương, chiều chuộng, muốn được sống với hấn càng lâu càng tốt. Không ít khi bà thậm chí còn nghĩ tới việc nói thật với hấn mọi chuyện và trở thành vợ hấn như hấn đã từng nhiều lần đề nghị. Nhưng rồi cuối cùng đạo lý và nghĩa vụ đã thắng. Và bà đã tự tay đưa người thực sự yêu thương bà đến cho Hoàng giết.

Trong đời mình, Ngô Thị chỉ sinh được một người con, con trai. Đó là con của Quận Lập. Vũ Doãn Trung không cho đứa bé này mang họ mình. Bà cũng chẳng lấy thế làm phiền lòng, và đã để con mang họ Mạc của bố nó. Về sau, một trong những người cháu nội của ông này, tức là chất của bà Ngô Thị, tới lập nghiệp ở xứ Nho Lâm, Diễn Châu, và lập nên chi họ Mạc ở đây...

Thế đấy, ông bạn ạ, hoá ra cả dòng họ đông đúc và danh giá nhà ông chỉ là con cháu của một đứa con hoang. Tôi biết ông không khoái lắm khi nghe điều này, nhưng biết làm thế nào được. Sự thật vẫn là sự thật. Cái sự thật này chính sử ngày xưa không dám viết, gia phả họ Mạc nhà ông cũng chỉ nhắc qua một cách gián tiếp, nhưng tôi thì tôi phải nói rõ, nói thẳng, dù có thể vì vậy mà không được ông chiêu đãi một bữa thịt chó luộc chấm mắm tôm như ông đã hứa. Còn ông có đem điều này báo lại với cả họ nhà ông hay không thì là việc của ông, tôi không quan tâm. Chào!"

*Hà Nội, ngày 27.3.1996*



## ÔNG LÃO HÁT XẨM

Chuyến tàu nhanh Hà Nội - Vinh hùng hổ kéo còi rời ga vào lúc mười một giờ đêm. Sau hơn năm tiếng rờn rã vừa chạy vừa dừng, lúc này nó vẫn nằm chờ đầu đẫy cách ga xuất phát bốn, năm mươi kilômét. Còn vì sao lại dừng và dừng lâu như thế thì hoạ may chỉ có trời mới biết. Hành khách, những hành khách đáng thương, chỉ biết duy nhất một điều là họ không còn nghe bên tai tiếng xình xịch quen thuộc đầy hấp dẫn của bánh xe lăn trên đường ray, và việc họ có thể làm lúc này là ngáp, tựa vào nhau mà ngủ, hoặc giở đồ ra ăn, dù bụng đã no, hoặc bực mình văng ra vài câu về cung cách làm ăn tồi tệ của ngành đường sắt.

Như để vớt vát cho cái tâm trạng buồn chán và sốt ruột của hành khách, những người bán hàng rong đủ loại tỏ ra năng nổ hơn trong việc quảng cáo các món hàng của mình. Đám người xin bố thí hoặc "phục vụ" để được cho bố thí cũng hoạt động không kém phần hăng hái. Tất cả các ngón độc đáo và hấp dẫn nhất đều được đem ra thi thố. Một anh chàng to khoẻ thổi sáo bằng mũi, thổi hay và đủ các loại bài, từ cải lương đến các bài một nước ngoài mới nhập, dù môi và miệng anh ta còn lạnh lặn. Một thằng bé mười tuổi có tài vẩy tai như trâu bò. Nó khá láu lỉnh và ý thức rõ giá trị của mình. Đến đâu nó cũng lớn tiếng tuyên bố nó có thể làm được cái điều lạ lùng ấy. Tất nhiên mọi người không tin, nó biết thế và chịu nhẫn nhục hồi lâu nghe người ta giễu nó vì tội nói phách. Lúc ấy nó yêu cầu ai muốn xem phải xì tiền ra (mỗi người một đồng, mà phải tiền trước) nó mới "biểu diễn". Người

nào muốn xem lại cho chắc, sẽ phải trả thêm một lần nữa. Lại có những anh vừa rao hàng, vừa liến thoắng đọc mười phút liền không nghỉ một bài về nào đấy có thể do chính anh ta nghĩ ra cốt để chọc cười, và đầy những câu tục tĩu.

Nói chung, những trò như thế có nhiều, như thường vẫn thấy trên bất kì chuyến tàu nào khác, lúc đầu còn được người ta tán thưởng, rồi sau cũng nhạt dần. Suy cho cùng cái gì cũng có giới hạn, trong đó có cả sự tò mò, lòng thương người, tiền bạc - và nhất là tiền bạc. Thành ra chẳng bao lâu sau hành khách đã lại quay lại với trạng thái thờ ơ, chán nản như cũ. Trời sắp sáng. Đoàn tàu vẫn nằm lì một chỗ như muốn thi gan với sự sốt ruột của mọi người. Không khí lúc này đã lắng xuống, chỉ đây đó phía cuối toa vọng lại tiếng trò chuyện của một tốp lính trẻ chắc mới được về phép lần đầu, và tiếng rao ngái ngủ của những em bé bán nước chốc chốc lại đi ngang trên sân ga mờ tối...

Bỗng một ông già hát xẩm xuất hiện, lặng lẽ bước vào toa. Dò dẫm lách qua đủ các thứ đồ đạc linh tinh và những cặp chân vừa co vừa duỗi chần hết cả lối đi, ông đến ngồi dưới ngọn đèn điện mờ mờ duy nhất treo lơ lửng chính giữa toa. Rồi đặt ngửa chiếc mũ đã sờn tróc hết lớp vải bọc ngoài trước mặt, chậm chạp lên dây chiếc nhị bé nhỏ xấu xí, ông già hắng giọng, bắt đầu hát:

*Em ơi, í, buồn lắm em ơi,*

*Buồn đau là cái, í, kiếp của anh...*

Đó là bài vọng cổ về cuộc đời một anh chàng hát rong thất tình đang than thân trách phận với người yêu, mà theo lời bài hát, chắc hẳn phải thuộc loại xinh đẹp. Có thể anh chàng si tình ấy chính là ông lão hát xẩm đang ngồi kia kể khổ để xin tiền, và bài hát này tự ông nghĩ ra. Cũng có thể không phải thế. Nhưng gì thì gì, phải công nhận rằng ông hát hay và chân thành, có điều buồn, rất buồn. Giữa đêm khuya, giọng ông nghe sao mà náo nê. Gặp những nốt cao, ông phải ngước mắt lên trời, rướn cổ, làm nổi rõ những đường gân to gây guộc. Dưới ánh điện mờ mờ, nhìn ông, người ta dễ có cảm tưởng như từ hai vòng đen của cặp kính ông

mang, những giọt nước mắt đang chảy xuống theo khuôn mặt nhăn nheo đầy cáu bẩn. Từ bản thân con người ông cũng toát ra một cái gì đấy đau buồn và bất hạnh, dễ làm người khác động lòng trắc ẩn.

Khách trong toa lúc đầu còn tỏ ra thờ ơ, nhưng chỉ vừa nghe ông hát mấy câu đã chú ý hơn. Nhiều cặp mắt quay nhìn về phía ông. Đôi ba lời tán thưởng được đưa ra. Và - đây mới là điều quan trọng nhất - trong chiếc mũ để ngựa đã xuất hiện đồng năm hào đầu tiên.

Đoàn tàu vẫn lì lợm đứng yên một chỗ. Ông già hát xẩm vẫn hát - vẫn cái giọng ai oán và tiếng nhị rền rĩ ấy. Mọi người xung quanh vẫn chăm chú lắng nghe. Khi ông dứt lời, vừa đưa tay sờ soạng tìm những đồng tiền ít ỏi trong mũ, thì một người nào đó kêu to:

- Hát nữa đi, cụ ơi!
- Hát đi! - Một người khác phụ theo.
- Hát nữa đi, người ta mới cho tiền chứ.

Ông lão ngồi im như không nghe thấy những lời ấy, mãi một lúc sau mới lên tiếng:

- Vâng, thế thì con xin lại hát hầu các vị.

Rồi hắng giọng, ông hát:

Em ơi, í, buồn lắm...

- Này bác ơi! - Một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi đội mũ len, từ nãy tới giờ ngồi yên gục đầu lên chiếc cặp da căng phồng ở ghế bên cạnh, bỗng với tay lắc vai ông lão hát xẩm, nói với vẻ khó chịu không giấu giếm:

- Tôi sẽ cho bác mười đồng, chỉ xin bác đừng hát nữa, hoặc đi sang toa bên, có được không?

Ông già ngừng hát nhưng không nói gì. Có thể ông đang nhăm vài con tính trong đầu.

- Nhưng vì sao ông đề nghị như thế? - Một người khác lên tiếng, cũng với vẻ khó chịu không kém. Đó là một anh thanh niên có khuôn mặt dễ coi, ăn mặc lịch sự, ngồi ở ghế đối diện.

- Vì tôi không thích nghe ông ta hát. - Người đàn ông đội mũ len bình thản đáp.

- Còn tôi thích nghe thì sao? Và cả người khác nữa ?

- Đó là việc của anh. - Rồi ông ta quay về phía ông lão hát xẩm: - Thế nào, bác đồng ý chứ ? Đây, tiền đây, tôi xin gửi bác...

- Không, cụ cứ ở lại đây với chúng tôi. - Anh thanh niên vội ngắt lời: - Nếu có thể, xin mời cụ hát tiếp. Tôi sẽ biếu cụ gấp đôi số tiền ông đây đề nghị.

Bỏ ngoài tai những lời của anh thanh niên, người đàn ông đội mũ len nói tiếp:

- Hay bác chê ít? Nếu vậy tôi xin biếu bác năm mươi đồng.

- Không, cụ cứ ở lại! - Anh thanh niên nói to, giọng run run vì kích động: - Cả lần này tôi cũng sẽ biếu cụ gấp đôi số tiền ấy.

- Nghĩa là một trăm đồng ? - Người đàn ông nhìn đối thủ mình với vẻ khiêu khích.

- Vâng. Năm mươi gấp đôi là một trăm. Tôi tin ông biết làm con tính đơn giản đó.

- Thế anh không nghĩ tôi có thể gấp đôi con số ấy lên à?

- Có thể, nhưng xin ông cứ yên tâm, vì lúc ấy tôi lại sẽ nhân gấp đôi nó lần nữa.

Thấy có chuyện, một số người tò mò đến đứng xung quanh, háo hức chờ xem kết quả sẽ ra sao.

Người đàn ông đội mũ len đưa mắt lạnh lẽo nhìn anh thanh niên suốt từ đầu đến chân. Cuối cùng, ông ta vỗ vỗ vào chiếc cặp da:

- Trong chiếc cặp này của tôi, anh bạn trẻ ạ, tôi có khá nhiều tiền. Tôi không nghĩ anh có đủ gấp đôi số tiền ấy thì gan với tôi. Nhưng hôm nay tôi không có ý định gây sự với anh, phần vì tôi không muốn, phần vì lẽ phải có lẽ thuộc về anh. Tôi có những lí do riêng để không muốn nghe ông cụ hát, nhưng nếu anh và mọi người phản đối thì tôi xin đi chỗ khác.

Nói rồi, ông ta đứng dậy xách cặp bước đi, kéo theo bao cái nhìn vừa ngạc nhiên, vừa ít nhiều cảm phục.

Sau đó, mọi con mắt đều quay sang nhìn anh thanh niên và ông già hát xẩm.

- Mời cụ hát tiếp đi! - Sau mấy phút lúng túng, anh thanh niên cố lấy giọng bình tĩnh, nói: - Còn đây là số tiền tôi đã hứa.

Bằng một động tác nhanh nhẹ, anh ta móc túi lấy ra tờ một trăm đồng còn mới, bỏ vào chiếc mũ.

Ông lão hát xẩm vội cầm tờ giấy bạc lên tay hồi lâu, âu yếm vuốt ve nó giữa những ngón tay khô gầy và đen xỉn.

- Thế là trúng quả nhé! - Ai đó nhận xét.

- Anh ta cho những một trăm cơ à? - Một bà miệng luôn nhai trầu khế hỏi người bên cạnh.

Ông lão hát xẩm ngồi yên, tay vẫn vuốt vuốt tờ giấy bạc như muốn kiểm tra xem là thật hay giả. Cuối cùng, ông chìa nó về phía người thanh niên, nói - lần đầu tiên trong suốt thời gian xảy ra câu chuyện:

- Anh cầm lấy, tôi không nhận đâu.

- Sao lại không? Tôi biểu cụ thật mà!

- Không. Cảm ơn anh!

- Nhưng vì sao?

- Tôi không muốn. Vả lại, tôi cũng có những lí do riêng để không nhận nó.

Có tiếng xì xào trong đám hành khách ngồi quanh.

- Người ta cho thì lấy đi, lại còn kiêu cách nữa!

- Giả vờ đấy!

- Cả hai đều điên - một già một trẻ.

- Ở mà sao mãi không thấy tàu chạy nhỉ?

Chờ mãi không thấy ai lấy, ông lão hát xẩm buông tờ giấy bạc xuống đất.

Chẳng biết làm gì hơn, anh thanh niên miễn cưỡng nhặt lên:

- Thôi tùy cụ. Tôi thật lòng muốn giúp đỡ cụ, mà cứ nghĩ này nọ... Ừ, hay là... - Anh ta dừng lại một chốc như đắn đo điều gì. - Hay là để tôi thử giúp cụ bằng cách khác vậy. Nào, cụ đưa đưa chiếc nhị của cụ cho tôi.

Không chờ được đồng ý, anh ta vội vớ lấy chiếc nhị lúc ấy đang nằm trên đùi ông lão, nhanh chóng lựa chọn thế ngồi và bắt đầu chơi một bài gì đấy.

Ngay những âm thanh đầu tiên đã làm người nghe chú ý. Anh ta chơi hay, say mê, và không ai ngờ rằng từ chiếc nhị bé nhỏ, xấu xí ấy có thể làm nên những giai điệu đẹp và mượt mà như thế.

Chơi xong, khi mọi người còn chưa hết ngạc nhiên thì anh ta đưa mắt nhìn quanh một lượt rồi nói to:

- Thưa bà con, tôi là người kéo đàn chuyên nghiệp, công tác tại một đoàn văn công địa phương. Như bà con đã thấy, lúc này có một ông, vì không muốn bị quấy rầy, đã định bỏ ra mười đồng để đuổi ông cụ này đi chỗ khác. Nhưng may thay, chính ông ta đã bị đuổi đi. Tôi có đề nghị biếu cụ ít tiền như đã hứa, nhưng không hiểu sao cụ không nhận. Vì vậy bây giờ tôi sẽ cùng cụ đàn, hát phục vụ bà con. Mong bà con giúp đỡ chút ít để bù vào số tiền cụ đã từ chối không nhận của tôi và của ông khách nọ. - Rồi anh ta quay về phía ông lão hát xẩm: - Nào, mời cụ, ta hát. Nhưng bài hát gì vui vui một tí. Tôi đồng ý với cụ rằng có thể cuộc đời đáng buồn thật, nhưng không vì thế mà cứ hát mãi những bài nào nề, ai oán. Nào, ta hát bài gì nhỉ? Chắc cụ hát được quan họ. Thế thì ta hát bài Người ơi cũng được:

*Người ơi, người ở đừng về*

*Người ơi...*

Sau một thôi nói nhanh và sôi nổi, anh thanh niên bắt đầu hát, tự kéo nhị đệm cho mình, chốc chốc lại nhìn ông già để khích lệ ông cùng hát. Ông già vẫn tiếp tục ngồi yên, nhưng rồi, không

cường nổi sức cuốn hút, cuối cùng ông đã lấy thanh gỗ, rứt rề gỗ làm nhịp. Một lúc sau ông cất tiếng hát theo, bằng giọng tuy khàn nhưng trầm và ấm, rất hợp bè với giọng nam trung to khỏe của anh thanh niên.

Cứ thế họ hát rất lâu, hết bài này đến bài khác. Mọi người kéo đến khá đông, phần vì nghe hát hay, phần vì tò mò. Cả những người bán hàng rong cũng dừng lại, tạm thời quên những câu rao đơn điệu của mình. Người ta thì thầm với nhau về anh thanh niên, về người đàn ông đội mũ len và nói chung về tất cả những gì đã xảy ra, tất nhiên thể không thêm bớt đôi chút cho thêm phần li kì hấp dẫn. Sau khi nghe chuyện, không ít người đã cởi hầu bao, móc ví lấy ra những tờ năm hào, một đồng, hai đồng, có khi cả năm đồng. Chẳng mấy chốc chiếc mũ đã đầy những tờ giấy bạc nhàu nát.

Đêm hôm ấy và suốt cả sáng hôm sau, cho đến khi phải xuống tàu, anh thanh niên văn công chuyên nghiệp đã theo ông lão hát xẩm đi khắp các toa. Đến đâu anh cũng tự giới thiệu mình, nhắc lại những câu anh vừa nói, rồi cả hai cùng hát, hoặc người này hát, người kia kéo nhị hay ngược lại.

Người ta đồn lần ấy anh đã giúp ông lão hát xẩm kiếm được mấy trăm đồng. Dù sao đó cũng chỉ là những lời đồn, lại trên một chuyến tàu như thế này, nên tin được hay không lại là chuyện khác.

Đoàn tàu đến ga Thanh Hoá vào lúc trời nhá nhem tối, chậm đúng mười giờ. Khi ông lão hát xẩm đang dò dẫm chống gậy đi về phía phòng đợi của nhà ga thì một bàn tay đặt nhẹ lên vai ông. Đó là người đàn ông đội mũ len đêm qua.

- Này bác, - ông ta nói, - tôi là người đã yêu cầu bác dừng hát. Dù sao tôi cũng muốn được biếu bác số tiền tôi đề nghị. Ông ta chìa ra tờ giấy một trăm đồng. - Ngày xưa, cách đây ba mươi năm, tôi từng dắt bố tôi đi hát xẩm kiếm sống như bác. Cũng như bác bố tôi chỉ hát những bài buồn, và cho rằng cuộc đời là một chuỗi đau buồn. Nhưng tôi thì từ những ngày ấy tôi đã không cho



là thế, và suốt ba mươi năm qua tôi cố chứng minh cho quan điểm của mình. Hiện nay tôi có công ăn việc làm tử tế, có vợ con, có tiền. Vì thế tôi không muốn nghe bác hát để phải nhớ lại những thất bại chua cay mà cuộc đời đã bắt cha tôi phải chịu...

Không nói lại một lời nào, ông lão trầm ngâm một lát, rồi chống gậy bước đi. Người đàn ông đội mũ len đứng nhìn theo một mình giữa sân ga, tờ giấy bạc một trăm đồng vẫn trên tay...

*Diễn Châu, 3-1985*

## NHỮNG CÔ GÁI ÁO TRẮNG

### 1

*N.V. ngày 20 tháng 11 năm 197...*

Rét! Rét quá! Ba đứa một giường ôm chặt lấy nhau, mình nằm giữa, hai chân trùm kín đầu và chân, thế mà mãi vẫn không sao ngủ được. Có lẽ do trong hang ẩm và nước nhĩ bám đầy tường đá mới rét thế. Đêm nay ra bến phà, trống, lại gió mạnh, không hiểu sẽ thế nào?

Không ngủ được, nằm suy nghĩ vẩn vơ mãi cũng chán, đành dậy viết nhật ký. Xưa nay mình ít viết nhật ký, lại viết dở nên rất ngại, cả viết thư cũng thế. Nhưng lúc này... biết làm gì cho hết thời gian lúc này?

Điều đầu tiên mình muốn viết là - nhớ nhà. Nhớ và thương mẹ quá! Mẹ bây giờ đang làm gì nhỉ? Chắc buồn và giận mình lắm. Hãy tha lỗi cho con mẹ nhé, vì con đã bỏ mẹ ở nhà một mình, già yếu và không ai giúp đỡ. Hôm được tin con ghi tên đi thanh niên xung phong, mẹ không nói gì, còn cố gượng cười để con yên tâm, nhưng con biết trong lòng mẹ rất buồn và có thể còn trách con đã không hỏi ý kiến mẹ trước. Mẹ ơi, con hiểu lòng mẹ. Bản thân con, con cũ chẳng dễ gì khi phải xa mẹ, xa ngôi nhà tranh bé nhỏ, thân yêu của ta. Nhưng việc con ra đi là cần thiết. Rất cần thiết. Và con tin mẹ hiểu điều đó...

Có nên viết cho mẹ biết sự thật về điều kiện sống và làm việc ở đây không nhỉ? Không! Vì thế chỉ làm mẹ thêm lo nghĩ. Vả lại, chắc gì mình ở lâu một chỗ? Mới tuần trước còn làm đường ở Trường Sơn, thế mà bây giờ đã ở đây, ở cao điểm phà sông L. này và cách biển chưa đầy hai chục cây số. Không hiểu nay mai sẽ còn đi những đâu nữa.

Nhớ cái Hoà và bọn bạn cùng đơn vị quá. Không được đi với mình lần này, chắc nó buồn lắm. Hai đứa cùng làng, cùng ra đi một ngày, cùng ở với nhau chừng ấy thời gian, thế mà... Biết làm thế nào được. Cả đội xung phong đi, nhưng người ta chỉ lấy năm người. Năm người để dẫn đường cho ô-tô qua sông ở bến phà này, thay cho cả tổ, cũng nữ và đều là thanh niên xung phong, vừa hy sinh ba ngày trước đó. Những người được chọn là Vân, Yến, Lộc, mình và Út. Mỗi đứa một tính, một kiểu người, nhưng cùng còn trẻ và đều chưa chồng, chưa cả người yêu, trừ cái Yến, già nhất, hai mươi hai tuổi, nghe nói đã có một "chàng" nào đấy. Mà cũng nghe nói thôi, chứ chưa bao giờ thấy cô nàng nhận thư hoặc nói chuyện về anh ấy. Nó kín lắm. Và nghiêm khắc nữa. Thế cũng đúng - tổ trưởng mà! Từ nãy đến giờ đã hai lần nhắc mình phải ngủ để đêm còn đi làm. Cả cái Út nữa (nó cũng là em út của tổ), nó đã mấy lần cầu mình, bắt nằm xuống để ôm nó cho ấm. Cứ như là con nít...

### *21 tháng 11.*

Ngày cũng như đêm, không lúc nào ngớt tiếng máy bay. Thỉnh thoảng lại còn pháo từ phía biển câu lên.

Tổ mình làm ở phía Bắc bến phà. Cả năm đứa đứng rải trên một đoạn đường dài, từ mặt nước tính lùi lại, mỗi đứa cách nhau hơn hai trăm mét. Tổ trưởng Yến phân công Út đứng trên cùng, vì nó là người nhỏ nhất, lại mới ra chiến trường. Tiếp đến là Vân, rồi Lộc. Chặng cuối cùng phải hai người, là mình và Yến.

Đây là một trong những trọng điểm ác liệt nhất của mạch máu giao thông từ Bắc và Nam. Cách sông còn những mấy cây số mà mặt đường đã bị bom và rốc-két địch cày tung, ô-tô không thể

tự đi một mình, nếu không có người xi-nhan. Nhiệm vụ của bọn mình là đi trước, dẫn xe men theo các miệng hố bom mới được lấp sơ sài, tránh những chỗ có cắm dấu bom nổ chậm, cho tới tận mép nước. Ở đây sẽ có người xếp xe lên phà. Vì ban đêm không được đốt đèn, bọn mình đưa nào cũng phải mặc áo trắng để từ ca-bin, người lái xe có thể nhìn rõ mà cho xe đi theo. Những lúc có máy bay - ấy là nói khi chúng thả pháo sáng, lao xuống bắn phá, chứ bay ngang hay vùn lượn thì kệ - những ai ở trên, có thể chạy lánh xa khu vực bến phà, còn người phía dưới thì ở nguyên tại chỗ, trú trong các hầm cá nhân được đào sẵn bên cạnh. Có lúc chúng bắn mặc chúng, phà cứ chạy, ô-tô cứ đi, và tất nhiên con người cứ tiếp tục làm việc. Càng sáng! Càng không phải dò dẫm như trước!

Ban ngày, bến phà thật yên tĩnh, nhưng chỉ là cái yên tĩnh tương đối của chiến tranh. Không có tiếng phà, không có tiếng ô-tô, không có gì ngoài một dải đất nham nhở, màu sắc lẫn lộn, lổn nhổn những xác xe bị lật đổ hoặc bị bắn cháy chưa kịp thu dọn. Và bên cạnh, giấu hết mọi sự khốc liệt của chiến tranh vào lòng, con sông vẫn không ngừng chảy, bình thản và hiền từ như nghìn năm nay. Thật khó tin là chỉ chốc nữa, khi mặt trời vừa lặn, là hàng đoàn ô-tô, hàng đoàn người sẽ từ đâu đó chui ra, và cả bến phà sẽ bừng tỉnh dậy, bắt đầu một "ngày" mới, một cuộc chiến đấu mới...

### *25 tháng 11*

Hôm nay, cả hai phà cùng bị trúng bom một lúc. Gần mười chiếc xe đã được dẫn xuống tận sông phải đứng trơ trọi dưới ánh sáng chói rục của đèn dù, dưới làn bom và rốc-két của máy bay địch.

Phòng không của ta bắn rất dữ.

Tổn thất...

Mình có sợ chết không ? Biết nói thế nào được nhỉ? Có. Sợ, nhất là những lúc thế này, khi suốt ngày nằm dài trong hang yên tĩnh và có quá nhiều thời gian để suy nghĩ. ừ, mà có lẽ nói sợ cũng chưa thật đúng lắm. Mình chỉ tiếc. Bây giờ mà phải chết thì

tiếc lắm. Lại thương nữa. Thương mẹ ở nhà. Thương bọn bạn phải buồn, phải gánh thêm một phần việc.

Không hiểu sau khi chết sẽ thế nào nhỉ? Không lẽ mình sẽ chẳng còn biết gì nữa? Chẳng biết cả việc một ngày nào đó chiến tranh sẽ kết thúc, mọi người sẽ tìm gặp lại nhau, sẽ đi học, làm việc, hay chỉ đơn giản là sẽ được sống một cách hoà bình? Ôi, hoà bình!... Chết chắc phải đau lắm. Hẳn thế. Không đau sao được, một khi cơ thể mình bị xé ra từng mảnh? Người khác nghĩ thế nào về cái chết? Cái Lộc và cái Vân, cái Út hay cái Yến chẳng hạn? Chúng có sợ như mình không? Chắc là có. Nhưng chúng không bao giờ để lộ điều ấy ra ngoài. Chúng vẫn lặng lẽ làm việc, các tốp thanh niên xung phong chữa đường cũng thế. Anh em lái xe, lái phà cũng thế. Mình cũng thế.

### *27 tháng 11*

Đọc lại trang viết vừa rồi, thấy thật buồn cười. Toàn chuyện vắn vơ không đầu. Lúc nãy, tò mò, mình hỏi Út:

- Này Út, em có sợ chết không?

Út tư lự một lúc, rồi thay cho câu trả lời, nó hỏi lại:

- Em hỏi chị, chị phải nói thật nhé, chị Liên. Đã bao giờ có người con trai nào hôn chị chưa?

- Chưa... Sao em hỏi thế?

- Em cũng chưa. Con gái chết mà chưa được hôn kể cũng thế nào ấy, chị nhỉ? - nó nói, giọng mơ màng và hơi buồn, rồi lại rúc vào chăn, ôm mình đến nghệt thở. Con bé rõ đến lạ.

### *1 tháng 12*

Cả bọn được một phen hú vía. Chiều hôm qua, một thằng "Con Ma" bất chợt phóng liên mấy quả tên lửa vào đúng cửa hang. May không ai việc gì. Lý do thật đơn giản: trước đó mấy đứa tẩm xong, bao nhiêu đồ lót, đồ vệ sinh phơi tuốt cả một dây ngoài nắng. Tuy biết làm thế có thể sẽ nguy hiểm, nhưng kệ! Cứ trêu thằng Mĩ, xem hấn tòi đến mức nào. Và thằng Mĩ đã cho biết hấn tòi đến mức nào. "Cứ thấy xu-chiêng đàn bà là mò đến!", một đứa châm chọc.

Sau đó hộp tổ, cái Yến cấm từ nay không được ai phơi bất cứ một cái gì trắng ngoài cửa hang, thậm chí cả chiếc khăn mùi xoa nhỏ. Nhưng ác thay, trong hang luôn ẩm ướt, không có gió, phơi bao nhiêu vẫn không khô. Mặc vào người thật khó chịu.

### *5 tháng 12*

Nhớ nhà quá!

Thèm một bữa canh rau mồng tơi. Hay rau ngót, rau bầu cũng được. Ở đây không chợ, không vườn, cái cần và khó kiếm hơn cả là rau xanh. Miền Trung, nắng hanh khô. Khắp nơi đất bị cày tung, có hôm đi suốt buổi chỉ nhặt được một nhúm rau má già hoặc rau sam chua loét. Da cứ sùi lên như bị bệnh hủi...

### *6 tháng 12*

Cái Lộc có thư. Nét chữ trên phong bì cứng, nắn nót, lại không ghi tên người gửi. Cả bọn đoán chắc thư người yêu nên hồi lâu bắt nó phải khai thật hết mọi chuyện rồi mới cho nhận. Cái Lộc nói ngay là chẳng có gì để khai, bảo cứ bóc ngay tại chỗ, đọc to mọi người cùng nghe. Thì ra đó là thư của một người bà con xa của nó ở Hà Nội, nội dung khô khan và chỉ với những lời thăm hỏi bình thường. Không hiểu sao nghe xong, đứa nào cũng có vẻ như bị hẫng và hơi buồn, vì cứ tưởng và muốn đó là một bức thư thuộc loại khác, một bức thư tình với những lời âu yếm dè dặt và kín đáo, dù những lời ấy không dành cho mình.

Một lát sau, nằm trong chăn, lại cái Út cấu vào tay:

- Chị Liên này, chị có người yêu chưa?
- Chị cũng không biết nữa. Có lẽ là chưa.
- Sao lại có lẽ? Có hay không thì chị phải biết chứ?
- Chuyện không đơn giản như thế... Mà thôi, Út ngủ đi.

Nhưng cái Út không chịu thôi. Tính nó thế, muốn biết cái gì là phải gạn hỏi bằng được.

- Anh ấy là ai? ở đâu?

Và mình buộc phải trả lời nó:



- Xa lắm. Anh ấy đang học ở nước ngoài. Nhưng từ ngày xa nhau, chị chưa bao giờ nhận được thư của anh ấy. Còn chị thì không biết địa chỉ, mà có biết, có lẽ cũng không gửi. Chị và anh ấy là người cùng làng.

- Thế anh ấy có yêu chị không ?

- Chị không biết. Chắc anh ấy đã quên chị.

- Còn chị.

- Đừng hỏi nữa. Út ngủ đi! Mà rồi giữa anh ấy và chị cũng chưa có gì đặc biệt. Chỉ thế thôi.

Cái Út nằm im một lúc rồi bỗng nói, giọng hờn dỗi:

- Em là em chúa ghét những anh đi nước ngoài. Cứ tưởng như mình ghê lắm, mặt vênh lên, nhìn người khác bằng nửa con mắt...

- Ấy, em đừng nói thế. Không phải ai cũng như em nghĩ đâu.

Cái Út không nói gì thêm, nhưng chắc là còn lâu nó mới ngủ được. Nó trong trắng và vô tư quá. Hôm nọ nó nói gì nhỉ? ừ, "Con gái chết mà chưa được hôn kẻ cũng thế nào ấy..." Ngộ thật.

## 2

- Cái này mãi gần hai năm sau khi nó hy sinh tôi mới nhận được cơ đấy. - Bà Nghĩa vừa nói, vừa hất đầu chỉ cuốn nhật ký tôi đang đọc dở. - Cùng một ít quần áo và tư trang của nó. Tôi đã nhờ thằng lớn nhà Cả Chung bên cạnh đọc cho nghe. Tội nghiệp con bé. Tôi chỉ có mình nó. Nhiều khi nghĩ mà đứt ruột. Cậu xem, tôi già yếu thế này, ấy vậy mà trời bắt phải sống lâu hơn con, sống để mà nghe những lời kia của nó...

Rồi bà thở dài, cúi xuống sàng nốt mẻ gạo mới giã.

Nhà bà Nghĩa và nhà tôi cùng chung một xóm, chỉ cách nhau mấy ngõ. Chồng chết sớm, bà chưa quá năm mươi mà đã trông già yếu như một bà cụ.

Năm nay tôi dành trọn cả mười ngày phép về thăm quê, và theo lời khuyên của mẹ tôi, tôi đi một vòng gọi là "thăm xã giao" các nhà trong xóm, một việc làm mà những lần trước, phần vì không có thời gian, phần vì ngại ngại, tôi vẫn chưa làm được. Tôi đến nhà bà Nghĩa, và bà đã cho tôi xem cuốn nhật ký của Liên, con gái bà, để lại.

Bà Nghĩa có đoán ra tôi là "anh ấy" mà Liên đã nhắc trong nhật ký không ? Có thể lắm. Và vì vậy mà bà cho tôi xem để trách khéo việc tôi đã để con gái bà đau khổ chẳng? Cũng có thể bà hoàn toàn không biết gì. Xưa nay bà là người tốt bụng, chất phác, không quen suy xét sâu sắc kiểu ấy. Vả lại, trong xóm, tôi cũng không phải là người duy nhất đi học nước ngoài những năm chiến tranh.

Còn tôi, tôi và Liên thì thế nào?

Tôi quả không ngờ Liên tình cảm và sâu sắc đến thế. Bây giờ nghĩ lại, tôi mới thấy lúc đó quả tôi là một cậu bé ngờ nghệch, vô tư đến tàn nhẫn. Chúng tôi là bạn thân với nhau, cùng học một trường, tôi hơn Liên một lớp. Trường xa, cùng đi, cùng về mà nào có bao giờ nó chuyện với nhau, hoặc giả có nói, cũng chỉ toàn những chuyện bông đùa, trêu chọc, như phần lớn các học sinh khác vào tuổi ấy. Tất nhiên, tôi không thể không nhận thấy rằng Liên là một cô bé (trong ký ức của tôi, bao giờ Liên cũng là cô bé) tốt, lại rất xinh. Nhưng lúc ấy, về tâm, sinh lý, tôi chưa phát triển đến tình cảm yêu đương, và cũng không biết rằng có thể Liên đã chú ý, hay thậm chí còn thầm yêu tôi.

Đêm trước hôm tôi đi, cùng một số bạn gái khác Liên đã đến chia tay với tôi. Suốt buổi Liên im lặng. Rồi tình cờ hai đứa ngồi riêng với nhau. Lại im lặng. Có thể lúc ấy tôi đã lơ mờ đoán được tình cảm của Liên với tôi, nhưng Liên không dám nói. Còn tôi, không hiểu tôi có nói điều gì không, để Liên hiểu theo cách của mình và hy vọng, dù không đâu, mong manh, nhưng vẫn cứ là hy vọng?

Tôi xa nhà bảy năm, và có thể nói trong suốt thời gian ấy tôi quên hẳn Liên, không hề hỏi thăm hoặc viết cho Liên một bức

thư nào. Khi Liên hy sinh, tôi được bố mẹ viết thư báo cho biết. Tôi buồn và thương cho Liên, hẳn thế, nhưng vẫn là cái buồn thương chung chung như khi nghe tin ai đấy trong xóm từ chiến trường đã không trở lại. Và có lẽ tôi sẽ còn tiếp tục nghĩ như thế về Liên, nếu như hôm nay vô tình tôi không được đọc cuốn nhật ký này.

Bà Nghĩa đã bỏ ra sân thái rau cho lợn. Tôi ngồi lại một mình bên chiếc bàn học của Liên ngày nào, xúc động lật tiếp những trang chữ li ti, đã ngả màu cùng năm tháng...

### 3

#### *10 tháng 12.*

Mỗi đĩa được phát hơn hai mét vải trắng. Pôpolin pha ni-lông hẳn hoi. Để may áo thay những chiếc áo đã ố màu, lái xe kêu làm họ cứ lẫn vào màu trắng của đất.

Cả hang sôi nổi hẳn lên. Đi làm về, vừa chợ mắt được một chốc đã vùng dậy, đĩa nào cũng hý hoáy may may cắt cắt.

Đang bận bịu như thế, bỗng cái Vân ngừng tay, ngồi thừ ra một lúc, rồi nói:

- Kể cũng buồn cười thật đấy, chúng mày ạ. Bọn mình thì tỉ mẩn may móc từng mũi nhỏ, nhờ một tý đã xuýt xoa, như thế may áo cười không bằng, lại còn kiểu này, kiểu nọ nữa. Nhưng thử hỏi để làm gì? Ban ngày thì không dám mặc, mà cũng chẳng biết mặc cho ai, còn đêm, đêm thì thế nào mà chẳng được! Tớ thì tớ muốn cứ để cả tấm mà khoác. Càng rõ! Càng khoẻ! Còn hơn phải vất vả thế này để làm duyên... với những chiếc ô-tô mù!

Mắt cái Vân ươn ướt như muốn khóc. Nó nói là nói thế thôi, chứ trong tổ, nó vẫn là đứa ưa diện nhất, kỹ tính nhất trong chuyện ăn mặc, và chắc chắn lần này áo của nó cũng sẽ được may cẩn thận và đẹp nhất.

- Cánh lái xe là chúa tể đấy nhé. - Một chốc sau Lộc lên tiếng, có lẽ để xua đi sự im lặng bất tiện. - Một hôm có một chàng

bảo mình thế này, chúng mày nghe có được không ? "Này, đồng chí áo trắng ơi, đồng chí có xinh không đấy?". "Cũng không đến nỗi khó coi như anh tưởng", mình đáp. Vì sao anh hỏi thế?". "Là vì cái xe của tôi ấy mà, không hiểu sao từ khi gặp cô, là nó không còn chịu nghe theo tay lái của tôi nữa. Cô đi, nó đi, cô đứng, nó đứng. Hoàn toàn tự nó quyết định. Còn tôi, tôi chỉ ngồi khoanh tay mà nghĩ rằng chắc cô phải xinh lắm nên mới thôi miên được nó như vậy. Tôi lo chốc nữa nó sẽ tự theo cô về lán của cô mất. Tôi không có lỗi đâu nhé! à mà lán của cô ở đâu nhỉ? " Nhưng mình cũng không vừa, mình nói: "Nhà em ở kia, ở phía cái hang kia kìa. Hôm nào từ chiến trường quay ra, cứ để cái xe khó bảo của anh rẽ vào đấy, chồng em sẽ cho nó một trận!..."

- Giỏi lắm! Rồi anh chàng đáp sao? - một đứa hỏi.

- Anh chàng im, nhưng chắc cũng hiểu là mình nói đùa. Anh ta chỉ thấy màu trắng của chiếc áo mình. Còn mình thì chẳng thấy gì. Chỉ nghe giọng nói. ấy thế mà buồn cười lắm, chúng mày ạ. Xe đi rồi mà không hiểu sao mình cứ thấy băng khuâng thế nào ấy... - Cái Lộc ngồi im một lúc rồi đột ngột hỏi: - Chúng mày có nghĩ một ngày nào đó anh ta sẽ vào đây không ?

### *12 tháng 12.*

Ngày đầu tiên cả năm đưa diện áo mới đi làm. Mỗi đứa mỗi kiểu áo, được vuốt, gấp cẩn thận rồi để xuống gối, kê đầu suốt đêm cho thật phẳng, thành nếp hẳn hoi như được là kỹ. Ngay từ chiều, tất cả đã mặc áo mới, soi vào gương ngắm nghía, rồi cởi ra, rồi lại mặc vào, đổi áo, ướm thử áo của nhau mãi. Khi không còn việc gì nữa để làm, cả bọn cứ mặc cả áo thế mà... ngồi chờ đêm xuống để bước ra khỏi hang, bồn chồn và sung sướng như chờ một cái gì đấy thật hệ trọng.

Không biết hôm nay các chàng lái xe có nhận thấy sự kiện mới lạ này không?

### *15 tháng 12*

Mấy ngày nay thằng Mĩ hoạt động đặc biệt ác liệt. Nó quyết phá. Ta quyết giữ. Máy bay bay suốt đêm. Pháo từ biển câu vào

không còn theo giờ như trước. Nhưng dòng xe vẫn không vì thế mà bị dừng lại. Bến phà phải thay đổi chỗ nhiều lần. Mà kể ra, gọi là chỗ vượt sông thì đúng hơn. Nhiều chỗ vượt sông như thế. Có cả chỗ để nghi binh. Thiếu người, tổ phải chia ra làm việc ở ba nơi.

Nhớ nhà quá. Nhớ mẹ quá.

Anh ấy có lúc nào nghĩ về mình không nhỉ?

*16 tháng 12.*

Út hy sinh! Ba giờ sáng hôm nay. Nó làm một chỗ với Vân. Một thằng lao xuống phóng rốc-két, như hàng trăm thằng trước đấy từng lao xuống phóng rốc-két. Tiếng nổ bình thường, trận đánh phá cũng bình thường, nghĩa là tất cả vẫn như mọi ngày, ấy thế mà sau đó Út đã không còn nữa. Một mảnh đạn cắm đúng vào tim nó. Một mảnh khác cắt đứt phần trên của vú trái. Một tiếng sau khi nó chết, mình mới biết tin. Biết mà chẳng đến được, vì còn phải làm việc. Khi gặp Út thì trời đã sáng. Yến đã lau sạch máu và bụi bẩn trên người nó. Một đứa nào đó trong tổ đã cởi chiếc áo trắng mới còn nguyên lành của mình mặc cho Út. Khuôn mặt Út thật thanh thản. Đôi mắt vuốt mãi không chịu nhắm, như đang mơ màng nhìn một điểm nào đấy trước mặt. Nó chỉ ngạc nhiên và hơi buồn vì phải chết sớm và vô lý như vậy. Một bên miệng của nó hơi nhếch, thơ ngây, bẽn lẽn như hôm nào nó hỏi: "Con gái chết mà chưa được hôn, kể cũng buồn, chị Liên nhỉ?".

Mình đã cúi xuống, lặng lẽ hôn lên đôi môi của Út.

*17 tháng 12*

Hôm nay đi làm về, thương Út, cả bốn đứa ngồi ôm nhau khóc.

*20 tháng 12*

Vẫn ác liệt như trước. Xe vẫn thông.

*24 tháng 12*

Thế là đã ở bến phà N.V. này hơn một tháng. Một tháng cộng với hai năm nay đây mai đó trên các nẻo đường của khu Bốn khói lửa. Và cũng chỉ còn mấy ngày nữa là đã năm mới. Năm mới... mọi người sẽ già hơn thêm một tuổi. Mình cũng thế.

Liệu mình sẽ còn phải già thêm bao nhiêu tuổi nữa trước khi chiến tranh kết thúc? Còn Út thì sẽ vĩnh viễn ở cái tuổi mà bây giờ nó có, chiến tranh hay không chiến tranh cũng thế. Vĩnh viễn yên nghỉ với cảm giác thanh thản của một người đã cống hiến cho người khác cái quý nhất mình có. Đúng, thanh thản, nếu không kể nỗi sợ rất con gái kia mà nó vẫn cảm thấy đâu đó sâu trong lòng cho tới khi xuống mộ. Tội nghiệp con bé...

### *27 tháng 12*

Xe vào nhiều quá, có lẽ sắp đánh lớn. Ban ngày ít được ngủ hơn, vì thường phải đi chữa đường giúp các đội thanh niên xung phong.

Hàng ngày bốn đứa vẫn mặc áo từ chiều, những chiếc áo được may đẹp, gấp vuốt phẳng phiu, ngắm nghía, sửa sang cho nhau để tối đến, như cái Lộc một lần đã chua xót nói, làm duyên với những chiếc xe mù. Kể cũng buồn cười, biết người khác không thấy mặt mình và mình không thấy người khác, chỉ những cuộc gặp gỡ thoáng qua trong mấy phút, lại trong hoàn cảnh ác liệt như hiện nay, thế mà cả tổ trước khi đi làm đưa nào cũng chăm chút vẻ ngoài của mình quá cẩn thận như vậy. Một bản năng rất con gái, và có lẽ cũng chỉ con gái mới hiểu nổi. Chao, ước gì hoà bình! Ước gì được mặc những chiếc áo trắng này tự do đi lại giữa ban ngày...

### *28 tháng 12*

Hôm nay Yến hy sinh!...

Còn lại ba người: Vân, Lộc và mình. Mình được cử làm tổ trưởng.

Yến ơi, thương mày quá! Mày là đứa duy nhất có người yêu chờ đợi, thế mà mày đã hy sinh... Mày quá kín đáo, mày chẳng cho chúng tao biết người yêu của mày là ai, ở đâu, để chúng tao báo cho anh ấy biết mày là người như thế nào.



*31 tháng 12*

Hầu như đêm nào cũng có xe đổ và người chết. Mỗi lần ra phà, đầu đó sâu trong tim, một ý nghĩ nhỏ thôi, nhanh thôi, nhưng sắc như mũi dao lại nhói lên - ý nghĩ rằng hôm nay sẽ đến lượt ai đây? - mình, cái Vân, cái Lộc, hay thậm chí cả ba có thể sẽ không trở về nữa? Thật khủng khiếp!

Trước khi bước ra khỏi hang, ba đứa nhìn nhau im lặng, nhưng rất hiểu...

Xe vẫn thông...

## 4

Nhật ký của Liên ghi đến đây thì dừng. Bất giác tôi ngược lên nhìn tấm bảng liệt sĩ được lồng kín treo trang nghiêm trên tường. Thì ra Liên hy sinh đúng vào ngày 31 tháng 12 năm 197..., ngày cuối cùng ghi trang nhật ký. Và cũng là ngày cuối cùng trong năm. Tôi nhẩm tính - Liên đã không gắng sống thêm được mấy giờ nữa để bước sang năm thứ hai mươi đẹp đẽ của đời mình.

Từ trên tường, qua lớp kính phủ nhẹ một lớp màng bụi mỏng, một cô bé tóc tết đuôi sam, khuôn mặt còn hoàn toàn trẻ con với đôi mắt thơ ngây mở to đang nhìn tôi. Đó là Liên. Chắc đây là bức ảnh duy nhất của con gái bà Nghĩa còn giữ được, chụp vào dịp Liên tốt nghiệp lớp mười, khi cần để làm một thủ tục lý lịch nào đấy. Tôi không dám nhìn vào đôi mắt ấy; không dám nhìn cả vào đôi môi đang hé mở, đôi môi chưa một lần trong đời được biết cảm giác của một cái hôn âu yếm.

Tôi lặng lẽ trả lại cuốn nhật ký cho bà Nghĩa, lơ đãng trao đổi thêm ít câu rồi ra về.

Sáng hôm sau, trước sự ngạc nhiên của mọi người, tôi thu gói đồ đạc ra đi, nhưng không phải đi Hà Nội, mà ngược lại, vào Vinh mua vé ô-tô Quảng Bình, tới bến phà N.V. mà Liên nói đến trong nhật ký.

## 5

Ở trụ sở uỷ ban xã S. nơi có bến phà N.V. ngày nọ, sau khi nghe tôi tự giới thiệu và nói rõ mục đích chuyến đi của mình, người ta chỉ cho tôi đến gặp ông Nam, phó chủ tịch xã.

Ông Nam là người vui tính và cởi mở. Ông nhìn qua một lượt suốt người tôi và hỏi:

- Anh là bà con của cô Liên à? - Nhưng không chờ tôi trả lời, ông nói luôn: - Chính tôi là người tìm thấy và đọc cuốn nhật ký đó. Tôi nghiệp các cô gái. Hồi ấy tôi là trung đội trưởng dân quân xã. Tôi được lệnh điều các cô dân quân của tôi dẫn xe ở đoạn trên, còn ba cô thanh xung phong thì làm ngay sát bến phà. Vào cái đêm cuối năm đáng nhớ nọ, hình như độ mười giờ thì phải, bất ngờ một chiếc "Thần Sấm" từ đâu lao đến ném một loạt bom, không lượn vòng nào, cũng chẳng thèm bắn pháo sáng, thế mà trúng phà, trúng luôn cả ba cô gái. Anh xem thế có đau không ... - Ông Nam dừng lại, ngồi im một chốc như cố nhớ điều gì, rồi nói tiếp giọng trầm hẳn xuống: - Thậm chí đêm ấy, bận việc thông xe, chúng tôi chẳng kịp nhật hết các mẫu xác bị bom chặt đứt vung vãi khắp nơi. Mãi đến chiều hôm sau mới tìm được hết, xác định cái gì là của ai và làm lễ chôn cất. Sau này, chiến tranh kết thúc, khi người ta định đưa các cô - cả năm cô - vào nghĩa trang liệt sĩ xã, tôi đem chuyện nhật ký của cô Liên ra kể, và đề nghị xây riêng mộ cho các cô ở cạnh bến phà cũ. ý kiến của tôi được chấp nhận. Bây giờ ta ra thăm mộ các cô chứ?

Nói rồi, ông phó chủ tịch xã hăm hở đi trước, tắt qua một cánh đồng lúa vừa trở bông thoang thoảng hương thơm, về phía dòng sông L. đang trải rộng, trắng loá dưới ánh mặt trời tháng Tư. Tôi lặng lẽ bước theo ông, với cảm giác hồi hộp như sắp được chứng kiến một cái gì đấy linh thiêng và vĩ đại.

Trên đỉnh một ngọn đồi xanh vườn sâu ra tận mép sông, người ta xây mộ năm cô gái thanh niên xung phong thành năm cánh của một bông hoa, đầu chụm vào nhau. Một bông hoa màu

trắng - (vì tất cả các ngôi mộ đều được quét vôi trắng). Các bia đứng hầu như kề nhau, tạo thành một hình tròn có trồng những bông hồng và cúc lẫn lộn, tức là làm nhị của bông hoa xi măng trắng vĩ đại. Trên những tấm bia ấy tôi đã đọc thấy tên cô Yến tổ trưởng nghiêm khắc; tên cô Vân ưa diện; tên cô Lộc mơ hồ chờ đợi một chàng lái xe mà cô chỉ mới trò chuyện một lần nhưng không thấy mặt; tên của cô Út bé nhất tổ chỉ sợ duy nhất một điều là chết mà chưa được hôn. Và tất nhiên tôi thấy cả tên của Liên, cô hàng xóm, cô bạn cùng trường của tôi, người con gái đã đưa tôi vượt hàng trăm cây số đến đây, và còn quan trọng hơn nữa là đã giúp tôi tự nhìn nhận lại mình, tự đánh giá nghiêm khắc hơn với những gì mình đã, đang và sẽ làm trong đời.

- Nghĩ mà thương các cô gái, - vừa bật lửa châm hương, ông Nam vừa khe khẽ nói. - Đang tuổi ăn diện mà đến cái áo trắng cũng không được đem ra mặc ban ngày. Còn bây giờ thì...- ông ngập ngừng chốc lát rồi quay sang bảo tôi: - Những ngôi mộ này, anh ạ, cứ đều đặn nửa năm một lần tôi cho quét vôi mới. Cũng có người kêu lãng phí đấy, nhưng tôi thì tôi cứ cương quyết...

Ông Nam còn nói thêm những điều gì nữa nhưng tôi không nghe rõ, vì lúc ấy tôi đã bỏ đi xa, tìm nhặt những bông hoa bướm, hoa mua mọc nhiều quanh đấy. Một chốc sau, tôi quay lại với một bó lớn trong tay. Tôi chia đều thành năm phần, nhẹ nhàng đặt lên năm cánh trắng của bông hoa xi măng. Rồi vô tình như đã hẹn trước, cả tôi và ông Nam cùng cúi đầu đứng lặng trong mấy giây.

- Liên ơi, Liên tha lỗi cho tôi nhé!

Sáng hôm sau, tôi lên đường trở ra Hà Nội. Từ ô-tô, tôi thò đầu qua cả sổ, ngoái nhìn mãi những ngôi mộ màu trắng được xếp thành hình một bông hoa trên ngọn đồi xanh, trông xa như chiếc nơ trên đầu một cô gái. Suốt dọc đường đi, những ý nghĩ đượm buồn man mác cứ quanh quẩn trong đầu tôi, ý nghĩ rằng ngày xưa đã từng một thời có một cô gái, nhiều cô gái chỉ thèm được một hôm mặc áo trắng tự do đi lại giữa ban ngày, ấy thế mà các cô chỉ được mặc ban đêm để làm nhiệm vụ, để "làm duyên với

những chiếc ô tô mù". Và rồi các cô đã hy sinh, lặng lẽ mang theo xuống đất cùng với tuổi trẻ là cái ước mơ hầu như vô cùng đơn giản ấy, cũng như các cô đã lặng lẽ lập những chiến công, lặng lẽ yêu, lặng lẽ ra đi để một ngày nọ, như trong một câu chuyện cổ tích, lặng lẽ biến thành những cánh hoa màu trắng, cái màu trắng phải đổi bằng màu của máu...

*Đà Lạt tháng 4, 1982*

*Hà Nội, tháng 2, 1984*

## CÂU CHUYỆN ĐÊM NÔ EN

"Quelques piastres, monsieur, donnez-moi quelques piastres"<sup>1)</sup>.

Hà Nội. Đêm Nô-en. Mới bảy giờ mà những đoàn người quần áo đủ màu sắc sỡ, đẹp một cách phô trương đã đi đầy phố. Năm nay rét sớm và kéo dài. Cái rét sắc ngọt như châm vào da thịt. Bầu trời nặng và thấp. Sương mù cuộn thành từng đám tròn treo lơ lửng dưới ngọn cây hay bay là là sát mặt đất. Từ các quán cà phê, ánh đèn xanh đỏ hắt ra, tạo cho chúng một vẻ đẹp huyền ảo rất phù hợp với những đêm như đêm nay.

Như phần đông những người quanh tôi, dù không là tín đồ công giáo, năm nào đêm Nô-en tôi cũng ra phố dạo chơi. Tôi lững thững bước dọc bờ hồ Thuyền Quang, rồi đi ngược lên theo phố Bà Triệu, đến đại sứ quán Pháp thì rẽ phải về phía ngã sáu Lò Đúc. Ở đây, trên phố Hàm Long, có một ngôi nhà thờ nhỏ. Tôi không thích đến Nhà thờ Lớn. Những dịp thế này khó mà chen vào được bên trong vì hầu như cả thành phố đổ xô về đây.

- S'il vous plait, donnez-moi, quelques piastres, monsieur<sup>(2)</sup>.

Lần thứ hai nghe câu ấy bằng tiếng Pháp khi đứng trước cổng nhà thờ Hàm Long, tôi ngạc nhiên đưa mắt nhìn quanh. Bên tôi, từng tốp hai, ba người không ngớt vào ra. Phần lớn đó là những nam nữ thanh niên vô tư, hoàn toàn không chú ý đến tôi, cũng như tôi không hề quan tâm đến họ. Thế thì ai đã nói câu kia? Tôi đưa mắt nhìn quanh. Cách chỗ tôi đứng một mét, sát bên cổng ra vào, có một người mặc chiếc áo sĩ quan ka ki đã bạc màu đang ngồi, chiếc mũ nan to vành che kín mặt.

- Ông hỏi tôi à? - Tôi cũng hỏi bằng tiếng Pháp, nhưng không hướng vào một ai nhất định.

- Oui, monsieur, - chiếc mũ to vành kia ngẩng lên, - Donnez-moi quelques piastres, s'il vous plait.

Thật khó mà nói hết sự ngạc nhiên của tôi lúc ấy.

Dưới vành mũ méo mó kia, các bạn có biết tôi đã nhìn thấy gì không? Một khuôn mặt da đen già nua, nhăn nheo. Khuôn mặt ấy đang cố nở một nụ cười ngượng nghịu với tôi, miệng đầy những chiếc răng trắng và chắc khỏe không phù hợp với lứa tuổi. Một tay ông già giữ chiếc túi vải nhựa căng phồng, còn tay kia luôn mân mê một góc tấm ni-lông ông trải xuống đất để ngồi. Ông đi đôi dép nhựa xộp mòn vẹt. Mu bàn chân sưng lên như bị phù. Các ngón chân to và ngắn, chằng chịt những vết nứt sâu rỉ rỉ một thứ nước gì như hỗn hợp của máu và mủ. Người ông không cao, và cũng chẳng đến nỗi gầy lắm, khuôn mặt tròn, hai má còn đầy, đôi môi không dày quá, tóc xoắn thành từng tùm nhỏ ăn sâu xuống hai thái dương, cái giúp ta dễ đoán ông là người của một nước nào đó ở miền Bắc châu Phi. Ông có một đôi mắt đặc biệt với hàng mi dày và những nếp nhăn sâu hai bên. Đôi mắt ấy chứa đầy một nỗi buồn sâu xa và một sự mệt mỏi quá sức chịu đựng. Cạnh ông, không có chiếc đĩa, chiếc rổ con hay bất cứ một cái gì đó để đựng tiền như ở những người hành khất khác. Ông cũng chẳng chìa tay xin. Và cả cái tiếng Pháp kia nữa. Ông là ai? Những gì đã xảy ra và sẽ xảy ra trong cuộc đời dài và chắc không lấy gì làm hạnh phúc đó?

- Bác có muốn uống một tách cà phê không? - Tôi hỏi, tay chỉ về phía quán cà phê đang dập dình tiếng nhạc.

- Không cảm ơn, - ông ta đáp, vẫn bằng tiếng Pháp.

Sau một lúc do dự, tôi ngồi xuống cạnh tìm cách bắt chuyện. Chúng tôi nói bằng tiếng Pháp khe khẽ. Bộ quần áo ka ki cũ và chiếc mũ rộng vành che lấp nước da đen của ông, nên tránh được những cặp mắt tò mò.



Bất ngờ, ông ngắt lời tôi giữa chừng, và nói bằng một thứ tiếng Việt khá sôi:

- Nếu muốn, ông có thể nói với tôi bằng tiếng Việt, thoải mái hơn.

- Vâng, thế thì hay quá, - tôi đáp. - Bác người nước nào?

- Xênegan. Ông biết đất nước của tôi chứ? Ở Tây Bắc châu Phi. Sát bờ biển, giáp Xuđăng và Maroc... Xênegan đẹp lắm. Đẹp, nhưng cũng nghèo lắm...

- Chắc bác xưa là lính lê dương của Pháp?

- Vâng. Tôi bị đưa sang Việt Nam năm bốn mươi bảy. Trước đó, mười năm tôi đi lính ở Mađagaxca.

- Nghĩa là hơn năm mươi năm nay, bác chưa trở lại quê hương?

- Vâng.

- Do bác không muốn?

- Muốn chứ. Suốt chừng ấy năm lúc nào tôi cũng muốn về nhà. Nhất là bây giờ, khi tôi chẳng còn sống được bao lâu nữa... Nhưng, xin lỗi, ông là nhà báo? - Ông già da đen ngược nhìn tôi vẻ dò xét.

- Không. Nhưng nghề của tôi cũng gần gần như vậy. Tôi viết văn. Sao bác lại hỏi thế?

- Chẳng sao cả. Biết đâu, là nhà báo, ông có thể giúp tôi được điều gì đó.

- Bác muốn gì?

- Muốn về nước.

- Oui, je veux retourner à mon patrie.

- Thế có gì ngăn trở bác?

- Ô, chuyện dài lắm, - ông ngừng nói, thông thả cho tay vào túi áo phía trong ngực, lần tìm cái gì đấy một lúc, nhưng rồi rút ra tay không. Tôi lấy một điều thuốc và bật lửa mời ông.

- Cảm ơn! - Ông vừa rít một hơi dài, vừa nói. - Sau hiệp định Giơnevơ, tôi có thể về nước, nhưng đã không về. Lúc ấy tôi đang yêu một phụ nữ Việt Nam, vợ goá của một sĩ quan nguy, tôi yêu và cũng được yêu lại. Tất nhiên, bọn lính lê dương chúng tôi thời ấy thường chiếm tình yêu, hay đúng hơn - xác thịt, bằng vũ lực. Tôi không muốn nói tôi tốt hơn đồng bọn, nhưng quả là tôi đã yêu chân thành. Thì cuối cùng, một người như tôi cũng có thể yêu lắm chứ? Lúc ấy tôi nghĩ cứ ở lại, lấy cô kia rồi đem vợ con về nước cũng chưa muộn. Ai ngờ mấy năm sau, chính phủ khác lên cầm quyền ở Xênegan, và thế là tôi không còn được trở về nước nữa.

- Vì sao?

- Vì người ta lo tôi về sẽ mang theo cả chủ nghĩa cộng sản.

- Bác có muốn uống một tách cà phê không? - Tôi hỏi, tay chỉ về phía quán cà phê đang dập dình tiếng nhạc.

- Không cảm ơn, - ông ta đáp, vẫn bằng tiếng Pháp.

Sau một lúc do dự, tôi ngồi xuống cạnh tìm cách bắt chuyện. Chúng tôi nói bằng tiếng Pháp khe khẽ. Bộ quần áo ka ki cũ và chiếc mũ rộng vành che lấp nước da đen của ông, nên tránh được những cặp mắt tò mò.

Bất ngờ, ông ngắt lời tôi giữa chừng, và nói bằng một thứ tiếng Việt khá sôi:

- Nếu muốn, ông có thể nói với tôi bằng tiếng Việt, thoải mái hơn.

- Vâng, thế thì hay quá, - tôi đáp. - Bác người nước nào?

- Xênegan. Ông biết đất nước của tôi chứ? ở Tây Bắc châu Phi. Sát bờ biển, giáp Xuđăng, Maroc... Xênegan đẹp lắm. Đẹp, nhưng cũng nghèo lắm...

- Chắc bác xưa là lính lê dương của Pháp?

- Vâng. Tôi bị đưa sang Việt Nam năm bốn mươi bảy. Trước đó, mười năm tôi đi lính ở Mađagaxca.

- Nghĩa là hơn bốn mươi năm nay, bác chưa trở lại quê hương?

- Vâng.

- Do bác không muốn?

- Muốn chứ. Suốt chừng ấy năm lúc nào tôi cũng muốn về nhà. Nhất là bây giờ, khi tôi chẳng còn sống được bao lâu. Im lặng một lát, tôi hỏi:

- Chắc ở quê hương, bác có nhiều kỷ niệm sâu sắc...

- Không. Trước hết tôi không có quê hương theo nghĩa ông hiểu. Bộ lạc chúng tôi sống nay đây mai đó trong rừng. Bố mẹ tôi chết sớm. Một hôm tôi đang đi săn thì bị người da trắng bắt cho xuống tàu chở sang Pháp, như trước đây người ta từng bắt người da đen chở sang Mỹ làm nô lệ. Lúc ấy tôi vừa tròn mười bảy tuổi, và theo phong tục của bộ lạc, tôi sắp được phép lấy vợ.

- Nghĩa là hiện nay bác chẳng còn ai thân thích ở bên ấy?

- Sao lại không? Với chúng tôi, cả bộ lạc đều là người thân thích. Vả lại ra đi, tôi còn để lại hai thằng con trai... - Thấy tôi có vẻ ngạc nhiên không hiểu, ông già da đen khẽ mỉm cười rồi nói: - Vâng tôi có hai đứa con thật. Số là bộ lạc chúng tôi có lệ phụ nữ goá chồng không được đi bước nữa, nhưng vẫn phải tiếp tục phát triển nòi giống. Thế là họ được giao cho bọn trẻ mới lớn chúng tôi để chúng tôi tập làm đàn ông... Còn con thì coi như con chung của toàn bộ lạc. Tôi được giao một bà goá bốn mươi tuổi...

Chúng tôi cùng ngồi im hút thuốc.

Thời sinh viên ở Mátxcova, tôi có sống chung nhiều năm với một bạn học người Xênegan, tên là Ali. Anh ta kể có bố đi lính chết ở Đông Dương. Tôi biết chuyện này không liên quan gì đến ông già da đen đang ngồi trước mặt, nhưng nhân tiện, tôi cũng đem kể cho ông nghe.

- Chắc chắn đó không phải là con tôi, - ông nói khi tôi dứt lời.

- Lúc anh kia ra đời, tôi đã sang Việt Nam từ lâu.

- Thế bà vợ Việt Nam của bác ra sao? - Tôi hỏi.

- Chúng tôi sống yên ổn với nhau năm năm, có một đứa con. Một hôm say rượu, tôi đánh vợ tôi, thế là bà ấy ôm con đi mất.

Tôi mất công tìm kiếm rất lâu nhưng không sao tìm thấy. Đó là một tội lỗi lớn. Một tội lỗi ghê gớm mà tôi không bao giờ tha thứ cho mình!

- Suốt mấy mươi năm qua ông sống ở đâu?

- Mấy năm đầu làm công nhân xây cầu, sau tôi lên mỏ Apatít Lào Cai và làm việc ở đó cho đến khi về hưu. Hiện giờ tôi là người hưu trí và có lương hưu như mọi người, theo đúng chế độ. Trên ấy tôi có một căn nhà nhỏ, một mảnh vườn và mấy đám đất vỡ hoang. Tôi được đối xử tốt và nói chung sống cũng tạm tạm. Kể ra tôi có thể yên ổn sống trọn tuổi già ở đây. Nhưng thời gian gần đây ý nghĩ trở về Tổ quốc lại dày vò tôi hơn bao giờ hết. Càng gần cái chết, cái mơ ước ấy lại càng lớn, và tôi biết tôi không thể chết ở một nơi nào khác, ngoài mảnh đất đã sinh ra tôi. Người già là thế, biết làm thế nào được...

- Thế bác định về nước bằng cách nào?

- Cách nào thì cách, nhưng tôi phải về và sẽ về được, dù bên ấy người ta không mong đợi tôi...

- Bác có thể yêu cầu đại sứ quán Pháp ở Hà Nội giúp đỡ, ít nhiều họ phải có trách nhiệm với bác, - tôi gợi ý.

- Vâng. Và đó là hy vọng cuối cùng của tôi. Tôi đã đến gặp họ. Họ tiếp tôi tử tế, và sau khi phải chờ một tuần, tôi được báo là họ sẽ giúp tôi nhập quốc tịch nước họ, đưa về Pari rồi từ đó, với quốc tịch Pháp, tôi có thể trở về Xênegan của tôi, nhưng với điều kiện là tôi phải chịu mọi chi phí, kể cả tiền vé máy bay từ đây tới Pari. Ở đây, Hội những người Xênegan sẽ giúp đỡ tôi tiếp. Người Pháp nói tôi là hàng binh và chiếu theo mục A, mục B nào đó trong bộ luật của họ, thì tôi không thuộc diện được trợ cấp về tài chính. Biết làm thế nào, nước Pháp giàu và hào hiệp, nhưng rất nguyên tắc. Và nguyên tắc của họ là bắt tôi, một lão già sắp chết đã hy sinh tuổi trẻ vì họ, nay không đồng xu dính túi, phải trả một khoản tiền lớn để được về chết trên quê hương của mình...

- Lớn là bao nhiêu? - Tôi hỏi.

- Không ít hơn một nghìn đôla Mỹ.

- Nghĩa là họ đã từ chối bác một cách tế nhị? Tôi khẽ nhún vai mỉm cười.

- Có thể là thế. Họ nghĩ tôi sẽ không kiếm đâu ra được món tiền ấy. - Ông già da đen thở dài, buồn rầu ngồi im một lúc rồi nói tiếp: - Mà quả đúng tôi không biết kiếm đâu ra thật.

- Thế bác định làm thế nào bây giờ?

- Còn biết làm thế nào nữa? Phải kiếm. Phải góp...

- Rồi đem đổi lấy đôla?

- Đúng thế.

- Bác biết giá một đôla bao nhiêu tiền Việt Nam chứ?

- Tất nhiên. Đây là chuyện của tôi, tôi phải biết rõ hơn ai hết.

- Và bác sẽ góp cho đến khi đổi được một nghìn đôla?

- Vâng.

- Và cũng vì thế mà bác phải... xin tiền người khác?

- Vâng, tôi phải kiếm tiền bằng mọi cách. Tất nhiên là không làm gì phạm pháp. Nhu cầu chi tiêu của tôi không lớn. Tôi có thể tiết kiệm trong số tiền hưu trí. Vả lại như ông biết, tôi còn có mảnh vườn, khu đất vỡ hoang, mấy con gà... Hơn một năm nay tôi đã kiếm được gần một trăm đôla. Tôi xuống Hà Nội lần này là để báo cho Sứ quán Pháp biết điều đó. Và nhân thể gặp buổi đông người như hôm nay, xin thêm được đồng nào hay đồng ấy.

- Sao bác hỏi xin bằng tiếng Pháp, trong khi bác biết tiếng Việt rất sôi?

- Tôi xin cả người Việt lẫn người nước ngoài. - Ông nhìn tôi cười ngượng ngùng, rồi nói thêm: - Vả lại, tôi nghĩ xin bằng tiếng Pháp, người ta sẽ thương và cho tôi nhiều hơn...

Còn mấy phút nữa là mười hai giờ đêm, giờ phút quan trọng nhất của đêm lễ.

Ông già da đen đứng dậy, tỏ ý muốn vào dự lễ trong nhà thờ. Ông xách túi, nặng nhọc bước đi. Đến trước bức ảnh một vị

thánh da đen, ông quỳ xuống, làm dấu rồi ngược lên, lăm bắm một điều gì đó. Có thể ông đang nói:

- Quelques piastres, mon Dieu, donnez-moi quelques plastres...

\*

Đó là câu chuyện có thật xảy ra với tôi trong đêm Nôen vừa qua. Màn sương mù nhẹ nhẹ luôn đổi thay màu theo ánh đèn hắt ra từ các cửa hiệu. Trời se lạnh, những tiếng nhạc mệt mỏi, những con người ăn mặc đẹp cầm tay nhau đi trên đường phố ồn ào, hay lặng lẽ quỳ trước ảnh Chúa. Một ông lão da đen già yếu ngửa tay xin từng đồng chờ một ngày nào đó (nhưng ngày nào?) có được một nghìn đôla để được trở về chôn trên một mảnh đất ở Châu Phi xa xôi... Tất cả những điều trên phần nào làm câu chuyện của tôi mang chút màu sắc ly kỳ, huyền ảo. Và rất có thể bạn đọc nghĩ đây chỉ là một Christmas Story(1) do tôi phịa ra, như người Anh thường phịa ra những câu chuyện đêm Nôen vui vẻ. Không. Nếu đây là một câu chuyện đêm Nôen thì cũng chỉ là câu chuyện có thật, và như các bạn thấy, không lấy gì làm vui lắm.

Sau buổi lễ, tôi còn dạo lang thang rất lâu trên các đường phố. Tôi ngược về phía Bồ Hồ, rồi hoà vào dòng người từ Nhà thờ Lớn đổ ra, đi theo phố Tràng Thi đến Cửa Nam, rẽ về phía Công viên Lenin. Rồi từ đó, suốt dọc đường về nhà, tôi luôn suy nghĩ vẩn vơ quanh câu chuyện của ông già da đen tội nghiệp. Chưa là người già, nhưng tôi rất hiểu tâm trạng hoài cổ, hiểu ý muốn trở lại với cội nguồn, với tổ tiên xa xưa của ông... Bất giác, tôi bỗng nhớ lại một câu chuyện khác, cũng về một ông già ngoại quốc, một số phận bí ẩn mà lâu nay tôi để lãng quên trong bao sự bộn bề của công việc.

\*



Cách đây năm năm, một hôm khi tôi đang ngồi uống trà ở một quán nhỏ đầu góc phố Lò Đúc, thì một người bước vào. Khổ người to cao quá cỡ của ông như làm chiếc quán nhỏ tối sầm lại.

- Bonjour madame! - ông ta nói, hơi cúi người về phía trước với vẻ lịch sự của một nhà ngoại giao khi chào các phu nhân quan trọng trong những buổi lễ tân chính thức.

Bà chủ quán, một bà già bé nhỏ, dáng người thô lỗ, vẫn ngồi im. Không hề phật ý, ông khách lặng lẽ ngồi xuống cạnh tôi, và với một động tác hết sức tự nhiên mà chỉ những khách quen mới có, ông ta mở nắp lọ kẹo vùng, nhón một chiếc cho vào miệng, rồi cũng tự tay lấy một điếu thuốc lá châm lửa hút, trong khi bà kia miễn cưỡng rót cho ông một chén nước.

Đó là một ông già người Âu có khuôn mặt to, xương xương, đôi gò má cao, chiếc mũi đỏ và bộ râu quai nón lún phún có lẽ đã ba bốn ngày chưa cạo. Ông ăn mặc không có gì khác một người lao động Việt Nam bình thường - chiếc áo khoác màu xanh đã sờn, chiếc quần kaki nhàu nát và đôi dép đã mòn vẹt.

Lúc ấy trong quán chỉ có mình tôi và ông. Vì lịch sự, tôi không dám nhìn thẳng vào ông, mà chỉ vừa vờ uống nước, vừa kín đáo quan sát. Ông với tay móc thêm chiếc kẹo thứ hai, và bà chủ quán lại lặng lẽ rót cho ông một chén nước nữa.

- Bác là người Pháp à? - Không nén được tò mò, tôi rụt rè hỏi.

-Vâng, - ông đáp lại bằng tiếng Việt, mắt vẫn lơ đãng nhìn vào chén nước đang bốc khói.

- Chắc bác ở lại từ thời năm năm mươi tư, - tôi lại lên tiếng rồi ngần ngừ một lúc, hỏi tiếp - Hoàn toàn vì tò mò, xin phép được hỏi bác: Sao bác không trở lại nước Pháp? Đời sống bên ấy...

Ông vẫn ngồi im như không nghe thấy câu hỏi, và tôi đã thoáng lo mình không tế nhị, đã làm ông phật ý. Nhưng cuối cùng ông quay sang phía tôi, nhìn tôi với vẻ dò xét rồi nhún vai, nhếch mép cười và nói:

- Rất đơn giản, anh bạn trẻ ạ, vì cách đây nhiều năm, có một việc nho nhỏ xảy ra, và tôi đã thề sẽ không bao giờ đặt chân lên đất Pháp nữa. Rồi đứng dậy, ông nói với bà hàng nước:

- Bà ghi nợ tôi nhé!

- Lại nợ ? - Bà kia càu nhàu. - Ông nợ nhiều rồi đấy, ông Pie ạ.

- Ô, không sao, sắp tới nhận lương, tôi trả hết! Trả hết! - Ông già người Pháp vội nói và cố nở một nụ cười thật tươi để lấy lòng bà hàng nước khó tính.

Nhưng xem ra, bà kia vẫn hoàn toàn thờ ơ với nụ cười lấy lòng đó, cũng như hoàn toàn thờ ơ với câu "Au revoir, madame" mà ông khách đã chào từ biệt bà một cách rất lịch sự khi bước ra khỏi quán. Bà ta chỉ lặng lẽ rút từ thắt lưng ra một cuốn sổ mỏng nhàu bần, giở đúng trang có tên ông Pie lịch duyệt kia và ghi thêm vào đó số tiền ông mới nợ.

- Ông ấy là ai thế hả bác? - Tôi hỏi.

- Một ông già lắm cảm, - bà ta đáp.

- Ông ấy vẫn hay lại đây uống nước và nợ tiền như thế ạ?

- Vâng.

Bà hàng nước quả đúng là một người không dễ bắt chuyện, nhưng tôi cũng không là người dễ đầu hàng. Cuối cùng thì tôi cũng đã hỏi biết được những điều tôi muốn biết.

Ông Pie, theo lời kể của bà hàng nước, xưa là viên chức một hãng buôn nhỏ nào đấy của Pháp ở Việt Nam. Năm năm mươi tư, ông không về Pháp như tất cả đồng bào của ông, mà ở lại Hà Nội, lấy vợ người Việt, sinh được một trai, một gái. Nghe nói gia đình ông ở Pari giàu lắm, thấy ông thiếu thốn, mấy lần gửi tiền và hàng sang, nhưng đều bị ông gửi trả lại. Hai cháu đến tuổi đi học, bố mẹ ông xin cho về Pháp ở với ông bà. Ông không giữ. Một thời gian sau, vợ ông cũng bỏ ông sang Pari với con, thành ra suốt mấy chục năm nay ông sống một mình, chỉ dựa vào số tiền hưu lương thợ mộc bậc năm do trước làm việc ở một tổ hợp tác mộc trong khu tập thể Nguyễn Công Trứ . Nghèo là thế, nhưng ông

cương quyết không chịu để vợ con giúp đỡ và không bao giờ nhận bất cứ một cái gì từ Pháp gửi sang hoặc liên quan đến nước Pháp. Cũng theo lời bà hàng nước, một lần anh con trai về thăm ông, được ông một ngày hai bữa dẫn ra một quán cơm bụi ở Chợ Trời - nơi ông báo cơm ăn hàng tháng - chứ nhất định không cho con mời đi khách sạn chiêu đãi. Nghe nói anh con trai giận, ở với ông hai ngày rồi bỏ về nước. Ông cũng chẳng giữ.

- Thật rõ lắm cảm, - bà hàng nước kết luận. - Đã không có tiền phải uống nước chịu, mà vẫn còn kiêu... Lại còn thói nịnh đầm đáng ghét kia nữa!

\*

Đêm hôm ấy, tôi nằm trần trọc mãi không sao ngủ được. Từ ngoài phố, chốc chốc tiếng cười nói của những người đi chơi đêm Nôen về muộn lại vọng vào. Từ đâu đó xa xa còn vẳng lại tiếng kèn xăcxôphon trầm rầu rĩ, khi to khi nhỏ...

Sáng hôm sau, tỉnh dậy, tôi vội vã phóng xe đến khu nhà thờ nhỏ ở phố Hàm Long. Tôi có một người bạn làm việc ở Bộ Ngoại giao. Sắp tới anh ta đi công tác qua Bắc Phi. Tôi muốn báo điều ấy cho ông già Xênegan đáng thương kia. Để làm gì thì chính bản thân tôi cũng chưa rõ. Tôi chỉ biết ông đã nhờ tôi giúp đỡ, và thực tình tôi rất muốn làm được điều gì đó để giúp ông.

Khu nhà thờ còn vắng người, bừa bộn những mẩu thuốc lá thừa và các vụn giấy loại. Ngoài một bà già bé nhỏ mặc áo dài đen, trùm khăn đen đang quét dọn, xung quanh không còn ai khác.

Tôi vòng xe về phía Đại sứ quán Pháp, hy vọng gặp ông già kia ở đấy, nhưng bên tấm cửa sắt nặng nề bao giờ cũng đóng im ỉm, tôi vẫn chẳng thấy ông ta co ro ngồi đợi giờ mở cửa như tôi tưởng tượng.

Đứng chờ thêm một lúc, bất ngờ với chính mình, tôi cho xe đi về phía Lò Đúc, nơi mấy năm trước tôi đã gặp ông già người Pháp nọ.

Bà hàng nước vẫn ngồi yên ở vị trí của mình. Vẫn khuôn mặt nghiêm khắc ấy, vẫn căn lều ấy, và vẫn cả cái lọ đựng kẹo và cái khay thuốc ấy. Tất cả hầu như không thay đổi trong suốt cả thời gian qua. Để gây cảm tình, tôi hỏi mua một lúc mấy điếu thuốc ngoại mà tôi không quen hút, rồi vừa nhấp nháp chén nước nóng, tôi vừa khéo léo hỏi chuyện về người khách già luôn mua chịu của bà ngày nọ. Phải một hồi lâu, bà ta mới hiểu tôi muốn gì. Khi hiểu ra, bà ta "à" một tiếng, và nói:

- Chết rồi. Năm ngoái. Còn nợ của tôi mấy nghìn chưa trả. Đúng là một lão già lẩm cẩm!

*Hà Nội, 1984*

## CHIẾC

Ông cụ ốm nằm liệt giường đã lâu, nhưng chỉ khi biết sắp chết, mới cho đánh điện gọi anh con trai duy nhất tận thành phố Hồ Chí Minh về. Và cũng ngay hôm ấy, ông cụ bắt cô Nhàn chuyển ông từ chiếc giường gỗ đang nằm sang chiếc chõng tre ọp ẹp kê sát tường đối diện. Ông cụ cũng bắt thay cả chiếc chăn bông vải chéo hoa còn mới và dày bằng chiếc chăn chiên cũ, tuy trời hãy còn lạnh.

Cô Nhàn là cháu gọi ông cụ bằng bác. Cô đã bốn mươi tuổi nhưng chưa chồng, và được giao nhiệm vụ chăm sóc thời gian gần đây. Khi hiểu vì sao ông cụ làm vậy, cô kịch liệt phản đối, nhưng vốn nhút nhát, lại bị mắng, nên cô buộc phải chiều theo. Và thế là từ đấy, nằm trên chõng với chiếc chăn mỏng trùm kín đầu, ông cụ vừa rên rỉ vì bệnh tật dày vò, vừa nóng lòng chờ con trai và cái chết.

Ông cụ năm nay đã ngoài tám mươi tuổi, vốn ăn được, ngủ được, khoẻ mạnh đến mức các cụ già khác trong làng phải ghen tỵ, thế mà dùng một cái bỗng lăn ra ốm. Ồm gì thì chính bản thân ông cũng chẳng rõ, chỉ thấy đau toàn thân, đau âm ỉ và dai dẳng; các khớp xương như bị tháo tung ra. Chỉ có cái đầu là còn tỉnh táo, thậm chí tỉnh táo hơn cả ngày thường. Ông cụ biết đó là thứ bệnh của người già sắp chết, nên không chịu mời thầy thuốc nào. Ý nghĩ về cái chết không làm ông lo sợ, trái lại, nhiều khi ông còn cảm thấy xấu hổ vì mình sống lâu quá, như thể tranh mất phần sống của con cháu. Lúc này ông cụ chỉ băn khoăn một điều là nhờ

con trai không về kịp, để ông chết không có người ruột thịt bên cạnh.

Đã ba ngày trôi qua mà vẫn không thấy anh con trai xuất hiện.

Ông cụ bắt đầu lo lắng thật sự. Cái đầu có vẻ dịu bớt, nhưng để lại một cảm giác tê dại, lạnh lạnh, và đó là dấu hiệu báo trước rằng cái phải đến sắp đến.

Như tất cả những người khác trong làng, suốt đời ông cụ gắn bó với cánh đồng chiêm trũng của quê nhà, và cũng như người khác, luôn phải vật lộn với cái nghèo, cái vất vả của anh làm ruộng. Vợ ông chết từ hồi còn đánh nhau với thằng Pháp, chết trong một cuộc chạy giặc cùng với đứa con gái đầu lòng. Còn lại hai người con trai thì một đi bộ đội hy sinh đầu đó bên Lào; người kia, tức là người ông cụ đang nóng lòng chờ đợi, sau nhiều năm đi hết nước này đến nước khác trên thế giới, cuối cùng đã về đóng đô hẳn ở thành phố Hồ Chí Minh, nghe nói làm cái nghề ngoại giao hay ngoại thương gì đấy mà ông không rõ lắm. Tuy không lộ ra ngoài, nhưng trong lòng ông rất tự hào về con trai, và luôn cảm ơn trời Phật đã cho nó sống sót để thừa kế chức trưởng họ, thay cha hương khói tổ tiên trong các dịp lễ lạt. Và sắp tới đây, chính nó sẽ tự tay ghi ngày tháng ông chết vào cuốn gia phả của dòng họ ông, có điều không phải bằng chữ nho, mà bằng chữ Tây. Năm ngoái con ông về quê, một hai đôi đưa bố vào Nam cùng ở với gia đình ông ta. Còn nhà thì "bán đi, được đồng nào thì được, không thì đem cho ai đó trong họ hàng, như cô Nhàn chẳng hạn", ông con bảo thế. Tất nhiên ông cụ không đồng ý. Ông cụ chưa bao giờ nghĩ sẽ có ngày sống hoặc chết, nhất là chết, đâu đấy xa ngôi làng thân thuộc, xa dòng họ đông đúc mà ông gánh chịu trách nhiệm về tinh thần. Ông cụ buồn, thầm trách con trai, người trưởng họ tương lai, mà lại có thái độ hờ hững với quê hương và ngôi nhà tổ tiên như vậy.

Tuy nhiên, lần ấy ông cụ cũng theo con vào thành phố Hồ Chí Minh để "thăm cháu và chữa bệnh" như ông vẫn nói với hàng xóm. Thực ra, trong lòng ông cũng tò mò muốn ngó qua một tý xem cái Sài Gòn là gì mà người ta hay nhắc tới thế.



Có thể nói chuyến đi đã làm chấn động mạnh cơ thể vốn đã già nua của ông cụ. Ông được đưa ra Hà Nội, ở chơi đấy vài ba hôm, vừa là để thăm lăng Bác, thăm công viên, tối đi xem tuồng, xem xiếc, vừa để chờ may vài bộ quần áo mới. Rồi ông lên máy bay vào Sài Gòn, khi xuống đã có ô tô đợi sẵn. Ở nhà con, ông cụ được dành hẳn một phòng riêng trong một biệt thự hai tầng xinh xắn ở ngay trung tâm thành phố. Và theo yêu cầu của con cháu, ông cụ phải nằm đệm mút, tắm nước nóng, uống cà phê mỗi sáng. Đêm, nếu không được đưa đi chơi đâu đó thì ngồi xem ti vi hoặc nghe nhạc xập xình với những chiếc thùng loa to như chiếc tủ con, nghe đến thấy tức trong lòng ngực. Nghĩa là ông cụ được chủ ý cho thưởng thức hết những cái hay ho của cuộc sống văn minh hiện đại mà một gia đình thuộc loại trung lưu có thể mang lại.

Con dâu và các cháu đối xử với ông cụ rất tốt, lễ độ và thật chu đáo. Nhưng vốn quen với cuộc sống nông thôn mộc mạc, nên chính các tiện nghi và sự chăm sóc chu đáo ấy lại làm ông thấy bất tiện và phải luôn ở tình trạng giữ ý căng thẳng, để khỏi làm điều gì đấy bị coi là thiếu lịch sự. Cuộc sống thành phố khiến ông cụ thấy mệt. Sau những ngày đầu choáng váng, ông cụ đã bắt đầu nhìn những con người xa lạ xung quanh bằng con mắt vừa hồ hững vừa sờ sợ. Cả trong ngôi nhà của con trai, ông cụ cũng thấy mình như người lạ bỗng từ đâu lạc vào, và chẳng ăn nhập tý nào với những đồ vật chung quanh.

Điều đầu tiên làm ông cụ thất vọng là không thấy có chỗ thờ cúng với cái lư hương quen thuộc mà một người như con ông phải có. Thay vào đó là những đồ dùng mạ kền sáng loáng, những bức tranh phụ nữ nửa kín nửa hở. Mấy lần ông thử nói với con về chuyện quê hương, họ hàng, về những việc mà nay mai khi ông chết, con ông sẽ phải lo đến, như chữa lại nhà thờ, bốc mộ ông bà quy về một chỗ ở chân Núi Mực, vân vân, nhưng xem ra con ông không thật quan tâm lắm. Ông ta luôn chăm chú ngồi nghe, nhưng cuối cùng lần nào cũng đứng dậy kêu bận bỏ đi, không đồng ý mà cũng chẳng phản đối. "Nó chẳng còn thiết gì đến tổ tiên làng xóm nữa". Ông cụ thở dài, và thâm chua xót thấy con trai, con dâu và hai đứa cháu duy nhất - mà toàn gái - là những

người vừa gần gũi, vừa xa lạ, vừa như con cháu ông mà cũng không phải con cháu ông...

Định ở với con một tháng, vừa được mười lăm ngày ông cụ đã nằng nặc đòi về, và chưa đầy nửa năm sau thì bắt đầu ốm cho mãi đến bây giờ.

"Nó chẳng còn gắn bó với mảnh đất này nữa, và cũng không cần gì ở mình, ở ngôi nhà này, - ông cụ lại thở dài nghĩ. - Con cái ăn nên làm ra, đi đây đi đó cho bằng thiên hạ là tốt, hẳn thế, nhưng gì thì gì, cái gốc, cái nguồn vẫn là trên hết. Và suốt đời xa nhau, những ngày sắp chết cha con cũng phải gặp nhau chứ".

Rồi ông cụ bắt đầu nhớ lại việc ông ngày xưa chứng kiến cái chết của cha ông như thế nào. Việc đó xảy ra cách đây năm mươi năm. Gia đình, và nói chung cả dòng họ ông, bao đời nay chỉ làm nghề nông, và tất nhiên đều nghèo đói như nhau. Khác chăng, đến đời ông, nhờ cách mạng, cuộc sống mới dễ thở hơn ít nhiều. Và cũng chính ông là người đầu tiên xây được ba gian nhà gạch, sắm đôi ba thứ trong nhà đáng gọi đồ vật, đấy là chưa nói đến việc con trai ông được học hành tử tế thành cán bộ nhà nước.

Nhà ông đông người. Mẹ ông mười một lần sinh, chỉ sống bảy, và ông là con trai cả. Ngày cha ông chết, cả bảy người con đều có mặt. Trước đấy, cha ông đi làm thuê - xẻ gỗ và làm mộc vật vãnh - mấy tháng liền tận Mường Xén giáp Lào. Tiền chẳng kiếm được bao nhiêu, nhưng mắc bệnh sốt rét cấp tính, phải nhanh lắm mới kịp về nhà để chết. Là con trưởng, ông đứng ra lo mọi việc, và theo lệ thường, được hưởng gia tài bố mẹ để lại (bà mẹ chết mấy năm trước đó). Gọi là gia tài nhưng thực ra chẳng có gì ngoài mấy sào ruộng xấu đã chia dần cho các em ông lúc ở riêng. Một ngôi nhà tranh tường trát đất mà sau này khi xây nhà ngói ông đã dỡ để làm bếp, và ít đồ đạc vật vãnh, trong đó ít nhiều có giá trị là chiếc giường hiện ông đang nằm.

Đó là chiếc giường cổ đóng bằng gỗ lim, các cạnh đã bị hao mòn, trơ và đen nhánh. Nó không là một giường một, nhưng cũng chưa đủ rộng để thành giường đôi. Hình dáng nó thật cổ lỗ,

thành giường cao nên trông na ná một chiếc máng lợn; chân thấp và mảnh, trong khi hai phần đầu và cuối giường rất cao, gồm nhiều chấn song gỗ dài ngắn khác nhau. Chiếc giường này có thể một thời từng được xem là đẹp, nhưng bây giờ nó gây cảm giác thấy nặng nề và hơi ngò ngổ.

Bản thân ông cụ cũng không biết nó có từ bao giờ và bằng cách nào đã lọt vào nhà ông. Lớn lên, ông đã thấy nó. Có lẽ lúc chết, ông nội đã để lại cho cha ông, và về phần mình, có thể ông nội nhận được nó từ các bậc tổ tiên trước đây. Ông còn nhớ một ngày trước khi qua đời, theo yêu cầu của người hấp hối, chính tay ông đã bế cha ông từ chiếc giường này đặt xuống chiếc chiếu cũ trải dưới sàn đất lạnh, vì theo tục lệ bao đời nay của vùng này, tất cả quần áo, chăn màn và chiếc giường người chết nằm lúc chết sẽ bị hoả táng. Chăn bông thì thời ấy chưa có, nhưng chiếc áo nâu còn tương đối mới cũng được cởi ra thay bằng chiếc khác đã rách. Ở quê ông, xưa nay việc ấy được xem là bình thường, vì người chết không nhất thiết phải mang đi những gì những người thân thích nghèo khổ của mình đang cần đến. Cũng chính nhờ thế mà hết thế hệ này đến thế hệ khác, chiếc giường tuy thô xấu nhưng vững chắc này đã được truyền lại cho ông cụ, ông nội, cha ông và cuối cùng là ông, như một đường dây liên tục nối liền cả dòng họ. Còn bây giờ đến lượt ông và con ông thì sao?

Ông cụ tự hỏi mình, và vô tình trước mắt lại hiện lên quang cảnh Sài Gòn sặc sỡ, nhộn nhịp, nơi có ngôi biệt thự xinh xắn với những chiếc giường mô dec được đánh véc ni bóng lộn, có đệm mút và vải hoa trải giường mà con cháu ông vẫn nằm. Rồi cũng thăm trong đầu, ông đặt chiếc giường cổ lỗ của mình cạnh chúng, nhưng liền ngay lúc ấy đã vội vã bỏ nó đi với cảm giác ngượng ngập, như khi lần đầu ông thấy mình bị lạc vào giữa những con người thành phố hiện đại.

Kể ra, ông cụ tự thấy chẳng có gì phải kêu ca về cuộc đời mình. Đã là nông dân, ai chẳng có lúc vất vả hoặc thiếu thốn. Nhưng cuối cùng ông cụ cũng xây được căn nhà gạch, kiếm đủ cái ăn, được xã hội và con cháu chăm sóc tử tế. Đời ông nay khác xa

tổ tiên xưa kia, và có thể vì thế, như một dấu hiệu của sự đổi khác ấy, phải chăng bây giờ ông là người đầu tiên có thể yên tâm nằm chết trên chiếc giường của mình? Được chết trên giường cũng là điều hạnh phúc lắm chứ?

"Con mình chẳng còn cần ngôi nhà này, cái giường này, và cả cái làng này nữa, - ông cụ chưa xót nghĩ. - Đúng thế. Nó đã là người khác hẳn. Con cháu và con cháu của con cháu nó có lẽ cũng vậy. Mỗi thời mỗi khác, biết làm thế nào được. Nhưng... Nhưng không lẽ chiếc giường, dù xấu xí và có thể không còn chút giá trị nào nhưng đã được truyền hết đời này sang đời khác, nay đến ông sẽ bị đốt thành tro, và bị đốt theo nó là dấu vết của tổ tiên, nghĩa là sợi dây liên hệ giữa các đời với nhau sẽ bị đứt?..."

Ông cụ cứ nằm suy nghĩ mãi như thế suốt thời gian ồm, cho đến một hôm, cuối cùng, như đã nói, ông sai cô Nhân đưa ông sang chiếc chõng tre, và thay chiếc chăn bông vải hoa bằng chiếc chăn chiên mỏng.

Khi con trai về thì ông cụ đã yếu lắm, yếu đến mức cái đầu vốn tỉnh táo lúc này cũng không chịu làm việc. Ông cụ chỉ mơ hồ biết rằng con trai đã về, và hình như đang to tiếng mắng cô Nhân chuyện gì đấy. Sau đó, ông cụ cảm thấy được một đôi tay khỏe mạnh nhấc bổng khỏi chiếc chõng tre rồi đặt lên giường. Tiếp đến là cảm giác ấm áp của chiếc chăn bông đang phủ lên người một cách dễ chịu.

Sáng hôm sau, ông con trai rất ngạc nhiên khi thấy bố mình nằm chết trên sàn nhà ẩm lạnh, mặt úp xuống đất, một tay đang bám vào chiếc chõng tre đặt sát tường đối diện.

*Hà Nội, 1985*

## ĐÊM, Ở MỘT GA YÊN

Chuyến tàu Hà Nội - Vinh hối hả chạy qua, trong chốc lát phá tan sự yên tĩnh của một đêm mùa hè lặng gió. Đứng bên cửa sổ phòng mình, ông Phát nhìn theo cho đến khi ngọn đèn đỏ tín hiệu sau đuôi đoàn tàu chỉ còn là một chấm nhỏ, rung rinh rồi tắt hẳn. Theo lịch là chín rưỡi, nhưng tàu vốn thường về chậm, nên bây giờ chắc đã muộn hơn. Không xem đồng hồ, ông Phát cũng biết chắc là thế.

Sự yên tĩnh lại trở lại với khu xóm nhỏ nằm dọc theo chân núi Bạc, ngay sát ga Mỹ Lý. Lớp không khí dày đặc, ẩm hơi sương, vừa bị đoàn tàu như mũi thuyền giữa mặt nước phẳng chia ra làm đôi, giờ cũng được nối liền trở lại.

Ông Phát vẫn đứng yên bên cửa sổ. Từ một nơi nào đấy phía kênh Nhà Lê có tiếng máy bơm nước đều đều, mệt mỏi vọng lại. Ông đứng như thế đã lâu, bề ngoài bình tĩnh và thanh thản, nhưng trong lòng đang rất bồn chồn. ý nghĩ của ông rời rạc, lẫn lộn, và ông khó chịu với sự rời rạc, lẫn lộn đó. Rồi việc nọ xọ việc kia, ông khó chịu cả với anh con trai mà ông chờ mãi không thấy về, dù biết vào giờ này nó chưa thể về được. Khi đi, con ông đã báo trước như thế. "Đêm nay, vâng, nhất định đêm nay mình sẽ nói với nó điều ấy. Nói hết tất cả. Và để khỏi do dự thêm nữa, nó về là bắt đầu ngay! Mà đi thẳng vào vấn đề chính!" Với một quyết định dứt khoát và rõ ràng như thế, ông Phát cảm thấy nhẹ nhõm hơn chút ít. "Nhưng mình nên bắt đầu thế nào nhỉ? Không lẽ cứ nói thẳng: Bác này, con lớn rồi, bố nghĩ đã đến lúc có thể nói cho

con biết tất cả sự thật, cái sự thật bố phải mang nặng trong tim hàng chục năm nay. Con sẽ ngạc nhiên nhưng đừng vội oán ghét bố. Bố... Bố không phải là bố của con. Hơn thế, bố là một thằng giết người, mà người bị giết lại chính là bố đẻ của con, một đồng chí của bố..."

Ông Phát không dám nghĩ tiếp. Ông đã tưởng tượng thấy trước thằng Bắc sẽ phản ứng thế nào. Lúc đầu, với cái tính vô tư, bông bột của nó, nó sẽ đứng nghe ông một cách lơ đãng như mọi khi, nhưng khi ý nghĩa của câu nói kia đến được với nó, một cách khó khăn và chậm chạp, nó sẽ ngơ ngác nhìn ông, hai mắt mở to vì ngạc nhiên. Sau đó... Sau đó có thể nó sẽ hoảng sợ lùi lại mấy bước, có thể sẽ tiếp tục đứng yên không nói gì, hai mắt đầy ghê tởm và căm giận. Cũng có thể nó là người chín chắn hơn ông tưởng, bình tĩnh nghe ông kể hết mọi chuyện và sẽ tha thứ cho ông. Nhiều tình huống có thể xảy ra, ông Phát không hình dung hết. Ông chỉ biết chắc một điều, là sau chuyện này, quan hệ giữa hai bố con ông sẽ không còn như trước. Thậm chí có thể ông sẽ chẳng còn được gọi nó là con nữa. Và điều ấy làm ông rất đau khổ.

Ông Phát đứng lặng người. Một sự mệt mỏi ghê gớm ập đến, làm cơ thể ông run ra, lảo đảo như sắp ngã. Ông đưa tay nắm chặt hai song sắt quét sơn mát lạnh, nhìn đắm đắm vào màn đêm trước mặt. Xa xa, những thửa ruộng mới gặt xong ánh lên màu nước bàng bạc. Đêm không trăng, sáng thế, chắc trời phải nhiều sao lắm...

\*

Chuyện đã lâu, nhưng trong đầu ông Phát tất cả vẫn còn mới nguyên như vừa xảy ra hôm qua. Vâng, chính ông đã giết bố thằng Bắc. Bằng chính đôi tay này đây. Đó là một sự thật không thể chối cãi, mà rồi ông cũng không bao giờ định chối cãi sự thật đó. Ngược lại, hôm nay ông còn muốn tự mình sẽ nói ra tất cả.

Năm ấy, trong chuyến tàu thực dân Pháp chở ông và nhiều tù chính trị khác đày ra Côn Đảo, người ta phát hiện thấy một



tên chỉ điểm trà trộn trong anh em tù nhân. Hắn đã gây không ít tai họa cho mọi người. Cuối cùng, tổ chức Đảng bí mật quyết định trừng trị hắn. Kế hoạch thật đơn giản: đêm đến, chờ tất cả ngủ say, lợi dụng bóng tối và bọn cai tù vắng mặt, ba người sẽ lần đến chỗ hắn nằm - trước đây đã được xác định và đánh dấu cẩn thận - trùm chân lên người hắn; một người giữ chân, một người giữ tay, người còn lại bóp cổ; xong, lặng lẽ quẳng xác hắn xuống biển. Vì là người khoẻ hơn cả, ông Phát được phân công bóp cổ. Kế hoạch được thực hiện khá êm thấm - không tiếng động, không chống cự, xung quanh không ai hay biết. Đêm hôm ấy, ông Phát nằm trần trọc mãi không sao ngủ được. Dù sao đây cũng là lần đầu tiên ông giết người, tuy đó là con người xấu xa, xứng đáng với cái chết nhục nhã của hắn.

Thế mà sáng hôm sau, lạ lùng thay, khi tỉnh dậy, người đầu tiên ông nhìn thấy không ngờ lại chính là tên chỉ điểm nọ. Trong đời, chưa bao giờ ông ngạc nhiên và từ ngạc nhiên trở thành lo sợ như thế. Nghĩa là ông và các bạn ông đã giết nhầm một người nào đó. Ai? Chỉ cần nửa tiếng sau, ông biết được đó là một đồng chí tốt, rất tốt, mà ông mới quen trên tàu. Suốt mấy ngày liền, ông như người mất hồn, âm thầm đau xót, dần vật lương tâm và hối hận.

Hoà bình lập lại, được trở về đất liền, ông tìm đến gia đình của người đã chết với ý định sẽ kể hết mọi chuyện. Có thể, lòng ông mới thanh thản trở lại. Tuy nhiên khi đến nơi, ông chỉ thấy một người phụ nữ trẻ, ốm yếu và một đứa bé chưa đầy bốn tuổi. Điều ấy đã không cho phép ông thực hiện ý định của mình, ít nhất là tạm thời vào lúc này. Ông tự giới thiệu là bạn thân, cùng ở tù với chồng chị, kể nhiều chuyện tốt đẹp và về cái chết anh dũng của người mà chính ông đã giết. Ông tình nguyện gánh lấy gánh nặng của gia đình chị - chăm sóc đứa bé, chạy chữa thuốc thang cho mẹ nó. Ông định khi nào chị khỏi bệnh, sẽ tự thú hết tất cả. Nhưng oái oăm thay, người đàn bà cứ ốm yếu mãi, và cuối cùng, để hợp pháp hoá sự giúp đỡ của mình, ông đã xin cưới chị. Một năm, hai năm trôi qua, vợ ông vẫn không khỏi bệnh và hầu như lúc nào cũng nằm một chỗ trên giường, thành ra ông cứ nấn



ná mãi không dám nói rõ sự thật. Cứ thế, hết ngày này sang ngày khác, ông sống trong lừa dối, một sự lừa dối bắt buộc vì lợi ích của người khác - cho tận đến lúc vợ ông chết năm năm sau đó. Từ ấy đến nay ông sống một mình nuôi thằng Bắc, con riêng của vợ và bây giờ đương nhiên cũng là con của ông. Ông định bụng chờ nó đến tuổi trưởng thành sẽ nói hết cho nó biết. Hè vừa rồi, con ông tốt nghiệp phổ thông, thấy nó vui quá, ông lại chần chừ. “Thôi, cứ để nó yên tâm thi đại học cái đã, sau hẵng hay,- ông nghĩ. - Bấy nhiêu năm còn chờ được, một vài tháng nữa có là bao”. Rồi con ông thi đậu đại học, đã có giấy gọi tập trung mười ngày nay mà ông Phát vẫn chưa nói được những điều định nói. “Được, ngày mai! Nhất định ngày mai mình sẽ nói!” Nhưng ngày hôm sau tất cả lại diễn ra đúng như ngày trước đó. Bao giờ ông cũng tìm được lý do để trì hoãn. Càng gần tới ngày con ông lên đường, nghĩa là càng gần tới thời hạn cuối cùng mà ông có thể cho phép mình kéo dài, lòng ông càng bối rối, hồi hộp. Ông vừa sợ, vừa chờ đợi giây phút mà ông nghĩ phải đến và nhất định thế nào cũng đến.

\*

Ông Phát vẫn đứng yên bên cửa sổ, trầm ngâm nhìn khoảng không mờ ảo trước mặt. Tiếng máy bơm nước ở phía kênh Nhà Lê đang chạy đều đều không hiểu sao bỗng nhiên im bật. Xung quanh là một sự yên tĩnh hầu như tuyệt đối, và điều đó càng làm ông thêm nôn nao khó tả. Thằng Bắc vẫn chưa về. Ông không giận nó, vì ngày mai đã là ngày nó lên đường. Nó còn phải gặp gỡ, tạm biệt bạn bè của nó nữa chứ! Nó là một thằng bé tốt, ông biết thế, nhưng dù sao ông vẫn có cảm giác của một người ít nhiều bị xúc phạm. Ông là bố nó mà vào cái đêm cuối cùng này nó lại nỡ để ông ở nhà một mình chờ nó lâu như thế. Như phần lớn những người có tuổi khác, ông sống với quá khứ nhiều hơn là hiện tại, lúc nào cũng chìm ngập trong suy nghĩ và những lời độc thoại âm thầm bất tận. Còn con ông thì hoàn toàn ngược lại - sôi nổi, ào ạt,

vô tư. Vô tư đến mức nhiều lúc ông cho là nông nổi, hơi hợt. Càng ngày ông càng buồn rầu nhận thấy cái hố ngăn cách giữa ông và con ông trở nên lớn hơn, và ngày mai thì như con chim đã đủ lông đủ cánh để bay khỏi tổ, nó sẽ xa ông, xa hẳn, và có thể mãi mãi, nếu không kể sau này một năm đôi lần nó trở lại thăm ông ở cái ga xép bép nhỏ, yên tĩnh này...

Thế là ngày mai con ông sẽ ra đi. Ông buồn hay vui? Thật khó nói. Ông biết ông chỉ là một phần của quá khứ còn sót lại - già yếu, mệt mỏi, còn con ông là cả tương lai đang lao về phía trước, tự tin và khoẻ mạnh. Ông cũng chỉ như chiếc lá vàng trên cây xanh của cuộc đời, rơi xuống, nhập vào đất, làm phân nuôi sống những chiếc lá khác non hơn, khoẻ hơn, là con ông và những đứa như nó. Ông biết thế. Ông biết cả việc ông đang lặng lẽ hy sinh tất cả vì con, cũng như chiếc lá vàng lặng lẽ lìa cành, nhường chỗ cho những chồi non mới nhú. Đó là quy luật. Đó cũng là điều cần thiết, nhưng phải chăng vì thế mà ông không có quyền đòi hỏi người khác biết đến sự hy sinh của ông? Phải chăng bây giờ, sau bao nhiêu năm giữ kín điều ấy trong lòng, - vì con ông, vì cuộc sống thanh thản của nó, - ông vẫn chưa có quyền nói hết sự thật để nó, một thanh niên khoẻ mạnh, san sẻ bớt gánh nặng mà lúc này cơ thể già nua, rệu rã của ông đã bắt đầu không kham nổi? Không! Nhất định ông phải nói!

\*

Thằng Bắc chỉ trở về khi con gà trống nhà bên rụt rè cất tiếng gáy đầu tiên.

- ấy chết, bố vẫn chưa ngủ à? - Nó hỏi. - Bố thức làm gì khuya thế?

- Bố đợi con, - ông Phát đáp. Và để khỏi do dự thêm, ông quyết định đi thẳng vào câu chuyện. Cố giữ bình tĩnh, ông khẽ bắt đầu bằng cái câu mà ông nghĩ rất kỹ trước đó: - Bắc này, bố có chuyện muốn nói với con. Bố...

- Bố chờ con tí nhé,- thằng Bắc nói rồi chạy vội ra bể nước. Ở đó, nó vừa ôn ỉ khoát nước lên mặt, vừa âm ừ hát một bài hát ngộ nghĩnh nào đó. Rõ ràng là nó đang vui. Vui vì cuộc gặp gỡ cùng bạn bè mà nó vừa dự. Vì cả những gì đang chờ nó phía trước.

Đứng trong nhà, ông Phát hình dung rõ từng bắp cơ trên cơ thể để trần khoẻ mạnh của nó. Bất giác, nghĩ đến mình, ông lại thấy buồn. Và lần nữa, tất cả quá khứ lại hiện lên trước mắt ông, rành rọt và đều đặn từ đầu như cuốn phim chiếu hết bây giờ được cho lên máy quay lại. Những lời ông chuẩn bị sẵn định nói bỗng biến đâu mất. Cái ý nghĩ rằng ông là một người giả dối, một thằng giết người, lại trở lại giày vò ông. ý nghĩ ấy làm ông đau khổ suốt mấy mươi năm nay, dù thực ra, trong thâm tâm ông tự thấy ông hoàn toàn không có lỗi. Không có lỗi, tất nhiên, nhưng dù sao... ông nghĩ, dù sao... Cái mệt từ đâu bỗng lại ập đến. Đôi vai gầy của ông nhô cao, lưng còng xuống, người như bé hẳn lại, đôi chân run run, đến nỗi ông sợ ngã thật sự, liền vội vã ngồi xuống chiếc ghế đầu bên cạnh.

Ngoài sân, thằng Bắc vẫn khoát nước rửa ráy ôn ỉ, vẫn âm ừ hát tiếp bài hát ngộ nghĩnh của nó. Và lần nữa ông Phát lại hình dung rõ từng bắp thịt trên cơ thể để trần khoẻ mạnh của con trai. Ông nhắm mắt, thấy cái cơ thể to khoẻ ấy trở nên to dần, to dần, còn hình người méo mó, xộc xệch của ông thì ngày một bé đi, cuối cùng chỉ còn lại một chấm nhỏ rồi mất hẳn. Rồi ông lại tưởng tượng thấy khi ông đã trút được gánh nặng quá khứ của ông sang người nó thì ngược lại, cơ thể khoẻ mạnh kia của con ông sẽ thôi té nước ôn ỉ, thôi âm ừ hát những bài hát ngộ nghĩnh, mà sẽ bắt đầu xuất hiện những nếp nhăn, bắt đầu teo lại, bé dần, bé dần cho đến lúc thành chính bản thân ông hôm nay, hay thậm chí còn tồi tệ hơn. Còn ông thì lớn thêm, lớn thêm mãi và thành một lão già béo năn, to xệ... đến nỗi không còn mặc vừa một chiếc áo nào. Cái cảm giác khó chịu vì sự chật chội ấy đã đưa ông Phát trở lại với hiện tại. Ngày mai con ông lên đường, sẽ bước vào đời, bắt đầu cuộc sống tự lập hạnh phúc và gian khó của mình. Ông có gì

để cho con vào cái ngày trọng đại này của nó? Ông có thể làm được gì để giúp nó? ý định nói hết sự thật của ông thì sao? Và dù không muốn, trước mắt ông Phát lại hiện lên cái hình ảnh mà ông vừa tưởng tượng ra. Ông xấu hổ, mở to mắt rồi lắc mạnh đầu, cố xua nó đi như xua một con ruồi dai dẳng bám vào ông.

Thằng Bắc đã quay lại từ lúc nào, hình như quên việc bố vừa định nói điều gì đó, nó vui vẻ bảo ông:

- Hôm nay ấy mà, bố ạ, chúng con liên hoan với nhau vui lắm. Đến như con mà cũng hát mấy bài cơ đấy, bố xem có ngộ không? Thằng Quân, con bác Vi trưởng ga cũng phải hát. Nó trúng tuyển bộ đội, ngày mai đi. Tiếc là không cùng đường. Còn cái Liên, Liên lùn ấy, đã nhận được giấy báo trung cấp thú y rồi, nhưng còn những một tháng nữa mới tập trung. Chúng con gộp lại, liên hoan một lần tất. Quấy lắm...

Thấy bố ngồi im không có phản ứng gì, thằng Bắc bỗng dừng lại. Nó nghĩ ngợi một phút rồi hạ giọng nói:

- Thôi bố đi nghỉ đi, mai còn dậy sớm đi làm. Con thấy dạo này bố có vẻ mệt mỏi, già đi trông thấy.

Ông Phát vẫn ngồi im. “Ừ, mà có lẽ mình già và yếu thật rồi. Đến phải về hưu mất...”

Thằng Bắc vẫn kiên nhẫn đứng yên trước mặt ông.

- Hình như lúc này bố có điều gì định nói với con?...

“Bố có điều gì định nói với con à?”. Ông Phát đưa đôi mắt mệt mỏi nhìn con trai. “Có chứ! Bố có nhiều, rất nhiều điều muốn nói với con. Bố muốn nói rằng con, chừng ấy năm ở với bố, lớn lên bên bố, con không hề biết, và hình như cũng chẳng tỏ ra muốn biết, rằng vì con, bố đã phải đau khổ thế nào. Con chỉ sống với hiện tại và tương lai, mà bố chỉ là quá khứ, nên bố đứng yên, làm cái hố hổng mọi sự nặng nề của cuộc sống. Ngày mai con đi, vô tư và sung sướng, con sẽ bay như con chim, và con quên rằng con đã để lại phía sau cho bố một gánh nặng không nhỏ. Cũng thế bao năm nay, làm người bề ghi ở cái ga xép bé nhỏ này, chưa một

người nào trên những đoàn tàu vùn vụt lao qua để ý đến bố, một con người bé nhỏ, ốm yếu đang đứng giữ cờ hiệu an toàn cho đoàn tàu đi qua. Vâng, bố bé nhỏ, ốm yếu, bố suốt đời đứng yên một chỗ, nhưng thử hỏi thiếu bố, đoàn tàu có dám ào ạt lao qua như thế không? Thiếu bố, con có được sống như con đang sống hôm nay và sẽ sống ngày mai không? Bố không trách, nhưng quả con đã không nghĩ tới điều đó, những người đi tàu cũng không một lần nghĩ tới điều đó?..." Ông Phát nghĩ như thế, muốn nói như thế. Mặt ông méo xệch hẳn đi, đôi môi mấp máy như không thành tiếng. Dưới ánh trăng mờ chiếu qua cửa sổ, hai giọt nước mắt lớn đang lăn trên má ông ngả thành màu trắng đục.

- Kìa bố, có chuyện gì thế bố? - Anh con lo lắng hỏi.

Ông Phát không đáp, thờ thẩn nhìn vào một điểm nào đó trước mặt. Mãi một lúc sau, ông mới lên tiếng:

- Không, khuya rồi, con vào ngủ đi, - ông húng hắng ho rồi khẽ nói tiếp: - Bố chỉ muốn dặn con mai đi, cố gắng học tập, đừng bận tâm lo nghĩ gì về bố...

Và như để chấm dứt câu chuyện, ông Phát đứng dậy, dò dẫm bước về phía cửa sổ.

Một đoàn tàu không hiểu là tàu gì, lại rầm rập đi qua khu ga yên tĩnh. Ông Phát đứng nhìn theo và nghĩ tới việc ngày mai, trên sân ga bé nhỏ này, ông sẽ đứng cầm cờ ra hiệu an toàn cho một đoàn tàu khác, trong đó có con ông, cũng sẽ lao đi, khỏe mạnh và vững tin như thế.

*Hà Nội, 1983*

## ĐÊM THÁNG

Hai người già ngồi nói chuyện với nhau, khe khẽ và thông thả như những người già vẫn thường nói chuyện với nhau.

Đêm tháng chạp trời tối và lạnh. Gió thổi nhẹ từng đợt ngắn làm cánh cửa gỗ không cài then chốc chốc lại đập vào khung cách cách ... Có tiếng chuột đuổi nhau chít chít đầu đó sau chiếc cối xay cũ, nhưng con mèo vàng từ lâu đã nằm khoanh tròn bên đồng tro ấm ngay sát ngọn lửa, vẫn lười biếng không chịu dậy đuổi bắt, mà chỉ khẽ ngẩng đầu, đưa mắt nhìn một cách tiếc rẻ rồi lại uể oải nằm xuống như cũ. Trên bếp, nồi cám lợn sôi òng ọc, có lẽ đã đủ chín, nhưng thỉnh thoảng người này hoặc người kia lại lơ đang cho vào bếp một khúc củi gộc nào đó.

Những sợi khói mảnh bốc lên, ngoằn ngoèo, chậm chạp. Chốc chốc một vài tàn lửa rơi lên áo họ, để lại những chấm trắng nhẹ và xấp.

Bà là một phụ nữ nông thôn bình thường, trạc bảy mươi tuổi, chiếc khăn đen cũ buộc trùm lên đầu, che một phần lớn khuôn mặt thanh tú và thư thả. Một tay bà luôn cầm chiếc que cời dí dí xuống đất. Còn tay kia bà đặt lên đầu gối, hầu như bất động. Trông bà có vẻ lơ đãng như đang suy nghĩ một chuyện gì xa xôi đầu đó, nhưng thực ra bà đang rất chú ý lắng nghe người ngồi đối diện.

Người ngồi đối diện là ông, ông mới từ Pháp về. Ông là Việt Kiều về thăm quê lần đầu sau hơn năm mươi năm xa cách. Hôm



nay ông trượt chuyến tàu nhanh hai giờ chiều rồi một mình đi bộ từ ga về nhà, tức là suốt gần mười hai cây số. Tất nhiên cảnh vật, làng xóm đường xá bây giờ khác xưa, hoàn toàn không thể nhận ra, ấy thế mà tự ông vẫn tìm được đường về làng - có lẽ do nhờ một sự cảm nhận đặc biệt nào đấy mà chỉ những người già như ông mới có. Ở làng, ông chẳng còn ai thân thích ngoài một người cháu gọi ông là cậu. Chuyện trò, thăm hỏi một lúc với gia đình ông cháu và những người láng giềng nghe tin kéo đến, vừa ăn tối xong, ông đã sang đây thăm bà.

Hai người ngồi đối diện nhau bên bếp lửa sắp bụi. Họ nói chuyện nhỏ nhẹ và thông thả. Câu chuyện thường bị ngắt quãng bởi những lúc im lặng kéo dài. Thoạt nhìn, có thể tưởng họ là hàng xóm láng giềng hàng ngày vẫn gặp nhau, vừa ngồi sưởi vừa trao đổi vu vơ đôi câu cho đỡ buồn ngủ. Chính họ, cả ông lẫn bà, cũng phải thán ngạc nhiên vì sự bình tĩnh ấy của mình, ít ra là bề ngoài. Cả hai đều chờ đợi cuộc gặp này từ rất lâu, đến nỗi thậm chí đã mất hy vọng và đã gần như thôi không chờ đợi nữa.

Một cơn gió chợt thổi mạnh vào cánh cửa. Ngồi trong nhà có thể nghe rõ tiếng lá khô lạo xạo trên sân gạch.

- Con đâu? - ông chợt hỏi, ngược đôi mắt cận nặng hấp háy sau cặp kính dày nhìn bà, giọng không thay đổi. Chỉ những ngón tay run run lần nới lỏng chiếc cà vạt sẫm màu trên cổ là nói lên ông đang xúc động và hồi hộp.

Bà ngồi im không đáp, dờ dẫm nhìn một cục than đỏ rực, nứt nẻ thành những ô vuông nhỏ trong bếp. Ông vẫn kiên nhẫn chờ đợi. Một lúc sau, sợ bà không nghe rõ, ông khẽ nhắc lại một lần nữa:

- Con của chúng mình đâu, bà? Đứa con ngày xưa ấy ?

\*

Cái ngày xưa ấy, tức là cách đây hơn năm mươi năm, bà là một cô gái xinh đẹp nổi tiếng khắp vùng. Còn ông là chàng trai



con nhà bên, cũng nổi tiếng không kém - vì khoẻ mạnh và vì táo tợn. Hai người cùng nhau lớn lên và yêu nhau, một tình yêu tự nhiên, giản dị trong khuôn khổ nông thôn phong kiến và lạc hậu thời đó. Gia đình nhà ông và nhà bà đều nghèo, xưa nay vẫn chơi thân với nhau, nên nói chung không phản đối cuộc tình duyên này. Những tưởng mọi chuyện đều sẽ vào đấy, ai ngờ bất chợt tai hoạ đổ xuống đầu đôi bạn trẻ. Số là trong làng có lão chánh tổng thấy bà xinh đẹp, liền nảy ra ý định lấy bà làm vợ ba. Ngày ấy chánh tổng quyền to lắm, muốn làm gì với ai, người ấy phải chịu. Không hiểu từ đâu hắt moi ra một món nợ hai trăm đồng bạc, bắt bố bà trả ngay, nếu không phải gả con gái cho hắt để trừ nợ. Một thủ đoạn không lấy gì làm mới và tinh vi, nhưng bao giờ cũng mang lại kết quả mong muốn. Và thế là đám cưới được dự định giữa hai người là không thành. Không còn cách nào khác, bà đành phải lau nước mắt nghe bố về làm lễ, hay đúng hơn, làm người hầu trong nhà ông chánh. Còn người yêu của bà, không nói cũng biết, đã đau khổ và tức giận như thế nào.

Ông rủ bà cùng bỏ trốn thật xa, nhưng bà không dám vì sợ liên lụy đến gia đình. Ông đã cầm dao định đến nhà lão chánh tổng và đâm chết hắt, rồi sau muốn ra sao thì ra. May thay, bà biết và kịp ngăn lại. Cuối cùng, sau khi đã thoả thuận với lão chánh tổng, ông quyết định bỏ nhà lên tỉnh kiếm tiền mang về chuộc lại người yêu. Hôm ông đi, cũng vào một đêm mùa đông gió và rét thế này, bà đã theo ông tới tận ra xe lửa, và ở đó, vừa khóc, bà vừa nói với ông rằng bà đã có thai, rằng bà sẽ chờ ông về, chờ mãi.... Ông ôm chặt bà vào lòng. Hai người cứ thế đứng lặng hồi lâu, rồi bất chợt ông buông bà ra và nhảy lên một đoàn tàu lúc ấy bất ngờ đang chạy qua, với niềm tin hầu như chắc chắn rằng chỉ ít tháng sau ông sẽ quay về với đủ số tiền cần thiết.

Ác thay, số phận đã không chiều ông. Cuối cùng thì ông cũng trở lại được quê hương, có điều không phải sau ít tháng như ông muốn, mà sau năm mươi năm. Đứa con ông hỏi bà lúc này là đứa con bà cho ông biết đêm ấy... Thấy bà ngồi im không nói gì, ông đổi đề tài, với hy vọng chốc nữa bắt chuyện, bà sẽ cho ông biết điều ông quan tâm nhất.

- Nói chung, bà sống thế nào?

- Cảm ơn ông, không đến nỗi, - bà đáp, vẫn không ngược lên. Rồi ngừng một chốc, bà nói tiếp: - Cũng như mọi người trong làng thôi.

Vì mới về và hầu như chưa trò chuyện nhiều với ai nên ông không biết gì về đời riêng của bà, nếu không kể điều duy nhất ông biết được - qua người cháu - là xưa nay bà vẫn sống một mình, lúc đầu với con trai, rồi con lớn đi bộ đội, lấy vợ, sinh con để cái đầu đó tận Mộc Châu, bây giờ thỉnh thoảng mấy năm một lần vợ chồng mới về Nghệ An thăm bà. Đó có phải là con ông không? Hay con của lão chánh tổng, nếu hấn kịp để lại cho bà một đứa con? Điều ấy đã làm ông băn khoăn suốt buổi chiều hôm nay. Còn về ông, cũng qua người cháu, đến hàng xóm và cuối cùng đến bà, bà biết được rằng ông có vợ và hai con. Vợ ông người Pháp, cả gia đình đều ở bên ấy, ở ngay thủ đô Pari. Bà còn nghe người ta đồn là bây giờ ông rất giàu, có xe hơi và nhà lầu riêng, nay mai sẽ có cả một chuyến ô tô chở quà của ông về chia đều khắp làng. Nghe tất cả những điều ấy, bà chỉ im không nói gì. Mà rồi trước việc ông trở về đột ngột như vậy, bà cũng chẳng biết tình cảm của bà ra sao nữa. Vui hay buồn? Hay đứng dưng?

Có lẽ đứng dưng thì đúng hơn. Tình cảm của bà như bếp lò bà đang ngồi bên hôm nay, cũng từng một thời bùng cháy, thật rạo rực, thật mãnh liệt, nhưng bây giờ chỉ còn lại một đám tro âm ỉ nóng để không lúc nào còn cháy đỏ trở lại.

- Tại sao bà không lấy chồng? - ông hỏi. - Không lẽ suốt chừng ấy năm và vẫn chờ tôi?

- Không, - bà thản nhiên đáp. - Tôi không lấy chồng, nhưng không phải vì chờ ông.

Giọng bà vẫn đều đều không thay đổi, tuy vậy, nếu thật chú ý lắng nghe và lúc ấy nếu trong nhà có đèn sáng, ông có thể nhận thấy qua giọng nói và nét mặt bà một điều gì đó. Nhưng vì già, mắt lại kém và trong nhà mờ tối nên ông đã không nhận thấy điều ấy.

Ông bỏ nhà ra đi đúng được chín tháng thì cách mạng nổ ra. Lão chánh tổng bỗng mắc bệnh rồi chết. Bà ôm con về nhà bố mẹ và bắt đầu hết ngày này đến ngày khác mong chờ ông trở lại. Bấy giờ thời thế đã thay đổi, không cần hai trăm đồng kia họ cũng có thể lấy nhau. Chỉ cần ông trở lại. Bà chờ và tin là ông sẽ trở lại, nhưng một tháng, hai tháng rồi năm tháng trôi qua mà vẫn không thấy ông đâu. Bà nhờ hết người này, người nọ tìm giúp, nhưng mọi cố gắng của bà đều vô ích. Một lần không nén được, bà đã bỗng con ra ga, định lên tỉnh hay thậm chí đi cả Hà Nội để tìm chồng, nhưng người nhà biết, chạy theo bắt bà quay lại. Bà đã chờ như thế rất lâu, vừa thương, vừa oán trách ông, hoàn toàn không biết rằng ông, sau khi đã hết cái thời hạn mấy tháng tự ông đặt ra kia mà vẫn không đành dùm được đồng nào, cuối cùng thất vọng, ông trốn lên một tàu buôn sang Pháp, định thử số phận một lần nữa bên đó.

- Còn ông, ông sống thế nào? - bà hỏi, tức là ý bà muốn hỏi suốt năm mươi năm qua ông đã sống thế nào.

- Cũng bình thường như người khác. Nghĩa là khó khăn, rất khó khăn ... Bà tha lỗi cho tôi là suốt từ bấy đến nay tôi đã không kiếm đủ tiền để về chuộc bà...

Quả đúng cuộc đời của ông không dễ thật. Ở Pháp, mẫu quốc, kiếm tiền cũng khó như ở An Nam thuộc địa. Ông đã từng thất nghiệp hàng năm, từng suýt chết đói, từng làm đủ nghề và thử tìm vận may khắp nơi. Kể ra thỉnh thoảng số phận nghiêm khắc cũng khẽ mỉm cười với ông, nhưng ác thay, không bao giờ đến mức cho phép ông kiếm đủ tiền mua vé tàu biển trở lại quê hương. Ở tuổi gần năm mươi, hoàn toàn mất hết hy vọng, ông lấy vợ, lấy một phụ nữ Pháp cũng nghèo và gặp nhiều bất hạnh như ông...

- Sao ông không cho bác gái và các cháu về thăm quê luôn thể?

- Tôi về lần này cùng một đoàn Việt Kiều yêu nước. Hội chi phí. Vả lại... Vả lại...- ông ngập ngừng, khẽ mỉm cười như người có lỗi. - Về một lúc mấy người, tự lo, tôi không đủ tiền...

Bà định hỏi "Sao nghe nói ông giàu lắm?" nhưng nghĩ thế nào lại thôi. Hai người im lặng. Một lúc sau, thấy bà có vẻ bắt chuyện hơn, ông quay lại câu hỏi làm ông băn khoăn từ đầu. Ông nói:

- Tôi nghe nói bà có một người con trai.
- Vâng.
- Con của tôi?
- Không.

Ông húng hắng ho, những ngón tay run rẩy lại đưa lên nói chiếc cà vạt trên cổ.

- Tôi không hiểu... Nhưng..... nhưng nó có phải là đứa con bà nói với tôi cái đêm hôm ấy không?

- Đúng thế, - bà đáp, vẫn không thay đổi giọng, không thay đổi cả nét mặt lẫn thế ngồi. Rồi bà nói tiếp, đoán là ông ngạc nhiên không hiểu: - Vâng, đúng là nhờ ông mới có nó, nhưng thế chưa đủ để thành con ông. Để làm bố, phải cần nhiều hơn, nhiều hơn nhiều...

Bà im lặng, nhìn đắm đắm vào đống than hồng trong bếp. Sau cái vỏ bình tĩnh bề ngoài, từ lâu trong lòng, bà đang khóc, bà khóc cho cả chừng ấy năm đau khổ. Bà trách ông - trách lắm chứ! - vì ông đã bắt bà phải chờ đợi lâu như thế, bắt bà phải vất vả như thế. Cũng vì ông mà bà phải cô đơn suốt đời. Tất cả những điều ấy quá sức một người chịu đựng, cả khi người ấy là phụ nữ. Và cũng quá sức chịu đựng của bà cả cái điều sau năm mươi năm bà mòn mỏi chờ ông, cuối cùng ông về, một vợ và hai con, ông hỏi: "Không lẽ suốt chừng ấy năm bà vẫn chờ tôi à? " Và tính tự ái ương bướng của người phụ nữ bị bỏ rơi đã bắt bà nói trái lòng mình.

Thực ra bà vẫn biết ông không có lỗi. Ông cũng chẳng hạnh phúc hơn bà, quả vậy, nhưng dù sao, dù sao...

... Bà chờ ông suốt cả chín năm kháng chiến. Ngày nào bà cũng chờ, và ngày nào bà cũng tin là hôm nay có thể ông sẽ về.

Nhưng ông đã không về. Rồi hoà bình, rồi hoà bình được một năm ông cũng không về nốt. Đến lúc này thì bà nghĩ có lẽ ông đã chết, và bà thôi không chờ đợi nữa, tuy trong lòng bà vẫn nghĩ có thể một ngày nào đó bất chợt ông sẽ xuất hiện. Ông là người táo bạo, bướng bỉnh mà. Với ông, điều gì cũng có thể xảy ra. Từ bấy đến nay bà ở vậy nuôi con, vì quá đau buồn, quá mệt mỏi để bước thêm bước nữa. Năm tháng tiếp nhau trôi qua, rồi dần dần trong làng hầu như chẳng còn ai nhớ tới câu chuyện tình yêu trắc trở giữa ông và bà...

Ông hỏi:

- Khi tới Pháp, tức là cách đây... - ông dừng lại để nhẩm tính, - năm mươi một năm một tháng, tôi có gửi cho bà một bức thư, bà nhận được không?

- Không, - bà đáp.

- Và năm năm tư, sau chiến tranh thắng Điện Biên, một thư nữa? - giọng ông nhỏ nhẹ và tự nhiên, như một người nào đấy vừa ngáp vừa hỏi bạn: "Tháng trước mình gửi thư cho cậu, cậu không nhận được à?".

Bà lại lắc đầu, rồi lần đầu tiên bà nhìn thẳng vào mắt ông, hỏi:

- Và sau đó thì thôi? Chỉ hai thư? Trong suốt năm mươi năm?

- Vâng, - ông đáp, vờ cúi xuống thổi lửa để tránh cặp mắt của bà. - Vì tôi hoàn toàn bất lực trước hoàn cảnh của mình. Vì tôi sợ làm ảnh hưởng đến hạnh phúc của bà, tất nhiên nếu bà có hạnh phúc... Bà .... bà hãy tha thứ cho tôi, - giọng ông run run. - Tôi không còn là một thằng đàn ông nữa, tôi đã không kiếm đủ tiền để về chuộc bà... Vâng, suốt chừng ấy năm...

Hai giọt nước mắt lớn, màu đục từ từ lăn trên má ông cho đến lúc gặp mắt kính, toả ra hai bên. Ông cứ mặc nước mắt tự do trào ra mà không cảm thấy xấu hổ. Bà bỗng cảm thấy thương hại ông, thương hại cả chính bà nữa. Đôi mắt cay cay, bà lái câu chuyện sang hướng khác:

- Thế tuổi già của ông, ông định thế nào?

Ông không đáp ngay, thông thả lấy chiếc khăn mùi xoa lụa từ trong túi ra, và cũng thông thả như thế, ông chấm chấm khăn lên hai mắt, lên mặt, rồi nói.

- Cũng đành sao chịu vậy chứ biết làm gì hơn? Bà xem lúc trai trẻ, còn khoẻ, còn cần cho bà, cho làng xóm thì tôi lại lang thang nơi quê người. Bây giờ thế này, không lẽ tôi còn dám dẫn bộ xương già về quê, để rồi mai một chiếm thêm một thước đất làm mộ, uống thêm một ít nước, ăn thêm một ít cơm gạo, cái mà thiếu tôi, ở đây vốn cũng chẳng lấy gì làm thừa...

Im lặng.

- Ông thấy quê hương bây giờ thế nào? - bà hỏi.

- Ồ khác lắm, mới lắm. Tôi mừng lắm. - Ông đáp ngay. - Chẳng còn tí gì giống trước, trừ cây đa đầu bến. Cây đa chứ không phải dòng sông. Dòng sông bây giờ bị nắn thẳng, rộng ra và xấu đi... ấy thế mà không hỏi ai, tôi cũng tự tìm được về làng đấy. Và nếu ngôi nhà cũ của bố mẹ tôi còn, có lẽ tôi cũng tìm ra được...

Giọng ông có vẻ vui hơn, không phải không pha đôi chút tự hào.

Lại im lặng.

Cứ thế, họ nói chuyện với nhau, nhỏ nhẹ và rời rạc. Tuy nhiên, đó chưa phải những gì ông muốn nói, cũng không phải những gì bà quan tâm muốn biết. Cả hai đều hiểu rằng giữa họ đang có chuyện khác lớn hơn, quan trọng hơn. Nhưng không hiểu sao - lúc người này, lúc người kia, có lúc cả hai, họ như sợ không muốn nói tới điều đó, dù biết trước thế nào cũng phải nói.

Ngoài trời, hình như mưa lất phất rơi, gió vẫn thổi từng đợt ngắn, ẩm và buốt như trước. Nồi cám lợn đã được nhắc xuống đất sát con mèo đang nằm khoanh tròn, hai mắt lim dim.

Ở nhà ngoài, chiếc đồng hồ treo tường cũ kỹ bà được chia rừ hồi cái cách ruộng đất, thông thả gõ mười hai tiếng.



- Mười một giờ, - bà nói, sau một lúc dài hai người im lặng. - Đồng hồ nhà tôi bao giờ cũng gõ thừa một tiếng.

Ông đứng dậy, húng hắng ho như người có lỗi. Bà vẫn ngồi yên, cũng không ngược nhìn lên.

- Bà không bao giờ nói gì với con về tôi à? - Cuối cùng ông hỏi.

- Không.

- Bây giờ nó có nhận tôi là bố không? - ông lại hỏi, càng rụt rè hơn trước. - À mà lúc này bà đã nói...

Im lặng.

Trước mắt bà lại hiện lên cảnh bà ôm con định lên tỉnh tìm chồng, cảnh những năm tháng cô đơn, lam lũ, những đêm dài khóc thầm, úp mặt xuống gối.

- Tôi không biết, nhưng có lẽ là không.... - bà nói.

Ông đứng yên, người co lại, đầu hơi cúi xuống như một cậu học trò không thuộc bài đứng chờ cô giáo cho điểm yếu.

- Tôi muốn nhờ bà một điều.... Tôi xin bà...- ông lắp bắp nói. - Tôi không thể.... Bà cho phép tôi được gặp con, dù chỉ một lần, dù phải giấu tôi là ai... Tôi không thể về đến đây mà không gặp nó ... Được không... bà? - Tay ông run run, hơi chìa ra phía trước và khẽ chạm vào mái tóc buộc khăn của bà.

Cảm thấy khách đứng mà mình thì cứ ngồi mãi, không tiện, bà đứng dậy.

- Cái đó tùy ông, - bà nói. - Nếu ông muốn, tôi sẽ cho ông địa chỉ. Có thể con sẽ tha thứ cho ông cũng nên.

Thay cho lời cảm ơn, ông đặt một bàn tay gầy khô lên vai bà. Bà vẫn đứng yên, nhưng thực ra bà cảm thấy như lão đảo, sắp ngã khi bàn tay khô gầy ấy của ông chạm vào người bà.

- Nhưng cuối cùng, sau tất cả những gì đã xảy ra, bà có tha thứ cho tôi không? - ông khẽ hỏi, khẽ đến mức các từ dính vào nhau không thành tiếng.



Bà không trả lời. Mà bà cũng chẳng biết trả lời thế nào. Trong bà lúc này nhiều tình cảm lẫn lộn cùng dâng lên. Buồn và vui. Tình thương và oán giận. Độ lượng và cố chấp... Nhưng bao trùm lên tất cả là mệt mỏi, một sự mệt mỏi vừa dịu ngọt và cay đắng. Và dưới sức mạnh của sự mệt mỏi ấy. Không biết từ bao giờ, bàn tay hai người đã nằm gọn trong nhau. Ông từ từ bước ra phía cửa.

Bên ngoài, mưa và gió vẫn chưa dứt.

Bà đứng yên. Bà đang tưởng tượng thấy ngày mai ông lại sẽ một mình chống gậy ra ga mua vé đi Mộc Châu. Một mình. Một người già. Mưa gió...

- Này ông, - bà khẽ gọi rồi bước vội về nơi ông nghe tiếng bà đang đứng lại, chờ đợi. - Trời lạnh thế mà ông .... Ông vẫn táo bạo như xưa. Ông đem theo cái này. - Rồi bà cởi chiếc khăn đen bạc màu quàng lên cổ ông, như bà đã cởi khăn quàng cho ông năm mươi năm về trước, cũng vào một đêm tháng chạp mưa và gió như đêm nay.

*Diễn Châu, 1985*

## MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CON CHÓ

Trong căn phòng nhỏ một khách sạn rẻ tiền nằm sát biển ở Bãi Cháy, nhà văn M. ngồi chống tay lên bậc cửa sổ, lặng lẽ hút thuốc, chốc chốc lại đưa đôi mắt mệt mỏi nhìn ra vịnh Hạ Long.

Trời mưa đã ba ngày nay, không lớn, nhưng dai dẳng và thật buồn. Các hòn đảo ngoài vịnh như bị đẩy lùi ra xa, chỉ còn là những mảng đen mờ mờ ngọt ngạt trong màn sương lạnh và ẩm ướt.

Nhà văn M. thậm nguyên rửa mình không đâu bỗng dưng bỏ thủ đô và bạn bè để xuống đây vào những ngày thời tiết xấu thế này. Mấy lần ông ngồi vào bàn định viết, nhưng chẳng ăn thua gì. Ông có cảm giác các câu chữ nhạt nhẽo, rời rạc cứ tuột khỏi đầu như những giọt nước lớn đang đều đều rơi từ gờ mái khách sạn xuống ban công phòng ông. Ông lại đến ngồi bên cửa sổ, lại thờ ơ nhìn những mảng đen không hình thù rõ rệt ngoài vịnh... Cuối cùng, ông bỏ lên giường nằm, với tay lục trong chiếc túi du lịch tập truyện của Sêkhốp bằng tiếng Nga mà bao giờ ông cũng mang theo. Rồi trùm chăn lên tận cằm, không nhìn mục lục, ông giở chừng một truyện, bắt đầu đọc.

Mười lăm, hai mươi phút sau, ông vùng dậy, lần nữa đến đứng bên cửa sổ. Sêkhốp bao giờ cũng làm ông kích động, hoặc nhiều hoặc ít tùy theo mỗi truyện. Vừa rồi truyện ông đọc ngẫu nhiên lại đúng là "Người đàn bà có con chó nhỏ", một truyện ông

ưa thích và đã đọc đi đọc lại không biết bao nhiêu lần. Nhưng lần này ấn tượng nó tác động lên ông khác trước, có thể vì hoàn cảnh của ông bây giờ và hoàn cảnh các nhân vật trong truyện giống nhau chẳng, nghĩa là cũng biển, cũng nhân rồi và... buồn tẻ.

Nhà văn M. đứng im, hồi lâu nhìn xuống bãi biển vắng người, khá bẩn và lổn nhổn những viên đá sắc cạnh ngay dưới chân khách sạn ông đang ở. Trước mặt ông, như trong cuốn phim màu quay đẹp, lần lượt hiện lên hình ảnh một anh chàng Guróp nào đó, bốn mươi tuổi, chán vợ, chán đời, từ Mátxcova trốn xuống Yanta, và ở đây đã gặp Người đàn bà có con chó nhỏ, tức là Anna Xécgâyépna, vợ một anh chồng tỉnh lẻ, giàu có nhưng nhu nhược. Tiếp đến là cảnh bãi biển đầy nắng, hai người thông thả bước đi dưới những tán cây xanh, hoặc thuê xe ngựa cùng đi Orêanda; cảnh Guróp đến phòng Anna Xécgâyépna, rồi xảy ra cái điều thường xảy ra trong những trường hợp tương tự đối với những người đi nghỉ giàu có, nhân rồi và dễ dãi. Tiếp nữa là cảnh hai người chia tay nhau, để trở về với cuộc sống hàng ngày buồn tẻ của mình, nhưng rồi, không ngờ đối với cả hai cuộc gặp gỡ thoáng qua ấy không chóng quên đi như thoát tưởng, mà cứ dai dẳng ám ảnh họ, đến nỗi Guróp phải tìm đến thành phố C. để rình gặp người đàn bà có con chó nhỏ của mình. Còn Anna Xécgâyépna thì sau đó đều đặn đến Mátxcova lén lút gặp Guróp. Nghĩa là qua một mối tình bãi biển nho nhỏ, họ đã tìm thấy hạnh phúc và tình yêu thật sự. Họ không thể sống thiếu nhau... nhưng than ôi, cả hai lúc này đâu còn được tự do để hành động theo tiếng gọi tình cảm! Họ bị ràng buộc bởi hoàn cảnh thực tế của cuộc sống gia đình và xã hội - ti tiện, nhỏ nhen đấy, nhưng vẫn cứ là những ràng buộc không dễ thoát ra khỏi...

- Người đàn bà có con chó nhỏ, - nhà văn M. vừa kéo dài giọng trầm trầm, vừa đi một vòng quanh phòng.

Lát sau ông lại đến đứng bên cửa sổ, nhìn đắm đắm vào màn sương mù bàng bạc sông nước đang phủ kín Vịnh Hạ Long. Ông nhìn như thế rất lâu, và sau lớp sương mù ấy, lần nữa ông lại thấy bãi biển Yanta rực nắng. Nhưng lần này, thay cho Guróp,

ông nhìn thấy chính bản thân ông, mặc chiếc quần soóc trắng cũn cõn, cặp kính râm đen che kín nửa mặt, đầu đội chiếc mũ trắng bằng vải ni-lông đang đi giữa những hình người trần truồng nằm phơi nắng ngổn ngang trên cát. Không có người đàn bà có con chó nhỏ, mà chỉ có cô phiến dịch Antônia, một cô gái mới hai mươi lăm tuổi mà đã phát phì đến mức nghe đồn cô ta, sau khi nhịn ăn hàng tuần liền mà vẫn vô hiệu, đã phải nhờ đến phẫu thuật để giảm bớt trọng lượng thừa của cơ thể. Rồi ông thấy ông cùng nhà thơ Hoài Giao và nhà phê bình Lương Bảo Đạt, com-lê, cà vạt chỉnh tề, đang vào thăm nhà lưu niệm Sêkhốp ở Yanta. (Năm kia, ba người được Hội Nhà văn cử đi dự một cuộc hội thảo văn học quốc tế ở Mátxcova). Khi cuộc tham quan kết thúc, ngồi uống cà phê trong quán giải khát bên cạnh, một bạn đồng nghiệp Xô Viết hỏi ông thích truyện ngắn nào nhất của Sêkhốp.

- Người đàn bà có con chó nhỏ, - ông đáp ngay không chút do dự, dù biết Sêkhốp còn nhiều truyện khác nổi tiếng hơn về nhiều phương diện.

- Thế ông có nghĩ, - anh bạn đồng nghiệp Xô Viết nháy mắt cười một cách ranh mãnh, - rằng chúng ta, trong đời, ai cũng có một người đàn bà có con chó nhỏ của riêng mình không?

Lần ấy, nhà văn M. đã không trả lời câu hỏi này. Thực ra ông chẳng quan tâm lắm tới nó, mà chỉ xem như một trong nhiều, rất nhiều các câu nói tào lao khác mà ông đã nghe hay đã nói.

Nhưng lúc này, dưới ấn tượng của câu chuyện vừa đọc, với tâm trạng chán chường của một ngày xấu trời, đứng khoanh tay bên cửa sổ nhìn Vịnh Hạ Long, ông lại đang nghĩ đến nó và tự hỏi:

- ừ nhỉ, mình đã bao giờ có một người đàn bà có con chó nhỏ nào chưa? Một người đàn bà có thể làm thay đổi hẳn cả suy nghĩ lẫn cuộc sống của mình? Và nếu có thì người ấy là ai?

Giống nhân vật Gurốp trong truyện ngắn Sêkhốp, nhà văn M. đã bước qua cái tuổi bốn mươi của đời người ngắn ngủi. Mặc dù có đủ điều kiện để xây cho mình một tổ ấm gia đình nho nhỏ,

không hiểu sao mãi đến nay ông vẫn sống độc thân. Như Gurốp, trong vẻ ngoài, trong tính cách và trong cả con người ông nói chung, có một cái gì đấy hấp dẫn và mạnh mẽ, dễ thu hút sự chú ý của phụ nữ. Ông biết rõ điều ấy, nhưng ông cũng biết cả điều là ông luôn bị một ma lực nào đó thu hút tới phụ nữ, tuy cũng giống Gurốp, ông chẳng bao giờ đánh giá cao về họ. Ông không gọi phụ nữ là lớp người hạ đẳng, tất nhiên, nhưng mỗi lần có ai đó nói về họ, ông thường hay cắt ngang bằng một câu ông ưa thích: "Sốt ruột! Thôi, sốt ruột lắm!"

- Người đàn bà có con chó nhỏ - ông lẩm bẩm và lại lần nữa nhìn chăm chăm vào lớp sương mù trước mắt. Lần này ông thấy gì?

Lớp sương mù dày đặc kia đang chậm chậm tan đi một cách miễn cưỡng, để lộ chính cái bãi biển Yanta của Sêkhốp, đồng thời cũng là của ông, nhà văn M., có điều cách đây đã gần hai mươi năm, khi ông còn là một anh chàng sinh viên năm thứ hai nào đó, vào cái thời mà bây giờ ông cảm thấy ngỡ ngàng khó tin là đã từng có thật...

Một lúc, trước mắt ông cùng hiện lên hai cảnh song song nhau, như thể một cảnh ông nhìn ở mắt bên phải, cảnh kia ở mắt trái: câu chuyện của Sêkhốp với Gurốp và Anna Xécgâyépna, và câu chuyện có thật của ông mà ông là nhân vật chính.

Lần ấy ông nghỉ hè ở Yanta, có thể chính ở bãi biển này, nơi Gurốp gặp Người đàn bà có con chó nhỏ của mình. Ông làm quen với một cô gái Nga, cũng bé nhỏ, xinh đẹp và tóc vàng như Anna Xécgâyépna. Cũng những buổi đi dạo rất lâu dọc bờ biển; cũng những lần bỏ đi xa, có điều không phải bằng xe ngựa tới Olêândã mà bằng tàu thủy tới Gagrư hoặc lâu đài Váctangốp. Rồi gì nữa? Rồi hai người cũng chọn lúc mọi người đi vắng để được ở với nhau trong căn phòng khép kín. Giữa ông và cô gái Nga xinh đẹp ấy cũng xảy ra cái điều đã xảy ra với Gurốp và Anna Xécgâyépna. Đến đây thì bắt đầu có sự khác nhau, khác nhau cơ bản: sau khi tỉnh lại, cô gái Nga của ông không ôm mặt khóc như Anna Xécgâyépna, cũng chẳng trách ông câu nào. Điều ấy không hiểu

sao làm ông thấy bị hẫng và phần nào khó chịu. Ông chưa kịp hư hỏng và từng trải như Gurốp để xem việc vừa xảy ra là bình thường. Ông, một anh chàng ngờ nghệch và chân chất, ông đã yêu cô ta với tất cả sự bông bột của mình. Trước đây, cũng như những ngày tiếp theo, ông luôn nhắc đi nhắc lại điều đó với cô, rằng ông yêu, rất yêu cô, và tất nhiên không quên hỏi cô có yêu ông không. Thường thì cô gái không nói gì, chỉ cười hay đặt nhẹ lên môi ông một cái hôn thay cho câu trả lời. Thế cũng đủ làm ông hạnh phúc và bỏ qua cho cô tất cả.

Cuối cùng, đến ngày ông, cái anh chàng si tình chất phác ấy, phải lên đường trở về Mátxcova, ông những tưởng cô bạn của ông sẽ lưu luyến, buồn tiếc lắm, thậm chí có thể vì ông mà bỏ nghỉ về giữa chừng. Nhưng không, sáng hôm ấy, ra tiễn ông, cô ta cũng chẳng buồn hay vui hơn ngày thường. Đứng ở cửa sau ô tô buýt, ông nhận từ tay cô mấy bông hoa anh đào (chắc vừa bẻ trộm trong vườn nhà nghỉ) và một mẫu giấy ghi số điện thoại và địa chỉ của cô ở Mátxcova. Khi ô tô nổ máy, lợi dụng tiếng ồn, ông hỏi lại cô có yêu ông không. Cô gật đầu mỉm cười, và vì đứng xa, cô gửi cho ông một cái hôn gió âu yếm. Xe chuyển bánh. Cô đi theo đúng năm bước rồi quay lại, còn ông thì đứng dán người vào cửa kính, nhìn theo. Chỉ đến bây giờ ông mới nhận thấy một anh chàng người Nga mặt non choẹt, đầu đội chiếc mũ trắng, lưỡi trai quay về phía sau để tạo ra vẻ ngang tàng mà anh ta thiếu, đang đứng chờ cô bên quầy bán báo cạnh đấy. Chỉ vài phút sau, cô gái vừa nói yêu ông, vừa hôn ông ấy, đã thản nhiên khoác tay cái anh chàng mặt non choẹt kia thông thả đi về phía bãi tắm. Thời ấy, vốn bông bột và dễ tự ái, ông đã toan nhảy xuống xe để nhỏ toẹt vào tình yêu của cô ta, và nhân thể cho vài quả đấm vào cái mồm đắc thắng đáng ghét của thằng cha đi cạnh. Nhưng ông đã nén giận ngồi im cho tới sân bay Ximphêrôpôn, và từ Ximphêrôpôn tới tận Mátxcova.

Rồi sau đó thì sao ? Sau đó thì chẳng có gì đáng nói. Mà cũng chẳng có gì xảy ra thêm nữa. Ông không đến nhà cô ta, cũng không gọi điện. Ông buồn, tất nhiên. Buồn như bất kì chàng trai nào yêu lần đầu và bị phản bội, lại lộ liễu, trâng tráo như thế.



May mọi chuyện trôi qua một cách êm thấm, và cũng không quá kéo dài như ông tưởng. Có điều, dù sao nó cũng để lại một dấu ấn khá sâu trong lòng ông. Cũng có thể vì nó mà xưa nay ông có thái độ mỉa mai, hời hợt như thế đối với phụ nữ chẳng?

"Có đúng là trong đời mỗi chúng ta, ai cũng có một Người đàn bà có con chó nhỏ không?" - nhà văn M. tự hỏi mình, mắt vẫn lơ đãng nhìn vào một điểm nào đó. "Có thể là thế. Và không phải một, mà hai, ba, hoặc nhiều hơn, nếu đó là những người đàn bà dễ dàng đến với ta, thậm chí có cả tình yêu và nước mắt, nhưng rồi cũng dễ dàng như thế, họ tuột khỏi ý thức của ta. Còn nếu đó là người đàn bà như nhân vật của Sêkhốp thì không, không phải ai cũng có được cái may mắn gặp những người như thế...

Nhà văn M., một người đàn ông đứng tuổi, từng trải, đáng người cân đối, khoẻ mạnh, có thể nói là đẹp trai và khá lịch lãm, bối lực hồi lâu trong kí ức mình những người phụ nữ đã đi qua đời ông. Rồi lắc đầu một cách chua chát, ông nói to thành tiếng:

- Người đàn bà có con chó nhỏ! Quý tha ma bắt nó đi!

Có tiếng gõ nhẹ vào cửa. Đó là cô trực khách sạn, một cô gái bên lên, rất gầy, nhưng có khuôn mặt đẹp. Cô ta vào nhắc ông đã đến giờ ăn chiều.

"Hay Người đàn bà với con chó nhỏ của mình chính là cô ta? - nhà văn M. mỉm cười mỉa mai, khi cô gái vừa khép cánh cửa lại sau lưng mình. - Hay những cô gái hộm hĩnh mới được in một vài bài thơ hay truyện ngắn, đã vênh mặt, tưởng mình là nhà này nhà nọ? Là mấy cô gái nước ngoài béo tốt, - quá ư béo tốt - đằm dáng một cách vụng về, dốt nát, nhưng hay tỏ ra hiểu biết, với cái vẻ bao giờ cũng khinh khỉnh, xét nét, mà ông gặp ở khách sạn Caraven ở Sài Gòn tháng trước?"

Tối hôm ấy, sau khi đã ngồi ở phòng ăn đúng một giờ, uống hết nửa chai rượu chanh loại tồi sắc súa mùi cồn, ăn một đĩa to phở xào và một chiếc bánh nướng "kế hoạch ba" do khách sạn tự làm, nhà văn M. vui vẻ trở lại phòng mình. Và trùm chăn kín đầu, trước khi làm một giấc đến tận mười giờ sáng hôm sau, ông



vừa mỉm cười - hoàn toàn không có chút mỉa mai chua chát, - vừa nhớ lại cảm giác ông mới trải qua buổi chiều, như nhớ lại một cái gì đấy xảy ra đã lâu, thật xa vời và không hề liên quan đến ông...

Người đàn bà có con chó nhỏ! Sốt ruột!

*Bãi Cháy, 1984*

## SÔNG TIỀN SÔNG GIANG PHẪNG

- Chú đây à, chú Hai? - có tiếng một thằng bé đứng khuất sau hàng cây rậm và thấp bên bờ hỏi vọng xuống.

- Ủ, chú đây, sao cháu còn chưa đi ngủ?

Thằng bé không đáp, im lặng một lúc, nó nói:

- Trời khuya, lạ sông nước, chú cẩn thận đấy, chú Hai à!...

- Ủ, cháu vào nhà đi.

Ông Bàn thọc sâu hai mái chèo xuống nước. Chiếc thuyền nan lẹ làng dướn lên phía trước. Rồi khua tay, nhịp nhàng chèo thêm một lúc nữa, cho đến khi nghĩ cách bờ đã khá xa, ông gác chèo lên thuyền, sửa sửa lại tư thế ngồi cho chắc, để mặc dòng nước chậm chậm đưa thuyền ông xuôi về phía thị xã Cửu Long lốm đốm những ánh đèn mờ đục.

Mùa này nước xuống, dòng sông phẳng lặng. Ông Bàn chú ý lắng nghe mà không nghe thấy tiếng nước vỗ nhẹ vào hai mạn thuyền. Nước cứ thản nhiên lững lờ trôi, hầu như không hề chao động. Phía đông, trăng mỏng mờ đã vượt lên khỏi rặng cây xa xa. "Chắc đã khuya", ông Bàn định liếc nhìn đồng hồ, nhưng chợt nhớ để quên ở nhà. Trăng không sáng, nhưng cũng đủ làm loáng bót bóng đêm đang bao trùm khắp nơi. Dưới ánh sáng yếu ớt ấy, dòng sông như rộng hơn, mênh mang và huyền bí hơn.

Ông Bàn ngồi yên sau thuyền, lưng còng còng, chiếc đầu nhỏ với mái tóc đã bắt đầu điểm bạc rứt sâu vào đôi vai gầy nhon.

Ông đang buồn, và ông ra đây để được một mình yên tĩnh suy nghĩ lại tất cả mọi chuyện.

Con sông Tiền Giang phẳng lặng thông thả chảy về phía Đông và đưa thuyền ông đi theo, còn ý nghĩ của ông, những ý nghĩ nặng nề và lẫn lộn thì quay ngược trở lại với quá khứ, hoặc toả ra hai bên với những gì vừa mới xảy ra.

\*

... Cách đây hai mươi năm, chính xác hơn - hai mươi năm ba tháng sáu ngày - cũng ở khúc sông này, vợ ông chèo thuyền đưa ông sang bờ bên kia để lên Sài Gòn tập kết ra Bắc. Lúc ấy họ vừa lấy nhau và cùng hoạt động trong vùng tạm chiếm, ông là du kích, còn vợ ông là giao liên. Khi chia tay - buổi sáng, gió thổi mạnh - đứng trên chiếc thuyền con chòng chành, ông đặt một tay lên vai vợ, nói là sau hai năm ông sẽ trở về. Còn vợ ông, vốn ít lời và rụt rè, chỉ cúi đầu đứng im, hồi lâu mới nói được một câu mà cố lắm ông mới nghe rõ: "Anh đi gắng mạnh giỏi. Em chờ... Bao lâu em cũng chờ..."

Tất cả chỉ có thế. Rồi ông nhảy lên bờ, vội vàng khoác ba lô chạy theo anh em. Chỉ vài lời nói bình thường người ta vẫn nói trong các buổi chia ly, - không dùng dằng, không nước mắt - nhưng cả ông và bà đều biết đó là lời thề quan trọng nhất mà họ phải giữ...

Và rồi sao?

Và rồi hôm nay ông trở lại với bà như đã hứa. Có điều không phải sau hai năm, mà là hai mươi năm. Hơn thế, không chỉ mình ông, mà cùng với một người vợ khác ông đưa từ miền Bắc vào. Còn bà? Bà là người bao giờ cũng đúng và đã nói là làm. Bây giờ, thêm một lần nữa, ông biết rõ hơn về đức tính ấy của vợ. Trong suốt hai mươi năm qua bà chờ đợi từng ngày mòn mỏi mong ông trở về.

Ấy thế mà khi trở về, ông được tin bà đã bỏ đi tu. Ở ngôi chùa nhỏ gần đây thôi, ngay sát bờ con sông Tiền Giang này. Có lẽ trước đây ai đó đã kịp báo cho bà biết ông có vợ "ngoài ấy".

Đêm về khuya, cái mát dễ chịu bắt đầu chuyển sang lành lạnh. Ông Bàn húng hắng ho, kéo chiếc áo sơ mi mỏng bó chặt thêm vào người. Theo dòng nước, con thuyền vẫn chậm chậm trôi như cũ.

"Minh đang ở đâu nhỉ? " - ông đưa mắt nhìn hai bên để định hướng, và lấy làm ngạc nhiên rằng đã không nhận ra. Mà rồi với ông, điều ấy bây giờ cũng chẳng quan trọng.

... Đêm ba mươi tháng Tư năm bảy lăm, ông đã thức trắng, không hề chợp mắt một chút nào. Vào cái đêm hoà bình đầu tiên sau ba mươi năm liên tục chiến tranh ấy, tất nhiên còn nhiều người nữa không ngủ được. Nhưng ông Bàn thao thức còn là vì một lý do khác, đó là người vợ trước của ông. "Bà ấy bây giờ còn sống hay đã chết? - ông tự hỏi - Và có biết ngoài này mình đã lấy vợ rồi không?" Trong suốt hai mươi năm qua hầu như ông không nhận được tin tức gì về vợ ông. Nói "hầu như" là vì năm một ngàn chín trăm sáu mươi, một người từ Miền Nam ra nói rằng hồi Luật 10-59, Diệm tố cộng ở xã ông, bắt và chém ngay tại chỗ hơn mười người, nghe nói trong đó có cô Bảy. Nhưng khi ông hỏi có phải là Bảy Chiến vợ ông không, thì người kia lắc đầu bảo không biết, vì không là người cùng xã. Ở quê ông, tên Bảy không ít - hể ai con thứ sáu trong gia đình đều có tên là Bảy - thành ra, ông Bàn vẫn cho cái tin ấy chẳng thông báo được điều gì quan trọng. Năm năm sau có người nói là vợ ông đã chết trong một trận càn. Cùng lúc ấy, một người khác lại khác quả quyết là còn sống, nhưng đã lấy chồng khác, hiện đang mở hiệu buôn vải ở Sóc Trăng. Cả hai tin trên, ông Bàn lắng nghe một cách chăm chú, cân nhắc kỹ cái có lý và cái vô lý, nhưng cuối cùng ông vẫn chẳng đi đến một kết luận nào dứt khoát, tuy thâm tâm không hiểu sao ông vẫn tin một cách mơ hồ vợ ông còn sống và đang chờ đợi ông. Ai chứ vợ ông, ông biết - cô ấy giỏi lắm, gan lỳ lắm, không dễ mà chết được, lại càng không dễ bỏ ông đi lấy người khác.

Và rồi ông tiếp tục chờ, chờ ngày được gặp lại bà - sau, mà cũng có thể trước khi đất nước được giải phóng, ai biết. Hai năm, năm năm, rồi mười năm trôi qua. Tóc ông bắt đầu lốm đốm đôi sợi bạc. Hố mắt sâu hơn, cái lưng không đâu bỗng trở nên gù gù từ lúc nào, dù thực ra, xét về tuổi, ông chưa phải già lắm. Càng ngày ông càng ít nói, và có vẻ như muốn lánh xa mọi người. ít đêm ông ngủ trọn giấc, và lúc nào cũng như đang chìm trong những ý nghĩ xa xôi nào đó.

Một hôm, vào năm thứ mười lăm của sự chờ đợi kéo dài vô tin tức ấy, và cũng là khi bước sang cái tuổi bốn mươi lăm, ông Bàn đến gặp đồng chí bí thư chi bộ cơ quan, và nói:

- Anh Ba nè, tôi có tí việc muốn nói với anh.
- Chuyện gì thế, anh Hai?
- Tôi định lấy vợ.

Đồng chí bí thư, cũng là một người đồng bằng sông Cửu Long, thông thả đặt chiếc bút chì đang cầm trên tay xuống bàn, im lặng nhìn ông, chờ nghe tiếp.

- Vâng, tôi định lấy vợ. Và tôi muốn báo chi bộ biết điều đó.
- Tôi nghe nói cô Bảy, vợ anh trong kia đã chết, - cuối cùng đồng chí bí thư lên tiếng. - Nghe cả tin cô ấy lấy chồng nữa...
- Không, - ông Bàn vội ngắt lời. - Cô ấy còn sống, và đang chờ tôi.
- Anh biết chắc thế à? Ai nói?
- Không ai nói cả. Đây là tôi tin như thế... và có lẽ tôi tin đúng.
- Thế sao anh còn đình vợ? Anh lấy ai?
- Vấn đề là ở chỗ ấy, anh Ba ạ. - Ông Bàn nhìn thẳng vào mắt người đồng hương đang ngồi đối diện. - Tôi đã chờ mười lăm năm, và anh Ba biết không, tôi có thể chờ thêm mười lăm năm, hay thậm chí lâu hơn. Nhưng liệu đến ngày ấy tôi hoặc cô Bảy có còn sống để gặp nhau nữa không? Liệu lúc ấy tôi, một lão già ốm

yếu và bản tính có còn cần cho cô ấy nữa không ? Trong khi... tôi nó thật anh Ba nhé, trong khi bây giờ chưa muộn, có thể tôi còn ít nhiều có ích cho ai đó... Ngay cạnh nhà tôi có cô Thoa, anh biết rồi đấy, chồng bộ đội chết đã mấy năm, một nách hai con nhỏ... Thịnh thoảng tôi có sang giúp đỡ cái này cái nọ. Cô ấy cần tôi, ừ mà rồi tôi cũng cần cô ấy. Lâu nay tôi cứ nghĩ mãi về chuyện này, rằng liệu lấy cô ấy, tôi có lỗi gì với vợ tôi trong kia hay không ? Ý anh thế nào, anh Ba?

Anh Ba đứng dậy bước ra khỏi bàn, nhẹ nhàng đặt một tay lên vai ông:

- Đây là chuyện riêng của anh, tôi cũng như tổ chức, không có quyền can thiệp. Nói chung là tùy anh thôi, tùy cách anh suy nghĩ, tùy lương tâm...

- Lương tâm? - ông Bàn cũng đứng dậy. - Lương tâm tôi trong sạch. Lương tâm tôi muốn vợ tôi chung thủy, chờ đợi tôi, nhưng nếu phải chờ lâu quá, cô ấy có thể bỏ tôi đi lấy chồng khác như người ta đồn. Thậm chí điều ấy là cần thiết. Cái gì cũng có giới hạn. Không thể và không nên đòi hỏi quá nhiều ở một con người.

- Còn về anh, anh cũng nghĩ như thế khi quyết định lấy cô Thoa?

Ông Bàn im lặng một lúc rồi nói, giọng trầm hẳn xuống:

- Trường hợp của tôi, kể có hơi khác đôi tí. Tôi muốn nghiêm khắc hơn với bản thân, muốn thử thách mình hơn nữa. Vì vậy mà suốt chừng ấy năm, dù không tin tức, hay có tin tức như anh biết, tôi vẫn chờ đợi...

- Còn bây giờ?

- Bây giờ có cô Thoa, anh Ba ạ, tôi đã nói với anh rồi đấy. Tôi vẫn yêu, vẫn chung thủy với vợ tôi, nhưng tôi nghĩ có lẽ tôi sẽ lấy cô Thoa...

Rồi đám cười được tổ chức, không ồn ào nhưng đủ các nghi thức cần thiết. Năm năm qua, họ có thêm một đứa con và sống với nhau hạnh phúc. Vâng, có thể nói là hạnh phúc. Ông yêu vợ con, chăm vun cho chiếc tổ muộn muộn của mình, và cảm thấy

cuộc đời trở nên ấm áp hẳn lên, dù mái tóc vẫn tiếp tục bạc thêm, cái lưng vẫn gù gù và đầu óc vẫn luôn nghĩ về người vợ cũ.

Là người từng trải qua những chấn động lớn về tình cảm, lại tinh tế, nên bà Thoa rất hiểu tâm trạng chồng. Những lúc thấy ông ngồi thẩn thờ suy nghĩ, bà thường tìm cơ lẩn tránh hay lặng lẽ làm công việc của mình với cảm giác buồn buồn của một người ít nhiều tự thấy mình có lỗi.

Những ngày đầu khi đất nước vừa giải phóng, bà thấy tính tình chồng có nhiều thay đổi. Ông tỏ ra chăm sóc vợ con hơn, hay cười, hay pha trò một cách vụng về hơn. Nhìn chồng, bà Thoa biết sắp đến cái điều lâu nay cả hai đều lo sợ, nhưng vẫn dững cảm chờ đợi như chờ đợi một cái gì tất yếu.

Một hôm, chỉ còn hai người với nhau, ông cố lấy giọng bình tĩnh bảo bà, như thể họ vừa bàn bạc với nhau một chuyện gì đó, giữa chừng bị cắt ngang nay tiếp tục trở lại.

- Bao giờ chúng ta có thể lên đường?

- Có lẽ anh đi một mình thì hơn.

- Không, cả hai. Trường hợp nào, đi cả hai vẫn hơn. - Cô Bảy còn sống hay không may đã chết rồi cũng vậy. Em là người cứng rắn, bình tĩnh, em sẽ giúp anh... Vả lại, em cũng phải về thăm quê chồng chứ!

Hai ngày sau, bà Thoa nhờ người em gái đến ở trông cháu, rồi vợ chồng khăn gói lên đường. Đến Sài Gòn, qua một người quen cũ, ông Bàn được tin bà Bảy còn sống, không lấy chồng khác và hiện đang ở quê. Ông đem tin này nói với vợ. Từ đó, dù bề ngoài như không có gì xảy ra, trong lòng mỗi người mang nặng một tâm trạng, mỗi người đeo đuổi những ý nghĩ riêng của mình.

Từ Sài Gòn, ô tô đưa họ tới thị xã Cửu Long. Từ đây về làng còn hơn ba cây số nữa. Họ quyết định đi bộ. Dọc đường đi, hầu như không ai nói với ai câu nào. Ông Bàn rõ ràng đang xúc động mạnh, đến nỗi nhiều lúc ông phải cầm tay vợ để đi cho vững. Ông xúc động với tư cách là người xa quê hương hai mươi năm nay



mới trở lại, và còn cả vì cuộc gặp gỡ sắp tới với người vợ cũ. Chốc chốc ông trộm liếc bà Thoa, thầm ngạc nhiên trước vẻ bình tĩnh đến đáng vợ của bà.

Bố ông Bàn chết sớm, má ông ở vậy nuôi hai con - ông và thằng em ông. Lúc ông ra đi nó mới mười sáu tuổi. Bà Bảy, vợ ông, cùng ở với má và nó.

Dù thay đổi rất nhiều, ông Bàn vẫn nhận khu làng xưa của mình. Nó nằm ngay trên bờ sông Tiền, khuất trong những hàng cây ăn quả xanh tốt. Sắp tới nơi, thật may ông gặp một đứa bé gái cùng làng. Nó dẫn ông về tận nhà, dọc đường liú lô báo trước cho ông nhiều điều quan trọng. Qua nó, ông biết má ông còn sống, người em đi lính nguy đã chết, cô vợ bỏ lên Sài Gòn lấy chồng, còn thằng con, tên là Lý, mười hai tuổi, ở lại với bà ngoại.

- Còn dì Bảy? - ông Bàn rụt rè hỏi.

- Dì Bảy Chiến ấy à? - Cô bé liến thoắng nói. - Dì Bảy làm du kích, rồi làm cán bộ trên huyện, nhưng nay đi tu rồi, ở chùa Bãi Vệt, chỉ thỉnh thoảng mới về làng...

- Đi tu? Nhưng sao dì ấy lại đi tu?

- Con không biết, ấy là con nghe người ta nói vậy.

Đến đây thì cũng vừa tới nơi. Cô bé chỉ cho vợ chồng ông Bàn một ngôi nhà tranh mới được tu sửa khá tươm tất, trước sân có con đường nhỏ thoai thoải dẫn xuống sông.

Cuộc gặp gỡ giữa hai mẹ con ông Bàn thật cảm động. Không quen biểu lộ tình cảm, bà cụ chỉ biết cầm tay con, vừa khóc vừa kể lể những điều rời rạc, lẫn lộn. Ông Bàn đứng im nghe mẹ, đôi mắt cay cay. Mãi lúc sau ông mới chột hốt hoảng nhớ tới bà Thoa lúc ấy đang xách túi lúng túng đứng cạnh.

- Đây là cô Thoa, vợ con. Chúng con có ba đứa nhỏ còn gửi ngoài Bắc...

- Chào má, - bà Thoa ấp úng nói.

Bà cụ nhìn con dâu một lượt từ đầu đến chân bằng đôi mắt không lấy gì làm thân thiện, rồi lạnh lùng nói:

- Chào con, con vào để đồ trong nhà rồi nghỉ ngơi một lát.

Tối đến, khi khách khứa ra về, bà Thoa viện cớ đi đường mệt lên giường sớm, để mẹ con ông Bàn ngồi nói chuyện với nhau rất lâu ngoài sân.

- Con nghe nói cô Bảy bỏ nhà đi tu, sao thế má? - ông Bàn hỏi.

- Nó chờ mày chừng ấy năm, đến khi hoà bình, nghe mày có vợ, nó hận nó đi tu chớ sao. Mày thật không phải với nó.

- Vâng, con biết con có lỗi, con sẽ nói cho má và nhà con hiểu sau. Nhưng nhà con là cán bộ huyện, cơ quan cũng chịu để thế à?

- Thì ai biết nó sẽ làm thế. Cách đây một tháng, chắc sau khi nghe tin mày, nó xin tổ chức cho nghỉ việc vì lý do sức khỏe. Chả là hồi năm bảy mươi, tụi Mỹ càn bắt được, đánh đến gãy chân mà nó vẫn không khai, sau may được anh em mình cứu thoát. Bây giờ nó còn đi cà nhắc đấy, tội nghiệp con bé... - bà cụ chép miệng, rồi nói tiếp: - Nó về đây với tao được mấy hôm rồi lên ở hẳn trên chùa Bãi Vệt. Tao thương nó lắm, tội nghiệp... - Bà cụ lại chép miệng. - Vậy mày định thế nào bây giờ?

- Con cũng chẳng biết nữa, - ông Bàn đáp. - Nhưng ngày mai con và vợ con sẽ lên thăm cô ấy.

\*

Sáng hôm sau, thằng Lý chèo thuyền đưa ông Bàn và bà Thoa lên chùa Bãi Vệt. Khi ướm hỏi bà Thoa cùng đi, ông Bàn không tin bà sẽ đồng ý, hay ít ra cũng không đến nỗi dễ dàng như thế. Nhưng sự thực lại diễn ra khác hẳn. Bà Thoa chỉ im lặng gật đầu rồi bỏ vào buồng thay quần áo. Mấy hôm nay bà ít nói, và như ông đã nhận thấy - bình tĩnh một cách lạ lùng. Ông cố đoán bà đang nghĩ gì trong đầu, và phải thừa nhận rằng dù lấy nhau đã năm năm nay, ông vẫn còn biết quá ít về vợ. Ông chỉ biết bà là

một phụ nữ nghiêm túc cả trong công việc lẫn tình cảm, đặc biệt rất ngay thẳng và cương quyết, điều vẫn làm ông vị nể và có phần hơi sờ sợ, tuy công bằng mà nói, ông chưa bao giờ thấy bà làm điều gì quá đáng. Cả lúc này cũng vậy, bà đối xử với ông, với mẹ ông và với khách khứa phải nói rất đúng mực, vừa lễ phép, vừa đàng hoàng, khiến ông không khỏi cảm thấy đôi chút tự hào trước con mắt của làng xóm. "Nhưng với bà Bảy thì thái độ của cô ấy thế nào? - ông Bàn băn khoăn tự hỏi. - Mong sao đừng xảy ra điều gì gay gắt quá". Ông liếc nhìn vợ. Như đoán hiểu tâm trạng chồng, bà Thoa khẽ mỉm cười, không rõ để khích lệ hay giấu cợt, rồi quay sang hỏi thằng Lý điều gì đó về hàng cây loa xoà trên mặt nước.

Chùa Bãi Vệt nằm cao trên một doi đất bồi, xung quanh cây cối um tùm. Như đúng một ngôi chùa phải có, nó cũng có mái uốn cong, tường bám rêu xanh loang lổ, những bậc đá đen nhẵn thín, không khí yên tĩnh và bên góc sân là một cây đại thụ nhiều nhánh với những cánh hoa vàng trên cây và dưới đất.

Trong khi thằng Lý hý hoáy cột chiếc thuyền vào gốc cây dưới bến, vợ chồng ông Bàn bước lên chùa. Ông trước, bà sau, thong thả và nghiêm trọng như những người mộ đạo đi lễ. Tới nơi, khi bước lên bậc đá cuối cùng dẫn vào sân, ngược nhìn lên, họ đã thấy bà Ba đứng dưới gốc đại đang nhìn họ, như thể bà biết trước và từ lâu chờ đợi sẵn.

- Mình... - ông Bàn ấp úng, giọng run run. - Tôi đã về.

- Chào ông, - bà Bảy khẽ đáp sau một lúc im lặng rồi bà nhìn bà Thoa: - Chào chị.

- Chào chị, - bà Thoa đáp rồi tế nhị lảng ra đầu chùa, để hai người ở lại với nhau.

Ông Bàn đứng lặng, ngắm người phụ nữ nhỏ bé trước mặt. Bà mặc chiếc quần đen bằng lụa, chiếc áo bà ba vải gụ sạch sẽ, mái tóc chải gọn về phía sau. Năm nay bà chưa đến năm mươi nhưng tóc đã bạc nhiều, khuôn mặt gầy đen, khắc khổ, không

phải cái khắc khổ của người tu hành, mà do vất vả và đau buồn. Phải khó khăn lắm ông Bàn mới tìm thấy được ở khuôn mặt ấy những đường nét cũ không thay đổi trong óc tưởng tượng của ông.

- Tôi ăn ở thật không phải với mình, - cuối cùng ông nói, như lời mẹ ông đã trách ông hôm trước. - Tôi...

- Tôi đã biết hết mọi chuyện, ông không cần nói nữa. - Bà Bảy khe khẽ đáp.

Im lặng.

- Bà có tha thứ cho tôi không ?

- Ông làm như thế là đúng, và chẳng có gì đáng trách - bà nói, cố lấy giọng bình tĩnh, nhưng ông biết phải khó khăn lắm bà mới giữ được để khỏi oà khóc và kêu lên, trách ông những lời thậm tệ.

- Tôi đã chờ bà chừng ấy năm... hoàn toàn không tin tức...

- Tôi biết.

- Còn bà, sao bà lại ở đây? Bà đi tu à?

- Không, ông nhìn tôi đây thì rõ - không cạo đầu, không mặc áo nhà tu, cũng chẳng ăn chay...

- Thế bà làm gì ở đây?

- Tôi thay bà từ vừa chết, trông coi ngôi chùa này. Ngày xưa, có lần giặc càn, nhờ trốn ở đây, tôi mới thoát chết. Tôi muốn được một mình nghỉ ngơi yên tĩnh...

- Nhưng ở với má, bà cũng có thể ...

- Vâng, trước kia tôi cũng nghĩ thế, nhưng nay... nay đã có người chăm sóc cụ.

Ông Bàn biết rõ bà Bảy định nói gì. Ông lúng túng đứng im, chần chừ không dám hỏi câu hỏi từ lâu ông muốn hỏi:

- Bà bảo tôi phải làm thế nào bây giờ?

- Thế còn quyết định của riêng ông? - thay cho câu trả lời, bà Bảy hỏi lại.

Quyết định của riêng ông? Ông Bàn đã nhiều lần tự đặt cho mình câu hỏi ấy. Bà Thoa cũng đã hỏi ông như thế, nay đến lượt bà Bảy. Đây là câu hỏi khó mà ông luôn cố lẩn tránh. Với cả chính bản thân ông, ông cũng chưa bao giờ có thể trả lời một cách dứt khoát, tuy trong lòng, ở một nơi sâu xa nào đó, ông mong muốn không phải mất một người nào trong số hai người đàn bà yêu quý kia của đời ông, nghĩa là nói trắng ra, ông muốn cả hai vẫn là vợ ông... Ông cảm thấy xấu hổ với ý nghĩ ấy. Tất nhiên, ông đã không dám nói nó với cả bà Thoa lẫn bà Bảy.

- Thực tình tôi chưa biết nên thế nào, - ông lúng búng nói, - nhưng chắc chắn giữa tôi và bà... sau chừng ấy năm chờ đợi...

Bà Bảy mỉm cười vẻ thương hại.

- Ông không cần bận tâm điều đó. Ông phải về với thím ấy. Cũng như ông, thím ấy hoàn toàn không có lỗi. Vả lại, còn đứa bé. Tôi già rồi, lại đau yếu. Những gì có thể làm được - cho cách mạng và cho mình - tôi đã làm. Nay chút còn lại của đời tôi, tôi muốn sống nốt ở đây, để được thanh thoi, yên tĩnh. Tôi nghĩ có thể tổ chức, và cả ông nữa, sẽ tha thứ cho tôi điều đó...

- Nhưng...

- Thôi, ông đừng nói nữa! À, mà thím ấy đâu rồi? Ông gọi hộ... Chúng tôi muốn nói chuyện một tý. Chuyện đàn bà với nhau thôi mà. Ông đừng lo, tôi không làm gì thím ấy đâu. Ông đi đi!

Để mặc hai người phụ nữ với nhau, lòng rối bời, ông Bàn ra ngồi trên bậc đá, thần thờ nhìn con sông đang trải rộng trước mặt. Ông ngồi như thế rất lâu, chìm đắm trong những ý nghĩ nặng nề, bối rối, đến nỗi cuối cùng, khi hai người kia nói chuyện với nhau xong, cùng đi ra, gọi ông, ông mới biết. Nhìn họ, ông hiểu giữa hai người đã có một câu chuyện cởi mở, thẳng thắn. Chắc cả hai đều vừa khóc, vì mắt người nào cũng đỏ và ướt. Ông Bàn còn muốn nhân có mặt cả ba, tiếp tục câu chuyện bỏ dở, nhưng bà Bảy đã đi về phía bên, tỏ ý nên chấm dứt ở đây.

- Lý đâu, chuẩn bị thuyền đưa chú thím về, con. - Bà nói to, tuy thấy rõ thằng Lý đang ngồi đợi sẵn trên thuyền.

Không còn cách nào khác, ông Bàn đành đi theo. Họ trao đổi với nhau mấy câu từ biệt, và chốc sau, thằng Lý đã khua mạnh cả hai mái chèo, đưa con thuyền xuôi theo dòng nước.

Hôm sau, từ sáng sớm, ông Bàn mượn chiếc xe đạp của ông láng giềng đạp lên uỷ ban Huyện, nơi làm việc cũ của bà Bảy. Gặp bạn bè ngày xưa cùng hoạt động với nhau, chỗ này một tý, chỗ kia một tý, cứ thế dềnh dàng mãi đến chiều tối ông Bàn mới về đến nhà.

Tối ngỗ, ông thấy thằng Lý chạy ra kêu to:

- Chú Hai, chú Hai ơi, dì Thoa đi rồi!

- Sao? Mà nói gì kỳ vậy, Lý! Đi đâu? Đi hồi nào?

Rồi ông luống cuống đẩy xe vào nhà.

Trong nhà, trên chiếc bàn gỗ cũ kỹ, chiếc túi xách vải nhựa màu xanh nhạt của bà Thoa không còn nữa, thay vào đó là một tờ giấy trắng gấp tư, trên có chèn chiếc lọ mực của thằng Lý.

- Hồi sáng, tía biểu con chở tía lên chùa Bãi Vệt, trưa quay về, con không thấy dì ấy đâu nữa. - Thằng Lý đi theo sau lưng ông, lên tiếng.

Ông Bàn không nói gì. Tay run run, ông cầm mẫu giấy lên đọc:

*"Xin lỗi vì em không thể làm khác. Em đã hiểu tất cả. Trong quan hệ vợ chồng, sự có mặt của người thứ ba không bao giờ mang lại hạnh phúc - cho chính mình và cho người khác. Chị Bảy đã lên chùa để anh và em tiếp tục sống với nhau, nhưng em, em không thể và không có quyền tiếp nhận một sự hy sinh như thế. Anh đừng lo cho em. Em đã nghĩ tới khả năng này từ khi còn ở nhà. Em có bà con ở Sài Gòn, họ sẽ giúp em trở lại Hà Nội yên ổn. Chúc anh và chị Bảy hạnh phúc".*



\*

... Ông bàn lại ra ngồi bên sông. Bóng đêm buông xuống từ lúc nào. Gió nhẹ thổi làm đưa những chiếc lá ngái ngủ. Đầu tháng, trăng chưa lên nhưng trời đầy sao. Ông cứ ngồi thế, trằn trằn nhìn dòng sông đang trải rộng một màu bàng bạc trước mặt. Một giờ, hai giờ hoặc có thể ba giờ... rồi bất chợt, như nhớ ra điều gì, ông đứng dậy, đi về phía chiếc thuyền con đang cột ở một gốc cây cạnh đấy. Khi ông vừa xô thuyền ra khỏi bờ thì có tiếng thằng Lý hỏi vọng xuống:

- Chú đấy à, chú Hai?

- Ừ chú đây, sao cháu còn chưa đi ngủ?

Thằng bé không đáp, im lặng một lúc, nó nói:

- Trời khuya, lạ sông nước, chú cẩn thận đấy, chú Hai à.

- Ừ, cháu vào nhà đi, - ông dịu dàng bảo nó. Chắc nó lo lắng, theo dõi ông từ tối đến giờ. Tội nghiệp thằng bé.

\*

Dòng nước lững lờ tiếp tục đưa thuyền ông Bàn chậm chậm trôi về phía thị xã Cửu Long, về phía biển. "Chỗ này là chỗ nào nhỉ?" - ông Bàn tự hỏi nhưng không đưa mắt nhìn hai bên, mà vẫn ngồi im, chiếc đầu bé nhỏ như càng tụt sâu hơn vào đôi vai gầy.

Mùa này nước xuống, sông Tiền Giang phẳng lặng. Thật khó mà tin được rằng, cùng với con người, con sông này vừa trải qua một cuộc chiến tranh ghê gớm, với những vết thương sâu, những xáo động dữ dội mà nó phải gánh chịu, và gánh một cách dửng dưng. Thế mà kia, bây giờ trước mặt ông, nó vẫn trầm tĩnh, nhân hậu làm sao, với tấm lòng mở rộng như một đức hy sinh vô bờ

bến. Bất giác ông lại nghĩ tới hai người vợ của ông. Đằng sau cái vẻ bình thản bề ngoài và những việc làm lặng lẽ của họ là những xúc động dữ dội của tình cảm, là lòng vị tha bao la chỉ những người phụ nữ mới có. Còn ông, ông thì sao? Ông cũng là người nhân hậu, không ai phủ nhận điều đó. Ông yêu một cách chân thành cả bà Bảy lẫn bà Thoa. Và hoàn toàn không có chút giả dối nào, cả trong những lời ông nói với đồng chí bí thư chi bộ cơ quan mấy năm trước. Ông nói thế nào nhỉ? Ờ, ông nói rằng ông vẫn yêu, vẫn chung thủy với bà Bảy khi quyết định lấy bà Thoa! - ông Bàn héch mếp cười chua chát trong bóng tối. Cũng như mới gần đây thôi ông còn tin một cách thơ ngây rằng ông có thể cùng sống với cả hai người đàn bà một lúc. Nhưng lúc này, một mình trên chiếc thuyền con giữa dòng sông bao la, ông hiểu rằng điều ấy là không thể được, cũng như không thể cùng một lúc chiếc thuyền của ông cập bến hai bờ của một dòng sông. Vậy thì ông biết làm thế nào bây giờ, khi cả hai người đàn bà đã khước từ ông, vì hạnh phúc của ông và của cả chính bản thân họ?

Và cũng chính lúc này, ông mới hiểu được một cách rõ ràng, rằng nhiều năm qua trên dòng sông cuộc đời, không ít lúc ông đã để con thuyền của ông tự do trôi, như suốt đêm nay ông đã gác chèo, để dòng nước lững lờ của con sông tự do cuốn đi...

"Ờ, mà mình bị trôi tới đâu rồi nhỉ? Chắc đã xa lắm". - Ông Bàn tự hỏi, chợt giật mình khi nghĩ tới cảnh sáng mai ông phải vất vả chèo ngược dòng trở lại bến cũ.

Ông ngồi thẳng người, lắc mạnh đầu như cố rũ những ý nghĩ nặng nề còn sót lại. "Biết làm thế nào được! Cách này hay cách nọ, cũng phải quay lại thôi", - ông buồn rầu nghĩ và thần thờ nhìn phía trước, nơi bình minh bắt đầu nhuộm hồng mặt nước sông Tiền Giang phẳng lặng.

*Cần Thơ, 1984*

## TÂM

- Thôi, cháu không tập nữa đâu, - Tâm, một cô gái mười bảy tuổi, sinh viên trường múa, có dáng người gầy và nhẹ như lúc nào cũng có thể bay lên cao, đang múa chưa hết bài Thiên nga giấy chết của Xanh-Xăng mà tôi kéo Viôlông làm nhạc, bỗng bảo tôi như thế với vẻ giận dữ của một đứa trẻ quen làm nũng. Rồi cô mệt mỏi ngồi xuống sàn trần xi măng còn chưa mất hết cái nóng của một ngày hè oi bức, đầu gục xuống, hai tay xoắn dài về phía trước, gần giống cái thế con thiên nga hấp hối cô vừa múa lúc nãy.

- Vì sao? - tôi hỏi và lặng lẽ xếp đàn vào hộp.

- Chẳng vì sao cả, - Tâm đáp, vẫn không ngẩng đầu lên.

- Hay múa điệu khác Melody của Gluck? Con thiên nga nhỏ của Traicốpski?

- Không.

- Nhưng hôm nay cháu vừa mới bắt đầu, mà chương trình thi thì cháu nói, rất nặng. Vả lại, cháu cũng biết là chú bận, không thể cứ giữa chừng bỏ dở công việc, leo lên sân thượng của ngôi nhà sáu tầng này để giúp cháu tập mười, mười lăm phút và...

- Cháu chán lắm rồi.

- Chán? Nhưng vì sao?

- Vì sao? Vì sao? - Tâm nói to như hét, đổi thế ngồi và nhìn tôi bằng đôi mắt mở to đầy xúc động và giận dữ mà lúc này tôi thấy rất rõ, thậm chí cả dưới ánh trăng đầu tháng mờ đục. -

Không lẽ chú không biết nói gì hơn ngoài hai chữ "vì sao" ngu ngốc ấy? Không biết làm gì hơn ngoài việc hàng ngày chúì đầu trên trang giấy hoặc cò cưa cái đàn violông bé tí ấy? Vì sao à? Vì cháu muốn chết!

- Vớ vẩn!

Tôi nói rồi buồn bã xách đàn đi xuống, để lại Tâm một mình, hai tay ôm đầu ngồi trên sân thượng nhà nghỉ Bãi Cháy rộng và hoàn toàn vắng người giữa đêm khuya yên tĩnh. Tôi không giận Tâm vì những lời xúc phạm kia của cô, vì biết xưa nay tính cô vẫn thế - hồn nhiên đáng yêu, nhưng thất thường, hay như một số bạn bè vẫn quen gọi, đồng bóng.

Từ phía bãi biển có tiếng kèn co trầm và mềm như những buồn buồn vọng lại - hình như một giai điệu nào đấy của Rakhmanhinốp. Đó là Quán, còn được gọi là Quán Bi (bi đất), sinh viên năm cuối Nhạc viện Hà Nội. Cậu ta yêu Tâm mê mẩn, và cũng vì thế mà theo cô xuống đây. Còn Tâm thì chẳng hề chú ý đến tình yêu của cậu ra, mà cũng có thể chú ý nhưng tôi không biết - thanh niên bây giờ là thế, khi yêu khi không, vui và buồn thay đổi luôn, khó lòng đoán nổi. Chỉ biết Tâm rất ghét kèn co, nên không bao giờ Quán dám mang kèn lại gần nếu không được phép. Tội nghiệp, anh chàng cứ thui thủi như thế một mình với chiếc kèn suốt đêm ngoài bãi biển, và dai dẳng thổi những bài buồn ai oán để bày tỏ nỗi lòng mình với người yêu. Thối trong nhà thì không được, vì ông chủ nhiệm nhà nghỉ đã hai lần dọa đuổi, nếu cứ tiếp tục "làm mất yên tĩnh của người khác". Cậu ta cũng chẳng biết chơi với ai. Tâm thì hoặc là ngủ hoặc tập múa, còn tôi thì lúc nào cũng bận, không đệm đàn cho Tâm thì trốn tìm chỗ yên tĩnh ngồi viết. Cùng đi với chúng tôi xuống đây còn có một đôi nữa và đều ở Nhạc Viện. Chàng chơi pianô, nàng hát, - nhưng mỗi ngày chỉ xuất hiện ở nhà ba lần vào giờ ăn, còn thì anh chị dắt nhau đi chơi đâu biệt tăm.

"Phải đến bảo Quán lên với Tâm mới được", tôi nghĩ và thâm hình dung thấy Tâm đang ngồi khóc, đôi vai gầy run run theo tiếng nức...

Hôm sau, chúng tôi lại tập. Vẫn bài "Thiên nga giã chết" của Xanh-Xăng. Phải nói là Tâm múa rất đẹp. Đôi chân thon nhỏ nhẹ nhàng di động trên đầu ngón chân, Hai tay dang rộng mềm mại vỗ lên vỗ xuống như đôi cánh thiên nga, và tôi cứ có cảm giác như chỉ cần nhún một cái lấy đà, là cô có thể bay lên mất hút trong bầu trời đêm Hạ Long huyền ảo.

Nhưng cũng giống những lần trước, chẳng bao lâu, cô lại chán nản ngồi xuống.

Tôi im lặng, kiên nhẫn chờ đợi.

Một lúc sau, trái với điều tôi dự đoán, Tâm ngược lên nói với tôi, giọng đượm buồn:

- Cháu nói chú đừng cười nhé - cháu muốn bay lắm, và cháu nghĩ cháu có thể bay được. Chú có tin không?

- Có, - tôi đáp.

- Chú xem, Hạ Long ban đêm đẹp chưa kìa! - Tâm đứng dậy, sôi nổi chìa tay về phía Vịnh lốm đốm ánh đèn của vô số chiếc thuyền đánh cá và những chiếc tàu lớn thả neo chờ ăn than hoặc bốc hàng. - Hề nhắm mắt là cháu thấy người cháu nhẹ tênh, rồi cháu từ từ bay lên cao, thật cao, để lại dưới đất tất cả: Kỳ thi sắp tới, cuộc sống hàng ngày buồn tẻ. Cả chú nữa... - Cô phá lên cười to sung sướng: - Chú tin không?

- Tin, - tôi nói. - Trước cháu cũng từng có một cô gái bay như vậy...

- Ai thế? - Vẫn chìm trong cơn mơ quyến rũ, Tâm lơ đãng hỏi.

- Một cô gái Bungary, tên là Đôrôtêa. Đêm đêm, cô ta bay từ sân thượng một ngôi nhà mười hai tầng ở Xôphia...

- Chú nói thật đấy chứ? - Tâm chạy lại, túm lấy tay tôi, nghiêm mặt hỏi. - Cô ấy bay bằng cách nào?

- Bằng cách cháu vừa nói - nhắm mắt, vung hai tay lấy đà, và thế là bay.

Rồi tôi kể cho cô nghe nội dung cuốn tiểu thuyết "Barie" của nhà văn Paven Vêginốp tôi vừa đọc. Tâm chăm chú nghe tôi như uống lấy từng lời, không chen ngang một câu nào.

- Có lần cô ta còn giúp một người nữa cùng bay. Họ cầm tay nhau lượn mấy vòng trên bầu trời Xôphia tuyệt đẹp. Dưới chân họ là cả thành phố rực rỡ ánh đèn, trên đầu, muôn vàn vì sao đang nhấp nháy, v.v... Cô Đôrôtêa ấy thật hạnh phúc...

- Nhưng rồi cuối cùng cô ta chết!

Chúng tôi cùng ngoái đầu lại nhìn, và thấy Quán đã lên ngồi bên cạnh từ bao giờ.

- Và thế là đúng! - cậu ta nói tiếp, giọng mỉa mai. - Cô ta chỉ là một người điên!

- Không ai mời anh xen vào chuyện người khác, - Tâm khó chịu vì trí tưởng tượng bay bổng của mình bị cắt đứt bởi một câu phủ phàng như thế.

- Anh đi đi, hãy đi trên đôi chân đất nặng nề, với tầm nhìn không cao quá đầu mũi tẹt của anh.

Quán ngoan ngoãn đứng dậy.

- Vâng, nếu Tâm không thích thì tôi không nói nữa. Tôi đi. Tôi biết tôi không bay được, nên tôi đi bằng chân trên mặt đất. Chậm, xấu xí nhưng an toàn và hợp với khả năng có thật của tôi. Còn những chuyện viễn vông đẹp đẽ kia chỉ là sản phẩm của những bộ óc tâm thần. Đừng tin, Tâm. Cũng đừng tin cả những ý nghĩ nhảm nhí và nguy hiểm đang chứa đầy trong đầu Tâm. Tôi đã đọc cuốn sách ấy. Ông nhà văn Vêginốp kia là một tay đại bịp. Muốn vứt bỏ những trói buộc đang kìm hãm mình, con người cần tìm những cách khác thiết thực hơn, chứ không phải bay lên một cách ngu ngốc như vậy, và rồi chết... Đừng tin, Tâm, và hãy cẩn thận...

- Anh đi đi! Đủ rồi. - Tâm khẽ nói.

Khi chỉ còn lại hai người, Tâm quay sang nhìn tôi, nét mặt hết sức nghiêm túc:

- Có đúng cô ta bị điên không, chú?

- Ít ra thì mọi người xung quanh cho là thế. Cô ta bị nhốt vào bệnh viện tâm thần, chỉ thỉnh thoảng mới được ra khỏi đó.



- Nhưng cô ta đã bay?

- Đúng thế, bay nhiều lần. Cô ta giỏi lắm, còn có thể đọc được ý nghĩ của người khác, hoặc lội xuống nước mà không chìm...

- Thế mà cuối cùng cô ta đã chết...

- Vâng, vì tai nạn. Như người khác có thể chết vì tai nạn máy bay, vì trượt chân rơi xuống vực...

Tâm không hỏi gì thêm. Cô ngồi im, thần thờ nhìn mãi một điểm nào đấy trước mặt, rồi nói, không rõ với tôi hay với cô:

- Nhưng chết mà được bay, được biết thế nào là hạnh phúc thực sự thì cũng bỏ. Còn hơn sống mà thế này... Còn hơn như anh Quán, bao giờ cũng dừng tin, cẩn thận, bao giờ cũng thực tế...

- Nhưng những điều cậu ta nói không phải không có cái đúng. Mà sao cháu tàn nhẫn với Quán thế? Cháu không yêu à? Theo chú, cậu ta là một người tốt đấy chứ - tinh táo, thật thà, tốt bụng...

- Chính vì thế mà cháu không thể yêu được.

- Lạ thật. Thế thì cháu yêu ai?

- Yêu chú.

Tâm nói hai chữ ấy thật tự nhiên, như thể không phải về mình, mà về một người nào đấy. Tôi thì vì quá đột ngột, không tìm được câu nào hơn ngoài câu tôi thường nói trong những trường hợp tương tự.

- Vớ vẩn. Cô điên rồi sao?

Tâm ngồi, hai tay ôm gối, đầu gục xuống. Chiếc áo mỏng dính chặt vào cơ thể gây nhứng cân đối của cô. Lúc ấy tôi rất muốn lại gần, muốn đặt tay lên vai cô và nói vài lời an ủi, nhưng không hiểu sao, một cái gì đấy đã giữ tôi lại. Có lẽ đó là cảm giác xấu hổ, vì dù sao tôi cũng lớn hơn tâm gấp hai lần tuổi. Trước đây chỉ xem Tâm là một cô bé mà tôi, với tư cách là bạn của bố mẹ cô, tôi có trách nhiệm phải giúp đỡ, che chở.

- Vâng, cháu điên, cháu là Đôrôtêa. Nhưng người ta không điên, người ta không biết gì cả, không thấy gì cả!...

Tâm tấm tức nói to một mạch liền như sợ bị ngắt giữa chừng. Rồi cô bỏ chạy xuống phòng mình.

Từ phía bãi biển lại vang lên tiếng kèn của Quán, buồn và da diết như mọi lần.

\*

Tối hôm sau, và cả những hôm tiếp theo, như không có chuyện gì xảy ra, Tâm vẫn tập múa và tôi vẫn đệm đàn cho cô. Mỗi lần tập xong, Tâm lại say sưa thổ lộ với tôi cái ý nghĩ đang nung nấu trong cô, rằng cô muốn bay và có thể bay như Đêrôtêa. Còn tôi thì, sau khi không còn gì để nói nữa về cuốn sách của Paven Vêginốp, tôi bắt đầu dài dòng nói về chức năng của văn học, rằng văn học phải chấp cánh cho ước mơ của con người, nâng con người lên cao hơn cuộc sống hàng ngày buồn tẻ, để vươn tới những hành động phi thường, đẹp đẽ, vân vân...

Tất cả những điều ấy được Tâm lắng nghe một cách hết sức chăm chú.

\*

Một buổi sáng, tôi đang ngủ thì Quán từ đâu bỗng xô cửa chạy vào.

- Tâm đã được đưa đi bệnh viện cấp cứu.

- Có chuyện gì xảy ra vậy ? - Tôi tung chăn vùng dậy, hỏi.

- Rơi từ sân thượng tầng sáu xuống sân phụ tầng bốn! Theo chuẩn đoán ban đầu - gãy xương sườn và một tay. Một chiếc cánh mà Tâm mơ ước dùng để bay ra Vịnh Hạ Long... - Quán mỉm cười một cách mỉa mai.

- Cậu nói thế mà không biết xấu hổ à? - Không giữ được bình tĩnh, tôi quát to. - Kể lại rõ ràng xem nào. Bao giờ? Vì sao?

- Rất đơn giản. Hai giờ sáng hôm qua, đang đi tuần, ông già bảo vệ nhà nghỉ bỗng nghe có tiếng người rên. Chạy lên thì thấy Tâm. Ông lão cho là Tâm ngồi sơ ý ngã xuống. Không muốn làm huyên náo nhà nghỉ, ông ấy lặng lẽ báo cáo với ông Chủ nhiệm, xin xe đưa vào bệnh viện. Nhưng tôi thì tôi hiểu vì sao Tâm gặp tai nạn này. Cô ta định bay, nghĩa là định làm cái điều không bao giờ có thể làm được. Cô ta bị xúc động, thần kinh quá căng thẳng và đang không kiểm chế nổi bản thân. Trong việc này, đáng lẽ phải giúp đưa cô ta trở lại trạng thái thăng bằng, với những điều có thực bình thường trong cuộc sống, thì các ông, ông và Paven Vêginốp, bằng cái văn học vớ vẩn và vô bổ của mình, các ông đã... Tôi sẽ viết đơn kiện các ông về việc đã đẩy một cô gái đáng thương như Tâm đến chỗ tàn phế.

Rồi Quán bỏ đi, sập mạnh cánh cửa một cách giận dữ.

Còn lại một mình, tôi vừa sửa soạn vào bệnh viện thăm Tâm, vừa suy nghĩ về những lời buộc tội của Quán, và về những chức năng cao cả của văn học mà tôi đã sôi nổi nói với Tâm những đêm trước đó.

*Quảng Ninh, 1984*

## PHẦN KẾT CỦA CÂU CHUYỆN

### 1

Cơn mưa ập đến thật bất ngờ. Những dòng mưa thẳng đứng dày và liên tục. Cái nóng và cái lạnh gặp nhau, tạo thành một cảm giác hăng nồng dễ chịu.

Trên các phố, người đi đường vừa xuýt xoa, vừa vội vã chạy tìm chỗ trú. Trong số những người chạy trú mưa muện màng ở ngõ N.S. hôm ấy có một cô gái trẻ. Đạp xe đến đây thì cô dừng lại trước cổng ngôi đền cổ đầu ngõ. Cô dựng xe vào con sư tử bằng xi măng đang thiu thiu ngủ một cách hiền từ trước mặt. Rồi cô bước lên bậc thềm có mái che cao ráo, rung mình rũ những giọt nước mưa khỏi người. Cô bỏ nón - may mà hôm nay cô mang theo nón - và đang định phẩy cho sạch nước thì chợt nhận thấy có người bên cạnh. Cô giật mình, liếc nhìn thật nhanh. Đó là một chàng trai trạc hai mươi lăm tuổi, đeo kính trắng, khuôn mặt thông minh và dễ coi. Chàng trai đang đứng đọc cuốn sách gì đó. Thấy có người, anh ngược nhìn lên, nhưng lại vội cúi xuống trang sách.

Cổng đền tuy to, nhưng chỉ được lợp bằng mái ngói bé tí vừa đủ chỗ trú cho vài người. Đó là không kể nếu có gió, mưa sẽ hắt xuyên bên này sang bên kia, lúc ấy đứng trú ở đây cũng chẳng gì ngoài mặt phố. Theo bản năng, cô gái khẽ né xê ra, nhưng khoảng cách giữa hai người vẫn chẳng tăng thêm được bao nhiêu. Nếu chú ý lắng nghe, người này có thể nghe rõ tiếng thở của

người kia. Cô cảm thấy bất tiện và xấu hổ. Trước hết là vì quần áo cô bị ướt, có chỗ dán chặt vào người, làm lồng ngực đã cao lại càng nhô lên cao thêm. Sau nữa, cô vẫn thấy ngại ngại khi phải đứng một mình - mà lại gần như thế - với một chàng trai không quen biết, dù anh ta, thoạt nhìn cô đã thấy có cảm tình, thậm chí cô nghĩ như đã gặp đâu đó. Có lẽ đoán biết tâm trạng của cô, chàng trai cũng ý tứ né sang bên. Cô gái nhìn anh với vẻ biết ơn.

Cơn mưa không tạnh nhanh như mọi người tưởng. Những dòng nước vẫn chảy đều đều, thẳng đứng, tuy không còn ào ạt và sôi nổi như trước. Bầu trời có sáng và rộng ra ít nhiều, nhưng đấy chưa phải là dấu hiệu chứng tỏ mưa sắp dứt.

Cô gái đứng yên, tư lự nhìn ra đường. Cô cố tập trung suy nghĩ về một chuyện gì đó nhưng không được. ý nghĩ của cô cứ nhảy từ việc này sang việc nọ. Lúc đầu, cô nghĩ chiếc nón mới quang dầu của cô hôm nay gặp mưa có thể sẽ bị hỏng. Biết thế, cô đã chọn chiếc cũ mang đi, hoặc thà đầu trần chịu ướt còn hơn... Rồi cô nghĩ đến buổi học tiếng Anh hôm nọ ở trường buổi tối. "Người Anh kể cũng buồn cười, - văn minh, giàu có là thế mà ngôn ngữ thì nghèo hết chỗ nói, xưng hô với nhau chỉ độc có I và You, một lúc vừa là tôi và cô, anh và em, tớ và cậu, hay thậm chí cả tao, mày nữa. Kẻ thù cũng như người yêu, đều I và You tuốt! Kỳ thật. Thế mới biết tiếng Việt mình phong phú. Khi cần cãi nhau thì..." Cô nhíu mày, nhớ lại trận chửi nhau ban sáng giữa hai ông bà hàng xóm. Cô vội bắt mình nghĩ đến chuyện khác. Chuyện gì được nhỉ? Một lúc nhiều chuyện, biết nghĩ chuyện gì bây giờ? Cô tự hỏi, nhưng không tìm cách trả lời, vì thừa biết lúc này cô muốn nghĩ và hiện đang nghĩ về gì.

Cô liếc nhanh sang bên. Chàng trai vẫn chăm chú đọc sách. Không hiểu vô tình hay hữu ý, lúc ấy anh bỗng khẽ ho, đổi thế đứng. "Anh ấy đọc sách gì thế nhỉ? - Cô gái thầm hỏi. - hay là..." Nhưng cô đã vội bắt mình nghĩ sang chuyện khác. "Mình rõ vớ vẩn! làm gì thì kệ người ta, cứ bận tâm không đâu..." Rồi cô quay sang nhìn con sư tử đang ngủ ngon giữa trời mưa. Nó đã già lắm rồi, có lẽ vì thế mà nó mệt, phải ngủ gật, sao nhãng cả việc coi gác

ngôi đèn linh thiêng này. Người nó loang lổ các vết lở, tai bên phải bị sứt, làm thành một lỗ hõm, nước mưa qua đó mà chui vào người. "Chắc nó lạnh và khó chịu lắm, - cô gái nghĩ, rồi vô tình đưa một ngón tay ngoáy vào lỗ tai mình, đầu lắc lắc. - Nó có biết mình ngồi đây không, và đang nghĩ về nó, thương nó? Nó có biết anh kia đang ngồi đọc sách, hoặc giả vờ đọc sách, khô ráo, ấm áp, và không hề nghĩ tới nó, mà nói chung, chẳng nghĩ tới ai cả ?..." Cô gái giật mình vì thấy mình lại nghĩ về người bên cạnh. Không hiểu sao cô bỗng thấy hơi buồn, một thoáng buồn vô nghĩa, dịu dịu. Cô không muốn tự thú một điều là cô thích anh kia chủ động bắt chuyện. Lúc ấy có thể cô sẽ đáp chuyện với anh ta. Chẳng để làm gì cả, thế thôi... Nhưng chàng trai vẫn đứng im. Đã ba mươi phút trôi qua mà chàng trai vẫn đứng im.

Trời cứ mưa, thờ ơ và đơn điệu. Nước đã ngập đến chân và đuôi con sư tử giả, thế mà nó vẫn bình thản nằm yên như cũ. Chiếc xe đạp của cô gái tựa vào người nó, chắc do đất tuôi, bất chợt ngã về phía hai người, tay lái suýt va vào chân chàng trai. Anh kia vội bỏ sách, đỡ nó dậy rồi đưa lên bậc cổng cạnh cô gái. Cô gái cảm ơn. Chàng trai đáp lại. Hai người nhìn nhau mỉm cười. Rồi lại im lặng, ngượng ngập và bất tiện.

"Anh ấy đọc gì mà say mê thế? - Cô gái lại thầm hỏi, mắt lơ đãng nhìn những chiếc bong bóng nước đang thi nhau vỡ tan dưới chân cô. Mà sao mãi không thấy lật trang? Hay mình hỏi xem sao? Không được, con gái ai lại..."

Cô gái chưa kịp nghĩ hết câu thì một tia chớp loé sáng, và kèm theo là một tiếng sấm nổ khá mạnh. Cô nhắm chặt mắt, khi mở ra, thấy chàng trai đang nhìn mình và khẽ mỉm cười. Cô gái cũng bẽn lèn cười lại.

- Chị sợ sấm à? - Chàng trai dè dặt hỏi.

- Đột ngột quá, làm em giật cả mình...

Lại im lặng.

- Mưa dai thật, - chàng trai lên tiếng, bây giờ có vẻ tự tin hơn. Cuốn sách đọc suốt ba mươi phút không lật trang đã được



gập lại, cuộn tròn trong tay. - Dễ chừng kéo dài đến tối mất. Chị không bị nhớ việc chứ?

- Không, - cô gái đáp.- Còn anh?

- Tôi thì có việc gì đâu mà bị nhớ.

- Hay nhỉ. Nếu vậy chắc công việc của anh là đọc sách, mà đọc sách thì ở đâu, lúc nào cũng đọc được, đúng không? - Rồi không chờ trả lời, cô hỏi tiếp: - Vừa rồi anh đọc gì mà say sưa thế?

- Tôi chẳng đọc gì cả.

- Không đọc gì?

- Vâng, không đọc gì hết, - chàng trai lại cười, tiếng cười thật vui và cởi mở, làm cô gái cũng bị lây theo cái tự nhiên của anh. - Tôi chỉ suy nghĩ...

- Anh suy nghĩ lâu thế, chắc phải về một vấn đề gì đấy ghê gớm lắm.

- Đúng, chị nói đúng, không ghê gớm nhưng là một vấn đề quan trọng, thậm chí còn đầy tính thời sự nóng hổi...

- Cụ thể?

Bây giờ họ đã có thể nói chuyện với nhau hoàn toàn thoải mái, cái thoải mái mấy phút trước đây cả hai đều không ngờ tới. Chàng trai quả đúng là người thông minh, đã khôn khéo chủ động vượt qua trở ngại ban đầu, chọn đúng giọng tự nhiên để bắt chuyện. Cô gái cũng nhận ra điều đó.

- Cụ thể ư? - Chàng trai nói, tay mân mê cuốn sách. - Trong suốt thời gian qua, cụ thể tôi đã nghĩ... - Đến đây anh ngừng lại nhìn cô, nửa đùa, nửa nghiêm túc. - Tôi nghĩ rằng hôm nay tôi và chị tình cờ gặp nhau, cùng trú mưa dưới cổng đền này. Cả hai đều trẻ, đều chưa chồng, chưa vợ, và có thể chưa có cả người yêu nữa...

- Anh kết luận hơi vội đấy.

Cô gái nói xen vào, nhưng chàng trai vẫn làm như không nghe thấy, và nói tiếp:

- Cả hai cùng muốn làm quen với nhau, hay ít nhất là từ phía tôi. Có thể nói làm quen thì hơi quá, nhưng những lúc mưa gió, nhớ đường, nhớ việc thế này, có hai người trẻ tuổi bên nhau mà cứ im lặng mãi thì thật bất tiện. Tôi đoán chắc chị cũng cho là thế. Nghĩa là một người nào đó trong chúng ta phải lên tiếng trước. Tức là tôi, vì tôi là con trai. Thế mà chị biết đấy, tôi đứng im. Vì tôi sợ chị hiểu lầm về tôi. Có đúng con gái các chị thường ghét và hay trêu các anh chàng tìm cách bắt chuyện để làm quen không nào? Thành ra, tôi và chị cứ vờ như không để ý đến nhau, mà trong lòng thì đang nghĩ về nhau...

- Sao anh biết? - Cô gái mỉm cười.

- Tôi chẳng hiểu vì sao tôi biết, nhưng đúng là tôi biết. - Chàng trai nói rồi cười to thành tiếng. - Cuộc đời kể cũng hay mà cũng lắm cảm thật. Bao giờ cũng có một bức tường ngăn cách vô hình nào đó, mỏng manh thôi, bé nhỏ thôi, ấy thế mà không phải ai cũng vượt qua nổi. Người ta gặp nhau, thậm chí thích nhau, nhưng rồi cuối cùng...

- Xa nhau và không bao giờ gặp lại? - cô gái tiếp lời, giọng pha chút giễu cợt.

- Vâng, đúng thế. Chốc nữa tạnh mưa, tôi và chị sẽ mỗi người một ngã, sẽ "không bao giờ gặp lại", như chị nói. Kể ra... - Chàng trai ngừng lại vài giây để tìm lời. - Kể ra trong trường hợp của ta có thể khác một tí. Nghĩa là tôi sẽ không còn gặp lại chị, nhưng chị vẫn tiếp tục gặp tôi...

- Sao có thể như vậy được ? Tôi không hiểu.

Chàng trai mỉm cười, thích thú vì gọi được trí tò mò của người nghe.

- Thật đơn giản. Vì tôi làm nghề viết văn, có thể chị đọc sẽ thấy tên tôi, gặp tôi.

"Thế tên anh là gì ?" Cô gái suýt hỏi, nhưng nghĩ sao lại thôi.

- Hay nhỉ, - cô thành thật thốt lên, giọng khe khẽ. - Nghe anh nói mà thấy như trong tiểu thuyết vậy.

- Như trong tiểu thuyết... - Chàng trai tư lự nhắc lại. Bỗng nhiên, như sự nhớ điều gì, anh sôi nổi nói tiếp: - Thế này nhé. Tôi chợt nảy ra một ý nghĩ rất hay. Sau những lời quá dài dòng và thật thà một cách ngô nghê của tôi, tôi thấy thật bất tiện nếu bây giờ tôi tự giới thiệu tôi là ai, tên là gì, làm ở đâu, vân vân, để rồi yêu cầu chị cũng cho tôi biết tương tự về chị. Vì lúc ấy, chị có thể nghĩ rằng từ này tới giờ tôi chỉ tìm cách làm quen, tán tỉnh chị. Nên tôi định thế này: Tôi sẽ viết một truyện ngắn về cuộc gặp gỡ hôm nay của chúng ta, sẽ đăng nó lên báo Văn Nghệ. Sau này đọc nó, chị sẽ biết tôi là ai và nghĩ thế nào về chị. Cũng chỉ lúc ấy tôi mới hỏi tên và những điều khác về chị. Chị thấy thế nào?

- Cũng lại như trong tiểu thuyết! - Cô gái mỉm cười.

- Thì đã sao? Người ta nói: văn học được làm từ đời. Nhưng cũng có người nói: Chính đời được làm từ văn học. Với tôi, cả hai đều đúng. Tại sao chúng ta không thể một lần được sống như trong tiểu thuyết, một khi ta đã từng nhiều lần làm mẫu cho các hình tượng văn học ?

- Vâng, cứ cho là như thế. Nhưng làm thế nào tôi tìm được anh lúc ấy? Không lẽ anh định viết cả địa chỉ của anh dưới tên mình ?

- Ừ nhỉ? - chàng trai sửa sửa lại cặp kính trắng. - Ồ không, mời chị cứ đến toà soạn. Ở đấy, họ sẽ chỉ cho chị.

Hai người mãi nói chuyện, không để ý thấy mưa ngừng rơi từ bao giờ. Trên phố, mọi người vội vã đạp xe đi, cố bù lại phần thời gian phải để mất vô ích vì cơn mưa.

- Nhất định thế nào chị cũng đến chứ? - Chàng trai hỏi khi hai người dắt xe ra lòng phố. - Tôi sẽ chờ chị.

Cô gái mỉm cười gật đầu.

- Nhưng trước hết tôi phải chờ gặp anh trên báo đã.

Rồi hai người rẽ sang hai phố khác nhau.

Phải gần năm năm sau, cô gái mới được đọc truyện ngắn mà chị mong đợi. Rất tiếc chị phải chờ lâu như vậy. Nhưng chàng trai chẳng có lỗi trong việc này. Anh giữ đúng lời hứa: chỉ vài tuần sau hôm chia tay, anh viết xong câu chuyện về họ, và lập tức đưa đến toà soạn báo. Còn báo thì than ôi, chẳng bao giờ vội vã trong việc đăng tác phẩm các nhà văn trẻ, cho dù họ được xem là có triển vọng đi nữa. Vả lại, báo còn có khó khăn và yêu cầu riêng của mình. Thành ra truyện ngắn của chàng trai, lúc thì bị chê là quá riêng tư, lãng mạn, lúc thì do không hợp tình hình hiện tại, nên mãi đến bây giờ, khi tác giả của nó đã là một cây bút chứng chạc, nó mới được lục lại và cho in. Năm năm sau ngày nộp bản thảo!

Năm năm... Những gì có thể xảy ra trong năm năm ?

Từ cô sinh viên thơ mộng, bông bột, cô gái đã trở thành một cô giáo dạy văn điềm tĩnh và sâu sắc. Từ cái đẹp nhí nhảnh, vô tư của các cô bé mới lớn, thành cái đẹp tự lực của tuổi hai mươi tư. Và suốt trong năm năm ấy, cô gái đã chờ đợi từng số báo mới. Cô đọc hết, đọc kĩ tất cả các truyện và kí đăng trên mỗi số. Cô chờ đợi và tin sẽ được thấy điều cô muốn thấy. Trong cuộc đời mỗi người có biết bao nhiêu cuộc gặp gỡ chỉ lưu lại trong trí nhớ một vài ngày, hay thậm chí một vài giờ, nhưng cũng có những cuộc gặp gỡ không phai mờ cùng năm tháng. Trường hợp của cô là một thí dụ.

Người ta hay nói tới một loại tình yêu nảy nở từ phút gặp ban đầu. Đối với cô, ở đây không hẳn như thế. Lúc đầu cô thấy việc xảy ra hơi ngô ngồ, hết như trong một cuốn tiểu thuyết về tình yêu, và điều đó rất hợp với tâm hồn lãng mạn của cô. Rồi khi những phút bông bột dần dần lắng xuống, cô nhìn nhận mọi việc một cách bình tĩnh hơn. Cô thấy mến người con trai thông minh và tế nhị ấy. Không, cô không gọi đó là tình yêu. Cô chỉ mừng tượng một cách mơ hồ rằng có thể chàng trai sẽ mang đến cho cô một cái gì đấy thật to lớn, thật hạnh phúc. Là người nhạy cảm và trong trắng, cô tin vào những ý nghĩ chủ quan của mình, tin vào chàng trai. Dần dần, cuộc gặp gỡ tình cờ hôm ấy, từ một chi tiết có thể nói là hoàn toàn mang tính chất văn học thuần túy, như

một cốt truyện tình cho một truyện ngắn chẳng hạn, nó trở thành một sự kiện cuộc sống lớn, rất người, rất thực đối với cô. Cô hồi hộp chờ đợi phần kết của sự kiện ấy.

Và hôm nay, cái cô chờ đợi đã đến.

Cô gái đứng trước gương, ngắm lại mình lần nữa. Mái tóc, áo, quần - tất cả đều đầu vào đấy. Cô xinh, cô biết, và thậm tự hào về điều đó. Cô mỉm cười với mình, vẻ hài lòng. Chốc nữa cô sẽ đến gặp anh ấy...

Bỗng cô ngồi xuống ghế, vẻ tư lự.

Năm năm... Gì đã xảy ra với anh ấy trong suốt năm năm qua? Anh ấy bây giờ là một nhà văn ít nhiều nổi tiếng, liệu anh ấy sẽ nghĩ thế nào về mình? Kể cũng buồn cười, bao năm nay mình vẫn đọc, vẫn thích tác phẩm của anh ấy, mà mãi đến lúc này mới biết tác giả quen thuộc kia là anh... Được, dù sao mình cũng cứ đến. Trước kia anh ấy yêu cầu, và mình đã hứa là sẽ đến cơ mà!...

Năm phút sau, cô chạy sang nhà bên mượn đứa con lên ba của chị chủ nhà, nói đùa nó đi chơi, rồi thông thả đạp xe đi.

### 3

Nhà văn X.V. khó chịu khi nghe có tiếng gõ cửa. Anh không thích bị quấy rầy trong khi làm việc. Khác với phần đông các bạn trẻ cùng giới, anh ưa yên tĩnh, ít giao du, và hầu như suốt ngày đóng cửa ngồi lì ở nhà, viết và viết. Thật không hợp với hoàn cảnh một người như anh tí nào - độc thân, đẹp trai và đang được chú ý.

- Chị hỏi ai? - anh hỏi, thậm ngạc nhiên khi thấy khách là một cô gái, tay lại bế đứa con nhỏ. Khi thấy cô gái đỏ mặt, ngập ngừng chưa biết trả lời thế nào, với sự nhạy cảm riêng của người từng trải, anh mỉm cười, khẽ nói: - Mời chị vào.

Căn phòng nhỏ, gọn gàng, sáng sủa, đồ đạc không nhiều, nhưng cũng đủ cho một người sống và sáng tác, nghĩa là có một chiếc giường con, một giá sách, một chiếc bàn và hai chiếc ghế có lưng tựa. Cô gái ôm đứa bé rụt rè ngồi xuống một trong hai chiếc ghế đó, còn chủ nhà thì ngồi đối diện.

- Xin lỗi chị, sách vở bừa bộn quá... - Nhà văn X.V. mở đầu, cốt để khách khỏi cảm thấy bất tiện vì im lặng.

- Không sao ạ, - cô gái ấp úng nói. - Tôi đến... Em đến chắc không đúng lúc lắm... Em không biết anh đang bận viết. Nhưng theo hẹn... - Ồ, mà có lẽ bây giờ anh không còn nhớ...

Đúng là nhà văn X.V. không nhớ. Anh chăm chú nhìn khách: "Cô ta xinh thật, - anh nghĩ, - mà đứa bé cũng khá. Rất giống mẹ, nhất là đôi mắt ươn ướt..."

- Năm năm trước đây, một hôm trời mưa... - Cô gái nói tiếp, hai má đỏ ửng, xấu hổ vì hoàn cảnh của mình. - Tình cờ...

- A, tôi nhớ ra rồi! Xin lỗi! Xin lỗi! - Nhà văn X.V. đứng bật dậy, tay đập đập vào trán một cách thích thú. - Tình cờ tôi và chị gặp nhau chứ gì? Trước cổng đền ngô N.S? Sau đó tôi hứa viết một truyện ngắn và mời chị khi đọc xong, đến tìm tôi, lúc ấy chúng ta sẽ làm quen với nhau, đúng không?

- Vâng. Hôm kia em đã đọc truyện ngắn ấy của anh.

Không khí trở nên thân mật, thoải mái hơn.

- Tôi thành thật xin lỗi chị nhé. Đúng là tôi quên thật. Sau hôm đó, về nhà, tôi viết ngay câu chuyện đã hứa rồi đem đến toà soạn. Một vài tuần đầu còn chờ đợi, sau mãi không thấy gì, tôi đoán thế là sẽ vĩnh viễn không được đăng, nên chẳng hi vọng gì nữa, và dần dần tôi quên, quên hẳn...

"Quên hẳn! Quên cả lời mình hứa! Cả nhân vật chính của câu chuyện!" Cô gái vừa nghe, vừa suy nghĩ.

- ... Hôm qua, sau một đợt thực tế dài ngày trở về nghe nói có một truyện ngắn của tôi mới được đăng, tôi đang không hiểu truyện nào, thì ra là truyện của chúng ta. Thế nào, chị thấy có được không?



- Dạ, hay lắm ạ.

- Tôi phải cảm ơn chị đấy, - nhà văn X.V. hăng hái nói tiếp. - Cảm ơn chị đã gợi cảm hứng cho tôi viết thêm một truyện ngắn.

"Cảm ơn! Thêm một truyện ngắn... - cô gái chưa xốt thắm nhắc lại. - Không hiểu có bao nhiêu truyện ngắn loại này tất cả?".

Rồi cô ngược lên, nhìn thẳng vào người đối diện. Không hiểu sao cô bỗng thấy rất buồn.

"Năm năm qua, những gì đã xảy ra với anh ấy?".

Năm năm qua, nhà văn X.V. thay đổi khá nhiều. Từ một sinh viên mới tốt nghiệp, hồn nhiên và thơ mộng, anh đã trở thành một người đàn ông chững chạc, ít nhiều kíp va vấp với cuộc sống. Từ một người mới bắt đầu cầm bút, anh đã chiếm được một vị trí khá nổi bật trong số những cây bút trẻ. Năm năm qua, anh đã không tiếc một cái gì để đạt được điều đó. Bận bè phải khâm phục nghị lực và sức làm việc của anh. Anh luôn cố không bỏ lỡ một cơ hội nào, dù nhỏ, để viết và in tác phẩm của mình. Nghĩa là tất cả cuộc sống của anh, tất cả suy nghĩ của anh được tập trung cho một mục đích duy nhất - là viết. Viết một cách say sưa, kiên nhẫn, và đôi lúc - cay cú. Nên dễ hiểu vì sao anh quên, trước hết là quên mình, sau là quên người khác. Anh luôn nhắc mình phải đi thật sâu, sâu hơn nữa và thế giới văn học, nhưng anh lại quá hời hợt và nông cạn với một thế giới khác còn sâu và phức tạp hơn, là thế giới tâm hồn. Tâm hồn của những người anh chọn làm mẫu cho nhân vật tác phẩm...

- Chị biết không, chuyện của mình cũng hay đấy nhỉ? - Anh đứng dậy, bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, đầu gật gật theo nhịp bước chân. - Gặp nhau tình cờ. Mưa. Ngôi đèn cổ. Những lời tâm sự chân thành. Câu chuyện định viết. Và bây giờ, sau năm năm gặp lại nhau. Đúng như hôm ấy chị nói, tất cả hết như trong tiểu thuyết! Một tiểu thuyết hay. Mà trong đó chị là nhân vật chính...

"Nhân vật chính của một câu chuyện văn học tưởng tượng... Và cái giá phải trả là năm năm chờ đợi trong cuộc đời sống thực". Cô gái buồn rầu nghĩ và cúi đầu thở dài một cách kín đáo. "Anh ấy đi vào cuộc sống chỉ để tìm văn học, chứ không phải chính bản thân cuộc sống. Và cuộc gặp gỡ nọ, với anh ấy cũng chỉ là một

cảm hứng sáng tác. Thế mà mình trong bao năm trời cứ hi vọng có thể đó là một cái gì đấy lớn hơn, có ý nghĩa hơn".

- ... Cái nghề viết văn là thế, chị ạ. Phải biết tìm bắt đúng đối tượng, đúng tình huống, như anh địa chất tìm mỏ ấy mà, để rồi khai thác, khai thác và khai thác...

"Và khai thác xong, bỏ đi, để lại sau mình những hố sâu xáo trộn, nham nhở?"...

- Nhiều khi nghĩ cũng bất công. Chị thấy đấy, như truyện ngắn vừa rồi chẳng hạn. Chính chị gợi ý cho tôi viết đấy chứ. Chị với tôi là đồng tác giả mới đúng, thế mà người đọc chỉ biết mình tôi...

"Đúng, họ chỉ biết mình anh, như tác giả của một tác phẩm hay, và hoàn toàn không biết đến tôi, người phải chịu thất bại cho sự thành công đó..."

Cứ thế, nhà văn X.V. còn say sưa một hồi lâu nữa bài độc thoại triết lý của mình. Cô gái kiên nhẫn ngồi nghe, không ngắt lời anh lần nào, chỉ thỉnh thoảng xen vào một vài lời mà cô không nói lên thành tiếng.

Cuối cùng, cô đứng dậy, sửa soạn ra về.

- Ấy chết, chị ở lại chơi đã. Chị vội à?

- Không, nhưng đã muộn, em xin phép...

- A mà quên, nhà văn X.V. vui vẻ nói to. - Tên chị là gì nhỉ? Chị ở đâu? làm gì? Năm năm trước chúng ta đã thống nhất rằng bây giờ sẽ làm quen với nhau kia mà?

Cô gái đứng im một lúc rồi đáp:

- Vâng, quả đúng thế. Nhưng em nghĩ có thể lúc này em không nói gì về mình lại tốt hơn, vì...

- Vì sao? - nhà văn X.V. kêu lên, vẻ không hiểu, nhưng ngay lúc đó, anh bỗng nhíu mày nghĩ ngợi và vỗ tay đánh đét một cái vào trán. - Hay, hay! Thế mà lại hay! Chị thật là một người kì diệu. Lại lần nữa chị gợi ý cho tôi viết thêm một truyện ngắn nữa. Hay ít ra là phần kết của câu chuyện mà hôm nay chị muốn

chưa kết thúc. Tuyệt! Thật lãng mạn! Mà cũng thật hấp dẫn! Thế này nhé: Mai kia tôi viết lại truyện ngắn vừa được đăng, cộng thêm cái phần kết chị gợi ý hôm nay. Chị chờ xem nó trên báo, và lúc ấy sẽ cho tôi biết về chị nhé ?

Cô gái đã bế đứa bé ra đến cửa. Trước khi lên xe, cô khẽ nói:

- Không, cảm ơn anh. Chúc anh thành công, nhưng em sợ không đến được. Có lẽ lúc ấy em sẽ bận. Bận lo cho phần kết câu chuyện đời em.

Mãi say sưa với tác phẩm mới trong tương lai, nhà văn X.V. đã không nghe rõ và hiểu biết ý nghĩa câu nói kia của cô gái, cũng như đã quá say sưa đuổi theo những thành công trong văn học, anh đã không nhận thấy có thể chính anh vừa để tuột khỏi tay một hạnh phúc lớn cô gái đã mang đến cho anh mà anh không biết.

*Hà Nội, tháng Tám, 1982*

## LỚP TRẺ BÂY GIỜ

### 1

Ông Thìn, vốn xưa là một nông dân nổi tiếng khoẻ mạnh và ngang tàng nhất nhì tổng X. tỉnh Hà Nam. Nghe đồn có thời ông từng tay không vật ngã một con bò mộng, từng bôn ba khắp nơi trong nước (để kiếm miếng ăn), sang cả tận Cao Miên và Xiêm La. Ông tự cho mình từng trải, và vì thế thường nhìn đời bằng con mắt khát khe, giấu cợt. Bây giờ là một ông già đã gần bảy mươi, nhỏ thó, gầy và hơi gù, với đôi lông mày rậm mọc ngược bạc gần hết trông thật ngộ, trong khi bộ râu mà ông rất chăm chút lại đen và quá thưa, đến mức ông phải luôn tay vuốt vuốt để chúng tụm lại với nhau cho đỡ tên.

Một sáng cuối hè, trời trong và đẹp, ông Thìn ngồi ô-tô từ Mộc Châu trở về nhà. Ông lặn lội lên Mộc Châu để bàn với ông em Út về việc bốc mộ xây lăng cho tổ tiên, cái việc ông cho một dòng họ như dòng họ nhà ông không thể không làm. Thế mà ông em cán bộ ấy lại phản đối, bảo ông chỉ thích bày vẽ này nọ, nên ông dùng dùng bỏ về. Đến tận lúc này, khi đã đi được gần nửa đường, cơn giận của ông vẫn chưa lắng xuống hẳn.

- Thời bây giờ thật đúng là không sao hiểu nổi! - ông vừa lơ đãng nhìn những ngọn đồi xanh nhấp nhô xa xa, vừa khó chịu nghĩ về người em bất hiếu suốt mấy năm liền không một lần chịu

về quê làm giỗ bố mẹ, nay lại thêm cái chuyện này... - ừ, thế mà sao người ta vẫn cho hắn làm ông này ông nọ, nghe còn được thưởng huân chương, huy chương gì nữa. Thật không sao hiểu nổi!

Ông Thìn còn khó chịu cả với vườn mít nhà ai vừa vụt qua trước mặt. Ông thầm chê chủ nhà không biết tính toán, rằng trên cũng chừng ấy đất, trồng mít năm được mùa giỏi lắm cũng chỉ thu hoạch bằng nửa trồng táo. Rồi ông lim dim mắt, cố hình dung rằng đây là một vườn táo trĩu quả như vườn táo nhà ông. Vô ích, trong đầu ông, không hiểu sao ông vẫn chỉ thấy những cây mít gầy gò, xấu xí với số tiền ít ỏi mà nó có thể mang lại. Cả điều này cũng làm ông khó chịu.

Trên xe đông người, nhưng là xe chạy đường dài nên người nào cũng có chỗ ngồi, tuy không được thoải mái lắm. Ngồi cạnh ông Thìn là một thanh niên trạc hai mươi tuổi mà ngay từ khi vừa bước lên xe, ông đã cảm thấy mất cảm tình. Anh ta mặc chiếc quần vải thô màu xanh bó sát hai ống chân và đầy những đinh là đinh. Cái mũ trên đầu cũng bằng thứ vải ấy, với miếng da nhỏ phía trước, mà lại đội lệch sang một bên, trông thật lác cắc. Còn chiếc áo thì trơ trọi hết chỗ nói, bằng thứ vải lót mỏng tang, cả trước lẫn sau đều in những hình người đầu tóc cũng bù xù như anh ta, và ngang nhiên ôm hôn nhau giữa ban ngày ban mặt, làm ông nhìn vừa tức vừa ngượng. Mới ngồi xuống ghế, anh ta đã bắt chéo chân lên nhau, chỉ thiếu tý nữa thì gác cả lên đùi ông. Nhưng điều khó chịu hơn cả là anh ta cứ luôn miệng nhai cái gì đấy, vừa nhai, vừa cúi đầu xuống một cuốn sách đầy hình vẽ, thỉnh thoảng mới có một vài con số và dòng chữ bằng tiếng nước ngoài.

"Loại này không đầu trộm đuôi cướp cũng thuộc loại bất hảo", ông Thìn thầm nghĩ và cẩn thận ngồi nép vào thành xe, tay càng ôm chặt hơn chiếc túi vải bạt trên bụng, dù trên gác hành lý còn thừa chỗ trống. "Đồ mất dạy!"

Đúng lúc ấy, anh thanh niên ngồi cạnh bỗng ngược lên nhìn ông, làm ông giật thót người vì sợ vừa rồi không phải ông nghĩ, mà đã buột miệng nói thành tiếng cái nhận xét không lấy gì làm

tốt đẹp kia của mình. Nhưng may thay, anh kia lại chúi xuống đọc sách, và ông Thìn lại lơ đãng nhìn ra ngoài. Và suy nghĩ. Ông nghĩ về ngôi nhà, về vườn táo lai nhà ông, về việc bây giờ xã hội có tiến lên thật đấy, nào tivi, tủ lạnh, xe này xe kia, nhà máy, xí nghiệp mọc lên cứ gọi là như nấm; trong nhà đã bắt đầu có cái bộ ghế xa-lông, cái giường mô-đéc, ấy thế mà cái đạo đức con người thì lại chẳng tốt hơn thêm tí nào. Người ta cậy trẻ, cậy khỏe, cứ ào ào đi lên chẳng biết sợ là gì. Nhất là bọn trẻ. Thằng nào cũng hệt thằng nào, mới ba tuổi ranh mà đã đi đứng khệnh khạng, ăn mặc đến kỳ cục, nói năng thì chẳng bao giờ thêm để ý trên dưới. Có khuyên bảo chúng cũng như nước đổ đầu vịt. Chúng ngồi im lặng nghe đấy, có vẻ ngoan ngoan nữa là khác, ấy thế mà sau đó cứ việc chúng chúng làm, có đứa lại còn láo lếu dám trách bố mẹ chúng là cổ hủ, lạc hậu. "Ôi - Ông Thìn thở dài. - Cứ đà này thì chết, chết hết! Thật chẳng còn hiểu ra làm sao nữa".

Ông Thìn lại thở dài thêm lần nữa. Ông buồn. Vì có muốn, ông cũng không thể tự giả vờ không biết rằng những lời buộc tội khe khắt kia về bọn trẻ chính là nhằm vào thằng Thắng, thằng cháu đích tôn của ông. Bố nó chết sớm, mẹ đi bước nữa, nên từ bé nó vẫn ở với vợ chồng ông. Và cũng chính vì nó mà ông có thái độ như vậy với lớp người mới lớn quanh ông.

Cháu ông làm việc ở công trường Thủy điện Sông Đà mới được một năm, vừa rồi nó về phép thăm nhà, thay đổi đến mức hầu như không còn nhận nổi. Nó to ra, khỏe hơn, cứng cáp hơn - điều ấy là tốt. Nhưng từ đâu ra, và để làm gì cái đầu bồm xồm ấy? Cái bộ ria lún phún đáng ghét ấy? Và cả cái áo không bao giờ chịu cài cúc tử tế, mà lúc nào cũng buộc túm phía dưới để hở cả bụng, cả ngực kia nữa? Tóm lại, thằng Thắng, thằng cháu ít nói, hay rụt rè của ông bỗng chốc đã trở thành một trong những đứa "mới ba tuổi ranh đã đi đứng khệnh khạng, ăn mặc đến kỳ cục, nói năng thì cứ oang oang, coi trời chưa bằng cái vung..." như ông vẫn thường nhận xét.

"Hư, thế là nó hư!", ông giận dữ bảo bà lão vợ ông như thế, nhưng vợ ông, vốn không ưa cãi nhau, lại quá chiều cháu, nên chỉ



tìm có bệnh nó, và mong ông đừng gây chuyện âm ỉ. Ông chịu nhin, mãi đến ngày đi mới gọi nó ra riêng một nơi, thuyết một bài thật dài về đạo đức. Nó kiên nhẫn ngồi nghe và không cãi lại câu nào. Ông lấy thế làm hả, cơn giận có ít nhiều nguôi đi, tuy biết chắc lên công trường, rồi đâu sẽ lại hoàn đấy.

Thằng Thắng đi buổi sáng thì buổi trưa, sau bữa ăn, bà lão đem khoe với ông chiếc bằng khen đưa cháu mang về. "... Vì thành tích công tác và tu dưỡng...", ông Thìn lẩm nhẩm đọc những dòng chữ nắn nót trên tờ giấy trắng cuộn tròn.

- Láo! Láo hết! Ai chứ tôi thì còn lâu mới bịp nổi.

- Ô hay, ông không thấy con dấu đỏ và chữ ký của thủ trưởng nó đây ư? - Bà vợ cãi lại.

- Dấu hay không cũng thế. Cứ đà này thì khéo không lại vào tù sớm, chứ khen với chả thưởng gì. - Ông Thìn nói tiếp, nhưng rồi hình như cũng cảm thấy mình đuối lý, ông quay sang vặc vợ: - Mà sao bà còn lấy tiền gửi cho nó? Bà tưởng tôi không biết à? Đường đường một anh công nhân, lại còn "lao động xuất sắc", thế mà còn về nhà xin tiền bà hút thuốc, rõ xấu hổ!...

Rồi ông giận dữ bỏ đi, quyết định không treo chiếc bằng khen đẹp đẽ kia lên tường vội. "Để còn xem đã, - ông nghĩ. - Ngộ nhớ hấn bịp, treo lên, vừa tốn tiền mua khung, lại vừa bị người ta cười cho. Chả đại!"

Xe đang chạy nhanh bỗng dừng lại, làm ngắt dòng suy nghĩ của ông Thìn. Bước lên xe là một bà già người thấp nhưng khá đầy đà, một tay xách chiếc bị cói to và nặng, tay kia ôm con gà trống với cái mào đỏ chót. Bà ta lễ mễ đến đứng bên chiếc ghế ông Thìn đang ngồi. Anh thanh niên, lúc này vẫn còn đọc sách và tiếp tục nhai kẹo cao su, ngược nhìn lên, hình như do dự một lúc rồi đứng dậy nhường chỗ cho bà già. Bà kia cảm ơn rồi ngồi xuống ghế, và ông Thìn lại phải ép vào sát thành xe hơn nữa, vì thân hình to béo của bà ta chiếm quá nhiều chỗ.

"Lại còn tỏ ra mình là người lịch sự, - ông Thìn nghĩ về anh thanh niên đứng cạnh. - Có khối anh bây giờ trông bề ngoài tử tế ra phết, mà thực chất vẫn là hạng người vứt đi".

Đến Hoà Bình, xe dừng lại lâu cho khách ăn cơm. Ăn xong, ông Thìn thơ thẩn dạo một vòng quanh phố, đảo qua cửa hàng bách hoá cạnh đấy, rồi tình cờ ra đứng bên bờ sông Đà, nhìn về phía bên kia, nơi công trường đang rầm rì đủ các thứ tiếng xe và máy. "Mà sao mình không nhân tiện sang thăm nó một hôm nhỉ? - Một ý nghĩ chợt loé lên trong đầu ông. - Để xem vì sao nó hư. Mình là ông, không nói được, thì nhờ thủ trưởng nó dạy dỗ. Lại còn cái chuyện bằng khen kia nữa..."

## 2

Vốn mạnh dạn và tự tin, không thềm hỏi ai, ông Thìn xách túi vượt qua cầu phao, rồi đi thẳng tới ngôi nhà to nhất, đẹp nhất, nơi ông tin chắc giám đốc công trường đang làm việc. Ở đấy, cũng mạnh dạn và tự tin như thế, ông vỗ vào cái lưng to phè của một người đang đọc báo ở bậc tam cấp, mặt ngoảnh vào trong, để hỏi phòng giám đốc ở đâu.

Ngôi nhà ấy hoá ra là nhà làm việc của chuyên gia, và người có tấm lưng rộng là một người Nga. Ông ta ngược lên, nheo mắt cười thân thiện. Ông Thìn cũng lúng túng cười lại rồi vội vã đi ra. Từ đó, ông không còn dám đường đột như trước. Ông đã bắt đầu hỏi người này người nọ, thậm chí với vẻ rụt rè mà xưa nay ông chưa từng có.

## 3

Phòng Giám đốc đang lúc đông người. Ông Thìn bước vào, lặng lẽ ngồi xuống chiếc ghế trống ở góc phòng, vừa chờ vừa quan sát. Có thể nói là ít nhiều ông thất vọng về ông giám đốc. Ông ta quá trẻ, không bệ vệ chút nào, và đầu cũng chẳng hói như ông tưởng tượng. Còn cách ông ta cư xử với những người đến làm việc thì lại càng không ổn - đơn giản quá, nhanh chóng quá. "Không được, - ông thầm nhận xét, - thủ trưởng mà thế thì hỏng. Không

thể một lúc vừa nói như quát vào máy điện thoại, vừa ký đủ các thứ giấy tờ như thế. Lại còn cậu cậu tớ tớ với cả một anh chàng mặt non choẹt, quần áo lấm đầy dầu mỡ từ đâu xông xộc chạy vào... Vậy thì còn ai xem mình ra gì nữa!"

Độ mười lăm phút sau, khi trong phòng đã vắng bớt người, ông giám đốc quay sang phía ông Thìn, hỏi:

- Cụ đến gặp tôi à? Có chuyện gì thế ạ?

Ông Thìn vội vàng đứng dậy, đi lại gần:

- Tôi là Nguyễn Văn Thìn, quê ở làng Hạ, huyện Vụ Bản, tỉnh Hà Nam Ninh, có cháu là Nguyễn Văn Thắng, mười chín tuổi, hiện đang làm công nhân ở quý công trường..., - ông ấp úng nói như đang đọc một lá đơn khiếu nại nào đó. Chính ông cũng không hiểu sao ông ấp úng như thế, nhất là trước một con người mà chỉ vài phút trước đây ông đã chê là quá đơn giản và dễ dãi. - Tôi vừa có việc từ Mộc Châu về, giờ ghé vào đây, trước là để thăm cháu, sau nữa để ... hừm... để tìm hiểu thêm đôi điều...

- Cụ định tìm hiểu điều gì? - Ông giám đốc hỏi.

- Chả dám giấu thủ trưởng, số là thằng Thắng, cháu tôi ấy mà, nói mới lên làm ở Công trường ta gần năm nay, vừa rồi về phép, tôi thấy nó thay đổi nhiều quá, hư quá...

- Hư? Hư như thế nào? - Ông giám đốc lại hỏi, với vẻ chăm chú đặc biệt.

Ông Thìn gãi gãi đầu, rồi ông dựng lại cái hình ảnh đã ăn sâu trong óc ông về lớp trẻ hư hỏng mà cháu ông là một đại diện tiêu biểu:

- Tóc thì dài đến lút gáy, quần áo cứ bó chặt lấy người đến nghẹt thở, rồi nói năng, đi đứng... Lại còn hút thuốc nữa! - Ông nói thêm một cách sôi nổi. - Thậm chí còn uống cả rượu nữa.

Ông giám đốc trầm ngâm một lúc rồi nói:

- Hút thuốc và uống rượu thì đúng là không nên thật...

- Về nhà còn xin cả tiền bà nội, - ông Thìn vội chen vào.

- Điều ấy cũng không nên. Còn chuyện quần áo, đầu tóc thì còn tùy. Mỗi thời một khác, cụ ạ. Đây, cụ xem, tóc tôi cũng đâu phải là ngắn, - ông giám đốc nói rồi kéo ngược gáy tóc của mình lên. Ông Thìn nhìn và thấy quả là dài thật. Ông thầm ngạc nhiên sao vừa rồi ông có thể bỏ qua không nhận thấy một chi tiết quan trọng như thế.

- Thôi được, - ông giám đốc nói tiếp. - Chúng tôi sẽ xem lại. Nhưng anh cháu của cụ ở công ty nào? Đội nào?

Đến đây thì ông Thìn ngớ người ra, vì quả ông không biết cháu ông làm gì, ở đâu. Ông cứ tưởng công trường cũng như làng ông, nói đến tên thì ai cũng biết. Cũng may mà ông nhớ ông có mạng theo bức thư thằng Thắng mới gửi về nhà, hình như ngoài bì thư có địa chỉ của nó. Ông lục túi lấy thư đưa cho giám đốc.

- A, Công ty đường hầm, đội ba, - ông giám đốc xem qua bì thư, nói.

- Báo cáo thủ trưởng, tưởng ai chứ thằng Thắng đường hầm thì em biết. Cậu ấy ở cạnh lán bọn em. - Một cậu thanh niên từ nãy đến giờ ngồi im, hý hoáy sửa cái gì đấy ở góc phòng đối diện, lên tiếng.

- Thế à? Có đúng cậu ta hư như cụ nói không ?

- Em không biết ạ, - cậu kia đáp. - Như bọn em cả thôi. Quý vừa rồi cậu ấy được Tổng công ty khen thưởng.

- Hôm nay cậu ấy làm ca đêm hay ca ngày?

- Dạ, ca ngày ạ.

- Thế thì tiếc nhỉ... - Ông giám đốc nói, rồi suy nghĩ một lúc, quay sang bảo cậu kia: - Không sao! Mình đang cần gặp ông Chúc, cậu đánh xe ra đường hầm số hai tìm ông ấy hộ, nhân tiện đưa cụ đây ra công trường gặp cậu Thắng. Nói với đội trưởng đội ba là mình đề nghị cho cậu ấy nghỉ hôm nay, nếu cần thì sau làm bù. Kể ra bây giờ đang lúc cao điểm của chiến dịch nước rút. Phải hoàn thành kế hoạch... Nhưng không sao, chẳng mấy khi cụ lên...

- Vậy thì mời bố đi. - anh thanh niên nói to rồi ra khỏi phòng.

Như bị thôi miên, ông Thìn bước theo sau, quên cả chào ông giám đốc.

"Lại một thằng cha lếu láo", - ông thầm nghĩ, khi chiếc xe rồ máy lăn trên con đường đầy bụi, và ông có đủ thì giờ quan kỹ diện mạo bề ngoài của anh thanh niên đang ngồi lái xe bên cạnh.

#### 4

- Ai kia mà đông thế? - Ông hỏi, chỉ tay xuống đoàn người ăn mặc sạch sẽ và đủ các lứa tuổi đi giữa đường.

- Người Hà Nội lên tham quan thủy điện Sông Đà đấy, bố ạ.

Ông Thìn không nói gì thêm, nhưng trong lòng thầm kiêu hãnh rằng ông, một lão nhà quê, mà được ngồi riêng một mình một xe, còn những người thành phố lịch sự kia thì phải cuốc bộ. Khi ô tô đi ngang, như thể vô tình, ông thò đầu ra ngoài, khẽ ho một tiếng.

Xe lên đến đỉnh một quả núi bị bạt ngang, anh thanh niên giơ tay quơ một vòng rộng trước mặt rồi nói:

- Bố biết không, cả vùng này, từ đây sang đây, bằng cả mấy xã nhà bố cộng lại, chẳng bao lâu nữa sẽ bị ngập hết, ngập sâu dưới mấy chục mét nước.

- Ấy chết, sao lại thế? - Ông Thìn lo lắng hỏi.

- Để làm hồ chứa nước, thưa bố. Muốn có điện thì tuốc-bin phải chạy, muốn tuốc-bin chạy thì phải có nước, nước từ trên cao giội xuống, bố hiểu chứ?

Ông Thìn không thật hiểu, nhất là cái tuốc-bin mà anh ta nó, nhưng vì sợ bị cười là dốt, ông không hỏi tuốc-bin là gì, mà chỉ nói:

- Thế lấy nước đâu ra mà làm ngập chừng ấy đất?

- Rất đơn giản: Ngăn cái sông Đà này lại, không cho nó chảy nữa.

"Hắn nói thế mà nghe được, cứ như là be cái bờ ruộng chiêm không bằng!".

- Thế ai làm việc ấy, cái việc ngăn sông Đà như anh nói? - Ông Thìn quyết định dồn anh ta vào thế bí, cho hết thói bốc phét. Ai chứ ông thì không dễ mà bịp nổi.

- Con, thằng Thắng của bố! - Anh thanh niên đáp giọng thật tự nhiên và hoàn toàn nghiêm túc. - Và nhiều người nữa như bọn con, tất nhiên.

Ông Thìn lại "hừm" một tiếng để tỏ ý không hài lòng, rồi ngồi yên.

- Bố không tin à? - Anh lái xe lại hỏi, khi xe từ trên cao quanh xuống mặt đập. - Bố có biết bố đang ở đâu không? Đang ở chính giữa dòng sông Đà xưa đấy. Xe đang đi trên mặt đập chắn sông.

Ông Thìn vươn dài cổ ra khỏi thành xe nhìn xuống, như thể muốn biết có phải đúng là xe đang đi trên đất hay không.

- Còn cái kia? - ông chỉ tay về phía con kênh đào xuyên núi đá, làm dòng chảy tạm thời cho Sông Đà. Anh thanh niên giải thích cho ông rõ. - Và cũng do anh và thằng Thắng đào?

- Vâng.

Ông Thìn lại "hừm" tiếng nữa. Một chốc sau, ông bỗng hỏi một câu không đâu vào đâu:

- Nghe nói các anh cuối tháng hết tiền mua thuốc và uống nước, thường phải ghi nợ chủ quán phải không?

- Cũng có lúc như thế.

- Cả thằng Thắng.

- Vâng.

Hai người không nói gì thêm cho tới khi xe đến tận cửa hầm.

- Cái gì thế này? - Ông Thìn hỏi.

- Đường hầm.

- Tức là hang núi?

- Không, đường hầm, - anh thanh niên nói. - Tuy-nen, bố biết chứ?

- Tuy-nen là gì? - Không tìm được nữa, ông Thìn hỏi.

- Là một cái ống hình tròn, có chiều rất to và rất dài, do người ta đục xuyên qua núi đá, - anh kia giải thích.

- Ai đục? Và làm thế nào mà đục được?

- Thằng Thắng của bố đục. Còn đục như thế nào, chốc nữa vào gặp nó, bố sẽ thấy.

Ôtô đi vào đường hầm mờ tối. Nhìn mặt đường rộng, gồ ghề với mái vòm nham nhở, ông Thìn cố hình dung những cỗ máy khổng lồ nào đó với những con người cũng khổng lồ như vậy đã làm nên cái đường hầm vĩ đại này. Ông rất đỗi ngạc nhiên khi thấy ô-tô đi mãi, đi mãi mà vẫn chưa đến cửa hầm đằng kia, thỉnh thoảng lại còn rẽ phải, rẽ trái chỗ này chỗ nọ.

- Đường hầm có dài không? - Ông hỏi.

- Tổng cộng tất cả gần hai mươi cây số.

Lập tức ông Thìn nhắm tính hai mươi cây số là bằng bao nhiêu lần từ nhà ông đến chợ huyện, là nơi ông vẫn mang táo vườn lên bán. Ông cũng nhớ tới việc tháng trước bà vợ bắt ông chữa lại lòng chiếc cối giã gạo lâu ngày bị mòn lõm, và ông hì hục làm một ngày không xong, phải sang nhờ ông hàng xóm.

Cuối cùng xe đỗ lại trước một ngõ cụt. Cách đấy mười mét, một tập công nhân đang làm việc bên chiếc máy chạy âm ỉ.

Anh thanh niên nhảy xuống xe, ghé sát tận tai ông, nói to:

- Thằng Thắng làm đằng kia. Bố lại với nó. Còn con chạy đi tìm ông Chúc. - Rồi anh ta bỏ đi, bì bõm lội qua những vũng nước đọng.

Vẫn ngồi trên xe, ông Thìn nhìn về phía đám công nhân. Dưới ánh điện mờ mờ vì hơi ẩm và bụi, ông nhìn thấy mấy chiếc lưng trần đang quay về phía ông, mồ hôi nhễ nhại. Bằng thứ cảm giác chỉ những người ông mới có, ông đã nhận ra thằng Thắng cháu ông trong số đó. Nó dang hai tay giữ cái gì đấy to và ngắn bằng nửa cái chày, dùng hết sức ấn vào tường đá, nổ tành tạch, tành tạch. Nó đứng gò lưng, cổ bạnh to, hai chân choãi ra để giữ



thằng bằng. Trên đầu nó, thay cho cái mũ vải lác các mà ông vẫn ghét, bây giờ là chiếc mũ cứng và tròn, như mũ pháo thủ thời chiến tranh bộ đội vẫn đội để tránh mảnh đạn. Bên cạnh là hai người nữa mà ông tin cũng trẻ như thằng Thắng, cũng đang chăm chú làm việc với những cái máy tương tự. Nhiều vụn đá, có mẫu khá to, bắn ra tung toé, bắn lên cả chân và bụng nó.

"Chắc chúng mệt lắm", - ông Thìn nghĩ, vừa nhìn những tấm lưng trần nhếch háng mồ hôi của tốp thanh niên, vừa ngồi co người lại vì lạnh. Ông định chờ khi nào cháu ông ngừng tay, để uống nước, hút thuốc chẳng hạn, ông sẽ xuống gặp. Nhưng ông chờ khá lâu mà vẫn không thấy nó ngừng tay. Có một lần nó ngược lên, quay sang đưa bên cạnh, nói một câu gì đó, và đưa này lấy một liều thuốc châm lửa, cắm vào miệng nó, rồi cứ thế, vừa hút thuốc, nó vừa tiếp tục làm việc.

"Chúng đang vội, - ông Thìn đoán, và chợt nhớ những lời cuối cùng của ông giám đốc vừa nói lúc nãy: Cao điểm, chiến dịch, kế hoạch... - Nghĩa là đến ngày nào, tháng nào đó, chúng phải làm xong một việc gì đó, chắc to lớn và quan trọng lắm!" - Bên tai ông lần nữa lại vang lên câu nói của anh chàng lái xe, rằng cậu ta và thằng Thắng cháu ông đã ngăn cái Sông Đà lại, không cho chảy nữa, rằng hai đứa đã làm cái đường hầm khổng lồ này...

Bất chợt, ông cảm thấy cháu ông, - cái thằng Thắng ngỗ nghịch mà ngày bé nhiều lần ông phết roi vào đít và cái thằng Thắng gần đây đâm ra hư hỏng, có lương mà vẫn xin tiền bà - Vâng, cái thằng Thắng ấy không hiểu sao bỗng trở nên một người khác hẳn, như vừa cháu ông, mà cũng không phải cháu ông, quan trọng, phi thường. Nó đang làm một việc cũng quan trọng phi thường như thế, thậm chí không còn thời gian dừng lại để hút một liều thuốc... "Thế ngộ nhỡ nó không làm được thì sao, không làm được cái chiến dịch, cái kế hoạch mà ông giám đốc đã nói?" - ông Thìn vừa lo lắng tự hỏi, vừa chợt nhớ cái ý định đã dẫn ông đến đây.

Đúng lúc ấy, anh lái xe quay lại:

- Không biết ông Chúc ở chỗ quái nào mà tìm mãi không thấy, - anh ta nói. Rồi thấy ông Thìn vẫn ngồi trên xe, anh ta ngạc nhiên hỏi: - Sao bố vẫn còn ở đây? Bố không xuống gặp thằng Thắng à?

- Không, ta đi thôi, - ông Thìn khẽ đáp, gượng cười một cách biết lỗi.

- Sao thế? Hay để con gọi cậu ấy ra nhé?

- Không, để nó làm việc. Ta đi thôi! - Ông Thìn nói như van vỉ.

Anh lái xe nhún vai vẻ khó hiểu, nhưng rồi cũng lên xe, và hai người vòng theo một đường hầm khác, đi ra.

- Con chịu bố đấy, - anh lái xe lên tiếng khi xe ra khỏi đường hầm. - Cát công lên đây gặp cháu, chính giám đốc cho xe chở ra tận nơi, thế mà lại đòi về ngay, không thềm nói với nhau một câu. Hay có chuyện gì xảy ra?

Ông Thìn không đáp. Ông đang bận. Ông bận nhìn những chiếc máy khổng lồ, những quả núi bị phạt ngang một nửa, những con người mặc quần áo công nhân đang say sưa làm việc hai bên, phần lớn còn trẻ như cháu ông, như anh chàng lái xe lém lỉnh này. Và ông nghĩ. Ông nghĩ là thật lạ, rằng chính những con người ấy, những thằng cha láo lếu, đầu tóc bù xù, đi đứng khệnh khạng, ăn mặc đến là kỳ cục ấy, không có cả tiền để uống nước và hút thuốc, phải ghi nợ, thế mà vâng, chính những con người ấy đã làm nên những việc vĩ đại này, những việc mà nếu ông không tận mắt trông thấy như hôm nay, thì có chém, ông cũng không tin là có thật.

Xe đến chỗ đường rẽ ra cầu phao, ông Thìn ra hiệu dừng lại. Ông bước xuống, gọi anh lái đứng xa ra ngoài vệ đường cho đỡ ồn, rồi nói giọng nhỏ nhẹ và với vẻ bí mật như đang âm mưu điều gì:

- Đây, bác nhờ cháu một việc nhé, là cháu cấm không được nói với thằng Thắng rằng bác đã lên đây...

- Nhưng vì sao ạ? - Anh kia hỏi.

- Là vì bác không thích thế. Là vì bác không muốn nó nghĩ ngợi này nọ. Nó còn cao điểm, còn kế hoạch của nó. Ông giám đốc

chẳng bảo thế là gì? - Thấy anh lái xe vẫn đứng im, ông Thìn vội lục túi lấy ra hai gói nhỏ bọc giấy báo: - Đây, cháu cầm lấy, một ít chè và một ít sữa khô, bác mang từ Mộc Châu về đây.

- Bố định mua con đây à?

- Ấy chết, sao lại nói thế? Bác làm quà cho bọn cháu mà, - ông Thìn vội thanh minh.

- Thế thằng Thắng hỏi chè và sữa đâu ra thì con biết nói thế nào?

- Thì cứ phịa ra một lý do nào đấy, thiếu gì lý do.

- Thôi được, nể bố, con cầm vậy, - anh lái xe nói, về miễn cưỡng, rồi đút hai chiếc gói vào túi. - Con sẽ không nói gì với Thắng về bố.

- Nhưng thật đấy chứ? - Ông Thìn hỏi.

- Thật.

- Cháu thề đi!

- Thề gì cơ? - Anh kia ngạc nhiên hỏi.

- Thề rằng cháu sẽ giữ bí mật.

Anh lái xe phá lên cười, rồi vừa đi về phía xe, anh ta vừa nói to:

- Báo cáo với bố, con xin thề! Chào bố!

Chiếc xe rú máy rồi phóng đi. Ông Thìn đứng nhìn theo, mỉm cười, lắc đầu:

- Một thằng cha lão lếu! Thế nào rồi nó cũng bô bô hết mọi chuyện cho mà xem.

## 5

Ngồi trên chuyến ô-tô chiều Hoà Bình - Hà Nội, ông Thìn băn khoăn mãi không biết có nên nói cho vợ biết ông đã ghé vào công trường hay không. Ông cũng băn khoăn cả việc, về nhà, nên lên chợ huyện mua khung để treo bằng khen của thằng Thắng, hay

sang thuê ông hàng xóm đóng, có thể sẽ không đẹp bằng, nhưng lại rẻ, và điều quan trọng nhất là muốn to bao nhiêu tùy ý.

*Sông Đà, tháng 3-1984*

*Quảng Ninh, 4-1984.*

## NGƯỜI MỸ MẶC THƯỜNG

"Tôi là Clác, Henri Clác. Cựu chiến binh ở Việt Nam. Hơn thế, tôi là kẻ phạm tội, một tên giết người. Giết đồng bào ông. Đúng thế, và chính vì điều đó hôm nay tình cờ gặp ông, một người Việt Nam ở phía bên kia, tôi muốn được nói đôi điều.

Tôi nhập ngũ năm 1966, khi còn học dở khoa Luật trường Đại học Tổng hợp Flôrida. Tất cả xảy ra thật tình cờ và nhanh chóng. Một hôm, có người từ Oasinhton tự giới thiệu là đại diện của Nhà Trắng đến trường tôi nói chuyện. Phải công nhận ông ta là một người biết nói, một nhà hùng biện thực sự. Trong suốt ba tiếng liền, ông ta nói một mạch không nghỉ về cuộc chiến tranh bảo vệ tự do ở Việt Nam, về sứ mệnh lịch sử của người Mỹ nói chung và của thanh niên chúng tôi nói riêng đối với cuộc chiến tranh đó. Những lần nói chuyện như thế kể ra không phải hiếm ở trường tôi, nhưng lần này tôi đã xúc động thật sự. Kết quả là ngay hôm đó tôi đã tìm gặp diễn giả, bảo ông ta tôi muốn tình nguyện sang Việt Nam chiến đấu, bảo vệ những gì ông ta vừa nói một cách rất hay và say sưa kia. Cho đến bây giờ, tôi cũng không thật hoàn toàn hiểu rõ tâm trạng của tôi lúc đó. Không hiểu cả việc vì sao tôi quyết định một cách cương quyết và vội vã như vậy.

Ba tháng sau khi viết đơn tình nguyện nhập lính, tôi đã có mặt ở Việt Nam, tức là cuối tháng Tám năm 1966. Tôi được sung vào một đơn vị lính thủy đánh bộ, và chẳng qua một lớp huấn luyện hay tập trận nào, tôi được đưa thẳng đến Đà Nẵng. Tôi không ngờ mọi việc xảy ra nhanh và đơn giản như vậy. Thì ra -

sau này tôi mới biết - là nghe tin, biết không cản được, bố mẹ tôi đã dứt tiền xin cho tôi một chân "văn phòng" ở bộ tham mưu nào đó để khỏi ra trận, và yêu cầu cho tôi sang Việt Nam sớm để nhanh chóng hết hạn trở về Mỹ.

Thế là tôi được làm thư ký riêng cho Mác Phécxơn, một đại tá trẻ phụ trách công tác bình định ở các mặt trận phía Bắc, chuyên đóng chốt ở Đà Nẵng, hoạ hoàn lắm mới dùng trực thăng thị sát tình hình hay về Sài Gòn hội họp.

Công việc của tôi nói chung không có gì phức tạp. Tôi chỉ phải thỉnh thoảng làm một bản tổng hợp tình hình dựa trên tin tức các nơi gửi về cho Mác Phécxơn. Tôi mau chóng chiếm được cảm tình của ông ta, lại có văn hoá, nên nhiều lần được giao cả việc thảo các báo cáo quan trọng gửi lên cấp trên, ông ta chỉ xem lại lần cuối. Nhưng dần dần, tôi bắt đầu thấy chán cái công việc nhẹ nhàng, dễ dãi và quá yên tĩnh ấy. Tôi muốn một cái gì sôi động và mạo hiểm hơn. Lấy cớ đi nắm tình hình thực tế, tôi xin phép Mác Phécxơn thỉnh thoảng được theo trung đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ đóng cạnh tham gia các cuộc hành quân bình định. Ông ta đồng ý. Trước đó, ở đây tôi đã kịp bắt bạn với một sĩ quan trẻ là trung úy Giêm Frăngclin. Giêm là một tay táo bạo và cũng thích phiêu lưu như tôi. Tôi nhiều lần theo anh ta ra các vùng xung quanh Đà Nẵng.

Trong các cuộc hành quân đó, lúc đầu tôi chỉ đóng vai một người quan sát, nhưng sau thì tham gia thực sự như những người khác. Mục tiêu của chúng tôi là những vùng được nghi có nhiều Vi-xi hoạt động phá rối. Chúng tôi phải tiêu diệt họ để đội quân bình định đến gom dân lập ấp chiến lược. Dần dần, tôi cũng bắn, cũng giết và đốt phá như những người xung quanh. Thật ra, lúc đầu tôi có hơi ngại ngại đôi chút, nhưng cái cảm giác ngại ngùng ấy cũng chóng trôi qua vì tôi nghĩ, trước hết, chiến tranh là chiến tranh, anh không bắn, người ta cũng bắn anh. Sau nữa, phải thú nhận rằng mỗi lần được bóp cò, được châm lửa đốt nhà, tôi lại có cái cảm giác lâng lâng khó tả. Tôi bị kích thích. Một bản năng tàn bạo nào đấy trỗi dậy trong tôi. Những lúc như thế, tôi chợt nhớ

lại các sách báo và phim ảnh ly kỳ, rùng rợn mà tôi đã đọc và thấy rất nhiều ở Mĩ. Tôi lấy làm tự hào vì chính mình bây giờ cũng là một nhân vật anh hùng như thế. Nghĩa là tôi đang say, say với đúng nghĩa thật của nó, tức là vì rượu - trong những cuộc hành quân ấy, bao giờ tôi cũng uống, và uống nhiều. Tôi say cả với các ảo ảnh ngây ngất của chính bản thân. Cứ thế, tôi tiếp tục sống trong cơn say ấy của mình và gây tội ác. Vâng, gây tội ác mà không hề ý thức gì về điều đó. Chắc chắn tôi sẽ còn lăn thêm trên con đường dốc ấy, nếu không nhờ một hôm, một việc xảy ra làm tôi tỉnh ngộ..."

Người đang ngồi trên mặt tôi ngừng nói. Ông ta trạc bốn mươi tuổi, tóc cắt ngắn nhưng chải mượt, chiếc khăn mỏng màu xanh lơ gấp nếp dặt lé trên chiếc túi áo vét. Ông là Henri Clac, người Mĩ, cựu chiến binh như ông ta, dù không ai hỏi, đã tự giới thiệu.

Vào một trong những đêm trắng nổi tiếng ở Leningrát, khi tôi đang ngồi một mình uống rượu và nghe nhạc trong khách sạn "Tháng Mười" thì ông ta tìm đến để làm quen. Hình như ông ta đã theo dõi tôi từ trước, chọn lúc tôi ngồi một mình đến để bắt chuyện. Sau ít câu mào đầu xã giao, ông ta đã bắt đầu ngay câu chuyện tự bạch này của mình. Chắc ông ta ấp ủ nó từ lâu và đang rất cần được nói ra. Tôi vốn tốt nghiệp đại học ngoại ngữ Mátxcova, lúc ấy, chính xác là tháng Bảy năm 1975, tôi được cử làm phiên dịch tiếng Nga - Anh cho một đoàn cán bộ của Miền Nam đang ở thăm Liên Xô và Thụy Điển.

"Vào một đêm hè nóng nực, khoảng mười tháng kể từ ngày tôi rời Mĩ, - Henri kể tiếp. - Giêm được lệnh dẫn một đại đội đến "trừng phạt" một làng nhỏ, rất tiếc tôi không nhớ tên, cách Đà Nẵng đâu hơn năm mươi cây số, vì làng này trước đó mấy ngày đã bất ngờ nổ súng giết chết ba cố vấn Mĩ, một trung tá Việt Nam và cả tiểu đội lính đi theo bảo vệ. Đó là một vùng an toàn. Ngay sau khi sự việc xảy ra, một trung đội Việt Nam Cộng hoà được phái đến, nhưng bị du kích làng này đánh trả và suốt ngày không tài nào vào được. Vì thế mới phải điều đại đội lính thủy đánh bộ



Mĩ do Giêm chỉ huy. Tôi theo Giêm hành quân, đến nơi thì trời gần sáng. Như trong những trường hợp tương tự, Giêm gọi pháo cho giã hồi lâu vào làng, và chỉ khi tin chắc trong làng không còn ai sống sót, anh ta mới đốc quân lò dò tiến lên. Lần này, quả đúng trong làng không còn ai thật. Cây cối bị chặt ngang, tơi tả. Nhà đổ sập, mặt đất bị đạn pháo cày tung nham nhở. Tuyệt không thấy một bóng người nào. Xác chết cũng không. Thì ra hầu hết dân trong làng đã bỏ đi nơi khác từ đêm trước. Bực mình vì không còn ai dể trừng phạt, lại bị cái nóng dày vò, chúng tôi ôm súng đi lang thang khắp làng, gặp cái gì bắn cái ấy, thậm chí suýt làm chết một tên trong trung đội lính nguy hiểm làm nhiệm vụ "dò đường" vào làng trước đó, bây giờ đang toả đi vơ vét nốt số gà lợn người ta chưa mang đi kịp.

Tôi theo Giêm sục vào một chiếc nhà lợp tôn nhỏ may mắn còn chưa bị đạn pháo phá sập. Vì nó lợp tôn nên tôi không thể dễ dàng châm lửa đốt như các nhà khác. Điều này làm tôi rất tức giận. Trong nhà không có ai. Giêm lia một băng vào bức ảnh chụp một ông già mặc áo dài đen, quần trắng, khăn xếp, hai tay để yên trên đầu gối, đang mỉm cười nhìn chúng tôi từ trên tường. Tôi cũng lia một băng tiếp theo vào nải chuối và mấy quả quýt bằng nhựa phủ đầy bụi trên bàn thờ. Cả tôi và Giêm hôm ấy uống nhiều hơn ngày thường. Uống trước khi rời căn cứ, trước khi xông vào làng, và cả bây giờ, giữa đông đảo nát này. Chúng tôi thấy chân tay ngứa ngáy. Phải bắn, phải phá, phải giết một người nào đó. Vì ý muốn trả thù cho những đồng chủng bị giết hại ư? Vì tự do? Vì lý tưởng? Có thể. Nhưng điều quan trọng nhất là lúc ấy chúng tôi thấy mình là những người chiến thắng, những người anh hùng thực sự, có sức mạnh và có quyền trừng phạt đối thủ.

Trong khi Giêm lục lọi trong nhà, tôi bỏ ra phía sau. Một quả pháo rơi trúng vườn, khoét sâu một hố khá lớn. Đất đỏ bắn ra bốn phía. Ở góc vườn, cách chỗ tôi đứng hơn chục mét, có mô đất nhô cao, bên cạnh là một bụi cây rậm. Tôi ngật ngưỡng bước lại gần, ngón trở tay phải luôn để sẵn trên cò súng khẩu tiểu liên mới toanh.

Bất chợt, tôi đứng sững lại. Trước mặt tôi là một đứa bé gái độ sáu tuổi, tóc rối xoã, đang thút thít khóc bên xác một người đàn bà nằm sấp, đầu và lưng bị trúng đạn, đầy máu. Tôi không nhìn rõ mặt, nhưng đoán có lẽ là mẹ hay là bà nó. Bà này nằm vắt trên miệng một chiếc hố vôi đã cạn nước, còn đứa bé thì ở phía dưới. Nó mặc chiếc quần đen dài, không áo, người lem luốc đất và nhọ. Thấy tôi và khẩu súng đang chĩa về phía nó, con bé ngẩng lên nhìn với đôi mắt mở to ngơ ngác, như muốn hỏi tôi là ai và tại sao lại ở đây. Tôi cũng đứng im, nheo mắt nhìn nó. Cứ thế kéo dài một lúc lâu. Tất nhiên, trong suốt thời gian ấy, khẩu tiểu liên cực nhanh của tôi cũng nhìn nó bằng con mắt duy nhất, mở to và bất động của mình. Nó hết nhìn tôi lại nhìn khẩu súng. Cuối cùng nó hiểu. Nó bỗng co rúm người, kêu to một tiếng gì đấy tôi không rõ. Rồi vẫn không dám nhúc nhích, với đôi mắt mở to nhưng không còn ngạc nhiên như trước, mà đầy vẻ hoảng sợ, nó lại nhìn như dán vào hòng súng. Nó lần tay sờ sẫm, lê người về phía sau.

Tôi vẫn đứng im. Nghe tiếng kêu, lúc ấy không hiểu từ đâu Giêm chạy ra. Có lẽ sự im lặng làm con bé thêm. Khi đã tới mép bên kia, không thể lùi thêm được nữa, nó đứng khựng lại, hỗn hển thở. Nó vẫn không rời mắt khỏi khẩu súng của tôi. Cuối cùng, bất ngờ cho cả tôi lẫn Giêm, nó bỗng líu ríu nói một câu gì đấy thật dài, rồi nhanh nhẹn bò lên miệng hố. Tôi tưởng nó sẽ bỏ chạy. Nhưng không. Nó đứng sững lại một giây như để cân nhắc lần cuối quyết định của mình, rồi nó rụt rè đi về phía tôi, hai bàn tay bé nhỏ dính đầy đất và máu giơ cao trước mặt. Sau này tôi mới hiểu lúc ấy có lẽ nó chấp tay van lạy tôi tha chết. Giêm là người đầu tiên lên tiếng. Anh ta phá lên cười to, không ngớt miệng kêu "Tốt! Tốt!" Anh ta móc túi lấy chiếc "Canon" tí hon lúc nào cũng mang theo người, chụp ngay cái cảnh ngộ nghĩnh và khá độc đáo này. Tôi quên nói Giêm là một tay rất mê chụp ảnh, và ảnh anh ta chụp nhiều lần được giải, trưng bày trong các cuộc triển lãm ảnh ở Niu Yooc và nhiều nơi khác trên nước Mỹ. Còn tôi thì lúc ấy vẫn đứng yên. Tôi như bị thôi miên, vô tri giác. Ôm chặt khẩu súng trong tay, tôi trân trân nhìn vào đôi mắt mở to của nó lúc này để lộ đủ các thứ tình cảm lẫn lộn - ngạc nhiên, hoảng sợ và hy vọng.

Con bé vẫn từng bước nhích dần về phía tôi. Bất giác, không hiểu sao, tôi cũng lùi lại, mắt vẫn không rời nó. Cả nòng súng cũng vậy. Tôi sợ. Có lẽ thế. Tôi sợ nó động vào người tôi, níu lấy đầu súng của tôi, hay biết đâu, có thể cắn hoặc giết tôi. Thần kinh tôi hết sức căng thẳng. Khi tôi không thể lùi được nữa vì lưng đã chạm tường nhà, cũng là lúc con bé giơ đôi tay xương xẩu và dướn bộ ngực để trần, gầy gò của nó về phía trước trong một hành động tuyệt vọng cuối cùng, tôi bỗng thấy rân rân ở đầu ngón trỏ tay phải. Và tôi... và tôi..."

"Và anh đã bóp cò?" - Tôi nhìn thẳng vào mắt ông ta, hỏi.

Hen-ri không trả lời ngay, khẽ thở dài, hồi lâu nhìn xuống mặt bàn.

"Vâng, và tôi đã bóp cò... Tôi đã giết nó. Nghĩa là chính tôi cũng đã tự giết và cứu sống tôi..." Có lẽ sợ tôi không hiểu, ông ta vội vàng nói tiếp: "Đúng thế, vâng, đúng thế. Tôi giết tôi vì cái chết của đứa bé luôn ám ảnh tôi, không cho tôi có được cuộc sống thanh thoi, bình thường như những người khác. Tôi cứu tôi vì chính nó đã đánh thức tôi dậy khỏi cơn say mù quáng kia, biến tôi thành một người khác hẳn. Mà thôi, để tôi kể ông nghe một cách trình tự những gì xảy ra sau đó. Ông không vội chứ?"

Tôi lắc đầu, và ông ta lại kể tiếp:

"Thế là tôi bóp cò. Một băng đạn bay ra khỏi họng súng, khỏi cái con mắt duy nhất, đen kịt và im lặng kia mà con bé vẫn nơm nớp lo sợ. Tiếng nổ vang, gọn và chắc. Con bé bị bắn vào ngực khi đang giơ hai tay về phía trước. Hai con mắt mở ra nhìn trừng trừng vào tôi, kỳ lạ lắm! Bắn xong, phải một lúc lâu tôi mới bình tĩnh trở lại, mới ý thức hết việc mình vừa làm. Tôi có một cảm giác mơ hồ, khó hiểu như vừa nhớ tay đánh rơi cái gì đấy rất quý. Trước đó, tôi đã từng giết người, nhưng chưa bao giờ có cảm giác như vậy. Bây giờ tất nhiên tôi cố tìm cách tự biện bạch cho hành động của mình. Tôi bắt tôi phải tin là con bé xông lên để giết tôi, và tôi có quyền tự vệ. Không ổn! Vì nó khóc, nó xin tôi cơ mà! Và lại, người nó bé thế làm thế nào với tôi cổ tôi để bóp? Thế thì tại

súng tôi tự động nhả đạn! Nhưng vậy thì sao lại vào nó mà không vào người khác, Giêm chẳng hạn? Hay vì lúc ấy tôi say rượu, và lỗi tất cả chỉ tại cái ngón tay ngu ngốc vô tri giác này ? Tôi bất lực, cau có với chính bản thân mình. Cuối cùng, tôi cũng tìm được cho mình một cái để bầu víu, tuy không chắc chắn lắm. Tôi lập luận rằng là lính, tôi phải bắn vào đối phương, phải biết tàn bạo, không nên và không có quyền tỏ ra mềm yếu, dù một trước một đứa bé. Và để chứng minh cho ý nghĩ đó của mình, tôi liền nâng súng lia khắp nơi, thậm chí còn hò hét, quát tháo mọi người làm theo. Thật ra, tôi đã thâm biết trước tất cả những việc ấy là gượng gạo, và tiếng súng, tiếng quát của tôi không thể át nổi một tiếng gì đó, mơ hồ, nhỏ nhẹ thôi, nhưng đang nằm sâu trong đáy lòng và bắt tôi trở lại với chính cái tôi thật của mình.

Lúc đầu tôi nghĩ có lẽ tôi đang bị một cú "sốc" về tinh thần, thậm chí hy vọng nó sẽ nhanh chóng trôi qua cùng thời gian và hoàn cảnh. Tôi xin phép Mác Phécxơn đi nghỉ Đà Lạt hai tuần. Ở đấy, tôi cố quên mình trong các trò giải trí như tất cả các sĩ quan Mĩ khác từ các nơi về đây sống và hưởng thụ gấp cho bỏ những ngày căng thẳng và nguy hiểm ở mặt trận. Nhưng kết quả không như tôi mong đợi. Tôi bắt đầu nghi ngờ về những suy nghĩ của mình. Như ông biết, từ nghi ngờ bản thân chuyển sang nghi ngờ cái khác cũng là điều dễ hiểu. Cùng một sự việc, một hiện tượng, trước kia và bây giờ tôi nhìn khác nhau. Mỗi lần nghe súng nổ, ngón trỏ tay phải tôi lại rên rên, và trước mắt lại hiện lên hình ảnh đứa bé Việt Nam kia. Hơn thế, chính hình ảnh ấy với đôi mắt nhỏ trừng trừng nhìn lên đã buộc tôi suy nghĩ lại về dân tộc Việt Nam mà nước Mỹ chúng đang tiến hành chiến tranh chống lại.

Thế đấy, dần dần ý thức chống chiến tranh của tôi được hình thành. Nó bắt đầu từ một sự kiện ngẫu nhiên có tác động mạnh mẽ về tâm lý, tiếp đến là một quá trình nghi ngờ, dằn vặt, chán nản, cho đến khi tìm ra được phần nào sự thực. Tôi nghĩ nói chung, về bản chất, phần lớn những người Mĩ sang gây tội ác ở Việt Nam là những người tốt. Có điều, họ bị lương gặt, bị các động cơ viển vông và sai lầm chi phối như trường hợp của tôi, bị

ru ngủ trong cơn say của rượu, tiền bạc, chủ nghĩa anh hùng mù quáng và cái gọi là "vai trò lãnh đạo" của nước Mĩ. May mà tôi kịp tỉnh ngộ... "

"Nhưng ông không nghĩ cái giá để đánh thức các ông dậy ấy là quá đắt à? - tôi nói xen vào. - Cái giá đó chính nhân dân chúng tôi phải trả. Ông xem, nếu để một người lính Mĩ thức tỉnh, một đứa bé như thế phải chết, thì..."

"Vâng, tôi hiểu. Tất nhiên là không thể như thế. Tôi bị dằn vặt, ông biết, ấy thế mà nhiều khi tôi vẫn nghĩ cái ngày đáng nguyên rủa kia cũng không phải không có ích cho tôi. Ông thử tưởng tượng xem, nếu tôi không gặp đứa bé ấy, không buộc phải một lần bắt mình nhìn xuống đôi tay mà suy nghĩ... Nếu tôi cứ thế tiếp tục sống trong cơn say mù quáng ấy và cứ thế tiếp tục đốt, giết, mà không hề nghĩ mình sai, mình đang đốt, giết... Thật kinh khủng!"

Henri Clac ngồi im lúc lâu, hai tay để hằn lên mặt bàn, ngón trỏ tay phải trắng, khá thon và dài miết miệng chiếc cốc cao cổ bằng pha-lê trong suốt. Bất giác, trước mặt tôi chợt hiện lên khuôn mặt lem luốc với đôi mắt mở to đầy hoảng sợ của một bé gái đang chấp tay van lạy một thằng lính Mĩ to lớn đứng giết nó. Rồi đứa bé ấy biến mất, nhường chỗ cho tượng Đức bà Maria với đôi mắt xanh cũng ngược nhìn lên với hai tay khép vào nhau trước ngực. Rồi bà ta cũng biến đi nốt, và kia, xác hai đứa bé, cũng gái, một bảy tuổi, một ba tuổi đều là con bác tôi, đang ôm nhau ngủ trong nhà. Máy bay Mĩ ập đến ném bom na-pan, không chạy kịp, chúng bị thiêu cháy, đen xít và nham nhở như hai đoạn gỗ ngắn đang cháy dở. Lúc đó là đầu năm 1967, đúng dịp tôi về phép thăm nhà. Chính tay tôi tự bới trong đồng tro dội nước còn bốc khói để tìm xác hai đứa cháu. Không hiểu lần ấy thằng Mĩ ném bom làng tôi có bị hai cái chết này thức tỉnh, ám ảnh như đối với ông người Mĩ đang ngồi trước mặt tôi hay không ? Chắc là không, vì hắn bay cao quá, nhanh quá, và có lẽ tiếng khóc yếu ớt của cháu tôi cũng khó mà át nổi tiếng rú máy bay phản lực để lọt



vào tai hắn. Phải chăng vì thế mà hắn có quyền yên tâm bay tiếp, bắn phá tiếp? Đôi mắt tôi vô tình lại dừng lại trên ngón trỏ tay phải của Henri.

"Ông kể tiếp đi" - tôi nhắc ông ta.

Henri vẫn ngồi im như không nghe tôi nói, mãi lúc sau mới lên tiếng:

"Cuối cùng, tôi quyết định bỏ về Mĩ. Càng sớm càng tốt. Trước hết để xa lánh cái cuộc chiến tranh mà tôi chán ghét này. Ngoài ra còn nhiều nguyên nhân khác, và một trong những nguyên nhân đó là đôi mắt của đứa bé.

Tuy còn mơ hồ, nhưng có thể nói lúc ấy tôi đã quyết định rời Việt Nam như một người lính phản chiến. Tôi không muốn tiếp tục lặp lại những điều mà trước đây vô tình mắc phải. Tôi muốn làm việc gì đó khác hẳn để chứng tỏ với lương tâm, rằng tôi đã nhìn thấy sự thật, đã thay đổi và đang thực sự muốn hồi cải. Thế nhưng oái oăm thay, mọi việc xảy ra không như tôi muốn".

"Sao, - tôi hỏi, - lúc ấy ông không về Mĩ được à?"

"Có. Ba tháng sau tôi có cái quyết định ấy. Tôi đã về Mĩ, về vĩnh viễn, nhưng tiếc thay lại bằng cách khác. Trong một chuyến bay quan sát trận địa, trực thăng của chúng tôi trúng đạn. Mác Phécxơn và một thiếu tá cùng đi chết ngay. Còn tôi và viên phi công bị thương nặng. Tôi bị gãy một chân, gãy hẳn, tận đầu gối. Khi tỉnh lại, tôi thấy mình đang ở bệnh viện. Và thế là, ra viện, tôi trở về Mĩ với một chiếc chân giả, một huân chương mà tôi được thưởng sau vụ tai nạn ấy, và, không nói ông cũng biết, còn với cả một tấm lòng nặng trĩu. Tôi định bỏ về Mĩ với ý định như đã nói, để phản đối chiến tranh, thế mà nay, trong giấy xuất ngũ lại ghi rõ rằng tôi là quân nhân về nước vì "không còn khả năng phục vụ trong quân đội". Tôi đã là người thừa ở đất Việt Nam này, vì tôi "không còn khả năng phục vụ", nghĩa là không thể tiếp tục càn quét, bắn giết, đốt phá..."

Henri tỳ một tay vào cằm, dáng trầm ngâm.

"Vâng, thế là tôi về Mĩ, với một tâm trạng khác hẳn lúc đi. Tôi rất buồn và khổ tâm, nhất là thời gian đầu. Tôi không thể bình tĩnh nhìn con tôi như những người bố khác nhìn con mình, vì mỗi lần nó giơ tay đòi bá cổ, trước mặt tôi lại hiện lên hình ảnh đôi tay bé nhỏ dính đầy cát và máu của đứa bé gái Việt Nam họ. Nhiều khi tôi cứ nghĩ tất cả có lẽ tại do tôi quá đa cảm và mềm yếu. Phải cứng rắn, phải gạt bỏ tất cả những gì có liên quan đến quá khứ, và chỉ sống với hiện tại, nếu cần, bất chấp cả lương tâm, đạo đức mà sống. Tôi đã thử, và thú thật với ông, làm thế, tôi cũng quên được phần nào, nhưng quên hẳn thì không bao giờ. Xã hội Mĩ phải khổ sở vì "hội chứng Việt nam". Trong tôi cũng có một hội chứng tương tự.

Cũng với mục đích xóa hết quá khứ, tôi tìm gặp Giêm để xin lại chiếc ảnh kia, nhưng anh ta không chịu. Giêm bảo đó là một bức ảnh độc đáo, và anh ta sẽ gửi nó tới một cuộc triển lãm ảnh sắp tổ chức ở Lốt Angiolet. Cuối cùng, tôi phải bỏ tiền ra mua, với giá ngang bằng giải thưởng lớn nhất - 15.000 đô-la. Tôi không trách Giêm. Tiền tôi không thiếu. Tôi chỉ muốn một điều là nếu không vứt bỏ được con bé kia khỏi đầu tôi, thì ít ra cũng phải huỷ hết tất cả những gì còn lại có liên quan đến nó và cả cuộc chiến tranh Việt Nam nói chung. Nhưng khi cầm tấm ảnh trong tay, tôi mới biết tôi nhầm. Tôi không thể xé nó được, cũng như không thể tự bắn vào đầu mình để huỷ bỏ cái nhân chứng lớn nhất của việc làm ghê tởm đó. Thành ra từ đấy tôi phải luôn giữ tấm ảnh ấy trong người, giữ kỹ như một báu vật, mặc dù tôi muốn... rất muốn không có nó. Đây, nó ở đây, cạnh trái tim tôi. Tôi không thể giấu nó ở nơi nào khác... Tôi lấy ông xem nhé?"

Không đợi tôi trả lời, ông ta móc túi trong áo vét, rút ra một tấm ảnh đen trắng to bằng lòng bàn tay, được ép plastic cẩn thận. ảnh chụp khá rõ nét, và nói chung đúng như những gì Henri đã kể.

"Tôi không hiểu tại sao lúc ấy nó không bỏ chạy. Nếu nó chạy, chắc tôi chẳng bao giờ bắn nó"



Tôi đặt tấm ảnh lên bàn. Henri ngược nhìn lên, có lẽ muốn xem thái độ tôi thế nào, rồi cẩn thận cất tấm ảnh vào ví, ông ta kể tiếp:

"Muốn hay không, tôi cũng phải thừa nhận rằng tôi không thể trốn tránh trách nhiệm của mình, và rằng lương tâm nhất định sẽ không để tôi yên. Phải làm một việc gì đó. Đúng. Thế là tôi bắt đầu tham gia các cuộc biểu tình chống chiến tranh ở Việt Nam. Thời sinh viên, tôi đã có lần tham gia những cuộc biểu tình như thế, nhưng chưa có một ý thức chính trị rõ rệt. Bây giờ thì khác hẳn. Tôi không muốn thanh niên Mĩ vô tình lặp lại bi kịch của tôi trên một đất nước mà những con người ở đó xứng đáng được khâm phục và kính trọng. Tôi phải đánh thức họ dậy, ngay ở đây, trên đất Mĩ, khi họ còn chưa kịp gây tội ác. Tôi phải góp phần bắt chính phủ nước tôi chấm dứt cuộc chiến tranh mà chúng tôi vẫn quen gọi là "bắn thủ". Cứ thế, trong nhiều năm liền tôi hoạt động khá tích cực, thậm chí còn được bầu vào Ban chấp hành phân hội "Những người bạn Việt Nam " của bang Florida quê tôi. Đây ông xem... - Ông ta lại vội vàng mở ví lấy ra một tấm bìa màu đỏ, chìa cho tôi.- Và nhân tiện, cả đây nữa. Đây biên lai ghi nhận số tiền tôi ủng hộ Việt Nam"

Tôi đưa mắt liếc nhanh những con số được đánh máy cẩn thận bằng mực đỏ, trên một tờ giấy mỏng màu vàng nhạt; 500, 1.000, 3.000 đô-la... Vừa cất các giấy tờ túi, Hen-ri vừa kể tiếp:

"Phải nói là trong quá trình tham gia các hoạt động chống chiến tranh, tôi thấy phần nào đỡ bớt rứt hơn. Tôi hầu như dành toàn bộ thời gian để hội họp, mít-tinh, biểu tình hay tuyên truyền cho Việt Nam. Nhưng, ông biết không, cũng trong suốt mấy năm liền như thế, một nỗi lo sợ mơ hồ, hay đúng hơn, một ngọn lửa cháy âm ỉ, dai dẳng, đôi lúc bùng lên thiêu đốt tâm trí tôi. Đó là việc tôi vẫn dấu kỹ quá khứ tội lỗi của mình ở Việt nam. Tôi không muốn và không đủ can đảm tự thú mình là một tên giết người. Nhưng ác thay, nhu cầu cần được thổ lộ một ngày một lớn dần trong tôi, như cái thai đến ngày, nhất định đòi được ra khỏi bụng mẹ".

Henri vừa nói đến đây thì có chuông báo giờ đóng cửa. Gian phòng đã vắng khách, chỉ lác đác một vài bàn có người đang khẽ nói chuyện và cũng như chúng tôi, miễn cưỡng đứng dậy, tỏ ý luyến tiếc vì câu chuyện bỏ dở.

Trước khi về phòng, Henri nắm chặt tay tôi, cười như xin lỗi:

"Hôm nay tôi không làm ông mệt vì phải nghe nhiều thế chứ? Tiếc là đã muộn quá. Ngày mai, nếu có thể, ta lại gặp nhau, và ông cho phép tôi kể nốt phần còn lại". Rồi ông ta gõ chiếc chân gỗ xuống sàn nhà, tập tễnh đi về phía chiếc thang máy với những chấm đèn khi xanh khi đỏ.

Sáng hôm sau, tôi phải theo đoàn về Matxcova dự hội nghị năm ngày. Trở lại Leningrát, ông lão trực khách sạn vốn ưa chuyện, vừa thấy tôi đã nói ngay:

"Ồ, tiếc quá, giá biết hôm nay các ông về, tôi đã báo ông Henri ở lại, ráng chờ thêm chút nữa. Cái ông người Mĩ chân gỗ, có nét mặt buồn buồn ấy mà, ông nhớ chứ? Ngay sáng các ông đi, ông ấy đến tìm tôi hỏi thăm về ông. Nghe tôi báo các ông vừa đi Matxcova không hẹn cụ thể ngày về, ông ấy buồn lắm. Chắc có chuyện gì quan trọng muốn nói với ông. Ngày tiếp theo, mấy người bạn Mĩ cùng đi với ông ta đáp máy bay đi Talin, nghe đâu họ định tham quan hết một loạt các thành phố lớn ven bờ Bantích cơ đấy. Chà, mùa này ở đây thì tuyệt. Ông đã bao giờ tới đây chưa?"

Tôi gật đầu, cố tình nhìn đồng hồ để nhắc khéo ông già tốt bụng này là tôi đang bận, xin ông nói ngắn gọn. Hình như hiểu ý tôi, ông lão cẩn thận đeo kính, rút ở ngăn bàn ra một chiếc phong bì màu nhạt đưa cho tôi, và có lẽ do thói quen nghề nghiệp, ông lão không quên mỉm cười, thậm chí còn hơi cúi người về phía trước:

"Hôm qua, trước lúc lên đường, ông ta có nhờ tôi chuyển giùm ông cái này"

Tôi cảm ơn rồi lên thang máy về phòng. Vẫn để nguyên cả quần áo, tôi ngồi xuống bàn, mở thư đọc.

"Thưa ông,

Thế là tôi đã nói hết, hay ít ra cũng gần hết câu chuyện của tôi cho ông nghe. Bây giờ, quả lòng tôi nhẹ nhõm hơn nhiều. Tiếc là trước khi lên đường về Mỹ, tôi không được gặp ông lần nữa để kể nốt câu chuyện, và nếu có thể, nhờ ông một việc nhỏ. Đó là việc giúp tôi giải quyết bức ảnh kia. Phải nói rằng ngay từ lúc mới gặp ông, tôi đã có ý định xin được chụp chung một bức ảnh thân mật với ông, và tôi sẽ giữ nó làm kỷ niệm, còn bức ảnh kia, tôi sẽ tặng ông, hay nhờ ông giữ hộ, cũng gọi là để kỷ niệm chúng ta đã quen nhau. Tức là ý tôi muốn qua đó có thể tự an ủi rằng tôi đã được xá tội.

Bây giờ trở về nước, tuy không được chụp ảnh cùng ông, nhưng lòng tôi thanh thản hơn, và không hiểu sao tôi vẫn nghĩ là ông tin tôi, thông cảm hoặc thậm chí đã tha lỗi cho tôi. Tôi biết người Việt Nam các ông luôn là nạn nhân của đủ loại xâm lược, áp bức, do vậy các ông phải luôn cảnh giác, cứng rắn để chiến đấu tự bảo vệ mình. Nhưng các ông cũng là những người có trái tim biết tha thứ và giàu lòng độ lượng. Lịch sử dân tộc các ông đã chứng minh điều đó. Một phần do tin như thế nên tôi mới mạnh dạn nói chuyện với ông. Còn bức ảnh, lúc này nghĩ lại, tôi quyết định vẫn trao cho ông, nhưng với một ý nghĩa hoàn toàn khác. Không phải tôi sợ giữ nó trong người, mong ông đừng hiểu nhầm. Tôi muốn sử dụng nó vào việc khác có ích hơn, cho các ông và cả cho tôi. Ông hãy mang tấm ảnh này trưng bày ở viện bảo tàng chống tội ác chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam. Tôi sẽ sẵn sàng chịu đựng tất cả, miễn sao cái việc tôi đã làm sẽ không còn lặp lại, bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào.

Thế là chiến tranh đã chấm dứt trên đất nước các ông. Trong suốt hàng chục năm qua, Việt Nam đã là hòn đá thử vàng, là tiêu chuẩn đánh giá nhiều hiện tượng xã hội và giá trị tinh thần của người Mỹ. Bây giờ Việt Nam vẫn còn là một thử thách, một món nợ, một đòi hỏi day dứt nhưng cũng rất chính đáng đối với lương tâm nước Mỹ và mỗi công dân của nó. Riêng tôi, Việt Nam đã đến như một điều bất hạnh, nhưng đồng thời, Việt Nam

cũng đến với tôi như một điều tốt lành. Đất nước này đã đánh thức tôi dậy, bắt tôi phải suy nghĩ, và điều quan trọng nhất là giúp tôi trở lại con đường lương thiện.

Thưa ông, có lẽ điều cuối cùng tôi muốn tâm sự thêm với ông, là việc tôi vẫn nuôi hy vọng một ngày nào đó có thể tôi sẽ được trở lại Việt Nam, tất nhiên với tư cách một người bạn, một người khách đến xin lỗi chủ nhà vì việc làm xấu ngày xưa của mình. Lúc ấy, thế nào tôi cũng sẽ tìm đến chỗ tôi đã giết con bé. Còn bây giờ, để cái ngày ấy chóng đến, tôi lại sẽ về Mỹ, làm tiếp công việc của mình ở giai đoạn sau Việt Nam này, tức là tích cực tham gia các phong trào quần chúng, đấu tranh bắt chính phủ chúng tôi phải góp phần hàn gắn những đổ vỡ do chính mình gây nên ở Việt Nam, đồng thời vạch trần những luận điệu tuyên truyền, nói xấu đất nước các ông, mà rất tiếc hiện nay một số giới nhất định ở Mỹ và nhiều nơi khác đang cố làm âm ỉ.

Kính chào ông,

Henri Clac".

*Thành phố Hồ Chí Minh, 1979.*